

Viện Văn hóa

Tết năm mới ở Việt Nam



Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin - H.1999

VIỆN VĂN HÓA

TẾT
năm mới ở Việt Nam

Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin - H.1999

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	5
Phần I. Tết Nguyên Đán của người Việt	7
<i>Mở đầu</i>	8
0.1. Tết và Tết Nguyên Đán	9
0.2. Mười hai con giáp	10
0.3. Tín ngưỡng của người Việt	11
0.4. Tết với tư cách là một hình thái của văn hóa dân gian	13
<i>Chuẩn bị đón tết</i>	15
1.1. Tiến tảo quân về trời	15
1.2. Dưng nêu	18
1.3. Sắm Tết	20
1.4. Các phong tục tất niên	41
<i>Vào tết</i>	48
2.1. "Tối như đêm ba mươi"	48
2.2. Lễ giao thừa: Tống cựu - Nghênh tân	49
2.3. Một số tục lệ sau giao thừa	56
2.4. Những tục lệ cổ truyền trong những ngày Tết.	61
2.5. Các hình thức giải trí dân gian ngày Tết.	68
<i>Kết luận</i>	78

Phần II. Tết năm mới của một số tộc ít người	79
Đặc điểm của tết năm mới các tộc ít người ở Việt Nam - <i>Trần Bình Minh</i>	80
Tết năm mới cổ truyền của người Chăm (lễ hội Rija Nugar) - <i>Ngô Văn Doanh</i>	124
Xuân Tết với người Dao Đeo Tiễn (Hòa Bình) - <i>Nguyễn Hữu Thúc</i>	139
Tết cổ truyền của người H'mông tỉnh Hoà Bình - <i>Nguyễn Hữu Thúc</i>	160
Một số tập tục trong Tết năm mới của người H'mông - <i>Lương Hồng Chí</i>	183
Tết của người Kơ-me - <i>Nguyễn Ngọc Thanh và Mai Văn Tùng</i>	199
Tết Nguyên Đán của người Kơ mú - <i>Hà Lâm Kỳ</i>	215
Tết đón mừng năm mới của người Mường (tỉnh Hòa Bình) - <i>Nguyễn Hữu Thúc</i>	222
Tết cổ truyền mừng Một tháng Bảy của người Nùng	250
Tết Nguyên Đán của người Tày - <i>Hà Lâm Kỳ</i>	264
Tết của người Thái ở Mai Châu (Hoà Bình) - <i>Nguyễn Hữu Thúc</i>	282

Lời giới thiệu

Truyền thống là nền tảng một nền văn hóa. Truyền thống vốn mang tính ổn định. Tuy nhiên do có sự vận động nội tại và có sự thích nghi với hoàn cảnh lịch sử, nên truyền thống cũng có sự biến đổi. Ở Việt Nam, sự biến đổi đó càng rõ nét trong những thập kỷ gần đây. Khi chiến tranh được chấm dứt, đất nước được thống nhất và bước vào thời kỳ mới: hiện đại hóa, công nghiệp hóa. Nhiều biểu thị chính yếu của văn hóa cổ truyền như lễ cưới, lễ tang, lễ - tết - hội,... đã có sự biến đổi.

Vậy chúng đã biến đổi thế nào? Những gì vẫn được bảo lưu? Để góp phần tìm hiểu vấn đề này, Viện Văn hóa dự định sẽ có loạt công trình về lễ cưới, lễ tang, lễ hội, các tết, trong đó các biểu thị đương đại của chúng được so sánh với các biểu thị cổ truyền.

Tết năm mới ở Việt Nam được các tác giả biên soạn thành hai phần:

- "Tết Nguyên Đán của người Việt " được trình bày như là biểu thị tập trung nhất những gì được coi là bản sắc văn hóa của người Việt, của tâm

cách (Mentality) người Việt. Phần viết này không chỉ sẽ giúp các bạn đọc hiểu rõ hơn về văn hóa của người Việt trong ngày Tết, mà còn sẽ có tác dụng chỉ dẫn những thực hành văn hóa ấy.

- "Tết năm mới của một số tộc ít người ở Việt Nam" được nhiều tác giả trình bày với tư liệu dân tộc học phong phú. Một tư tưởng khoa học rất quan trọng của phần này là sự tìm về cội nguồn của các Tết năm mới của các tộc ít người ở Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á cổ xưa: Tết năm mới liên quan chặt chẽ đến thời điểm chuyển mùa, liên quan đến nông lịch cổ, liên quan đến vụ lúa... Luận điểm này cần phải được củng cố thêm bằng những bằng chứng dân tộc học và cũng có thể có tranh luận khoa học, nhưng chúng tôi cho rằng: *đây là một hướng đi đúng*. Những bài nghiên cứu này chắc chắn sẽ có ích đối với những ai nghiên cứu và quan tâm đến văn hóa dân tộc. Hy vọng rằng, cuốn sách này sẽ đóng góp được phần nhỏ bé của mình trong quá trình *xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* ở Việt Nam.

Hà Nội, tháng 11 năm 1999

PGS.PTS LÊ NHƯ HOA

Viện trưởng Viện Văn hóa

PHẦN I.

**TẾT NGUYÊN ĐÁN
CỦA NGƯỜI VIỆT**

Trần Bình Minh

Mở đầu

0.1 Tết và Tết Nguyên Đán

Từ "Tết" chắc chắn bắt nguồn từ từ "tiết", một từ chỉ thời điểm chuyển đoạn mang tính chu kỳ của thời tiết/ khí hậu. Trong chu trình thời tiết - khí hậu của một năm, có rất nhiều "tiết", và tương ứng với nó là các "tết". (Ví dụ: Tiết 1/1, tiết 3/3, tiết 5/5, tiết 15/7, tiết 9/9... tương ứng với Tết Nguyên Đán, Thanh Minh, Đoan Ngọ, rằm tháng 7, Trung Thu, Trùng Cửu...). Tuy nhiên, hai từ này lại không đồng nhất, bởi vì từ "tết" bao hàm ý nghĩa văn hóa - xã hội rộng lớn hơn: nó nói đến những khuôn mẫu ứng xử của con người với một đối tượng tự nhiên đặc biệt là thời tiết/ khí hậu.

Có thể nói: Tết vừa là một cuộc lễ, qua đó con người bày tỏ kính ý của mình với tự nhiên, vừa là sự kỷ niệm để loan báo, đánh dấu sự chuyển đoạn

mang tính chu kỳ của thời tiết/ khí hậu trong năm (xem Đoàn Văn Chúc, tr.129).

Tết Nguyên Đán.

Theo nghĩa ấy, Tết Nguyên Đán là cuộc lễ và sự kỷ niệm của con người với thời điểm lập lại của chu kỳ thời tiết của cả một năm: hết một vòng bốn mùa, bắt đầu của vòng mới, tức là năm mới. (Theo nghĩa từ nguyên là *bắt đầu, đán là buổi sớm mai. Nguyên Đán là khởi đầu một năm mới*).

Đối với người Việt Nam, Tết Nguyên Đán là Tết quan trọng nhất. Điều này thể hiện ở chỗ: một mặt, bất kể người giàu hay người nghèo, tầng lớp trên hay dưới, có học hay thất học đều phải đón Tết sao cho long trọng nhất (tất nhiên là tương ứng với hoàn cảnh kinh tế của mình)¹. Mặt khác, Tết Nguyên Đán mang đến cho tất cả mọi người một sức mạnh tinh thần không gì có thể thay thế được: đó là sự háo hức đón chờ, sự hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn ở năm mới.

¹ Đối với các Tết khác, người ta (đặc biệt là những người nghèo) có thể quên hoặc không tỏ chức kỷ niệm.

Đối với người Việt Nam, Tết Nguyên Đán quan trọng đến nỗi trong ngôn ngữ thông thường, Tết đồng nghĩa với Tết Nguyên Đán (Ví dụ: "Tết cả", "Sắp đến tết rồi!", "Tết này anh có về quê không?", "Đến tết sang năm nhé!"...).

Sở dĩ Tết Nguyên Đán có ý nghĩa quan trọng như vậy là vì: bên cạnh cái linh thiêng, thần bí (thể hiện ở các nghi thức cúng lễ, cầu xin, các điều kiêng kỵ cũng như những niềm tin trong mỗi con người...), Tết Nguyên Đán còn có tính cứu cánh trần tục của nó.

Tết là dịp để mọi người củng cố, phát triển quan hệ xã hội của mình kể cả việc "hàn gòn" những "ran nứt" do những va chạm trong đời sống thường ngày (thậm chí cả những hận thù cũng được lắng dịu, có khi còn được xóa bỏ).

Như thế, Tết có tác dụng củng cố, gia tăng tính thân thiện của con người với nhau (trong gia đình, họ hàng, trong cộng đồng, trong cơ quan, xí nghiệp...). Điều này các nhà nghiên cứu gọi là "lực cổ kết xã hội".

Không chỉ có thế, Tết còn là dịp để con người tái xác lập quan hệ của mình với tổ tiên, với thần linh. Người Việt xưa và nay vẫn tin rằng: Ngoài

thế giới trần tục này, còn có một thế giới khác của linh hồn, thần linh. Người Việt thường nói: "đương sao - âm vậy". Vì thế, họ ứng xử với tổ tiên, thần linh, ma quỷ theo chính những quy tắc ứng xử của xã hội họ đang sống.

Mặt khác, việc cúng lễ tổ tiên, thần linh trong dịp Tết không chỉ là sự cảm ơn tổ tiên, thần linh về những gì đã đạt được trong năm cũ, hay cầu xin ở họ sự phù hộ trong năm mới, mà còn là dịp để nhắc nhở con cháu một nguyên tắc sống đẹp: "Uống nước nhớ nguồn".

Tết Nguyên Đán là ngày hội ở gia đình. Dù đi đâu, ở đâu, thì đến Tết mọi người Việt nam đều muốn quay trở về ngôi nhà ở quê hương mình, nơi có bố mẹ mình và bàn thờ tổ tiên để đón Tết. Hơn ai hết, những người vì điều kiện nào đó không thể về quê đón Tết được sẽ cảm nhận được nỗi buồn của kẻ tha hương. Đối với họ, Tết là hình ảnh cụ thể, sinh động về gia đình, về quê hương.

0.2 Mười hai con giáp

Cũng giống như đại đa số các dân tộc ở Châu Á, người Việt Nam dùng âm lịch (lịch mặt trăng) và 12 con giáp là đơn vị căn bản được dùng để chỉ giờ, ngày, tháng, năm. Tên gọi của mỗi một năm

là một con vật trong 12 giáp ấy, tên này lại được kết hợp với một trong mười "thiên can". Như thế phải 60 năm thì mới hết một vòng quay, tức là mới có một lần trùng tên.

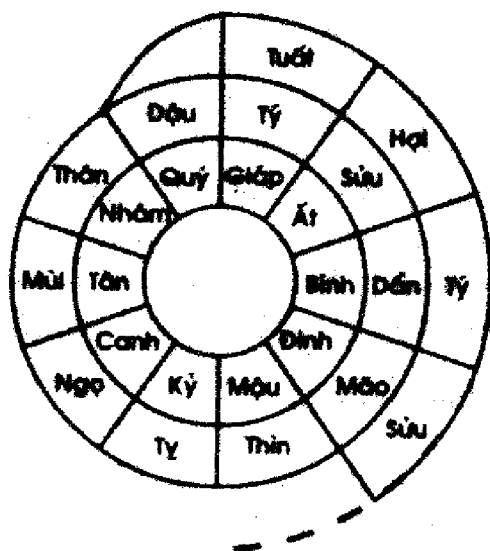
Ví dụ:

1954 : Giáp Ngọ

+60

2014 : Giáp Ngọ

Về cách tính có thể xem sơ đồ sau:



Đối với những người có học ở xã hội xưa (có tri thức về thuật số) thì người ta vận dụng lý thuyết âm- dương, ngũ hành, tức là xem ở sự kết hợp âm- dương, hay tương sinh- tương khắc của ngũ hành để đoán định những diễn tiến kinh tế, chính trị, xã hội của một năm. Nhưng đối với nhân dân (mà ở xã hội nông nghiệp thì đại đa số là thất học) thì những lý thuyết như thế (âm - dương, ngũ hành) là quá cao siêu. Họ nhìn nhận một năm mới với một tư duy loại suy nguyên thủy: căn cứ vào tính cách của từng con vật.

Ví dụ: người ta tin ở một năm con Lợn sự sung túc đầy đủ, ở một năm con Rồng sự phát triển...

Tư duy ấy thấm vào đời sống hàng ngày của người dân, họ tin rằng số phận của mỗi con người phụ thuộc vào ngày tháng năm sinh của con người đó. Ví dụ: Nếu ai đẻ vào năm con ngựa, mà lại đẻ vào buổi tối thì người đó sẽ sướng, vì buổi tối, ngựa không phải chạy nữa, được vào chuồng nghỉ ngơi và ăn cỏ.

0.3 Tín ngưỡng của người Việt

Ở Việt Nam, người ta thấy sự có mặt của những tôn giáo lớn nhất: Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo. Tuy nhiên trong dân gian, người ta khó có

thể phân định rạch ròi chúng, có người gọi hiện trạng này ở Việt Nam là "tam giáo đồng nguyên" hay "tam giáo đồng tồn".

Sở dĩ như vậy là vì:

- Người nông dân thất học không thể tiếp thu được những ý tưởng triết học riêng biệt của từng tôn giáo (mà truyền thống ở Châu Á nói chung là thế, người ta xây dựng một tôn giáo rất ít dựa vào một tư tưởng triết học cao siêu nào đó, mà chỉ dựa vào những đức tin và những thực hành tôn giáo là chính).

- Họ tiếp thu các tôn giáo trên cơ sở tín ngưỡng bản địa của mình, mà ở đây chúng tôi cho rằng đó là tín ngưỡng hồn linh (animism).

Nói cách khác, với cái nền văn hóa dân gian của mình là tín ngưỡng hồn linh, người Việt Nam tích hợp các yếu tố phù hợp vào hệ thống tín ngưỡng - tôn giáo của mình tạo nên một thứ "đồng nguyên" như thế. Điều này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về văn hóa của người Việt, mà ở đây là những biểu thị văn hóa cổ truyền của họ trong những ngày Tết.

0.4 Tết với tư cách là một hình thái của văn hóa dân gian

Khi xã hội phân chia thành giai cấp một cách thành thực thì nền văn hóa của một dân tộc mới được phân chia một cách rõ ràng thành văn hóa bác học và văn hóa dân gian (hay văn hóa của giai cấp thống trị và văn hóa của tầng lớp bị trị). Và thường là, giai cấp quý tộc thống trị, có nhiệm vụ tuyển chọn những khuôn mẫu văn hóa từ dân gian, tiêu chuẩn hoá nó rồi mới phổ cập nó trong đời sống xã hội. Vì thế không có gì là ngạc nhiên khi nhiều khuôn mẫu văn hóa như quan, hôn, tang, tế mang màu sắc của văn hóa quý tộc.

Cũng như mọi hiện tượng văn hóa khác, đón Tết ở Việt Nam được tầng lớp quý tộc thực thao theo những nghi thức mang tính chuẩn mực cao, khác với sự đón Tết của thường dân. Tuy nhiên, xét về tổng thể, Tết cung đình vẫn mang đậm màu sắc dân gian. Nói cách khác, Tết ở Việt Nam về căn bản là hình thái của văn hóa dân gian; người ta khó có thể tìm thấy sự đối chọi trong văn hóa Tết giữa tầng lớp thượng lưu và các tầng lớp bình dân (có chăng chỉ là mức độ sang trọng của lễ vật mà thôi). Như thế, Tết của người Việt về căn bản vẫn bảo lưu những nét cổ truyền của Tết từ thời chưa

có sự phân tách của văn hóa dân gian và văn hóa bác học - Đó là văn hóa dân tộc cổ truyền.

Vì thế, trong tập sách này, chúng tôi trình bày những biểu thị văn hóa của Tết chủ yếu từ góc độ của văn hóa dân gian.

1. Chuẩn bị đón Tết

Thực ra đối với người Việt Nam, Tết Nguyên Đán không chỉ là thời điểm giao thừa, mà là cả một thời gian dài từ 23 tháng Chạp (năm cũ) đến mồng 7 tháng Giêng (năm mới). Có thể so sánh Tết Nguyên Đán của Việt Nam như là lễ Noel của các nước theo Kitô giáo.

Cho đến nay, mặc dầu Việt Nam đã bước sang thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng trong tâm trí của người Việt, khoảng thời gian Tết là hai tuần này vẫn chưa hề thay đổi, chưa hề bị thu hẹp lại. (Mặc dù, nhà nước chỉ cho phép công nhân- viên chức nghỉ ba ngày!).

1.1 Tiên tảo quân về trời

Có thể coi lễ cúng Táo Quân là phong tục khởi đầu trong chuỗi các phong tục cổ truyền của người Việt trong những ngày Tết Nguyên Đán.

Đối với người Việt, ông Táo², hay Táo Công, hay Táo Quân (Vua Bếp) vừa là vị thần che chở (chăm lo việc ăn uống của gia đình, để phòng hòa hoạn); vừa là vị thần giám sát (ông ta ghi chép mọi diễn biến tốt - xấu trong cả một năm của gia đình để "báo cáo" với Ngọc Hoàng). Vì thế, ứng xử của người Việt là vừa biết ơn, vừa "nịnh" Táo Quân.

Cứ đến ngày 23 tháng Chạp, người ta lại đồng loạt sắm lễ vật để đưa ông Táo về châu trời.

² *Sự tích Táo Quân* Ngày xưa có hai vợ chồng, vì quá nghèo, phải xa nhau. Sau người vợ lấy được người chồng khác giàu có. Một hôm, người vợ thấy một người đàn ông đến nhà mình ăn xin, chị ta nhận ra đó là người chồng cũ của mình, hai người ôm nhau khóc kể lể. Đúng lúc ấy người chồng mới về, chị vợ bèn dẫn anh chồng cũ vào đồng rơm. Người chồng mới lại nương con thú mới săn được chính ở đồng rơm ấy. Người chồng cũ vì danh dự người vợ cũ, không chạy khỏi đồng lúa và chịu bị thiêu chết. Người vợ cũ thương tâm quá liền nhảy vào đồng lúa chết cùng. Người chồng mới thương xót vợ, cũng nhảy vào đồng lúa chết luôn. Trơ tráo, ba người vẫn còn trong tư thế chụm đầu vào nhau. Ngọc Hoàng biết chuyện, phong cả ba người làm thần Bếp.

Ngày nay, khi đời sống kinh tế của người dân đã tương đối ổn định và khá giả, tục cúng Táo Quân dường như đã được khôi phục như xưa:

- Về lễ vật: 2 mũ nam, 1 mũ nữ và 3 con cá chép¹ (bằng vàng mã), ngày nay, người ta còn mua cả ba con cá chép nhỏ còn sống rồi thả xuống nước sau khi đã làm lễ. Nhiều nhà chu đáo hơn (có thể là muốn "nịnh" Táo Quân), còn làm thêm cỗ mặn (xôi, gà, rượu) để tiễn Táo Quân, mong họ lên trời "báo cáo" tốt cho mình.

- Làm lễ: người ta bày lễ vật trên một cái bàn đặt ở trước bếp (ngày nay, các gia đình ở thành phố đã đun bếp điện, bếp ga, họ bày lễ vật ngay ở bên bếp), thắp một nén hương, nghiêm cẩn khấn cầu Thần bếp phù hộ cho gia đình mình đầy đủ, may mắn, và tha thứ cho những lỗi lầm (nếu có) mà họ đã mắc phải trong năm qua.

Mẫu văn khấn.

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, thứ XII, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.

¹ Người Việt, người Tàu đều tin rằng: Cá chép sống lâu có thể hóa rồng; ba vua Bếp có thể cưới ba con cá chép đã hóa rồng để bay lên trời.

Nay tin chủ là Tô Văn Ngọc, quê xã Nam Ngạn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, ngụ tại xã Tân Sơn Hòa, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái.

Kính cẩn dâng trâu rươi, trà nước, vàng bạc, đèn nhang hoa quả cùng mọi vật phẩm.

Cung mời

Đức ban gia Thổ Công tại vị ở trước

Đức Thổ Địa thần kỳ tại vị ở trước

Xin chư thần giáng lâm chứng cho lòng thành, phù hộ cho cả nhà gia chủ, từ già đến trẻ, từ đầu năm đến cuối năm, được hưởng phúc bình an, không tai không nạn, không hạn, không ách, đặc tài sai lộc, vạn sự hanh thông.

Thương hưởng^{*}

1.2 Dựng nêu

Người Việt có một phong tục cổ truyền là: cứ đến 30 Tết mỗi nhà dựng một cây nêu trước nhà, trong sân nhà mình.

Nêu được làm bằng cây tre cao, tráy bỏ hết các nhánh, chỉ thừa lại phần đọt (có lá), trên ấy treo

^{*} Toàn Anh - "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", NXB Thanh niên, H 1992, tr 14-15

một số vật tượng trưng, gọi là bùa nêu¹ để trừ tà quỷ (xem Nguyễn Hữu Hiệp, tr. 26).

Người Việt có rất nhiều cách chú giải cây nêu và bùa nêu, điều đó phụ thuộc vào mức độ giao thoa hay tích hợp văn hóa ở từng vùng, từng địa phương. Nơi chịu ảnh hưởng nhiều của đạo giáo thì cho rằng đây là tục treo bùa Đạo từ Trung Quốc; Nơi chịu ảnh hưởng nhiều của đạo Phật thì lại giải thích cây Nêu bằng sự tích sau: Xưa, do lũ quỷ thường quấy nhiễu người (chiếm đất của người) nên người đã cầu xin đức Phật giúp đỡ. Đức Phật giáng lâm, bắt lũ quỷ ấy. Trước khi tha mạng cho chúng, đức Phật treo chiếc áo cà sa lên một ngọn cây cao và dặn rằng: Hễ bóng áo trùm tới đâu thì quý phải lùi tới đó. Với phật pháp vô biên, Đức Phật đã làm cho bóng áo cà sa tỏa rộng trùm kín mặt đất. Từ đó, quý phải lùi ra ở ngoài biển Đông, không dám xâm phạm vào đất đai của người nữa.

Rất tiếc, một phong tục đẹp như thế ngày nay đã bị mai một, những thành ngữ "Nhất pháo kêu, nhì nêu cao" hay câu đối "Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ - Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh" chỉ còn

¹ Xin thêm, Lê Trung Khá "Tết cổ truyền của người Việt".

là những mảnh vụn của văn hóa cổ truyền, những gì "vang bóng một thời"⁶⁶.

Tuy nhiên, lễ hạ nêu lại vẫn là một phong tục còn rất phổ biến, ý nghĩa lễ này không còn sát với nghĩa đen của từ hạ nêu nữa (vì có dựng đầu mà hạ), nó là sự thực hành những nghi thức để kết thúc thời gian tết. (Thường là vào ngày 7 Tết).

1.3 Sắm Tết

Nếu như đối với người theo đạo Thiên chúa, thời gian trước Noel là khoảng thời gian thú vị nhất vì lúc này họ rất cao hứng trong việc mua sắm, thì ở Việt Nam, ở những tuần trước Tết, người ta cũng sắm Tết rất hào hứng; bất kể giàu hay nghèo, người ta mua sắm cứ như là "bắt được tiền" vậy.

1.3.1 Mua sắm đồ ăn Tết

Xưa kia, với nền kinh tế thuần nông bấp bênh, năng suất thấp, người Việt (nhất là ở miền Trung và Bắc Việt Nam) phải dè xén quanh năm. Chỉ đến Tết mọi người mới được phép "tiêu hoang"

⁶⁶ Theo kiến thức của chúng tôi, ở miền Bắc, tục dựng nêu chỉ còn ở một số vùng của xứ Đoài cổ, mà cũng thưa thớt, không phải nhà nào cũng dựng nêu.

một chút và sự "tiêu hoang" ấy cũng nghiêng nhiều về phương diện ăn (theo nghĩa đen: ăn nhiều hơn, ngon hơn, đặc biệt hơn, uống say hơn...). Vì thế trong ngôn từ của người Việt mới có từ Ăn Tết.

Tuy nhiên, về phương diện văn hóa, phải thấy rằng các đồ ăn ngày Tết cũng như cách ăn của người Việt trong những ngày Tết đã thể hiện một truyền thống văn hóa lâu đời và mang tính bản sắc.

Bánh chưng xanh

Truyền thuyết bánh chưng, bánh giầy.

Sau khi vua Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân quốc gia vô sự, muốn truyền ngôi cho con bèn triệu hai mươi vị quan lang và công chúa lại mà phán rằng: "Ta muốn truyền ngôi cho kẻ nào làm ta vừa ý, cuối năm nay ai mang trần cam mễ vị đến để tiến cúng tiên vương cho ta được tròn đạo hiếu thì sẽ được ta truyền ngôi". Các con đều đua nhau đi tìm của ngon vật lạ, khắp trên cạn dưới bể nhiều không sao kể xiết. Duy có vị công tử thứ 18 là Lang Liêu không đi tìm của ngon vật lạ mà tự chế biến từ những sản vật của trời trời và chân trời thành bánh chưng và bánh giầy để dâng tiến vua cha.

Chuyện kể rằng: Một đêm kia, mộng thấy có thần nhân tới nói rằng: "Các vật trên trời đất và mọi của quý của người không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe

mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình vuông, cái hình tròn để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài ở trong có mỹ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ". Lang Liêu tỉnh dậy mừng rỡ mà nói rằng: "Thần nhân giúp ta vậy!". Nói rồi bèn theo lời dặn trong mộng mà làm, chọn thứ gạo nếp trắng tinh, lựa lấy những hạt tròn mẩy không bị vỡ, vo cho thật sạch, lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mỹ vị vào bên trong để tượng trưng cho trời đất, vạn vật, rồi nấu chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy gạo nếp nấu chín, giã cho nát, nặn thành hình tròn tượng trưng cho trời gọi là bánh giầy.

Đến kỳ, vua vui vẻ truyền các con bày vật tiến lên. Xem qua khắp hơn, thấy không thiếu thứ gì. Duy có Lang Liêu chỉ tiến dâng bánh chưng và bánh giầy. Vua kinh ngạc mà hỏi, Lang Liêu đem giấc mộng thuật lại. Vua nếm thử thấy ngon miệng không chán, hơn hẳn các thức của các con khác, tâm tắc khen hỏi lâu rồi cho Lang Liêu được nhất. Đến ngày Tết, vua thường lấy bánh này dâng cúng cha mẹ. Thiên hạ bắt chước. Vua bèn truyền ngôi cho Liêu, anh em 21 người đều được chia giữ các nơi phiên trấn. (Theo "Lĩnh Nam Chích Quái").

Có thể nói, không có bánh chưng bát thành Tết. Từ xa xưa, bánh chưng đã trở thành biểu tượng cho Tết nói riêng và văn hóa người Việt nói chung.

Vì thế trong chương trình mua sắm của các gia đình, mua nguyên liệu để gói bánh chưng được xếp vào thứ tự đầu tiên.

Các nguyên liệu đó là: lá dong, gạo nếp, đậu xanh, thịt lợn, hạt tiêu, muối hoặc đường. Trước đây, ở nông thôn với nền kinh tế tự cung - tự cấp là chủ yếu, người nông dân chỉ cần mua một thứ: lá dong. Ngày nay, với nền kinh tế thị trường thì ở nông thôn cũng như ở thành phố, người ta có thể mua tất cả những thứ đó ở bất kỳ một chợ Tết nào.

Gói bánh và nấu bánh là những công đoạn mang tính văn hóa cao:

- Gói bánh là dịp để những người đàn ông khéo tay trở tài. Người gói bánh khéo không cần dùng khuôn nhưng bánh vẫn vuông thành, sắc cạnh, chắc.

- Luộc bánh - là cho chúng ta được sống trong những giờ phút ấm cúng nhất của tình cảm gia đình: mọi người trong gia đình ngồi quây quần bên bếp lửa, cùng nấu bánh (thường là phải 8 tiếng đồng hồ) và nghe người già kể những chuyện cổ tích thần kỳ. Chính những giờ phút này đã khắc vào ký ức từng con người Việt Nam những nét đẹp nhất của văn hóa dân tộc.

Ngày nay, ở các thành phố, nhiều gia đình đã không tự mình gói và luộc bánh chưng nữa. Họ đi đặt hoặc mua sẵn một số lượng không nhiều bánh chưng chỉ đủ dùng cho việc thờ cúng và ăn trong một vài ngày Tết.

Dĩ nhiên, trong bối cảnh xã hội mới, chúng ta có thể hiểu được những việc làm mang tính đơn giản hóa kiểu như vậy. Tuy nhiên trong tình cảm chúng ta không khỏi không luyến tiếc: không hiểu thế hệ trẻ Việt Nam sau 10, 20 năm nữa có biết và cảm nhận được những nét đẹp của "văn hóa bánh chưng" không?

Các loại mứt

Các loại mứt ngọt được làm từ táo, hồng, mơ, bí xanh, dừa, măng cầu, gừng... là đồ ăn không thể thiếu trong ngày Tết⁷. Mỗi một loại mứt có một màu sắc riêng (hoặc là màu tự nhiên hoặc là được nhuộm màu), khi bày vào đĩa mứt để tiếp khách

Cháo trắng, mứt, dưa hành

Cháo trắng, mứt, dưa hành

Cháo trắng, mứt, dưa hành

⁷ Có thể chia mứt thành ba loại:

- Mứt quả sấy khô (táo, mứt, nho...)

- Mứt kẹo (mứt)

- Mứt tươi

trông rất đẹp mắt. Mứt dùng để tiếp khách ngày Tết, một phần dùng để *gửi Tết*⁸ hoặc *biếu Tết*⁹.

Trước đây, việc làm mứt tại nhà là phổ biến, người ta chỉ mua thêm những loại mứt từ những loại quả mà ở địa phương mình không trồng được. Làm mứt là dịp để các bà nội trợ "trổ tài" và các cô con gái có dịp học hỏi về nữ công gia chánh.

Nay, trên thị trường ngày Tết, các loại mứt được bày bán với giá cả hợp lý, hình thức đẹp, chất lượng bảo đảm, nên đa phần các gia đình mua mứt, chứ không làm mứt tại nhà nữa. Tuy nhiên, ở Hà Nội và một số thành phố lớn, ở những gia đình có nền nếp, các bà mẹ vẫn khuyến khích các cô

⁸ Hàng năm gần ngày Tết đến, nghĩ tới tổ tiên, con cháu những người đã ra ở riêng hoặc thuộc các ngành thợ, đều phải gửi Tết tới nhà trưởng, tức là người có trách nhiệm giữ gia Tết các bậc đã qua đời. Gửi Tết tức là đem đồ lễ đến nhà gia trưởng để người gia trưởng cúng tổ tiên trong dịp Tết. (Xem Toàn Ảnh, tr. 21)

⁹ Cùng với việc gửi Tết nhà trưởng, người ta cũng nghĩ tới việc biếu Tết. Đây là dịp để người ta trả ơn những người đã có công với mình: học trò biếu Tết thầy học, con rể biếu Tết ông lang, dân biếu Tết quan, con rể biếu Tết chú rể, bạn bè biếu Tết lẫn nhau, kẻ dưới biếu Tết bề trên. Trong việc biếu Tết này, quà biếu thường chẳng đáng bao nhiêu, nhưng tâm thành thật là đáng kể. (Xem Toàn Ảnh, tr. 22)

con gái tự làm mứt và họ làm rất khéo và ngon: họ cắt tỉa các loại quả thành những bông hoa, cành lá, nấu mứt với độ lửa nhỏ, độ đường vừa phải. Ở thành phố ngày nay, các bà, các cô đa phần không ưa của ngọt, nên đã làm (hoặc mua) thêm các loại mứt mặn (ô mai) khác (từ khế, mơ, sấu...).

Công thức làm mứt gừng:

Nguyên liệu:

- Gừng củ: 1.000 kg
- Đường kính: 1.000 kg
- Phèn chua: 0.005 kg

Cách làm:

- Chọn gừng bánh tẻ, củ to để cắt không bị vụn. Rửa sạch gừng, cạo bỏ vỏ, cạo xong củ nào ngâm ngay vào nước cho gừng khỏi thâm. Dùng dao sắc, băm mỏng cắt gừng thành từng lát mỏng, đều nhau. Thay nước ngâm gừng và ngâm tiếp một ngày một đêm. Vớt gừng ra, rửa sạch, trút ra rổ để ráo nước.

- Cho khoảng 3 lít nước vào nồi, đun sôi, cho gừng vào ướp lẫn với đường, để 2 giờ. Bắc nồi lên bếp đun cho tan đường. Sau đó, đun nhỏ lửa, đảo nhẹ tay. đến khi đường sền sệt thì giảm lửa thật nhỏ, tới khi đường dính tay thành

tơ, vừa đảo vừa gỡ miếng gừng cho thẳng. Bắc nổi ra đảo cho tới khi đường bám vào gừng trắng đều là được.

- Lấy mứt ra để nguội, đóng túi P.E bảo quản.

(Sách Cách làm mứt, kẹo, ô mai. Tr. 50, Tập chỉ nội thương xuất bản, H.1988)

Công thức làm mứt gừng nguyên củ:

Nguyên liệu:

- Gừng củ: 1,000 kg
- Gạo nếp: 0,100 kg
- Đường kính: 1,200 kg
- Lá chuối non nửa tàu
- Chanh quả: 3 quả

Cách làm:

- Gừng chọn mua củ non có nhiều nhánh con đem về làm ngay cho tươi. Dùng dao con nhọn mũi gọt sạch vỏ, gọt khéo không để gãy các nhánh con, thả gừng vào thau nước lạnh. Lấy kim châm xung quanh củ gừng cho mém, vừa châm, vừa rửa hết nhựa gừng mới trắng, rửa lại cho kỹ. Múc một chậu con nước lã, vắt vào 2 quả chanh, thả gừng vào ngâm, đem chậu gừng phơi nắng 3-4 giờ, lấy ra rửa lại cho kỹ, ép khô.

- Cho gạo nếp vào 500ml nước, nấu chín cho hạt nếp nở bung thành cháo loãng, lọc lấy nước cho vào xoong, vắt vào đó 1 quả chanh, đem đun sôi, bỏ gừng vào luộc khoảng 20 phút vớt ra, thả gừng vào thau nước lạnh. Rửa gừng lại mấy nước cho kỹ thì gừng mới trong. Tiếp tục ngâm gừng vào thau nước lạnh khác đem ra phơi nắng thêm một lần nữa (chừng 3-4 giờ), lấy ra rửa kỹ và ép thật khô.

- Cho đường vào 300ml nước đun sôi, bỏ gừng vào rím nhỏ lửa. Khi nào nước đường sánh, sờ không dính tay, lấy gừng ra để lénmảnh lá chuối non cho láng bóng và đem phơi nắng 30-40 phút, lấy tay sửa củ gừng cho tròn, cò củ nhánh, giống như củ gừng mới đẹp.

Công thức làm mứt sen chân

Nguyên liệu:

- Hạt sen khô: 0,500 kg

- Đường kính: 1,000 kg

- Vani: 0,001 kg

Cách làm:

- Cho hạt sen vào ngâm nước lã khoảng 2-3 tiếng cho nở, vớt ra sát cho bong màng lụa, đãi, rửa sạch. Cho hạt sen vào xoong, đổ ngập nước, bắc lên bếp đun sôi, đổ ra rổ, xát nhẹ tay và đãi lại cho sạch màng. Tiếp đó, lại cho sen vào xoong, đổ ngập nước, đem luộc khoảng 2 giờ cho hạt sen chín bở, bắc ra để gạn nguội mền vớt, rửa lại, để ráo nước (nhớ nhặt bỏ các hạt sượng).

- Cho đường vào xoong với ít nước, đun sôi, hớt hết bọt, tiếp tục đun sôi kỹ. Khi nào thấy đường keo lại thì cho hạt sen vào đun trong 5 phút, bắc ra để nguội, vớt hạt sen ra rổ, cho vani vào nước đường còn lại đem đun cho keo, lại đổ hạt sen vào đun sôi, bắc ra ngâm sen trong nước đường khoảng 2-3 giờ. Xong lại vớt sen ra, đun nước đường cho sôi, lại cho sen vào. Cứ đun như vậy vài lượt, cuối cùng

nước đường còn lại rất ít và sánh thì thôi, bắc xoong ra, vớt mứt sen tãi ra sàng cho ráo và khô là được.

Công thức làm mứt dưa

Nguyên liệu:

- Dưa bào mỏng: 0,500 kg
- Đường kính: 0,400 kg
- Vani: 0,001 kg
- Phèn chua: 0,005 kg

Cách làm:

- *Dừa chọn loại già, đem cùi bào thành sợi mỏng dài, rửa nhiều nước cho sạch dầu.*
- *Cho nước vào xoong, bỏ phèn chua vào khuấy cho tan, đun sôi, cho dưa vào chần qua; vớt ra rửa lại nhiều nước, để ráo.*
- *Bỏ dưa đã chần vào xoong, trộn đều với đường để ướp một lúc cho đường chảy, xong đặt lên bếp đun nhỏ lửa, thỉnh thoảng đảo nhẹ tay cho đều. Khi nước đường còn sánh và ít, dùng dưa thủ kéo thành sợi là được. Bắc xoong mứt ra ngoài, cho vani vào, dùng dưa cả đảo liên tục, thấy đường khô lại và bám trắng đều xung quanh miếng dưa là được, trút ra mâm, để nguội.*

Công thức làm mứt bí

Nguyên liệu:

- Bí đao: 1,000 kg
- Phèn chua: 0,015 kg

- Đường kính: 1.000 kg

- Vani: 0,002 kg

- Vôi tôi đặc: 0,050 kg

Cách làm:

- Bì dao chọn loại quả già, gọt vỏ, bỏ ruột, rửa sạch, thái miếng con chì nhỏ.

- Hoà vôi với khoảng 2 lít nước, khuấy tan, gạn lấy nước trong, cho bì vào ngâm một đêm. Khi cho bì vào nước vôi nhớ trộn đều, ngâm xong khi bề miếng bì thấy bên trong trắng là được, vớt ra rửa kỹ cho sạch vôi. Xong đem chần qua nước sôi có phen. Lúc vớt bì ra cho ngay vào nước lã rửa lại, rồi tắt ra nóng, nia, phơi nắng. Khi phơi phải trở bì cho khô đều. Phơi xong lại bỏ bì vào ngâm nước phen chua (nước phen còn lại lần trước đã gạn trong) khoảng 2-3 giờ, vớt ra rửa sạch, để ráo.

- Cho bì vào xoong trộn đều với đường, rồi ướp một đêm cho ngấm. Bắc xoong bì lên bếp đun nhỏ lửa, khi sôi kỹ bắc ra để nguội, tiếp tục nấu lần thứ hai, thỉnh thoảng đảo nhẹ tay cho đều. Khi nước đường sánh, dùng dũa kéo thấy như sợi tơ, bắc ra ngoài cho vani vào, dùng dũa cá to đảo đều, đường khô lại và bám trắng đều xung quanh miếng bì là được, đổ bì ra nia, tắt mỏng, để nguội.

Mâm ngũ quả:

Đối với người Việt, hoa quả là thứ không thể thiếu trong các lễ ngày rằm, mồng một, lễ chùa, lễ thánh... Tuy nhiên, ở những lễ này, người ta không nhất thiết phải dâng cúng những loại hoa

quả cô định nào, thường là "mùa nào thức ấy", chỉ cần một loại cũng là đủ. Chỉ có ở Tết, người Việt mới nhất thiết phải mua 5 loại hoa quả để bày thành một mâm ngũ quả, đặt trên bàn thờ.

Tại sao phải đủ ngũ quả? Đó là những quả gì? Hình như đại đa số dân ta đã không còn quan tâm đến câu hỏi đó nữa. Chỉ còn một số ít người "tò mò", muốn truy tìm nguồn gốc và ý nghĩa của mâm ngũ quả này. Về vấn đề này chúng tôi cho rằng, cách giải thích sau đây là có lý hơn cả:

Trong xã hội nông nghiệp cổ xưa, ngũ cốc là của quý nhất. Có 5 thứ quả liên quan chặt chẽ, trực tiếp đến sự được hay mất mùa của ngũ cốc, đó là: Mận, Hạnh, Đào, Lựu, Táo: 5 thứ quả này mà sai thì ngũ cốc được mùa, ngược lại 5 thứ quả ấy mà kém thì ngũ cốc sẽ mất mùa. (xem Nguyễn Hữu Hiệp, tr.67-68). Vì thế, lễ vật - mâm ngũ quả vừa bày tỏ sự tôn kính thần linh, vừa biểu thị ước vọng được mùa của người nông dân.

Tuy nhiên, do đặc điểm khí hậu, đất đai của Việt Nam khác với Trung Quốc, nên dân ta từ chỗ đã thay thế một số loại quả Trung Quốc mà ở ta không có, đến chỗ "vùng nào thức ấy", nghĩa là: tùy từng địa phương, có loại nào phổ biến thì đưa

vào mâm ngũ quả. Cơ cấu mâm ngũ quả của người Việt thường là:

- Lê- lựu- đào- mai- phật thủ.
- Chuối- phật thủ- cam- quýt- táo.
- Chuối- bưởi- cam- hồng xiêm- táo.

Ở miền Nam Việt Nam, cơ cấu hoa quả tự nhiên có khác so với miền Bắc, văn hóa ở vùng Nam bộ lại ít chất Trung Quốc hơn, nên mâm ngũ quả của người dân vùng này cũng khác hơn. Quan niệm của họ về mâm ngũ quả cũng dân gian hơn: Trong mâm ngũ quả nhất thiết phải có Đu Đủ và Quả Sung. Bởi vì hiểu theo nghĩa đồng âm thì ĐU ĐỦ = THU ĐỦ = KIẾM ĐƯỢC NHIỀU TIỀN; CÒN SUNG = SUNG SƯỚNG = SUNG TÚC = SUNG MÃN.

Người Việt rất có ý thức trong việc trình bày mâm ngũ quả ngày Tết của mình sao cho đẹp nhất. Ở nhiều làng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ, mỗi năm Tết đến dân làng lại tổ chức đóng mâm ngũ quả với những đề tài mang tính cung đình¹⁰. Đó là

¹⁰ Ví dụ: "Cầu long tranh châu", "Tứ linh tong mầu", "Long lân khánh hợp", "Tứ linh bao thập".

những linh vật (Long, Ly, Quy, Phượng) được kết từ những loại hoa quả như cam, quýt, na, chuối, dứa... và những hoa lá khác. Mâm ngũ quả này được dâng cúng Thành Hoàng làng.

Gà cúng

Trong lễ cúng giao thừa của người Việt, gà trống là lễ vật bắt buộc phải có. Vì thế, ở nông thôn Việt Nam, trước Tết, người ta đã phải mua gà trống về nuôi sẵn trong nhà để dùng trong lễ giao thừa hoặc đem biếu. (Thông thường, Tết đến, con rể phải đem biếu bố mẹ vợ quả Tết, trong đó nhất thiết phải có một con gà trống).

Ở thành thị, các hộ gia đình chủ yếu được cấu tạo bởi gia đình hạt nhân nên hầu như nhà nào cũng mua gà trống để làm lễ giao thừa. Vì thế, ngày Tết, dân quê đua nhau đem gà trống ra thành phố bán - rất chạy và được giá.

Mỏ gà phải theo cách mổ moi, buộc lại để uốn cho gà ở thế "phượng bay", phải luộc bằng lửa nhỏ (để gà khỏi nứt và bóng mịn), sau đó phải cài một bông hoa vào mỏ gà.

1.3.2 Hoa Tết và cây cảnh

Một trong những biểu thị khác thường nhất của người Việt trong ngày tết là chơi *hoa*. Ngày thường, người nào khá giả thì có trồng hoa ở vườn hoặc trong chậu, người nào nghèo thì chỉ ngày rằm, mồng một cắm hoa ở ban thờ. (Không kể ở thành phố, từ khi học được văn hóa Tây, người ta thường trang trí phòng ở, phòng khách bằng hoa tươi cắm trong lọ).

Có thể nói, đối với người Việt, hoa đào là biểu tượng của mùa xuân, của ngày Tết Nguyên Đán. Trung một cây hay một cành đào trong phòng khách từ lâu đã trở thành một tập quán, một nét đẹp văn hóa của người Việt.

Ở Nam bộ, khí hậu nóng, không có hoa đào, người Việt đã chọn hoa mai vàng làm thứ hoa Tết để thay thế cho hoa đào. Ở vùng núi phía Bắc, người ta thường lấy hoa mận trắng để thay thế hoa đào.

Cách đây khoảng 20 năm thôi, không nhà nào là không có hoa đào để trưng bày trong ngày Tết. Dù nghèo, không thể mua cả một cây hay một cành, thì người ta vẫn có mua những nhánh đào

vun - gọi là "đào dâm" - để cắm trong lọ¹¹. Nhưng từ khoảng hơn chục năm nay, cây quất đã trở thành một biểu trưng mới của ngày Tết. Thậm chí, nhiều người vì tiết kiệm, hoặc không sung túc lắm, không thể mua đủ hai thứ (đào và quất) đã lựa chọn quất.

Tại sao vậy? Ở đây chúng ta lại bắt gặp lối suy diễn dân gian mang tính thực dụng của người Việt: Người ta thấy ở cây Quất sự đồng dạng với "cây vàng". Họ trưng cây quất với mong muốn: năm nay gia đình sẽ được giàu sang.

Xu hướng này được phát triển từ những năm "đổi mới" ở những người dân thị thành, sau mới lan về nông thôn. Nếu xu hướng này (trưng cây Quất) mà thăng thế thì thật là một tổn thất cho văn hóa của người Việt! (Vì dù sao hoa đào có tính biểu trưng tinh thần thuần khiết và lâu đời hơn).

Xưa, không phải ai, ở đâu cũng có thể trồng được đào Tết. Ở Hà Nội có làng hoa đào nổi tiếng -

¹¹ Rất nhiều người Hà Nội lại thích chơi đào dâm hơn (không phải vì họ nghèo) - chơi đào dâm như là "mối" của người Hà Nội, với đào dâm, người ta có thể tạo dáng để có một lọ hoa "hiện đại" hơn.

Làng Nhật Tân - với nghề cổ truyền là trồng đào Tết. (Họ có những bí quyết để hãm quá trình nở hoa sao cho đúng vào dịp Tết). Đi ngắm và mua đào ở các vườn Nhật Tân từ lâu đã trở thành một thú chơi xuân của người Hà Nội.

Ngày nay, do những lý do kinh tế, đất trồng đào của làng này ngày càng bị thu hẹp dần, mặt khác, nhiều làng, nhiều địa phương khác đã học được cách trồng đào, nên nghề trồng đào của làng này đang đứng trước sự cạnh tranh kinh tế khốc liệt và có nguy cơ bị mai một (nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước với tư cách là sự hỗ trợ cho việc bảo tồn một truyền thống văn hóa).

1.3.3 Câu đối và tranh Tết

Để tương ứng với không khí thiêng liêng và tung bừng của ngày Tết - mà người Việt thường quan niệm "một năm mới có một lần"- người ta rất chăm chú cho việc dọn dẹp vệ sinh và trang hoàng nhà cửa. Ngoài việc sắm hoa Tết, lau chùi, đánh bóng các đồ thờ, người Việt còn có một phong tục cổ truyền là treo câu đối và tranh Tết.

Câu đối

Xưa, chỉ ở các nhà đại gia (quan to, lâu đời) là người ta không cần phải mua câu đối Tết. Vì thường là ở gia đình họ đã có đủ những bức hoành phi, câu đối đất tiền và có ý nghĩa riêng biệt, phù hợp với gia thế, công đức của gia chủ (thường khi những câu đối này là do các quan đồng liêu hay cấp trên viết tặng). Hơn nữa, gia chủ những nhà này thường là những người hay chữ. Vì thế, ngày Tết ở những gia đình này, người ta chỉ lau chùi sạch sẽ lại những bức hoành phi, câu đối đó chứ không mua chữ như bậc thường dân hay thương nhân.

Đa số bậc thường dân ít học, thậm chí mù chữ, nhưng họ rất tôn trọng, thậm chí sùng bái chữ thánh hiền. Họ quan niệm rằng, năm mới treo đối câu đối trong nhà chính là sự bày tỏ nguyện ước tốt đẹp của **gia đình** với trời - đất, với cộng đồng, và nguyện ước ấy sẽ được đáp ứng.

Thông thường, các làng quê của người Việt, các ông đồ nho là nhân vật chính trong quan hệ "mua-bán", "xin-cho" chữ này. Ở **phiên chợ Tết** cuối năm, người ta thấy "những ông đồ đeo kính, quốc phục chỉnh tề, về mặt lúc nào cũng đạo mạo mà vui tươi, nghiêm trang nhưng cười mở, bẻ bộn nào giấy, nào bút, nào nghiên, sẵn sàng khom lưng

viết câu đối thế theo ý muốn, ước nguyện từng người" (sdd, tr.101).

Thực ra, các ông đồ chủ yếu là viết theo những mẫu câu đối chung cho một số loại gia cảnh, hay ước nguyện. Trong xã hội Việt Nam cổ truyền, sự phân tầng xã hội rất sơ sài và đơn giản, vì thế, những mẫu câu đối ấy tỏ ra rất phù hợp với từng gia đình, từng ước nguyện. (Khiến nhiều người nghĩ rằng dường như ông đồ ấy đã viết riêng câu đối ấy cho gia đình mình!).

Rất tiếc, một phong tục đẹp như vậy ngày nay đã bị tan biến trong sự phát triển kinh tế- xã hội ở Việt Nam. Ở Hà Nội, người ta vẫn còn thấy lác đác một vài "ông đồ tân thời" bán câu đối viết bằng chữ nho ở đường phố trong những ngày Tết, nhưng ở quê thì tục này coi như đã chết.

Vài ví dụ về câu đối Tết.

Câu đối ở bàn thờ Tổ tiên, thường viết:

"Hiếu tử từ tôn vạn đại như kiến,

Tổ công tông đức bách thế bất thiên."

(Con cháu hiếu hiền, muôn năm vẫn còn thấy có,

Công đức của Tổ tiên trăm đời không đổi dời.)

Câu đối dán ở cột trong nhà, thường viết:

*"Thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ,
Xuân mãn cần khôn, phúc mãn đường".
(Trời thêm năm tháng, người thêm tuổi thọ,
Xuân khắp trong trời đất, phúc khắp cả trong
nhà)...*

(Dẫn theo Nguyễn Hữu Hiệp, tr. 103-104)

Tranh Tết

Ngày Tết, dân ta còn muốn biểu thị ước muốn của mình một cách trực tiếp hơn: đó là dán tranh Tết lên vách nhà.

Chỉ riêng sự đa màu và độ sắc sảo của tranh Tết cũng đủ làm cho từng căn nhà trở nên lung bùng khác thường rồi.

Nói chung chủ yếu của các bức tranh này là **Phú, Quý, Thọ, An, Khang** hoặc những "motiv" về bốn mùa, hoặc những vị anh hùng dân tộc.

Ở xứ Bắc Ninh, có làng Đông Hồ với nghề làm tranh dân gian nổi tiếng. Đây là nơi cung cấp chủ yếu tranh Tết nội địa cho dân ta thời trước.

Nay, những sản phẩm của công nghiệp in nội địa đã phát triển, và những sản phẩm in ấn thu nhập từ nước ngoài vào đã chiếm lĩnh thị trường tranh Tết ở Việt Nam. Hy vọng rằng, đây chỉ là xu hướng nhất thời!

1.3.4 Sắm quần áo mới

Ngày thường dân ta đã có câu "Già được bát canh, trẻ được manh áo mới", ngày Tết, niềm vui ấy được nhân lên gấp bội. Vì thế, trong kế hoạch mua sắm Tết ở các gia đình, sắm quần áo cho con trẻ là mục nhất thiết phải có.

Trước đây, người lớn thường để dành một bộ quần áo đẹp nhất của mình, ngày thường cất kỹ trong rương, trong tủ, chỉ ngày Tết, ngày lễ mới đem ra mặc. Những bộ quần áo như thế được dân ta (dân Tàu cũng vậy) quan niệm là "mới".

Ngày nay, sắm một bộ quần áo mới không còn là vấn đề kinh tế đối với đại đa số người dân Việt Nam nữa. (Ở thành phố, một bộ complet đẹp giá khoảng 800.000 đồng, một bộ váy đẹp giá khoảng 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Ở nông thôn, một bộ quần áo mới chỉ khoảng 60.000 đồng đến 100.000 đồng) nên người ta không chỉ mua quần

áo mới cho con trẻ, mà còn mua cho tất cả mọi người (nhất là ở thành phố).

Dường như, cái cảm giác "mới" được tô đậm và nhân lên, khi người ta được mặc quần áo mới để đón chào năm mới.

1.3.5 Mua báo Tết

Đây có thể coi là một phong tục mới của dân ta. Từ khoảng chục năm gần đây, nhà nước thường tổ chức hội chợ Báo xuân và điểm căn bản là chất lượng cũng như hình thức của báo xuân đã được nâng cao, nên các gia đình đều thích mua báo tết để đọc trong những ngày Tết hoặc để mang về quê làm quà. Một trong những nguyên nhân căn bản khiến cho dân ta thích báo Tết là: ở số báo này, người ta đã có những bài viết hay, hấp dẫn về các giá trị văn hóa dân tộc cổ truyền, các phong tục tập quán lý thú xung quanh ngày Tết ở các địa phương, các tộc người trên lãnh thổ Việt Nam.

1.4 Các phong tục tất niên

"Tất niên" có nghĩa là kết thúc năm cũ để chuẩn bị đón năm mới. Các hành vi, sự kiện có ý nghĩa "tổng cựu nghinh tân" ở thời gian này (trước giao

thừa) thường mang tính nghi thức và từ lâu đã trở thành phong tục của dân ta. Buổi liên hoan tất niên ở cơ quan, chuyển xe trở khách cuối cùng trong năm, lần tắm cuối cùng trong năm ... Đó là những phong tục "tất niên".

1.4.1 Tắm "tất niên"

Ngày nay, chắc hẳn trong số thanh thiếu niên đương đại, sẽ có người thắc mắc rằng: tắm là một sinh hoạt tất yếu, thường xuyên (có khi có người tắm hai lần/ ngày) thì tại sao lại có phong tục này?

Xin thưa rằng: ở Việt Nam, trước Tết là những tháng mùa đông, mưa phùn, gió bắc; vì thế tắm không phải là sinh hoạt thường ngày mà mang tính định kỳ. (Nên nhớ rằng, trước đây, nông thôn Việt Nam không có điện và ngay cả bây giờ khi đã có điện thì người nông dân cũng chưa đủ điều kiện để mua sắm - sử dụng thiết bị đun nước nóng để tắm!). Nói cách khác, tắm tất niên trước hết

phải được hiểu theo nghĩa đen của từ này là lần vệ sinh thân thể cuối cùng trong năm (cũ)¹².

Tuy nhiên, tắm tất niên mang ý nghĩa tinh thần là chính. Người ta nấu nước nóng với các loại lá thơm để tắm tất niên, vì thế có thể nói bên cạnh tác dụng "tẩy uế" về thân xác thì tắm tất niên còn có ý nghĩa "thanh tẩy" về tinh thần: dường như sau khi tắm nước thơm, người ta cảm thấy mình trong sạch hơn, sáng khoái hơn.

1.4.2 Trả nợ cuối năm

Trước đây, nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, chỉ có thể cung cấp cho người nông dân một số lượng sản phẩm, vừa đủ cho mức sinh hoạt tối thiểu (đủ ăn). Vì thế, những gia đình nào có sự kiện đột xuất trong năm (tang ma hoặc ốm đau) thường phải đi vay của những người khá giả hơn hoặc của những người không khá giả hơn nhưng lại không phải chi cho những việc đột xuất. Đây là chưa kể những năm gặp thiên tai, mất mùa, số con nợ của

¹² Thông thường, các gia đình tiến hành tắm tất niên vào thời gian luộc bánh chưng của mình. Bên cạnh luộc bánh chưng, người ta thường đặt những nồi nước tắm để tranh thủ nhiệt lượng của bếp nấu bánh chưng.

tùng làng bao giờ cũng tăng vọt. Thực ra, quan hệ chủ nợ - con nợ ở đây cũng chỉ mang tính tương đối, bởi vì đa số chủ nợ chẳng giàu có hơn con nợ là bao, chẳng qua vì "tình làng, nghĩa xóm" họ cho vay để đỡ đần nhau trong lúc khó khăn là chính, và lại thường thì giá trị số nợ không lớn. Vì thế gần đến Tết, các gia đình con nợ đều cố gắng thu xếp tiền bạc để trả cho chủ nợ (trước hết là không phải nợ lưu niên, họ sẽ thanh toán hơn, đón Tết vui vẻ hơn; thứ là, nếu trả được nợ trước Tết thì cũng giống như là tỏ được lòng biết ơn những người đã cho mình vay).

Chỉ có một số ít người do làm ăn kém may mắn, gặp nhiều hoạn nạn nên không đủ tiền trả nợ. Trong trường hợp này, người ta đành phải chọn một trong hai cách ứng xử sau:

- "Đi Tết" chủ nợ (mang một chút lễ đến biếu chủ nợ vào dịp Tết) để xin khất chủ nợ thêm một thời hạn nữa.

- Trốn chủ nợ cho đến lúc giao thừa mới về (vì chủ nợ không dám đòi nợ trong những ngày Tết, sợ bị giông¹³).

1.4.3 Thăm mộ gia tiên

Trong ý nghĩ và tình cảm của người Việt, tổ tiên và người thân đã chết vẫn là thành viên của gia đình mình.

Trước kia, thi hài của tổ tiên thường được mai táng ở giữa thửa ruộng của gia đình hoặc có nơi (như ở miền trung Trung bộ và Nam bộ) thì ở vườn cây gần nhà ở. Nay, các làng đã quy hoạch nơi chôn người chết thành một khu vực riêng, ở rìa làng. Ở thành phố thì người ta có một vài khu nghĩa địa chung.

Quanh năm, ngày mồng một và ngày rằm, những dịp vui hay buồn, người Việt đều tưởng nhớ tới gia tiên. *"Và Tết, vui xuân, người Việt cũng muốn gia tiên về hưởng Tết. Bởi vậy, ở nhiều nơi, sau*

¹³ Giông: là sự lặp lại, tái diễn của một sự kiện, một hành vi nào đó mà chủ thể đã làm hoặc gặp phải ở ngày đầu năm mới!

khi sắm sửa Tết xong, người ta có tục đi viếng mộ, đắp lại mộ, thắp hương khấn mời hương hồn người đã quá cố về hưởng Tết"¹⁴.

Ngày nay, tục này vẫn được dân chúng mọi miền (từ nông thôn cho tới thành thị) duy trì.

1.4.4 Cúng gia tiên

"Chiều ba mươi Tết, mọi việc sửa soạn đã xong xuôi, sau khi đã đi viếng mộ gia tiên về, người ta sửa lễ cúng gia tiên, và sau đó đèn nhang, nhất là nhang phải giữ thắp suốt mấy ngày Tết cho tới khi hóa vàng.

Trong mấy ngày này, trên bàn thờ luôn có sự hiện diện của tổ tiên. Để giữ cho hương khói bị tắt, từ chiều ba mươi Tết, người ta thường dùng *hương vòng* hoặc *hương sào*. Hương vòng là một cuộn hương thắp được suốt đêm tới sáng, còn hương sào là một cây hương thật to, có thể thắp được suốt ngày đêm mới hết.

¹⁴ Toàn Ảnh "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", Nhà Thanh niên, H.1992, tr.26

Ta cúng gia tiên vào lúc chiều ba mươi Tết, bởi vậy, lúc cúng giao thừa, ta không cúng gia tiên nữa.

Cúng gia tiên ba mươi Tết, sáng ngày mồng một cũng lại cúng. Và trong mấy ngày Tết cho đến khi hóa vàng, ngày hai buổi có lễ cúng gia tiên"¹⁵

Mẫu văn cúng gia tiên.

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, tiết xuân ngày mồng một tháng Giêng.

Nay con giữ việc thờ phụng thờ tên là Đàm Sĩ Nguyên, quán tại xã Quất Động phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, hiện nay toàn gia cư trú tại xã Tân Sơn Nhì, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, đồng gia quyền cúi đầu trăm bái.

Kính cần có hương đèn, vàng bạc, hoa quả cỗ bàn rượu nước trầu cau cùng mọi vật phẩm dâng lên.

¹⁵ Toàn Ánh - "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", Nxb Thanh niên, H.1992, tr. 28-29.

Kính mời các cụ họ Đàm, kỵ, cụ, ông, bà, cha mẹ, chú, bác, cô, dì, chị, em cùng về chứng giám.

Giám mong

Tiên tổ bảo hộ gia đình, từ già đến trẻ, hạnh phúc an khang, vạn sự hanh thông, người tăng vật vượng

Thượng hưởng

(Toan Ánh, tr. 30).

Thông thường, cúng gia tiên được tiến hành ở nhà người gia trưởng. Sau khi cúng gia tiên xong, toàn thể gia đình lớn cùng ngồi lại bên nhau ăn bữa cơm "tất niên" thân mật. Sau đó, ai về nhà đấy để chuẩn bị đón giao thừa.

1.4.5. Cúng thổ công

Gia đình người Việt nào cũng có một bát hương dành cho thổ công (hay còn gọi là quan thần linh trông coi đất nhà ở), bát hương này thường được đặt chung với bàn thờ gia tiên. Nhà nào rộng rãi, khá giả thường lập bàn thờ thổ công riêng.

Ngày nay, lễ cúng thổ công thường được tiến hành kết hợp chung với lễ gia tiên vào buổi chiều tất niên. Ngoài những lễ vật chung như trầu cau, hương, hoa, quả, đèn nhang, gạo muối rượu, các gia chủ thường sắm thêm một bộ áo mũ, hia hàng mã để "biểu" thổ công, người đã trông coi, giúp đỡ gia đình mình trong suốt năm qua.

Do cúng chung, văn cúng cũng được gộp vào văn cúng gia tiên (sau khi thỉnh tên hội đồng gia tiên, người ta thỉnh luôn danh tính của thổ công.)

2. Vào Tết

2.1 "Tối như đêm ba mươi"

Tục ngữ ta có câu: "Tối như đêm ba mươi". Có người giải thích rằng, đêm ba mươi là "thái cực" của vòng quay thời gian một năm, bốn mùa, vì thế đây là thời điểm tốt nhất trong cả một năm. Nói cách khác, đây là thời điểm *thiên*g.

Thực ra, thời xa xưa ở ta và ngay cả ở Tàu, người ta không đón Tết vào thời điểm này (mà trong lịch âm gọi là tháng Dần)¹⁶. Người Việt và một số tộc

¹⁶ Xưa ở ta, trong bối cảnh Đông nam á, các tộc người thường kỷ niệm bắt đầu của một năm hoặc là vào thời điểm đầu mùa mưa, (tháng 4 âm lịch) hoặc là vào khi thu hoạch vụ mùa (tháng 10 âm lịch). Còn ở Tàu, không phải ngay từ đầu, không phải lúc nào, tháng Giêng cố định là tháng Tết. "Đời nhà Hạ (2205-1766 TCN) thích màu đen, chọn tháng Dần làm tháng đầu năm để ăn tết. Đời nhà Thương (1776-1122 TCN) thì thích màu trắng, dời lại tết nhằm vào tháng Chạp, tức tháng Sửu. Đời nhà

người khác ở Việt Nam đón Tết vào thời điểm như hiện nay chắc chắn là kết quả của quá trình lan toả văn hóa của người Hán, chẳng ai có thể xác định được người Việt chuyển thời điểm Tết năm mới sang tháng Dần là từ khi nào vì người ta cũng không phải bận tâm đến điều đó nữa, bởi vì Tết Nguyên Đán đối với người Việt từ lâu đã trở thành phong tục rồi. Phong tục này đã thấm vào tư tưởng, tình cảm của người Việt, chính vì thế "tối như đêm ba mươi" về thực chất là một *cảm giác xã hội* và nó là một biểu thị của *ý thức tập thể*³⁷ (trên thực tế, về phương diện quang học, chưa ai đo được mức độ tối của đêm 30 và so sánh nó với các đêm khác trong năm!)

2.2. Lễ giao thừa: Tổng cự - Nghinh tân

Chu (1122-256 TCN) ưa sắc đỏ, chọn tháng Tý là tháng 11 là tháng tết. Qua đời Đông Chu (hết đời nhà Chu), Khổng Tử theo quan niệm nhà Hạ. Nhưng đến đời nhà Tần (256-206 TCN), tét lại nhảy qua tháng Hợi, tức tháng 10. Cho đến khi nhà Hán (206 TCN đến 221 Sau CN) lên ngôi trị vì thiên hạ, theo chủ trương của Khổng Tử nên lấy trở lại như đời trước, nghĩa là tháng tét là tháng Dần, tức tháng Giêng. Từ ấy mới ổn định luôn tới nay" (Nguyễn Hữu Hiệp, tr 10-11). Thế mới biết, thời gian còn là một phạm trù xã hội.

³⁷ Thuật ngữ xã hội học của Durkheim - nhà xã hội học kinh điển Pháp.

Mười hai vị đại vương hành khiển

Đây là một lễ chính, không thể thiếu trong toàn bộ quá trình đón Tết của người Việt: lễ đón giao thừa. Tuy nhiên, *giao thừa* - đối tượng được cử lễ - trong văn hóa dân gian, cổ truyền của người Việt, không phải là cái gì đồ trêu tượng, vô hình, vô cảm, nó được biểu tượng hoá bằng mười hai vị đại vương hành khiển và phán quan¹⁸

¹⁸ "Tục ta tin rằng mỗi năm có một ông hành khiển, coi việc nhân gian, hết năm thì thần nó bàn giao cho thần kia, cho nên cũng tế để tiễn đưa thần cũ mà đón ông mới" (Việt Nam phong tục - Trang 39, Phan Kế Bính, Phong tục văn hóa xuất bản: Sài Gòn 1972)

Một vị hành khiển đều có một phán quan phụ tá. Đại vương hành khiển lo thi hành mệnh lệnh của Ngọc Hoàng Thượng đế và trình lên Ngọc Hoàng những việc đã xảy ra. Vì phán quan lo ghi chép công tội của mọi người, việc phân trạch mọi nhà, các thôn làng trong cả nước. Tính cách các vị hành khiển cũng khác nhau, hoặc nhân đức, hoặc khắc nghiệt. Khi có nạn đao binh, thủy tai hoả hoạn, người ta nghĩ rằng đó là do các vị hành khiển trừng phạt nhân gian...

- Năm Tý, Chu vương hành khiển. Thiên ôn hành binh chủ thần. Lỵ tào phán quan.

- Năm Sửu, Triệu vương hành khiển. Tam thập lục phương hành binh chủ thần. Khúc tào phán quan.

- Năm Dần, Ngụy vương hành khiển. Mộc tinh chủ thần. Tien tào phán quan.

"Mười hai vị đại vương, mỗi ông cai trị một năm cõi nhân gian là *Thập nhị hành khiển vương* hiện, tính theo thập nhị chi, bắt đầu là năm Tý, cuối cùng là năm Hợi. Hết năm Hợi lại quay trở lại năm Tý với *Đai vương hành khiển* của mười hai năm về trước. Các vị đại vương này còn được gọi là *đương niên chủ thần*, mỗi vị có trách nhiệm như trên đã nói cai trị thế gian trong toàn niên, xem xét mọi việc hay dở của từng người, từng gia đình, từng thôn xã cho đến từng quốc gia để định công

Năm Mão: Trinh vương hành khiển. Thạch tinh chủ thần. Kiến tào phán quan.

Năm Thìn: Sở vương hành khiển. Hoả tinh chủ thần. Biện tào phán quan. (Xem I.T.V)

Năm Tỵ: Ngò vương hành khiển. Thiên hải chủ thần. Hứa tào phán quan.

Năm Ngọ: Tân vương hành khiển. Thiên hao chủ thần. Nhân tào phán quan.

Năm Mùi: Tông vương hành khiển. Ngũ đạo chủ thần. Lâm tào phán quan.

Năm Thân: Tế vương hành khiển. Ngũ miên chủ thần. Tông tào phán quan.

Năm Dậu: Lô vương hành khiển. Ngũ nhạc chủ thần. Cự tào phán quan.

Năm Tuất: Việt vương hành khiển. Thiên bả chủ thần. Thành tào phán quan.

Năm Hợi: Lưu vương hành khiển. Ngũ ôn chủ thần. Nguyên tào phán quan.

luan tội, tâu lên Thượng đế. Mỗi vị đại vương hành khiển đều có một vị *phán quan* giúp việc"¹⁹.

Dân ta - cho đến nay - vẫn luôn tin rằng: cùng tồn tại với thế giới loài người có thế giới của trời. Trời có quyền năng đối với Người. Tuy nhiên, dân ta cũng luôn "suy bụng ta ra bụng người" và tin rằng, các thành viên của xã hội của trời, cho dù tồn tại ở một không gian khác, cũng có những tính cách xã hội như xã hội loài người mà thôi. Vì thế, trong dân gian, dân ta vẫn luôn lưu truyền với nhau về tính tình, tính cách khác nhau của các vị đại vương (có vị hiền lành, có vị vui vẻ, có vị cương trực, có vị nóng tính, có vị nhân đức, có vị khác nghiệt...) và về bộ mặt "lạnh như tiền" của vị phán quan.

Nguyên thủy, lễ đón các vị đại vương hành khiển - mặc dù ngày nay thường được tiến hành ở tư gia²⁰ - là công lễ, một trong những biểu thị bản sắc văn hóa dân tộc của người Việt: *tất cả vì cộng đồng*. Thật vậy: dân ta làm lễ đón quan hành

¹⁹ Toàn Anh - "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", Nhà Thanh niên, H 1992, tr 10

²⁰ Xưa, nhất thiết ở các đình, nêu trong cộng đồng người Việt, phải đến ra lễ giao thừa này

khiến bằng những nghi lễ, lễ vật trang trọng nhất không phải cầu lợi cho riêng từng gia đình, từng cá nhân, mà lo lắng đến sự an nguy, suy, thịnh của cộng đồng mình: loạn đao binh, thủy tai, hỏa tai và ôn dịch. (Dân ta tin rằng những nạn này là do các vị đại vương hành khiển tung xuống trần gian để trừng phạt con người vì những tội lỗi mà họ đã gây ra, hoặc có khi chỉ vì sự không hài lòng nhất thời nào đó vì thái độ bất kính, bất cần của một số người đối với ông ta trong lễ giao thừa...)

Chuẩn bị lễ vật

Ngày nay, chỉ còn một số làng cổ, người ta còn làm lễ giao thừa tại nơi đình chung, miếu mạo, còn đa phần đã chuyển lễ này về thành lễ ở tư gia. Như thế, lễ giao thừa vốn là một khuôn mẫu của văn hóa cộng đồng, nay đã trở thành một khuôn mẫu văn hóa gia đình. Thường là sau lễ cúng gia tiên và bữa cơm tất niên chiều 30 Tết, mọi người trong các gia đình bắt đầu chuẩn bị cho lễ giao thừa.

Bàn thờ giao thừa được lập ở giữa trời (không đặt ở trong nhà). "Một chiếc hương án được kê ra, trên hương án có đỉnh trầm hương hoặc bình hương thấp toả khói nghi ngút. Hai bên đỉnh trầm hương có hai ngọn đèn dầu hoặc hai ngọn nến. Lễ

vật gồm chiếc thủ lợn hoặc con gà, bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu nước và vàng mã. Đôi khi có thêm cỗ mũ của vị đại vương hành khiển. Lễ quý hồ thành bất quý hồ đa, nhưng dù nhiều ít, lễ vật bao giờ cũng phải gồm có vàng hương, vàng lá hay vàng thoi tùy tục địa phương, và nhất là không quên được rượu, vì vô từ bất thành lễ²¹.

Ngày nay, do lễ này đã biến thành lễ ở gia đình nên lễ vật đã đơn giản hơn: không có thủ lợn (thay vào đó là một con gà trống), không có đỉnh trầm hương mà chỉ là một bát hương bình thường và một đôi nến. Ngoài ra, có các lễ vật khác như: bánh chưng, mứt kẹo, trầu cau, hoa quả, rượu nước, gạo muối, vàng mã và cỗ mũ, áo để biếu quan hành khiển.

Dân ở các thành phố, đa phần phải ở tập thể, chật chội không có sân nhưng họ vẫn cố gắng lập bàn thờ (dù nhỏ) ở một nơi có thể thông thoáng với trời (ví dụ, ban công hay gác thượng, hoặc trước cửa nhà).

²¹ Toàn Anh - "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", Nxb Thành niên, H.1992, tr 8-9.

Văn khấn lễ giao thừa

Như trên đã nói, lễ giao thừa ngày nay đã trở thành một khuôn mẫu văn hóa của gia đình nên nội dung cầu cúng cũng đã chuyển từ cầu phúc cho từ già đến trẻ trong cộng đồng sang cầu phúc cho các thành viên trong gia đình.

Mẫu văn khấn

Nước Đại Việt, năm Đinh Mùi, ngày mồng một tháng Giêng, xuân tiết.

Đệ tử là Nguyễn Đức Cầu, quán làng Cỏ Mễ, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh, cư ngụ tại xã Phú Nhuận, quận Tân Bình, tỉnh Gia Định, cùng toàn thể gia đình cúi đầu trăm bái.

Kính cẩn có hương đèn, vàng bạc, hoa quả, trầu rượu, trà nước thêm một vật phẩm dâng lên.

Vọng bái:

Trước bề ngọc đức Tổng Vương hành khiển, Ngũ đạo chí đức tôn thân:

Lâm tào phán quan tại vị ở trước

Đức thổ địa nơi đây tại vị ở trước

Đức Thành Hoàng bản cảnh tại vị ở trước

Cầu chư vị chứng giám.

Cúi đầu kêu xin:

Chư vị phù hộ cho toàn gia chúng tôi, từ già đến trẻ, quanh năm được tăng phúc tăng thọ, người an, vật thịnh, vạn sự hanh thông.

Cẩn cáo

(Theo Toàn Ánh, tr. 12)

2.3 Một số tục lệ sau giao thừa

Đốt pháo

Trước và sau thời điểm giao thừa khoảng 5 phút, không ai bảo ai tất cả các nhà đều cùng đốt những bánh pháo tốt nhất, dài nhất. Dân ta tin rằng, nếu pháo nổ danh, to, rền thì năm ấy gia đình gặp nhiều may mắn và ngược lại, nếu xịt thì gặp xui xẻo. Đốt pháo chắc chắn là một hệ quả của quá trình xâm nhập của văn minh Trung Hoa vào Việt Nam. (Những chứng cứ dân tộc học các cư dân bản địa cho thấy: Họ đón Tết năm mới mà không có đốt pháo).

Nguyên thủy, đốt pháo là một nghi thức ma thuật trấn áp. Người Tàu cũng như dân ta đều tin rằng, tiếng pháo sẽ trấn áp, đuổi được tà ma²².

Trải qua hàng ngàn năm, đốt pháo đã trở thành một phong tục không thể thiếu của dân ta khi đón Tết.

Về phương diện văn hóa, đốt pháo vào thời điểm giao thừa để đánh dấu thời điểm thiêng liêng "tống cựu, nghênh tân" đã trở thành một nghi thức mang tính biểu trưng, có nghĩa là *khôn thay thế*. Thực tiễn trong một số năm vừa qua cho chúng ta thấy rõ hơn về điều này; các nhà quản lý xã hội đã cố gắng thử thay thế tiếng pháo và việc đốt pháo bằng những nghi thức "mới" (như thả đèn, đánh trống, các diễn xướng trên vô tuyến truyền hình...) nhưng đều không thành công.

Về phương diện tâm lý, không đốt pháo gắn liền với sự trống rỗng bên trong của mỗi con người; không còn nữa sự háo hức đợi chờ thời điểm

²² Sách *Tìm hiểu phong tục Việt Nam* có ghi: "Đốt pháo cốt để trừ ma quỷ. Theo sách cũ chép lại thì giống ma núi gọi là Sơn tiên, khi phạm đến người thì người đau ốm, người ta phải đốt pháo để nó tránh sợ" (Toàn Ảnh, tr.18)

thiêng liêng (trẻ con, người già đi ngủ sớm, bác cha mẹ thì thay vì việc chuẩn bị bánh pháo sao cho khi đốt kêu to, giòn, họ lại phải giết thời giờ bằng những việc nội trợ khác...)

Và như thế, khi cái *thiêng* của thời điểm giao thừa không còn nữa thì Tết chỉ còn lại cái *tục* mà thôi. Thật đáng tiếc!

Hy vọng rằng, trong một thời gian không xa, tục đốt pháo sẽ được Nhà nước cho phục hồi và khi đó ngày Tết sẽ tung bùng, sống động và thiêng liêng hơn: người ta không chỉ *Ăn Tết* mà thực sự là *Kính* và *Vui Tết*.

Xông nhà

Là một nghi thức cầu may của người Việt: chọn một người nào đó để anh ta bước vào nhà mình ngay sau giao thừa. Tuổi của người ấy phải tương sinh hoặc hợp với con giáp mà năm mới được định danh (tính theo nguyên lý âm dương ngũ hành).

Ngày nay, số người có thể hiểu rõ nguyên lý âm dương, ngũ hành không có nhiều, đa số dân chúng chỉ căn cứ vào những chỉ dẫn của những tài liệu

không được lưu hành chính thức (ví dụ: từ vì theo tuổi, theo giới tính, hay lịch vạn sự...)

Nhiều người cũng chẳng phải quan tâm đến những nguyên lý phức tạp trên, họ chọn trong số bạn bè thân quen hay họ hàng một người đã và đang làm ăn phát đạt, con cái đầy đủ, gia đình hạnh phúc, rồi nhờ anh ta đến xông nhà mình (dân gian gọi là người tốt vía).

Có một số gia đình thì đại khái hơn, người đàn ông chủ nhà tự xông nhà mình hoặc cho một người con trai của họ tự làm điều đó. (Muốn thế, người này phải ra khỏi nhà trước giao thừa, khi tan tiếng pháo thì anh ta bước vào nhà của chính mình).

Trước kia, hễ nghe nhà nào đốt một tràng pháo sau thời điểm giao thừa là người ta biết ngay rằng: nhà ấy đã có người đến xông nhà.

Đĩ nhiên, người đến xông nhà phải nói những lời chúc tụng tốt đẹp nhất (phú, quý, thọ, an, Khang) cho gia chủ.

Chọn hướng xuất hành

Cho đến ngày nay, người Việt vẫn còn lưu giữ tục xuất hành theo hướng tương hợp, tương sinh với tuổi của mình, với con giáp của năm mới. Người cẩn thận còn kén cả giờ xuất hành để cầu tài đón lộc.

Lễ chùa, đình, đền

Trên đường xuất hành, người ta ghé qua đình, chùa hoặc đền, miếu để lễ Thánh, lễ Phật.

Trước kia, lễ này cần phải có lễ vật hân hoi (xôi, gà, hoa quả), nhưng nay đa phần chỉ thắp nén hương và dúi chút tiền vàng để cầu xin sự che chở của Thánh, Phật.

Hái lộc

Trên đường xuất hành, người ta cố gắng đi qua chỗ nào đó có cây Si, cây Đa để bẻ một cành lá. Đây là tục *hái lộc* (xin lộc của Trời, Đất, Thánh, Phật). Cành lá ấy - gọi là cành lộc - được mang về nhà cắm vào lọ cho đến hết Tết. Tục này biểu trưng cho mong ước "đám chồi, nảy lộc" (phát triển) của dân ta.

Tuy nhiên, ngày nay người đông, cây ít (đặc biệt là ở thành phố), tục hái lộc - vốn là một biểu thị

văn hóa - lại đang trở thành hành vi phản văn hóa (phá cây xanh, huỷ hoại môi trường). Vì thế tục này ngày nay không được khuyến khích, thậm chí bị cấm ở nhiều thành phố, địa phương.

Những năm gần đây, ở Hà Nội người ta đã tìm ra một "giải pháp" khá hữu hiệu để giải quyết vấn đề này. Vào đêm giao thừa, nhiều người mang những bó mía, nguyên cả cây, cả lá đứng chờ sẵn ngoài đường phố để bán cho những người đi hái lộc. Nếu điều này được lặp đi lặp lại trong vài năm nữa thì có thể nó sẽ trở thành phong tục "mới" có thể thay thế tục hái lộc (bẻ cành) cổ truyền.

2.4 Những tục lệ cổ truyền trong những ngày Tết

Mừng tuổi - Chúc tụng

Có thể nói, tất cả người Việt đều dậy rất sớm vào ngày mồng một Tết (kể cả những người thường ngày có thói quen ngủ muộn).

Dường như có một sức mạnh tinh thần nào đó đã giúp cho mỗi người cảm thấy khoẻ, vui vẻ (mặc dầu đã thức khuya). Sau khi vệ sinh cá nhân, mỗi người mặc bộ quần áo đẹp nhất mà họ có. (Xưa gia chủ mặc lễ phục, nay lễ này chỉ còn ở những

làng quê miền Trung Trung Bộ và một số làng quê Nam Bộ). Công việc đầu tiên của gia chủ là thắp nén nhang ở bàn thờ tổ tiên. (Người Việt tin rằng, trong các ngày Tết, tổ tiên được về ăn Tết cùng gia đình, vì thế suốt mấy ngày Tết, trên bàn thờ lúc nào cũng đốt hương thơm - thường là hương vòng, cháy được lâu và thơm).

Xưa kia, các gia đình thường chung sống ba thế hệ. Sáng mồng một, các cụ già ngồi sẵn trước ở vị trí trang trọng nhất để con cháu đến lạy mừng chúc Tết. Đối với người già, chữ Thọ là điều quan trọng nhất, vì thế muốn chúc gì đi nữa cũng không thể thiếu câu "sống lâu muôn tuổi!". Kèm theo lời chúc là những quà tặng của con cháu (có thể bằng tiền, bằng quần áo, vải vóc hay đồ vật quý khác). Các cụ chúc lại con cháu bằng những lời lẽ tốt đẹp và tình cảm yêu thương nhất và tặng lại con cháu mỗi người một ít tiền được gói trong phong bì đỏ (trong Nam Bộ, người ta gọi là tiền lì-xì).

Nay, ít còn những gia đình ba thế hệ, nhất là ở khu vực thành thị, nên trong các gia đình nhỏ này sự chúc tụng diễn ra chỉ giữa Bố mẹ - con cái. Thường thì, ở những gia đình này, con cái còn nhỏ (hoặc chưa trưởng thành) nên Bố mẹ vừa "lì

xì" vừa chúc con cái những điều tốt đẹp nhất. Con trẻ cũng chúc bố mẹ mình sức khoẻ và tấn tới trong công việc. Có lẽ thích thú nhất là lũ trẻ con (dưới 12 tuổi), chúng được ứng xử về tinh thần như những người lớn, đồng thời chúng lại được một khoản tiền nho nhỏ để ngày Tết có thể đánh bi, đánh đáo với lũ trẻ hàng xóm hay trong làng.

Đi Tết

Ngày xưa, người ta gọi là đi lễ Tết. Ngày Tết, người ta đi thăm nhau và cứ đến nhà nào người ta cũng phải làm lễ trước bàn thờ tổ tiên của nhà đấy rồi mới chúc tụng nhau.

"Việc lễ tết đối với các cụ là một việc rất hệ trọng. Ngày Tết, các cụ đi lễ hết các nhà họ xa họ gần trong làng, và khắp hết các nhà lân bang hàng xóm. Các cụ đi không hết, các cụ bắt con cháu đi thay.

Đừng ai tưởng đi lễ Tết như vậy là nhẹ nhàng. Rất mệt. Đến mỗi nhà phải lễ trước bàn thờ bốn lễ, ba vái, phải lên gối, xuống gối cúi đầu. Có nhiều nhà, có ông bà mới mất, thờ riêng một bàn thờ, khách đến lễ Tết phải lễ cả ở bàn thờ này. Đi lễ như vậy, đi suốt buổi, khắp họ hàng bè bạn, hàng

ngày phải lên gỏi, xuống gỏi mấy trăm lần. Tồn mỗi nhà lại chúc Tết, nói chuyện, ăn trầu uống nước. Có nhà lại ép mời khách ném bánh chưng, xôi chè làm bánh bống, mứt kẹo do nhà làm ra. Khách không dám từ chối sợ làm giống chủ nhà²³.

Đi Tết, về thực chất là ứng xử nhằm củng cố những quan hệ của nhóm, cộng đồng: con cái lễ Tết bố mẹ (rộng ra là họ hàng nội, ngoại), học trò lễ Tết thầy, cấp dưới lễ Tết cấp trên, người hàm ơn lễ Tết người đã ra ơn...

Nói tóm lại là người ta phải củng cố vô số mọi quan hệ xã hội. Tuy nhiên, dân gian đã đúc kết ba mối liên hệ cơ bản nhất mà dù bận mấy, khó khăn mấy người ta cũng không được phép xao nhãng:

"Mồng một thì ở nhà cha
Mồng hai nhà mẹ, mồng ba nhà thầy"²⁴

²³ Toàn Ánh - "Tồn điển phong tục Việt Nam", NXB Thanh niên, H.1992, tr.35

²⁴ Lê Trung Vũ giải thích như sau: "Nhà cha, ấy là họ hàng bên nội, họ của bố. Mồng hai nhà mẹ, họ hàng bên ngoại, họ của mẹ, đồng thời họ của vợ mình (nếu là người đã có vợ). Mồng ba đi lễ tết thầy. Thầy ở đây là thầy học. Nhưng nếu là con bệnh thì lễ tết thầy lang cũng đúng"

Nay, đi Tết vẫn là một phong tục rất được người Việt (cả nông thôn lẫn thành thị) ưa thích, đặc biệt là đối với lũ trẻ ở thành thị: rất thích đi theo bố mẹ, vì đến đâu chúng cũng được chủ nhà lì xì một chút tiền mới.

Ngoài lũ trẻ, còn một hạng người nữa cũng rất yêu thích tục này: Đó là vợ của các quan chức. Thực ra, việc đi lễ Tết của cấp dưới với cấp trên là hợp tình hợp lý (các cụ ta xưa cũng vậy), nhưng "vật chất hoá" quá đáng mối quan hệ này thì thật chẳng nên!

Ngày nay, cái "quy ước" "mong một về cha, mong hai về mẹ, mong ba nhà thầy" không chặt chẽ như trước nữa. Tuy nhiên, hầu như tất cả vẫn về lễ Tết "nhà cha" (đăng nội) vào sáng ngày mồng một. Từ chiều mồng một, người ta có thể đi Tết ở những đối tượng khác sao cho phù hợp với hành trình lễ Tết của mình.

Giông và kiếng

Dân ta tin rằng: vào ngày đầu năm, nếu ai vô ý, vô tình để xảy ra một điều gì đó không hay (vỡ đồ vật, to tiếng, mất tiền...) thì người đó sẽ gặp sự không may trong suốt năm ấy. Vì thế, "người ta tránh đi tất cả những cái gì có thể là một điềm gở

dem lại sự không may mắn quanh năm, nghĩa là tránh để khỏi bị giông"²⁵

Và để tránh Giông một cách có ý thức, dân ta đã có những điều kiêng trong những ngày Tết, nhất là ngày mồng một:

- Kiêng quét nhà (tránh mất của)
- Kiêng chửi mắng, đánh đập con cái (mong hoà thuận, êm ấm trong gia đình).
- Kiêng cho vay (tránh tàn tài, thua lỗ).
- Kiêng cho lửa (tránh "mất đồ", tức xui xẻo).
- Kiêng làm đổ vỡ các đồ ấm, chén, bát, đĩa (tránh sự đổ vỡ trong năm).
- Kiêng nói những câu có từ "chết chóc" (tránh chết chóc, thương tật).
- Kiêng râu rĩ, khóc lóc (tránh sự buồn rầu).
- v.v.

²⁵ Toàn Ảnh - "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", Nxb Thanh niên, H.1992, tr.37.

Các tục khai xuân

Xưa, còn có các tục khai xuân như khai bút (của tầng lớp có học), khai ấn (của tầng lớp quan lại), khai đao (của tầng lớp võ sỹ). Nay, những tục này không còn nữa, vì những tầng lớp này không còn trong xã hội đương đại nữa, duy chỉ còn tầng lớp thương nhân và nông dân là vẫn duy trì tục lệ của mình.

Thương nhân vẫn thực hành tục *mở hàng đầu năm*: từ ngày mồng hai, tùy theo từng người; người ta chọn ngày giờ nào đó, mở cửa hàng độ khoảng một giờ đồng hồ, thân quyến và bè bạn đến mua mở hàng có tính chất "lâm khước".

Nông dân có *lễ động thổ*. Nhưng các nghi thức cúng lễ này không còn được như xưa nữa, mặt khác, trong nhận thức cũng như trong hành động của nông dân có sự lẫn lộn hoặc kết hợp với các lễ khác như lễ Khai Hạ (mồng 7 Tết) hoặc lễ Hạ Điền (Tết Thân Nong).

Chính vì thế, lễ động thổ trên thực tế không còn là một phong tục của nông dân ta nữa.

Lễ Hạ nêu

Người ta gọi lễ này là lễ *Khai Hạ*, dân ta gọi giản đi là lễ *Hạ nêu*: tức là hạ cây nêu trồng trước Tết - kết thúc thời gian Tết Nguyên đán.

Ngoài lễ cúng trời, đất, người Việt vào ngày này còn làm lễ gia tiên.

Ngày nay, tuy Nhà nước chỉ cho nghỉ ít ngày (thường thì mồng bốn Tết đã đi làm) nên nhiều nhà (ở thành phố) đã "hạ nêu" vào ngày mồng ba hay mồng bốn. Ở nông thôn, "ngày rông tháng dài" hơn nên đa phần làm lễ này vào mồng bảy Tết.

Lễ này còn gọi là lễ *Hoá vàng*: kết thúc những ngày Tết, các gia đình tiễn đưa tổ tiên và đưa tổ tiên và đốt vàng mã thờ trong mấy ngày Tết để tổ tiên có tiền của mà dùng ở thế giới bên kia.

2.5 Các hình thức giải trí dân gian ngày Tết

Xưa, có lẽ chỉ có ngày Tết mới đem lại cho người nông dân (quanh năm bận rộn, lam lũ) cái cảm giác xa xỉ của sự dư thừa (theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng). Thật vậy, chỉ có ngày Tết người nông dân mới *no*, *say* (sự dư thừa về vật chất); mới được *đẹp* (sự dư thừa về thẩm mỹ); được nghe và nói những "lời có cánh" (sự dư thừa về phương

diện tinh thần); mới được rảnh rỗi (dư thừa về thời gian)... Tuy nhiên, những dư thừa ấy đâu sao cũng vẫn chỉ là những gì thuộc về trật tự của cái tục, chúng chỉ thực sự thăng hoa khi được hoà vào *tình cảm cộng đồng* (tức ý thức tập thể về sự thiêng liêng của những ngày Tết năm mới). Tóm lại, những ngày Tết đã thực sự đem lại sự thăng hoa toàn diện cho các thành viên trong cộng đồng và dường như chính do nhu cầu kéo dài sự thăng hoa ấy mà dân ta đã sáng tạo ra các sinh hoạt văn hóa tương ứng: Đó chính là các trò chơi dân gian.

Phù hợp với các thang bậc của sự thăng hoa ấy (theo năng lực kinh tế, vị thứ xã hội, lứa tuổi, giới tính) là hệ thống các trò chơi-giải trí khác nhau.

"Ăn tục - nói phét"

Có thể coi đây là cấp độ sơ đẳng nhất trong văn hóa giải trí của dân ta vào những ngày Tết.

Những ngày Tết, ngoài những bữa tiệc trong gia đình, họ mạc, các nhóm lứa tuổi thường tụ tập nhau lại để uống rượu và tán phét. Trạng thái say sưa, ngây ngất của các bữa rượu này khiến người ta bộc phát những khả năng sáng tạo tiềm ẩn. Những câu chuyện "một tác đến giờ" kiểu như "thi nói khoác", hoặc những bạo biện nhanh trí

(tuy hơi "cùn") kiểu như "con rắn vuông" hay "trời sinh ra thế"²⁶ chắc chắn là những sản phẩm từ những cuộc vui này.

Chủ đề được yêu thích nhất, hấp dẫn và bất tận nhất là những chuyện cười về sinh hoạt tình dục.

Có thể nói, nhờ hình thức giải trí này mà kho tàng chuyện dân gian truyền miệng Việt Nam vẫn còn lưu giữ được cho đến ngày nay.

Ở những nhóm xã hội có địa vị cao (chức sắc, phụ lão, có học) thì nội dung nói chuyện trong cuộc rượu thanh khiết hơn: chủ yếu là trao đổi, bình luận về thơ văn, thời cuộc.

Chơi tam cúc

Tam cúc là trò chơi được trẻ em và phụ nữ ưa thích. Ngày Tết, người ta chơi tam cúc ăn tiền. Tuy nhiên, số tiền rất nhỏ, vì thế người ta không quan niệm chơi tam cúc là đánh bạc (với số tiền nhỏ nhồi được mừng tuổi, các em bé, các bà, các cô có thể chơi tam cúc với nhau cho đến khi hết Tết).

²⁶ Xem truyện cười dân gian Việt Nam.

Ở nhiều làng quê vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, người ta còn lưu giữ cách chơi tam cúc điểm với tư cách là trò chơi cộng đồng.

Phải nói rằng, tam cúc điểm là một giá trị văn hóa rất đặc sắc: tại sân đình, miếu hay sân chùa, người ta dựng những chiếc điểm (chòi) cho những người chơi ngồi trên đó (thường là các bà đã cao tuổi, ăn mặc trang phục cổ truyền rất chỉnh tề), có một người (nam hoặc nữ đều được) chia bài và xướng (ngâm hát theo thể lục bát). Thông qua *xướng viên* này và thông qua hiệu lệnh bằng trống mà những người chơi phát ra (ví dụ: 1 hồi 3 tiếng cắc = ăn quân, 3 hồi = ù ...) mà dân làng có thể theo dõi được cuộc chơi. Nhưng thú vị nhất là sự thông minh, nhanh nhẹn, sáng tạo và óc hài hước của *xướng viên*.

Ví dụ như câu:

*"Pháo điệu ngọc thẳng vào cung
Tướng Bà trông thấy ung dung ăn liền"*

Chơi tổ tôm

Nếu như tam cúc là trò chơi dành riêng cho trẻ em và phụ nữ thì cánh đàn ông thường giải trí bằng trò chơi *tổ tôm*²⁷.

²⁷ Sách Việt Nam phong tục của Phan Kế Bính có chép như sau: "Đu năm người mà muốn bày cuộc tiêu khiển thì chỉ cho bằng đánh tổ tôm. Tổ tôm có ba hàng là hàng vắn, hàng vắn, hàng xách. Mỗi hàng có 9 con cờ từ nhất cho đến cửu. Hàng nhất gọi là hàng yếu đen, lại có thêm ba hàng yếu đỏ nữa là chi chi, cung thang và ông lão. Mỗi thứ có bốn con, cả thảy là 120 con bài."

Cỏ bài chia làm sáu phần, một phần để bóc nọc, còn năm phần mỗi người một phần. Người được cái hơn một con, phải phát ra trước, rồi cứ theo thứ tự mà ăn mà đánh. Ăn từ nhất đến cửu, gọi là ăn dọc; ăn hàng tam vào hàng tam, ngũ vào với ngũ... gọi là ăn ngang. Hai con cùng một giống gọi là phồng, ba con gọi là khăn, bốn con gọi là thiên khai.

Đánh tổ tôm, nước ăn nước bóc cũng làm nước cao, mà được trúng ý mình thì thích chí lắm. Có lúc bóc được những con bài kiệt thì sướng vô cùng, cho nên có câu rằng: "*thiên tử bất như tứ vạn*".

Bài phu nào vào phu ấy, gọi là bài thập thành, thì bóc quân yếu hay là ai đánh quân nào vào phu cũng ù được. Hoặc còn thiếu một con gì thì chờ con ấy ra mới ù được, ù như thế gọi là ù xuống.

Bài ù có tam vắn, tam xách, nhất vắn thì gọi là "có tôm"; có cửu vắn, bát xách, chi chi thì gọi là "có leo"; bài có 10 con đỏ gọi là "thập hồng"; bài đen gọi là "bach định"; chờ chi chi ù gọi là ù "chi nấy", ù các thứ ấy ăn tiền gấp một, hai, ba, bốn lần ù xuống". (Tr.364-365)

Tổ tôm là trò chơi của người Tàu được du nhập vào Việt Nam thông qua tầng lớp quý tộc và có học. Dần dà, trò chơi này được dân gian hoá ở khắp các làng xã cũng như thành thị Việt Nam.

Thật đáng ngạc nhiên, bộ quân bài tổ tôm gồm 120 quân, được in bằng toàn chữ Hán. Thế nhưng những nông dân thất học Việt Nam đều thuộc hết mặt chữ. Điều này đã cho thấy mức độ dân gian hoá mạnh cũng như độ dày lịch sử của quá trình dân gian hoá trò chơi này.

Cái hay của trò này không chỉ ở sự chặt chẽ, nghiêm túc của luật chơi, ở sự tính toán có tổ chức, trí tuệ của người chơi mà ở tính biểu tượng của các quân bài. Người ta thấy rất rõ sự đan xen giữa những nhân cách, sự kiện xã hội với những "nhân vật" trong bộ bài: những thành ngữ như "nhũn như chi chi", "cửu vạn", ... là biểu hiện sự thâm nhập biểu tượng từ những quân bài vào đời sống, ngược lại, ta có thể thấy được sự thâm nhập của đời sống vào quân bài, cách đánh bài qua thái độ của người chơi khi bốc phải một quân bài nào đó.

Một sáng tạo của người Việt Nam khi chơi bài của người Tàu là: Tổ tôm điểm. Có thể nói là bằng cách chơi này, dân ta đã chuyển tổ tôm từ hình thức giải trí nhóm nhỏ sang hình thức giải trí cộng đồng.

Cũng giống như tam cúc điểm, tổ tôm điểm được chơi ở sân đình, miếu vào những dịp Tết, lễ hội làng. Người ta dùng 5 điểm (chòi bằng tre, lợp lá); người chơi bài phải mặc lễ phục (áo the, khăn xếp) ngồi ở trên chòi, có một xướng viên kiêm chia bài, bốc bài; Bộ quân bài được làm bằng gỗ (giống như các thẻ bài). Người xem có thể theo dõi quá trình chơi bằng hiệu lệnh trống mà người chơi phát ra và lời xướng của xướng viên. Cũng giống như tam cúc điểm, giọng xướng và tính hài hước của xướng viên sẽ đem lại cho người xem những giây phút vui vẻ, bổ ích và lý thú.

Chơi cờ tướng

Cũng như tam cúc điểm, tổ tôm điểm, chơi cờ tướng cũng được các cộng đồng người Việt chuyển thành trò chơi mang tính cộng đồng.

Cờ người

Mười sáu nam thanh nữ tú (xưa, phải là những thanh đồng và thanh nữ) được các làng tuyển

chọn để đóng vai 32 quân cờ tướng. Ba hai quân mặc quần áo sắc sỡ và được bố trí đúng vào các vị trí của mình, riêng Tướng Ông, Tướng Bà được ngồi ngai có long che.

Hai kỳ thủ khăn áo chỉnh tề, điều khiển các quân cờ của mình bằng lá cờ lệnh. Mỗi lần quân cờ di chuyển thì chiêng trống nổi lên theo. Không khí đánh cờ này không khác gì một buổi tập duyệt binh mã của các tướng đời xưa.

Cờ thê

Các quân cờ được làm bằng những miếng gỗ có cán dài khoảng 1,8m. Chúng được chạm khắc tinh vi (các họa tiết long, ly, quy, phượng, hoa văn...) và được sơn son thếp vàng.

Hai kỳ thủ tự nhắc những quân cờ của mình đến cầm vào những vị trí cần đi.

Ngày nay, *cờ người* chỉ thỉnh thoảng mới có làng tổ chức chơi (vì sắm áo quần cho quân rất tốn kém). Đa phần, các làng chỉ chơi *cờ thê*.

Đánh bạc

Xưa, bát chước người Tàu, dân ta cũng ham thích nhiều kiểu đánh bạc: đánh bát, đánh chân, đánh xì - phé, đặc biệt là rất mê xóc đĩa²⁸.

Ngày nay, xóc đĩa là trò cờ bạc bị toàn xã hội lên án nên dân ta hầu như đã không chơi nữa, chỉ còn lại một số con bạc nghiện chơi lén, chơi liều.

Tuy nhiên, nay lại xuất hiện một trò đánh bạc kiểu mới (cũng học từ Trung Quốc) - gọi là *tá lá*.

²⁸ Xóc đĩa dùng bốn đồng tiền hoặc cát diêm làm tiền cho êm, một mặt bôi vôi cho trắng, một mặt bôi mực cho đen, người làm cái vỏ bốn đồng tiền ấy vào đĩa rồi úp bát lại mà xóc. Ngoài chỗ người xóc cái ngói thì chia hai bên làm hai mặt, một mặt chân và một mặt lẻ. Bao nhiêu người đánh bạc ngồi xúm chung quanh, ai đánh mặt nào bỏ tiền xuống mặt ấy. Đánh đâu đấy thì nhà cái mở bát; hễ bốn đồng tiền xấp cả, hoặc giữa cả, hoặc hai xấp hai giữa thì người đánh mặt chân được, sắp một đồng hay là ba đồng thì người đánh mặt lẻ được.

Bạc cô lúc đi một chân lại một lẻ, gọi là đi cái một; hai chân hai lẻ, gọi là bạc cặp; hai nỏ một kia, gọi là cặp lệch; ba nỏ một kia, gọi là ba dây; đi cả một dạo gọi là bạc đến; đến một dạo rồi ra mặt khác một cái lại về, gọi là hồi nung.

Nhà cái có quyền ăn mặt nào, muốn ăn mặt nào cũng được. Mà ý mình đâm mặt nào thì lại thừa thêm lên cho nhà con mở bát, nhà con mở mà trúng vào mặt của nhà cái thừa thì nhà cái được, không trúng thì nhà cái thua. (Phan Kế Bình, tr. 367)

Trò này dễ chơi, lại hấp dẫn nên lúc rỗi rãi ai cũng có thể chơi được và ham chơi. Cũng có một thiếu sót lợi dụng tính phổ thông của trò này đã dùng nó để đánh bạc (nếu đánh bạc thì số tiền qui định trong cuộc chơi sẽ gấp mười hoặc một trăm lần số tiền mà những người đánh giải trí với nhau thường qui định).

Các trò chơi của trẻ con

Ngày Tết, được một chút tiền mừng tuổi, bọn trẻ con dùng để mua ít pháo lẻ đốt chơi và để chơi bi, đánh đáo. Các bé gái thì chơi tam cúc. Đối với chúng, được thua chẳng đáng bao nhiêu nhưng niềm vui thì dường như được tăng lên gấp bội.

Các trò chơi truyền thống cộng đồng

Đây là các trò chơi thuộc loại cổ nhất của người Việt, người ta nhận thấy ở các trò này những lưu vết của những nghi thức ma thuật cổ xưa. Những trò kiểu này chỉ được chơi trong ngày Tết và dịp lễ hội làng.

Đu sông (Là trò chơi phổ biến nhất ở các cộng đồng người Việt.)

Thả đèn trời (Tương đối phổ biến.)

Chơi gà, thả chim, vật thờ, múa rồng, múa tứ linh. (Cũng là những trò chơi ngày Tết phổ biến trong các làng của người Việt)

Ngoài ra, ở một số địa phương, vào những ngày Tết còn có những trò "độc nhất, vô nhị" như thi pháo ở Đồng Kỵ (Bắc Ninh), "Bắt trạch trong chum" ở Lập Thạch (Vĩnh Phúc), "dánh phết" ở Hiền Quan (Phú Thọ), múa rồng hoặc múa tứ linh... Có thể nói, tính độc đáo, cộng thêm với tính phi thường của những trò này đã tạo nên những nét đặc thù trong bản sắc văn hóa của người Việt.

Nghệ thuật dân gian

Xưa và ngày nay cũng vẫn thế, các làng thường tổ chức biểu diễn các nghệ thuật dân gian để cả làng cùng thưởng thức: hát hò, múa rối nước, rối cạn, tuồng, chèo. Nhiều làng còn đóng góp tiền của để mời các kếp hát hay các đoàn nghệ thuật ở địa phương khác về biểu diễn giúp vui cho làng mình.

Vào ngày Tết (hay ngày lễ hội cũng vậy), các nghệ thuật dân gian này có chức năng chủ yếu là giúp cho mọi người giải trí - tái sáng tạo.

4. Kết luận

Tết Nguyên đán của người Việt - như chúng tôi đã trình bày ở các phần trên bằng cách liệt kê những biểu thị văn hóa của nó - bất luận nguồn gốc từ đâu thì nó cũng đã được người Việt thực thao hàng ngàn năm. Nói cách khác, Tết Nguyên đán đã, đang và sẽ là biểu thị chính yếu của văn hóa người Việt.

Cho đến nay, văn hóa Tết có biến cải, nhưng dường như vẫn không bị tác động của những biến đổi kinh tế, chính trị, xã hội là bao. Chúng tôi - những người biên soạn cuốn sách này - có một dự cảm khoa học rằng: khi nền kinh tế, chính trị, xã hội của ta càng phát triển thì *Tết cổ* của ta sẽ càng mang tính ổn định hơn và xu hướng của nó sẽ là sự ưu thắng của văn hóa cổ truyền.

PHẦN II.

TẾT NĂM MỚI
CỦA MỘT SỐ TỘC ÍT NGƯỜI

Đặc điểm của Tết năm mới các tộc ít người ở Việt Nam

Trần Bình Minh

Mỗi quốc gia, dân tộc đều có những phong tục, tập quán, tiếng nói và đặc điểm riêng, nhưng chắc chắn không một quốc gia, một dân tộc nào trên "cái thế giới nghiêng 23°" này lại không có những ngày Tết đón mừng năm mới vừa náo nhiệt lại vừa linh thiêng. Cuộc sống hẳn sẽ tẻ nhạt, con người hẳn sẽ thiếu sự sáng tạo nếu không có Tết.

Mặc dù ở mỗi dân tộc, mỗi quốc gia, Tết năm mới được biểu hiện dưới rất nhiều hình thức khác nhau, mang những sắc thái riêng của dân tộc; song, nhìn chung, Tết đều là dịp để tất cả mọi người xua đi những nỗi phiền muộn, tổng tiền cái cũ - cái rủi ro, đón nhận cái mới - cái may mắn.

Có thể nói, Tết là đổi mới, là hy vọng của mỗi cá nhân nói riêng và cả cộng đồng dân tộc nói chung. Tết mang đến cho tất cả mọi người (chẳng trừ một ai) một sức mạnh tinh thần mà khó có hoạt động nào có thể thay thế được. Do vậy, ở khắp mọi nơi, mọi vùng trên thế giới, người ta luôn háo hức, đón chờ Tết.

Vốn chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa - một công việc mà thành quả của nó phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên, hơn ở đâu hết, Tết năm mới càng có ý nghĩa quan trọng với những người dân Việt Nam. Bởi, những hy vọng và niềm tin mà Tết năm mới mang lại chính là cơ sở để họ - những người nông dân Việt Nam - củng cố sự bền bỉ, nhẫn nại, chịu thương, chịu khó năng nôi, chăm sóc những nhành lúa mảnh mai, yếu ớt đâm bông, trổ hạt, làm nên những vụ lúa bội thu cho cuộc sống ấm no hạnh phúc. Và, Tết năm mới được cả dân tộc Việt Nam trân trọng đón nhận như đón nhận một luồng sinh lực mới.

Với tư cách là một lễ hội lớn nhất năm trong hệ thống lễ hội của mỗi dân tộc, Tết năm mới tập trung mọi biểu thị của văn hóa truyền thống, tập trung toàn bộ những tinh túy của các giá trị văn hóa truyền thống của mỗi cộng đồng dân tộc. Cho nên, để hiểu rõ về đất nước Việt Nam, hiểu rõ về con người Việt Nam, không thể không nghiên cứu

Tết cổ truyền của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, việc nghiên cứu những biểu hiện của Tết ở các tộc ít người Việt Nam không những sẽ bổ sung hoàn chỉnh màu sắc và đường nét cho bức tranh "đất nước - con người Việt Nam", mà trong sự so sánh với những biểu hiện hiện tồn ở Tết của tộc đa số (tộc Kinh), nó còn cho thấy sự vận động, biến đổi của Tết nói riêng và của truyền thống văn hóa Việt Nam nói chung trong quá trình thích ứng với xã hội hiện đại. Nó sẽ là căn cứ để chúng ta, có thể dự đoán được xu hướng biến động của Tết trong tương lai; phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống của Tết vào đời sống xã hội hiện đại; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam "tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" như nghị quyết đại hội Đảng đã đề ra. Đồng thời, đó cũng là cơ sở để các cán bộ văn hóa xem xét, tổ chức những cái Tết năm mới sao cho, vẫn mang đầy đủ ý nghĩa tinh thần, đủ các nghi thức cần thiết mà vẫn phù hợp với hoàn cảnh kinh tế - xã hội hiện nay của đất nước ta.

Như mọi người đều biết, Tết năm mới là một nghi thức được tiến hành để đánh dấu một chu kỳ thời gian một năm. Khi quan sát các Tết nói chung, người ta nhận thấy chúng luôn được gắn với sự chuyển đoạn của một chu kỳ thời tiết (như tết Trung Thu đánh dấu chu kỳ chuyển đoạn từ thời

tiết nóng bức sang mát mẻ; tết Thanh Minh đánh dấu chu kỳ chuyển sang tiết trời trong sáng...). Có lẽ chính vì vậy mà Tết đã được nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đó là sự biến âm của từ "tiết". Tuy nhiên, có một điều rất thú vị là mọi dân tộc trên thế giới đều chọn sự chuyển đoạn từ mùa đông sang mùa xuân (với những nơi có bốn mùa), hoặc từ mùa khô sang mùa mưa (với những nơi chỉ có hai mùa) để làm mốc cho một năm. Và Tết năm mới chính là ngày đầu tiên của sự chuyển đoạn ấy. Vào thời đoạn này, ở tất cả mọi nơi trên trái đất, cỏ cây hoa lá đều đâm chồi, nảy lộc, muông thú sinh sôi. Thiên nhiên như được sống lại một sức sống tươi trẻ. Chắc hẳn sự hồi sinh của thiên nhiên đã khiến con người liên tưởng đến những mong ước hồi sinh của chính mình, nên họ đã chọn thời điểm bắt đầu của sự chuyển đoạn ấy của thiên nhiên để tiến hành nghi thức đánh dấu cho một chu kỳ thời gian của mình? Chỉ biết Tết năm mới luôn được gắn với mùa xuân, mùa của sự sinh sôi nảy nở, mùa của những sức sống mới.

Ở Việt Nam, vào lúc đất trời chuyển đổi mùa đông sang mùa xuân (miền Bắc Việt Nam), từ mùa khô sang mùa mưa (miền Nam Việt Nam) cũng là lúc kết thúc các công việc đồng áng (mùa màng đã thu hoạch xong) của vụ lúa cũ, mọi người nghỉ ngơi để chuẩn bị bước vào vụ lúa mới.

Trong thời gian nghỉ ngơi này, ở mọi vùng trên lãnh thổ Việt Nam, người ta tổ chức rất nhiều các lễ hội để tạ ơn Trời - Đất, tạ ơn tổ tiên, thần linh, nhưng náo nhiệt và linh thiêng nhất vẫn là Tết đón năm mới. Mặc dù ngày nay, hầu như mọi quốc gia trên thế giới đều tổ chức đón mừng năm mới vào ngày 1/1 theo lịch mặt trời (lịch dương) - loại lịch đã được phổ biến và sử dụng ở khắp toàn cầu, nhưng ở các quốc gia Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng, bên cạnh nghi thức đón Tết năm mới theo lịch dương, vẫn tồn tại nghi thức đón Tết theo lịch âm (lịch tính theo chu kỳ chuyển động của trái đất với mặt trăng, lịch canh tác). Và nghi thức đón năm mới theo lịch âm được coi là quan trọng hơn bởi nó gắn liền với nhịp sống, sinh hoạt lao động từ bao đời nay của các dân tộc này; nó chứa đựng gần như toàn bộ những phong tục, tập quán, lối sống và các đặc điểm truyền thống của các dân tộc Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng (cũng chính vì thế mà nó còn được gọi là Tết cổ truyền).

1. Do địa hình kéo dài, có biển, đồng bằng, cao nguyên và rừng núi thích hợp với không gian sinh tồn của người cổ xưa; từ rất sớm, Việt Nam đã là nơi tụ hội của nhiều tộc người nói những ngôn ngữ khác nhau. Tuy phần lớn các tộc đều trồng lúa: hoặc lúa cạn (lúa nương rẫy), hoặc lúa nước sau

khi nông nghiệp được ra đời từ săn bắt hái lượm; nhưng tùy theo đặc điểm của tiểu địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng và thời tiết của từng vùng định cư mà mỗi tộc có một hình thức trồng lúa khác nhau, lịch xác định thời vụ canh tác vì thế ít nhiều cũng có sự khác nhau. Điều này dẫn tới thời gian nghỉ ngơi giữa vụ và ăn Tết năm mới giữa các tộc cùng chung sống trên lãnh thổ Việt Nam cũng có sự chênh lệch nhau. Chẳng hạn lịch canh tác, nghỉ ngơi của người Gié Triêng (Tây Nguyên) là :

- Tháng giêng và tháng hai: bắt đầu phát nương
- Tháng ba: đốt rẫy, dọn nương để chuẩn bị trồng trọt
- Tháng tư: gieo lúa sớm, trồng ngô, sắn
- Tháng năm: trồng lúa muộn
- Tháng sáu, bảy: làm cỏ lúa sớm, trồng khoai, thu hoạch ngô
- Tháng tám: thu hoạch lúa sớm
- Tháng chín, mười: thu hoạch lúa muộn, chuẩn bị đón Tết năm mới
- Tháng mười một: ăn Tết

- Tháng chạp: đi tìm nương¹

Như vậy, tháng nghỉ ngơi đón Tết cổ truyền của người Gié Triêng là vào tháng mười một (theo lịch Gié Triêng) tức vào khoảng tháng ba dương lịch. Trong khi đó, ở người Khơ-mú (vùng Tây Bắc) thì nông lịch lại quy định là:

- Tháng giêng: nghỉ ngơi, làm vườn, gieo ngô. Ăn Tết, làm nhà

- Tháng hai: nghỉ ngơi, làm vườn, làm nhà. Phát nương mới hay làm cỏ nương cũ.

- Tháng ba: bắt đầu thực sự làm nương, tìm nương, phát nương, đốt nương ngô.

- Tháng tư: tiếp tục làm nương ngô, gieo ngô, đốt nương, dọn nương lúa sớm

- Tháng năm: tiếp tục đốt nương lúa, gieo lúa sớm, bắt đầu trồng cây ăn củ (khoai sắn)

- Tháng sáu: hoàn thành việc gieo trồng lúa, trồng khoai sắn, làm cỏ lúa nương sớm và ngô.

- Tháng bảy, tám: làm cỏ lúa mùa; thu ngô sớm; trồng đậu, làm ruộng nước

- Tháng chín: thu hoạch lúa sớm

¹ Theo lịch ở cuốn "Phong tục các dân tộc Đông Nam Á", Nxb Văn hóa dân tộc, H 1997, tr 308

- Tháng mười: thu hoạch lúa mùa giữa
- Tháng mười một: thu hoạch lúa nương, cúng lễ nông nghiệp lớn
- Tháng chạp: thu hoạch lúa ruộng²

Theo lịch trên, tháng nghỉ ngơi và thực hành ăn Tết của người Khơ-mú lại vào tháng đầu năm (tháng giêng) tức vào khoảng tháng một- hai dương lịch.

Ở các tộc Chăm, Khơ-me, tháng nghỉ ngơi đồng thời là tháng tiến hành nghi thức đón năm mới lại vào khoảng tháng bảy (lịch Chăm, tức là vào khoảng tháng tư dương lịch).

Vậy là, ở các tộc ít người, Tết năm mới không nhất thiết phải là ngày đầu tiên của năm mới. Nhưng dù cho Tết năm mới được tiến hành vào những ngày đầu năm mới (như ở các tộc Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao, Dáy...), hay vào ngày giữa năm (như ở các tộc Chăm, Khơ-me...), hoặc cuối năm (như ở các tộc Ê-đê, Khơ-tu, Xơ đâng, Ba-na, Gié Triêng) thì Tết năm mới bao giờ cũng được tiến hành vào khoảng thời gian chuyển mùa của vùng mà tộc ấy định cư: hoặc chuyển từ mùa đông sang mùa xuân, hoặc chuyển từ mùa

² Đặng Nghiêm Vạn "Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam", H.1972, tr. 47-48

khô sang mùa mưa; nói cách khác, chuyển từ mùa của sự khô cằn già cỗi sang mùa của sự sinh sôi nảy nở.

Ngày nay, mọi tộc ít người cùng chung sống trên dải đất hình chữ S đều tiến hành nghi lễ đón mừng năm mới (Tết Nguyên Đán) vào cùng một thời điểm: nửa đêm 30 tháng chạp năm cũ và rạng sáng mồng một tháng giêng năm mới, theo loại lịch âm áp dụng lịch phương bắc của Trung Quốc giống như dân tộc Kinh, nhưng trước đây thì không phải vậy. Như trên đã nói, mỗi tộc người tùy theo lịch canh tác (tức tùy theo thời gian nghỉ ngơi các công việc nhà nông), và tùy theo sự chuyển mùa của thời tiết vùng định cư để xác định lịch đón Tết năm mới của mình, nên chu kỳ một năm chính là chu kỳ một vòng sản xuất. Chu kỳ ấy không nhất thiết là bao nhiêu ngày và một năm không nhất định phải đủ 360 ngày. Do vậy, Tết năm mới (trước đây) ở các tộc ít người không cử hành vào một ngày nhất định nào cả. Thường thì sau khi thu hoạch lúa, họ họp cả làng, bản buôn... để ấn định ngày cử hành Tết năm mới. Ở một số tộc, người ta căn cứ vào mùa hoa nở đặc trưng của vùng (trong khoảng thời gian này) để xác định thời điểm bắt đầu của năm mới như người Thái (Tây Bắc), năm mới được bắt đầu khi bông hoa ban nở trắng núi rừng; người H'mông (Lào Cai) lại bắt

đầu tiên hành nghi thức Tết năm mới khi hoa "chó đẻ" đỏ thắm khắp vùng; Một vài tộc sống ở vùng rừng núi Tây Nguyên hùng vĩ lại ấn định ngày đầu năm mới của mình khi những bông hoa pơ lang bắt đầu hé nở... Nhưng cho dù thời điểm đón Tết năm mới được bắt đầu vào ngày nào thì ngày ấy cũng không nằm ngoài khoảng thời gian nghỉ ngơi (giữa hai vụ lúa) của họ.

Khi nhìn vào nông lịch của các tộc ít người, người ta dễ dàng nhận thấy nông lịch nào cũng có hai tháng nghỉ ngơi (ở người Gié Triêng là hai tháng mười một và mười hai được gọi là tháng "blan ning nông"; ở người Kơ Mú là tháng một và hai). Theo phân tích của nhiều nhà khoa học, thì trước khi có sự ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc và Ấn Độ, các tộc người Việt Nam vẫn chia một năm thành mười hai tháng (tháng tính theo mặt trăng: khi bắt đầu có trăng là đầu tháng và khi tắt trăng là cuối tháng. Năm được tính theo mặt trời hoặc các vì sao). Nhưng nông lịch thì lại chỉ có mười tháng và các tháng đều được gắn với công việc sản xuất. Hai tháng còn lại là hai tháng nghỉ ngơi và không có tên (chẳng hạn như lịch của người Chăm: mười tháng đầu được gọi theo số thứ tự là tháng một, tháng hai, tháng ba... Hai tháng cuối thì không được gọi theo số thứ tự mà lại được gọi theo hai cái tên Ấn Độ là "Pilanpuhy" và

"Pilanmak". Thực ra hai tháng cuối trước khi có ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ thì nó là hai tháng không có tên). Như vậy, thời gian nghỉ ngơi của các tộc người Việt Nam đều được bắt đầu sau vụ gặt hái và kéo dài cho đến khi bắt đầu công việc cày cấy của vụ sau. Do vậy, khi nói đến thời gian nghỉ ngơi của người nông dân, người ta thường nghĩ ngay đến thời gian sau vụ gặt hái. Chỉ sau vụ gặt hái, người nông dân mới thực sự được nghỉ ngơi. Đối với họ, những người trồng lúa thì không một khoảng thời gian nào trong năm lại vui và có nhiều ý nghĩa như khoảng thời gian này. Đây không chỉ là dịp để mọi người nghỉ ngơi đơn thuần, mà đó còn là dịp để mọi người cùng nhau ăn mừng thành quả của một năm trời lao động vất vả, nhọc nhằn, đầy mồ hôi và nước mắt; đồng thời cũng là dịp để những người nông dân hiến lành chất phác bày tỏ lòng biết ơn của mình với tổ tiên, những đấng linh thiêng đã phù hộ cho họ vụ lúa mới thu hoạch. Cho nên, Tết năm mới với tư cách là một lễ hội lớn nhất nằm trong hệ thống các lễ hội được tổ chức trong thời gian này, có nhiều biểu hiện của một lễ hội mùa.

Nếu căn cứ vào lịch canh tác của các tộc ít người thì rất có thể trước khi áp dụng lịch phương Bắc của Trung Quốc, ở nhiều tộc người Việt Nam, Tết năm mới cũng đồng thời là Tết mừng lúa mới,

cơm mới, xôi mới hoặc cốm mới, các dạng thức của lễ hội mùa. Bởi khi ấy, các tộc người Việt Nam (kể cả tộc Kinh) một năm chỉ làm có một vụ lúa. Mà, cũng như mọi loài thảo mộc khác, lúa chỉ có thể nảy mầm trong khí hậu ẩm áp và có mưa của mùa xuân; chín vào mùa khô (ngày nay, do áp dụng nhiều biện pháp kĩ thuật, người ta mới có thể canh tác nhiều vụ trong một năm). Do mỗi vòng đời của cây lúa tương ứng với một chu kì thời gian là một năm, nên rất có thể Tết mừng cơm mới (xôi mới, cốm mới...) vừa là cuộc lễ bày tỏ kính ý trước những thành quả lao động của một chu kì sản xuất, đồng thời vừa là cuộc kỉ niệm đánh dấu sự chuyển đoạn của một chu kì thời tiết. Xin được đưa ra vài dẫn chứng:

Với người Cờ ho (Lâm Đồng), khi nói đến Tết năm mới, người ta nói ngay đến Tết mừng lúa mới. Trong ý nghĩ của mọi người dân Cờ ho, Tết lúa mới chính là Tết cổ truyền lớn nhất của tộc. Tết này thường được bắt đầu vào khoảng tháng ba dương lịch, sau khi đã thu hoạch lúa. Vào buổi chiều ngày an định (ngày tốt theo quan niệm của người Cờ ho), khi mặt trời đã lặn, mọi người ngồi vây quanh bếp lửa và kho thóc (theo thứ bậc thành hàng lối). Người chủ gia đình đứng giữa đám đông đặt một con gà còn sống lên bàn thờ, mọi người

trong gia đình theo sự hướng dẫn của ông cùng hướng về bàn thờ mà cầu khẩn rằng:

"Khẩn cầu Thượng đế nhận lời cảm tạ của mọi người. Thượng đế đã ban phúc cho dân làng, dân làng đã có thóc lúa ăn quanh năm, sức khỏe được dồi dào để làm việc hơn, mùa sau kết quả lại tốt đẹp hơn"

Khẩn xong, ông lấy dao cắt tiết gà, vẩy máu nó vào kho thóc, vào các vò rượu, vẩy cả lên cửa nhà (đó là một hành vi hiến tế mang ý nghĩa phồn thực). Sau nghi lễ linh thiêng này, mọi người cùng nhau vui vẻ uống rượu, ca hát trong tiếng trống, công chiêng náo nhiệt cho tới sáng hôm sau.

Ở Tết mừng năm mới ngày nay của người Cờ ho, nghi lễ trên vẫn được tiến hành trước thời điểm linh thiêng của ranh giới giữa năm mới và năm cũ.

Tương tự như người Cờ ho, người Mạ và người Churu cũng coi năm mới như là Tết đón lúa mới. Vào buổi chiều trước khi làm lễ, người con rể của gia đình cầm dao nhọn đâm vào dưới bả vai của con lợn, ruột gan lợn được để riêng để cúng thần. Khi cuộc lễ được bắt đầu, chủ nhà tay cầm cần

rượu, đưa qua mọi người (đang ngồi quanh vựa thóc), cùng mọi người cầu khẩn thần linh. Sau khi cầu nguyện xong, chủ nhà cắm cần rượu vào ghè rượu, mời mọi người cùng uống (theo thứ tự lớn bé). Tiếp đó, chủ nhà cùng mọi người đi tới vựa thóc và ngồi vào đó. Theo ông Toan Ánh thì "sự kiện leo từ dưới lên thông trên vựa thóc này là một dấu hiệu mừng xuân mới"⁴. Người chủ nhà quỳ trên đồng thóc cầu khẩn và giết một con gà nhỏ máu vào kho thóc. Tiếp đó ông ta trộn máu gà với một ít vỏ bàng, một ít dây leo, đất tổ mối và rượu rồi bôi lên nhà cửa, thậm chí ông còn bôi cả lên mọi người trong gia đình để lấy may. Thịt con gà được giã nhỏ chia ra mỗi người một ít để mọi người cùng được hưởng lộc của Thần lúa.

Ở các tộc Ê-đê, Xơ đăng, vào buổi chiều ngày 30 Tết (theo lịch âm ngày nay), mọi người trong buôn thường tụ họp đông đủ tại nhà rông, mang theo rượu gà, bánh trái, tùy khả năng của mỗi người. Vào thời điểm bước sang năm mới, sau khi nghe dài phát thanh truyền đi lời chúc mừng năm mới, chủ làng đứng lên cầu khẩn thần linh và các tổ tiên của tộc. Rồi mọi người bắt đầu uống rượu, nhảy múa xung quanh bếp lửa, gân chỗ hàn thờ, vừa tung ném cơm, xôi vào nhau, vừa ca hát chúc

⁴ Sđd - tr 45

tụng nhau. Trong tâm thức của mọi người dân Việt Nam nói chung và của người Ê-đê, Xơ đăng nói riêng, hành vi tung ném cơm, xôi vào nhau vừa có ý nghĩa cầu mong mùa màng năm tới tươi tốt, vừa mang ý nghĩa cầu chúc năm mới hạnh phúc ấm no cho từng các nhân mỗi người (bởi lúa gạo là biểu tượng là linh hồn của sự sống, của hạnh phúc của mọi người dân trồng lúa). Đáng chú ý là những điệu múa được thực hiện ở đây phần lớn đều được mô phỏng từ những động tác lao động của công việc thu hoạch lúa: gặt hái lúa, đập lúa, giã gạo, sàng sảy thóc... Hầu hết nội dung của lời ca trong cuộc vui này đều ca ngợi hạt lúa vàng tràn ngập nương rẫy, ca ngợi cuộc sống thanh bình tươi đẹp. Có thể nói, mọi biểu hiện của Tết năm mới của người Ê-đê và Xơ đăng đều mang ý nghĩa của một lễ hội mùa (tiêu biểu là của lễ hội mừng lúa mới).

Ở các tộc ít người khác sống vùng rừng núi Tây Nguyên, tình hình cũng tương tự như vậy. Phần lớn đồng bào ở các tộc này đều có chung quan niệm về Tết năm mới như là Tết lúa mới.

Tục giã cơm đón xuân (gọi là tục đâm đuống) của người Mường vùng Tây Bắc cũng là một biểu hiện cho thấy nhiều khả năng Tết năm mới trước đây của họ có thể đồng thời cũng là Tết cơm mới. Vào đêm 30 Tết, người ta chọn những chiếc máng gỗ tốt, kê thành hai dãy dài. Các cô gái xinh đẹp

(được tuyển chọn kỹ) mặc những bộ trang phục truyền thống sắc sỡ, duyên dáng cầm chày giã gạo. Nhịp chày như nhịp trống báo hiệu một năm mới đầy hứa hẹn sắp tới, tạo một không khí vừa náo nhiệt lại vừa linh thiêng bao trùm khắp bản. Cũng như hành vi tung ném cơm xôi ở các tộc Ê-đê. Xơ dăng, giã cơm đầu xuân áp ủ ước vọng cầu mong cây lúa trên nương luôn trở bông, đảm hạt để họ được sung túc mãi mãi như những ngày Tết.

Lễ vật dâng cúng thần linh và tổ tiên chiều tối ngày 30 Tết của các tộc ít người cũng mang nhiều ý nghĩa của một lễ hội mùa, lễ hội tạ ơn. Trong lễ vật dâng cúng thần linh và tổ tiên chiều ngày 30 Tết của người Chăm, người ta thấy có 3 quả trứng gà, rượu, trầu cau, hoa quả, bánh trái, cơm xôi... Những lễ vật ấy, nhất là trứng gà, cơm là lễ vật không thể thiếu được ở Tết cơm mới của người Chăm. Trứng gà mang ý nghĩa phồn thực: vừa mong ước về sự sinh sôi nảy nở, vừa là biểu tượng cho ước mong về hạt lúa to, mẩy (do hình dáng của trứng gà giống như hình dáng của hạt lúa). Dâng cúng trứng gà vừa là hành vi cảm ơn thần linh, tiên tổ, vừa là hành vi cầu mong vụ lúa tới bội thu, đồng thời cũng là hành vi mong muốn con cháu đầy đàn, hạnh phúc. Đặc biệt để tỏ lòng biết ơn của mình với những vị thần linh tiên tổ đã phù hộ cho những vụ lúa bội thu bao giờ trong năm

cùng cũng có một vài sản phẩm được chế từ vật liệu là loại gạo mới ngon nhất (của vùng làm lễ). Ở người Kinh, đó là bánh chưng, ở phần lớn các tộc ít người sống ở vùng miền Trung Nam bộ và Nam bộ là bánh tét, vùng núi phía Bắc (Tây Bắc) là bánh tày, hoặc các loại bánh dày và xôi (loại gạo thơm và ngon nhất theo quan niệm của họ). Điều đáng chú ý ở đây là hình dáng các loại sản phẩm phổ biến trong lễ vật dâng cúng thần linh của các tộc ít người đều mang hình dáng của tín ngưỡng phồn thực, đó là những chiếc bánh chưng gói dài (được gọi là bánh tét hay bánh tày...) và những chiếc bánh dày, đĩa xôi đóng tròn... Thậm chí, ngay trong việc sắp xếp mâm cúng thần linh, người ta cũng thấy được tín ngưỡng phồn thực in đậm trong đó. Tất cả điều đó đều cho thấy ước nguyện cầu mùa màng liệ của các tộc trồng lúa. (Nhưng, điều đáng nói ở đây là cho đến tận ngày nay, những thực hành ấy vẫn tồn tại ở các tộc ít người rất sâu đậm, mà ở tộc Kinh, sự bao phủ bởi các tầng lớp văn hóa do ảnh hưởng của sự giao lưu đã làm mờ nhạt chúng).

* Mặc dầu vậy, chúng ta vẫn có thể nhận thấy, biểu trưng bánh chưng, bánh dày hay những phong tục khác như tục gói gạo đem 30... là những dấu vết cổ xưa nhất về Tết nam mới của người Việt có vẫn tồn tại đến ngày nay.

Như vậy, nhìn chung, ở các tộc ít người, Tết năm mới có nhiều biểu hiện của Tết lúa mới (cơm mới, cốm mới...). Với họ (các tộc ít người), lúa về mang Tết đến. Tết năm mới là dịp để họ thể hiện sự gắn bó, trân trọng của mình với hạt lúa. Vẫn biết rằng phản ánh cuộc sống sinh hoạt và lao động của người nông dân trồng lúa là một đặc trưng cơ bản của mọi lễ hội cổ truyền ở Việt Nam. Vẫn biết rằng, cây lúa cùng chu kỳ sinh trưởng của nó là cơ sở của mọi Lễ-Tết-Hội cổ truyền ở Việt Nam. Song, điều đáng nói ở đây là trong nghi thức tiến hành Tết năm mới của các tộc ít người ngày nay, chúng ta bắt gặp khá nhiều hình thức thể hiện về cuộc sống thu hoạch của người nông dân.

Cũng có thể là do ngày nay, đông bào các tộc ít người không còn trồng lúa một vụ, mà cũng như tộc Kinh, họ đã trồng nhiều vụ, đồng thời với việc áp dụng thâm canh, nên thời gian nghỉ ngơi ít, không có điều kiện để tổ chức thực hiện nhiều lễ hội như trước. Vì thế, Tết năm mới còn là dịp để họ tiến hành những nghi lễ của Tết cơm mới, lễ hội cầu mùa (?). Tuy nhiên, dù Tết năm mới ở các tộc ít người không trùng với Tết lúa mới, thì nó - Tết lúa mới - cũng là cơ sở, nền tảng của Tết năm mới.

2. Mặc dù mỗi tộc người, tùy theo đặc điểm khí hậu của vùng sinh sống, có thể chia một năm thành hai mùa, ba mùa (như tộc Chăm) hay bốn mùa (như lịch pháp Ấn Độ)... Nhưng nhìn chung, mọi tộc người cư trú trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa.

Không phải ngẫu nhiên mà các tộc người Việt Nam (và cả Đông Nam Á) đều chọn thời điểm đón Tết năm mới khi thời tiết bắt đầu chuyển sang mùa mưa (mà không phải là chuyển từ mùa mưa sang mùa khô). Như trên đã nói, mọi lễ hội nói chung và Tết nói riêng của các dân tộc Việt Nam đều được gắn chặt với chu kỳ sản xuất nông nghiệp, gắn chặt với sự phát triển của cây lúa. Chu kỳ ấy có thể chỉ được bắt đầu vào mùa mưa, vì mùa mưa mới có đủ điều kiện để hạt lúa nảy mầm, và kết thúc vào mùa khô, mùa để những hạt lúa chín vàng. Chính vì thế, với các tộc làm nông nghiệp trồng lúa (như các tộc người ở Việt Nam) thì bước sang năm mới cũng chính là bước vào một chu kỳ sản xuất mới, bước vào một vụ làm ăn mới, một vụ lúa mới. Nên, Tết năm mới bao giờ cũng được tổ chức vào thời điểm chuyển từ mùa khô sang mùa mưa. Nếu quan sát những ngày Tết năm mới cổ truyền của các tộc ít người, chúng ta sẽ luôn bắt gặp những trận mưa đầu mùa đổ xuống trong khi tiến hành các nghi lễ của Tết năm mới.

Và chúng (con mưa) luôn được mọi người hồ hởi đón mừng như đón mừng những điều tốt đẹp của một năm mới.

Việc đón nhận những cơn mưa đầu mùa như là đón nhận những món quà quý báu của thần linh gửi tặng phần nào đã chứng tỏ vai trò quan trọng của nước đối với sự sống còn của những tộc ít người Việt Nam nói riêng và các tộc người Việt Nam nói chung. Vẫn biết rằng, với loài người, nước là một trong những yếu tố quan trọng trong đời sống sinh hoạt của họ. Nhưng, đối với những dân tộc làm nông nghiệp, nhất là nông nghiệp lúa nước thì nước càng có vai trò quan trọng hơn. Có thể nói điều kiện tiên quyết để cây lúa tốt tươi, đảm bảo cho cuộc sống ấm no hạnh phúc cho những tộc làm nông nghiệp trồng lúa chính là nước (người Việt có câu: "nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống"!). Do vậy mà một trong những mục đích đón Tết năm mới của các tộc ít người (và cả tộc Kinh) là cầu nước. (Và đó chắc cũng là một trong những lý do khiến các tộc người Việt Nam chọn thời điểm đón Tết khi những cơn mưa đầu mùa xuất hiện). Mục đích cầu nước gần như bao trùm toàn bộ mọi hoạt động của Tết năm mới trong các nghi lễ, trong phong tục và cả trong các trò vui chơi. Bởi với họ, có nước mới có sự sinh sôi, nảy

nở, mới có vụ lúa bội thu. Xin được đưa ra một số tham khảo:

- Vào đêm giao thừa, người Tày (Bắc Hà) có nghi lễ rước nước về nấu xôi do thầy mo (hoặc trưởng bản) dẫn đầu. Đoàn người đi theo ông mo (hay trưởng bản) gồm các nam thanh, nữ tú (chưa lập gia đình), cùng dàn nhạc (kèn pí lè, chiêng, trống), kéo đến mỏ nước phun "pò dặt" (không lấy nước ở suối bình thường), lấy nước đựng trong quả bầu khô và một bát đẹp, rước về đặt trên bàn thờ ông mo. Thấy mo làm lễ khấn. Sau khi khấn xong, thấy mo tay bưng bát nước có đồng bạc trắng, tay cầm dao cắt ngang dọc trên bát nước theo bốn phương tám hướng, mồm ngâm nước phun khắp bốn phía (hành động mô phỏng trời mưa). Nước ở quả bầu sau khi được cúng được đem để nấu xôi cúng tổ tiên, thần linh⁶.

- Người Giáy, khi gà gáy canh một (vào đêm giao thừa), có tục thắp hương vàng cắm vào thùng hứng nước máng để lấy nước mới về đun nước pha trà cúng tổ tiên.

- Người Pu péo có tục ngày mồng một Tết, mang hũ đi gánh nước vàng nước bạc. Trong ba ngày Tết sau bữa cơm không được rửa bát, không để

⁶ Theo tư liệu ở "Lễ hội cổ truyền Lào Cai" - Trần Hữu Sơn chủ biên, NXB Văn hóa Dân tộc, H/1999

nước trời phí vô ích. Từ mùng 3 đến 13 có lễ "bạt ong" (lễ ép nước) của toàn xóm làng, cầu mong làng xóm thanh bình, mọi người khoẻ mạnh.

- Người Chăm theo đạo Hồi mới (Chăm Islam) vào đêm 30 Tết thường tổ chức lễ rước đèn đi khắp làng (với mục đích tiễn cái nóng của ông mặt trời đi để đón những cơn mưa tới). Vừa rước đèn, họ vừa hát những bài ca tiễn đưa năm cũ, đón mừng năm mới. Rồi vào khoảng nửa đêm 30, họ cùng nhau tụ tập tại thánh đường để cầu nguyện cho năm mới. Đến sáng mùng một, cả làng cùng ra sông tắm để gột rửa những cái xấu của năm cũ, đón nhận năm mới.⁷ (Tục tắm tát niên của người Việt có lẽ là một lưu vết của tục tắm sông này)

- Người Chăm Bà la môn trong dịp Tết có nghi lễ rất quan trọng là tắm tượng các thần linh bằng nước thơm. Nước sau khi tắm tượng được bà con người Chăm, những tín đồ Bà la môn giáo, xoa khắp thân thể và vẩy tứ phía với mục đích không nằm ngoài mục đích đã nói trên.

- Trong các nghi lễ hiến tế thần linh, tiên tổ vào đêm 30 Tết cũng ẩn chứa mục đích cầu mưa, cầu nước, qua hành động chọc tiết con vật hiến tế. Ở người Ve, con lợn hiến tế phải được chọc sao cho

Theo Những phong tục lý thú - Nguyễn Thành Lương, Nguyễn Thanh Bình, Nxb Tp HCM

tiếng rú của nó kêu to như sấm và tiết phải phun ra
xối xả như dòng suối. Có như vậy họ mới yên tâm
đón nhận năm mới. Ở người Hà Nhì đen sau khi
chọc tiết con vật hiến tế (con trâu), tiết được ông
thầy cúng vẩy ra bốn hướng (cũng với ý cầu mưa).
Tương tự như vậy, các tộc ít người ở Tây Nguyên,
sau khi hoà tiết trâu (vật hiến tế) với rượu, cũng
làm lễ khăn vẩy thứ nước hỗn hợp ấy khắp nơi.
Hay như hành động vẩy tiết gà của người Cờ ho
vào bó thóc và lên cửa nhà,... cũng mang ý nghĩa
như mọi tộc khác là cầu mưa, cầu sự sinh sôi nảy
nở.

- Trong các điệu "múa thiêng" trước bàn thờ tổ
tiên, thần linh vào ngày 30 Tết của các tộc ít người
cũng mang đậm ý nghĩa cầu nước. (Tiêu biểu là
hai lễ múa đập lửa và chèo thuyền của người
Chăm sẽ xem trong bài Tết năm mới - Rija Nuga ở
phần sau).

Mục đích cầu nước còn được thể hiện rất sâu đậm
ở các trò chơi cổ truyền trong dịp Tết năm mới
như: chơi đu, ném còn, chơi quay, đánh trống,
chơi gà, chơi trâu, đẩy gậy, kéo co, đốt pháo, múa
kiếm, múa khiên, bắn nỏ... Tuy cách chơi của mỗi
trò ở mỗi vùng ít nhiều có khác nhau, nhưng
chúng đều xuất phát từ những quan niệm cổ xưa,
rất phổ biến ở các tộc người Việt Nam (và Đông
Nam á) cho rằng: mưa là kết quả của sự giao hoan

giữa Ông Trời (giống đực) và Mẹ Đất (giống cái). Nên các trò chơi đều được thực hiện trên nguyên tắc mà các nhà khoa học gọi là "ma thuật bất chúc", hay "ma thuật mô phỏng" (làm cái gì đó giống với điều mình mong ước để đạt được mong ước). Ở trò chơi ném còn (rất phổ biến ở các tộc ít người phía Bắc), vòng mặt trăng, vòng mặt trời treo trên cột còn được coi là biểu tượng âm vật, quả còn là biểu tượng cho dương vật. Trò chơi được thực hiện trên nguyên tắc mô phỏng cuộc giao hoan giữa hai giống đực và cái; quả còn phải được ném sao cho thủng vòng mặt trăng và mặt trời, nếu không, coi như sự phối hợp không thành và không thể có mưa, năm đó sẽ xui xẻo. Thường để tránh những điều không may cho năm mới, ở trò này, nếu các quả còn sau khi ném mãi mà không trúng và làm thủng vòng thì người ta phải dùng súng bắn cho thủng vòng. Như vậy, họ mới có quyền hi vọng những điều tốt đẹp (sẽ có mưa) cho năm mới. Tương tự như vậy, ở các trò chơi đu, đánh trống, múa kiếm, múa khiên... (mặt trống, mộc dờ...) đều là những biểu tượng "âm"; khiên, dùi trống... là biểu tượng "dương". Nếu sau khi đánh mà trống không thủng mặt; đâm khiên, kiếm không vào mộc chân thì đó là điềm báo sự khô hạn cho năm tới (với người trồng lúa, khô hạn có nghĩa là mất mùa).

Mặt khác, sự sinh sôi trù phú của vạn vật cũng là kết quả của sự phối hợp giữa hai giống đực - cái (hay âm - dương), nên mục đích cầu mưa trong các trò chơi cũng như trong thực hành các nghi lễ Tết năm mới đồng thời bao hàm cả mục đích phồn thực. (Trong một số trò chơi rất cổ xưa như trò chơi hang (của người Thái) hay chơi núi (của người H'mông) thì các hoạt động tính giao không chỉ là mô phỏng mà được thực hành một cách trực tiếp giữa các trai thanh gái tú). Điều này khiến cho phong tục đón Tết năm mới của các tộc ít người đa dạng và phong phú. Cũng cần phải nhắc lại rằng do ít bị ảnh hưởng của sự giao lưu, các phong tục đón Tết năm mới rất cổ của các tộc ít người vẫn còn tồn tại và vẫn lưu giữ được những nét xưa cũ của thời sơ khai (chúng ta có thể tìm hiểu điều này kỹ hơn qua những bài viết ở phần sau).

Cũng vì bước sang năm mới là bước vào một chu kỳ sản xuất mới, một vụ lúa mới, mà sau khi tổng tiền năm cũ, các tộc người Việt Nam nói chung, tộc ít người nói riêng, thường nghênh đón năm mới bằng những nghi lễ, lễ hội mở đầu cho một mùa sản xuất mới như: lễ dựng chòi cày (người Chăm), lễ hội "lồng tồng" (người Tày), lễ hội Roóng pọc (người Giáy), hội "gầu tào" (người H'mông)... Và những lễ hội ấy đã đóng góp phần không nhỏ cho sự phong phú, đa dạng và rất đặc

sắc của các Tết năm mới ở mỗi tộc ít người Việt Nam.

3. Cũng như tộc Kinh, tộc chiếm đa số, các tộc ít người luôn tin (thậm chí niềm tin ấy còn mãnh liệt hơn ở tộc Kinh) vào sự tồn tại của một thế giới thần linh ma quỷ (ma ác, ma lành) song song với sự tồn tại của thế giới con người. Do chủ yếu định cư ở những vùng rừng núi heo lánh, giao thông đi lại khó khăn, ít có điều kiện giao lưu với các tộc khác, nên hệ thống tín ngưỡng của các tộc ít người còn lưu giữ được nhiều nét sơ khai (như đã nói ở phần trước). Trong vài chục năm trở về trước, đa số các tộc ít người vẫn coi thiên nhiên là đối tượng chính của sự thờ cúng (sùng bái một số loài cây, con vật đặc biệt gắn với lịch sử sản xuất nông nghiệp; sùng bái thiên nhiên: thờ sông, thờ núi...). Tổ tiên được đồng nhất, hoặc được coi như là các thần linh của Trời - Đất. Thờ cúng tổ tiên cũng chính là thờ cúng các thần linh của Trời - Đất (và ngược lại). Mặt khác, như trên đã nói, Tết năm mới của các tộc ít người được gắn chặt với thành quả lao động của một chu kỳ sản xuất, gắn chặt với hạt lúa. Nên, đối tượng chính được thờ cúng ở Tết năm mới của các tộc ít người trước hết là những vị thần linh đã được phù hộ để họ có được những hạt lúa vàng, mang lại cuộc sống no ấm, hạnh phúc cho họ.

Trong quan niệm của hầu hết các tộc ít người sống ở vùng rừng núi Tây Nguyên thì những thần Ya Pôm (nữ thần nông nghiệp) là người mang mưa cho hạt lúa nảy mầm, mang nắng để cây lúa uốn câu; do đó, trong dịp Tết năm mới, thờ cúng nữ thần Ya Pôm bao giờ cũng là nghi lễ đầu tiên được thực hiện (ở nghi thức đón Tết của họ).

Ở tộc Chăm, một trong những đối tượng đáng chú ý được thờ cúng ở Tết năm mới là nữ thần I-nu-nu-gar, bởi:

"Ngài là nữ thần mẹ của vương quốc

Ngài tạo dựng vùng đất cho cây cối

Ngài tạo ra giống lúa và dạy dân trồng lúa"⁴⁹

Với những người dân Chăm, I-nu-nu-gar được coi như là tổ tiên huyền thoại của cả tộc Chăm; cho nên, ở Tết năm mới, vị nữ thần này được thờ cúng giống như thờ cúng các vị vua anh minh, các anh hùng có công trong việc xây dựng, tạo lập ra các cộng đồng tộc Chăm.

Quan niệm về một tổ tiên huyền thoại (như tộc Chăm) là quan niệm rất phổ biến ở các tộc ít người. Với họ, vua, các vị anh hùng được thần

⁴⁹ Phong tục các dân tộc Đông Nam Á - Ngô Văn Doanh, Văn Quang Thiên, Nhà Văn hoá dân tộc, H, 1997, tr.317

thánh hoá (như là các vị thần linh) cùng với các thần linh thiêng liêng hoá một đối tượng cá thể (hoặc toàn thể một chủng loại), đều có thể được coi như là tổ tiên của họ. Vì thế Tết năm mới của các tộc ít người thường được qui chiếu vào sự tích của những tổ tiên huyền thoại của cả tộc. Cũng phải nói thêm rằng, do đặc điểm định cư khép kín theo từng nhánh tộc, và mỗi vùng định cư thường chỉ bao gồm một tộc họ, nên ở các tộc ít người, khi nói đến tổ tiên thường chỉ là tổ tiên chung của tộc họ (tộc người) chứ không phải tổ tiên huyết thống. (Nên, ở Tết năm mới, các tộc ít người thường thờ cúng những tổ tiên huyền thoại của tộc và nhánh tộc).

Khác với tộc Kinh, khái niệm tổ tiên huyết thống (tổ tiên của gia đình) ở các tộc ít người rất mờ nhạt. Ở một vài tộc sống ở vùng rừng núi Tây Bắc, do ảnh hưởng của sự giao lưu, cũng có sự thờ cúng tổ tiên, trong gia đình, nhưng sự thờ cúng ấy còn rất giản đơn: trên bàn thờ tổ tiên của các gia đình người H'mông (Hà Giang) chỉ thấy có vài bát hương (thậm chí có nhà chỉ có ống tre cắm hương) và một tờ giấy dán lông gà, ngoài ra không có đồ thờ gì hết. Hoặc như người Pu Páo, trên bàn thờ mỗi nhà chỉ có vài hũ sành nhỏ, mỗi hũ tượng trưng cho một đời. Vào dịp Tết, người ta bỏ xâu

xương cũ, thay xương hàm lợn mới vào" (nghĩ lễ thờ cúng tổ tiên huyết thống, vì thế cũng không có gì phức tạp và đặc sắc). Do vậy, ở các tộc ít người, đối tượng được thờ cúng ở các lễ hội nói chung và Tết nói riêng thường là các vị tổ tiên (được thần linh hoá) của cả tộc và của cộng đồng nhánh tộc. (Đương nhiên do linh thiêng hoá những vị tổ tiên mà tổ tiên của họ luôn gắn với những câu chuyện huyền thoại của cộng đồng tộc, nên mới nói tổ tiên của họ là tổ tiên huyền thoại).

Do cùng chung đối tượng thờ cúng (và hầu như không có sự thờ cúng riêng) mà Tết năm mới ở cộng đồng các tộc ít người thường được tiến hành chủ yếu ở các địa điểm công cộng của cộng đồng (sau đó mới tiến hành ở gia đình). Hầu như mọi nghi lễ quan trọng của Tết năm mới đều được thực hiện ở những nơi thờ cúng của cộng đồng (chứ không phải của gia đình). Do vậy, Tết năm mới của các tộc ít người cho đến nay vẫn mang đậm tính chất dân chủ và bình đẳng. Mọi người trong cộng đồng đều có thể được tham gia, tổ chức các nghi lễ quan trọng của Tết năm mới (bởi họ đều là con cháu của các vị thần linh tiên tổ đang được thờ phụng). Phần lớn mọi lễ vật thờ cúng cùng các chi phí khác trong dịp Tết năm mới đều là sự đóng

Theo tư liệu của Viện Văn hoá: "Văn hóa các dân tộc Hà Giang"

góp (tùy theo khả năng) của mỗi cá nhân và mỗi gia đình (các gia đình, các nhân góp cơm, bánh, rượu... và luân phiên nhau nuôi lợn, trâu, dê... cùng). Chính vì thế, mọi thành viên trong cộng đồng các tộc ít người đều có quyền được "hương lộc" một cách bình đẳng. Ở các tộc ít người vùng rừng núi Tây Nguyên, thịt con trâu sau lễ hiến tế được chia đều cho dân làng. Gan trâu sau khi cúng thần linh tiên tổ cũng được cắt nhỏ chia đều cho thanh niên trai tráng ăn để tăng thêm sức mạnh và lòng dũng cảm. Ở người Cờ ho, Churu... thịt gà sau khi cúng tổ tiên được giã nhỏ, chia đều để mọi người cùng hương lộc. Thịt bò hiến tế của người La Chí cũng được chia đều cho mọi thành viên của cộng đồng tộc. Người Chăm sau khi giết dê thì đầu, đuôi, gan, chân được để nguyên để cúng tổ tiên-thần linh, còn thịt được thái nhỏ, nấu với gạo và lá me (thành món "Yatamut" rất đặc trưng của người Chăm) để cả làng cùng thưởng thức. Ở người Mường, xôi sau khi cúng được đem dán vào tai xanh, tai nình đồng cho các chàng trai bóc ăn (xôi dán ngoài tai xanh) để họ gặp nhiều may mắn trong khi đi săn; các cô gái thì bóc xôi (dán phía trong tai xanh) để ăn với hy vọng sẽ hái được nhiều măng (theo tư liệu trong "Lễ hội Lào Cai"). Ở người H'mông (Lào Cai), toàn bộ các bộ phận của con vật hiến sinh đều được cho vào chảo nấu

thành canh (món "thắng cố") để cả cộng đồng cùng thưởng thức. Có lẽ chính vì bao giờ trong dịp năm mới, họ (các tộc ít người) cũng có sự "hưởng lộc" cùng nhau và sự hưởng lộc ấy rất bình đẳng, cho nên, ở các tộc ít người (xưa và cả nay) không có tục lì xì như người Kinh bây giờ.

Tính dân chủ và bình đẳng trong Tết năm mới của các tộc ít người còn được thể hiện sâu đậm ở tục uống rượu của họ. Rượu là thứ đồ uống có mặt ở mọi lễ hội và Tết thì càng không thể thiếu vắng. Người xưa từng có câu "không có rượu bất thành lễ", như vậy đủ thấy vai trò của rượu quan trọng như thế nào. Theo các nhà nghiên cứu thì rượu được coi như là một thức ăn tinh túy đủ thành phần và các yếu tố linh thiêng để dâng cúng các thần linh linh thiêng. Rượu được ra đời để thay thế cho máu của các con vật hiến tế, nên rượu luôn có mặt trong các buổi lễ, Tết.

Người Kinh ngày nay thường uống rượu bằng cốc, chén... , nhưng, cho dù họ uống chung chén (theo cách luân chuyển cho nhau), hoặc đổi chén rượu cho nhau, thì hình thức uống ấy cũng chưa thể hiện được rõ nét tính bình đẳng, dân chủ, chưa cụ thể hoá một cách cụ thể sự sở thuộc và cố kết cộng đồng như tục uống rượu cần (hiện vẫn đang tồn tại rất phổ biến) của các tộc ít người. Rõ ràng là sự kiện mọi thành viên trong cộng đồng quây tròn

quanh các vò rượu, ché rượu, ghè rượu (tùy theo cách gọi của mỗi tộc), vớt những cặn rượu (làm bằng ống tre, luống) cùng nhau thưởng thức rượu (tùy khả năng uống của mỗi người) đã diễn đạt một cách cụ thể, hữu hình cái ý thức khẳng định cái giá trị xã hội không thể tri giác được: "Chúng tôi là một thể thống nhất".

Theo đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, rượu cần có sự tích riêng:

"Ngày xưa tổ tiên của người Thượng chất phác lắm: Thượng đế thấy vậy rất thương mến, sai một thần linh đội hình một con Nhím tới huấn luyện cho họ cách thức nấu rượu Cần. Trước hết lấy những củ Kuala già nhỏ, nhào với nước và bột gạo, nấu lên rồi nầm thành những nầm to bằng quả trứng gà. Đặt những nầm ấy lên một chiếc mẹt rồi hong ra gió một thời gian, cho tới khi nào những nầm đó phủ men xanh, đem vào bếp sấy. Rồi thời cơm cho chín, rồi trộn những nầm bột có men ấy vào. Thế là thành men rượu gọi là Cua ÉBA.

Những nầm bột đó đem đặt vào trong những chiếc ghè, rồi lấy rơm bọc kín lại. Năm sáu ngày sau, mới ghè ra đổ nước lã vào cho đầy, rồi cho thêm một thứ lá tươi mà đồng bào Thượng giữ kín không nói là lá gì. Sau đó, lại dùng rơm trộn với bùn bịt

chặt miệng ghè lại, để thêm độ bảy ngày nữa là thành rượu cần.

Thần Nhím lại bảo tổ tiên người Thượng dùng một cái ống rộng ruột uốn cong lại, một đầu cắm sâu vào trong vỏ, một đầu để vào miệng mà hút rượu. Uống như vậy cho đến khi ghè hết cạn rượu, có thể lại đổ thêm nước lã vào cho đến khi nào hết chất rượu mới thôi.

Từ đó, tổ tiên người Thượng miền Nam chế rượu Cần dùng và lưu truyền bí quyết chế rượu cho con cháu.

Truyện lại kể rằng tổ tiên người Thượng sau khi chế rượu xong cũng nhau uống, rượu ngon mềm mỗi uống mãi cho tới khi say mềm, vác gậy đánh nhau với Thần Nhím. Thần Nhím có thể phải bỏ chạy, mọi người đuổi theo. Thần Nhím trốn vào bụi rậm, đoàn người xưa chó săn vào đuổi. Thần Nhím phải chạy lên núi, đoàn người cứ đuổi theo cho tới khi lên tới vùng cao nguyên thì người và chó đều mệt nhọc. Họ liền ở lại định cư tại đây, ngày nay là miền thượng⁽¹⁾.

Và do vậy, cùng với sự hưởng lộc chung, uống rượu cần đã thực sự trở thành một biểu tượng "xã

⁽¹⁾ Toàn Anh - "Tìm hiểu phong tục Việt Nam", Nxb Thanh niên, H 1992, tr. 52-53.

hội tính" của các cộng đồng tộc ít người Việt Nam. Cũng vì thế mà với họ, các cộng đồng tộc ít người, Tết năm mới thực sự là một lễ hội lớn nhất của toàn cộng đồng. Cho nên, Tết năm mới không chỉ là dịp đoàn tụ các thành viên trong gia đình, mà quan trọng hơn, đó còn là dịp để mọi người trong cộng đồng cùng nhau xum họp.

Sự xum họp của các thành viên trong cộng đồng nhân dịp Tết năm mới có một ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với đời sống xã hội của các cộng đồng tộc ít người. Sự xum họp ấy một mặt bày tỏ được giá trị và sức mạnh của toàn cộng đồng, làm cơ sở để mỗi thành viên tin tưởng và tự hào về cộng đồng của mình, từ đó càng thêm yêu quý, gắn bó với cộng đồng của mình hơn; mặt khác, thông qua những ứng xử với tổ tiên chung của cả cộng đồng tộc - những ứng xử được coi là khuôn mẫu chuẩn mực của cộng đồng- một lần nữa lại được tái khẳng định và truyền thụ đến mọi thành viên trong cộng đồng như là những chỉ dẫn cho họ trong cuộc sống. Có thể nói chính nhờ sự xum họp (trên cơ sở của đối tượng thờ cúng chung) của Tết năm mới, mà mối liên kết giữa các thành viên trong cộng đồng cũng như tính ổn định của cộng đồng đã được tái xác lập. Ở những cộng đồng vốn nhỏ bé như các cộng đồng tộc ít người Việt Nam thì điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cần

thiết, bởi sự trường tồn của mỗi tộc người ấy phụ thuộc chủ yếu vào sự hiện hữu của những mối quan hệ này.

Cũng vì quan niệm tổ tiên là thần linh (và ngược lại) mà trong nghi thức tiến hành Tết năm mới của các tộc ít người ngày nay, lễ hiến sinh tế thần vẫn được tôn tại như một lễ thức quan trọng và không thể thiếu vắng. Tùy theo quan niệm và đặc điểm của điều kiện tự nhiên, nơi định cư của mỗi tộc, mà con vật được hiến tế là trâu (như đa số các tộc ít người ở Tây Nguyên) là dê (như ở các cộng đồng tộc Chăm) hay là lợn, gà... và nghi lễ hiến tế cũng mang những màu sắc khác nhau. Ngay cả khi con vật hiến tế cùng loài thì nghi lễ hiến tế ở các tộc cũng không vì thế mà hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn như lợn là con vật được nhiều tộc ít người dùng làm con vật hiến tế, người Dao trước khi cúng một ngày phải tắm cho lợn bằng nước lá thơm rồi mới giết thịt cúng tế; Người Mường - Thanh Sơn trước khi cúng ba ngày kiêng không cho lợn ăn những món ăn tạp (tránh ô uế) mà chỉ ăn những thức ăn như người. Thậm chí, cách giết con vật hiến tế ở mỗi tộc cũng được diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Như ở một số tộc người vùng Tây Nguyên, nghi lễ giết trâu (đâm trâu) được tiến hành trong hai ngày và rất hoành tráng: Trâu hiến tế được buộc bên "cột gung" (cột

buộc trâu và cũng là nơi để các thần linh về dự lễ cúng, vì người Tây Nguyên nói chung không có bàn thờ). Cột gung được trang trí đẹp. Sau khi làm lễ khấn, già làng cầm gươm chém một nhát vào mõng con trâu. Dân công chiêng biêng diễn bài nhạc đâm trâu đi quanh cột gung ngược chiều kim đồng hồ. Ngày thứ nhất của lễ đâm trâu trôi đi trong sự tung bừng rộn ràng của tiếng trống công chiêng và lời ca điệu múa. Đến ngày hôm sau, một tốp thanh niên gươm giáo nhảy múa quanh con trâu, rồi một thanh niên khoẻ nhất làng cầm giáo chọc mạnh vào tim trâu. Một già làng hưng châu hùng tiết (trong tiếng nhạc, tiếng hú của dân làng). Tốp thanh niên xếp gươm giáo, vừa đánh công chiêng vừa nhảy múa (điệu múa chiến thắng) quanh xác trâu, thỉnh thoảng họ lại bắn một loạt tên vào xác nó¹⁾. Trong khi đó, ở người Thái trước khi giết trâu, chỉ cần bà mo dân tạo và các cụ già cầm đuốc đi quanh con trâu ba vòng (tỏ ý báng lòng dâng trâu). Hay như ở người Xiêng, lễ đâm trâu cũng được diễn ra trong tiếng nhạc lời ca của đám thanh niên nhưng nhạc ở đây (âm điệu chủ yếu) lại là nhịp chày của hai đôi thanh niên nam - nữ (chưa chồng, chưa vợ) đứng giã gạo. Khác với lễ đâm trâu của người Ba na, người đâm tim trâu

¹⁾ Theo "Phong tục các dân tộc Đông nam Á" - Sidd

không phải là thanh niên mà phải là người đứng tuổi, có uy tín và khoẻ mạnh.

Có thể nói, sự tồn tại của các nghi lễ hiến tế dưới nhiều hình thức khác nhau đã làm cho Tết năm mới của mỗi tộc ít người càng thêm độc đáo, phong phú hơn, tô điểm sắc màu cho bức tranh Tết năm mới của các dân tộc Việt Nam càng rực rỡ hơn. (Bởi chính nhờ sự tồn tại của các nghi lễ hiến tế mà Tết năm mới của các tộc ít người mới lưu giữ được nhiều nét cổ xưa độc đáo). Mặt khác, nhờ có sự kiện hiến tế con vật và máu thịt của nó đều được thương thức chung bởi tổ tiên thần linh cùng mọi thành viên trong cộng đồng mà mối liên hệ gắn bó giữa các thành viên - với tư cách là những phần tử của nhóm mà họ sơ thuộc - được hiện thực hoá một cách cụ thể và rõ ràng, tạo điều kiện vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của mỗi cộng đồng tộc ít người.

Cũng phải nói thêm rằng do quan niệm tổ tiên là các vị thần linh (họ được thần tính hoá thành thần linh) mà trong dịp Tết năm mới của các cộng đồng tộc ít người, ngoài sự kiện hiến tế các con vật, còn có sự hiến tế các loài thảo mộc đã nuôi sống con người từ thời tiền nông nghiệp (cuối thời săn bắt hái lượm). Tuỳ theo đặc điểm của điều kiện tự nhiên của mỗi vùng sinh sống mà các loài thảo mộc ấy là bí đao (như trong mâm cúng tổ tiên của

người Tày), hoặc là bí xanh, bí đỏ, khoai sọ luộc (như trong mâm cúng tổ tiên của người Khơ mú); hoặc măng nướng, măng luộc, củ mài (như trong mâm cúng của người Xá phố). Người Dao, trong mâm cúng tổ tiên đêm giao thừa bao giờ cũng có một loại bánh rất đặc biệt là bánh dày làm bằng hạt kê nấu nhuyển (mặc dù ngày nay, lương thực chính của họ vẫn là gạo). Một vài cộng đồng Khơ mú, vào ngày Tết năm mới vẫn giữ tục cúng dâng tổ tiên một món ăn rất đặc thù của tộc trước đây là món lấy rau dớn (ba ngọn) quăn với cá vùi vào bếp nướng. Trong lễ vật dâng cúng thần linh tiên tổ vào đêm 30 Tết của người Chăm, ngoài các con vật hiến tế (dê, gà...), người ta còn thấy những sản vật như ngô, bí, đậu, hạt kê và các loại rau đặc trưng của vùng mà trước đây tộc Chăm đã từng sống... Ở một vài gia đình tộc Tày (Bắc Kạn) ngày nay vẫn gói loại bánh chưng nhân cá (biểu tượng của thời săn bắt - hái lượm)...

Sự hiến dâng các loài thảo mộc nói trên đã cho thấy mối liên hệ sinh tồn của các cộng đồng tộc ít người từ thuở xa xưa của lịch sử, nên có thể coi đó là những biểu tượng trong tính liên tục của lịch sử (là một trong những biểu tượng về nguồn gốc của mỗi tộc người thời tiền nông nghiệp). Những biểu tượng ấy đã mang lại cho mỗi thành viên của tộc những cảm thức về quá khứ cũng như ý thức về

tính thống nhất xã hội của cộng đồng tộc. Nó đã diễn tả được cái đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của mỗi tộc ít người Việt Nam nói riêng và cả dân tộc Việt Nam nói chung. Cho nên, Tết năm mới là dịp để mọi người tưởng nhớ tới tổ tiên của mình. Điều đáng lưu ý ở đây là so sánh với các biểu tượng dâng dàng thảo mộc của người Kinh thì biểu tượng dâng hiến các loài thảo mộc đặc thù ở các tộc ít người còn gần như nguyên vẹn, cụ thể và mang tính lịch sử đậm nét hơn. (Thông qua biểu tượng dâng hiến này, cùng với những biểu tượng ăn chung thịt con vật hiến tế, uống chung ghè (vò) rượu..., người ta không chỉ dễ dàng nhận thấy hệ thống xã hội đặc thù của mỗi cộng đồng tộc ít người, mà còn có thể nhận biết được cả hệ thống tín ngưỡng của tộc người ấy. Bởi, mọi biểu tượng ấy đều được gắn bó một cách mật thiết với mọi sự kiện được triển khai trong đời sống cộng đồng của tộc họ). Do vậy, so với Tết năm mới của tộc Kinh, thì Tết năm mới (cổ truyền) của các tộc ít người lưu giữ được nhiều nét cổ xưa hơn, và các phong tục đón Tết của họ cũng phong phú và đa dạng, độc đáo hơn.

4. Cũng như người Kinh, Tết năm mới của các tộc ít người chỉ diễn ra trong khoảng thời gian từ 3-5 ngày. Song, không khí nhộn nhịp trang nghiêm của Tết năm mới không phải chỉ có trong những

ngày ấy. Thường không khí ấy bao giờ cũng bao trùm khắp các làng, bản, buôn, plây... từ khoảng 1 tuần trước khi Tết năm mới được cử hành, và dư âm của nó còn kéo dài một tuần sau đó. Ở tộc Kinh, không khí Tết thực sự được bắt đầu sau lễ cúng "Ông Công, Ông Táo" (23 tháng chạp). Ở các tộc ít người thì không có lễ cúng này. Tuy nhiên, thay vào đó, họ lại có những tục lệ làm "mộc" mở đầu cho không khí Tết rất đặc biệt là: tục làm vệ sinh, nơi thờ cúng của cộng đồng và tẩy uế đường làng ngõ xóm và nơi thờ cúng.

Ở các cộng đồng tộc Chăm Ninh Thuận, lễ dọn vệ sinh gọi là lễ "tẩy uế") được tiến hành khá trang trọng. Sau một lễ cúng khá đơn giản của chủ làng (gồm 3 quả trứng, 3 quả cau, 3 lá trâu, và rượu), mọi người trong làng đến khu nghĩa trang bắt đầu công việc rầy cỏ, làm sạch lối đi trong nghĩa trang, sửa sang từng ngôi mộ, và thắp hương, hoa trên từng ngôi mộ, mời những người đã khuất về cùng con cháu đón Tết năm mới. Khi các công việc ở nghĩa trang đã hoàn tất, họ cùng nhau trở về các đền, tháp, miếu thờ của làng, làm một lễ cúng tương tự và dọn vệ sinh quanh các khu đền, tháp, miếu (chuẩn bị cho lễ mở cửa đền, tháp, miếu). Sau cùng họ dọn vệ sinh lối xóm (và chuẩn bị dựng nêu, dựng rạp để tiến hành các nghi lễ của Tết năm mới theo truyền thống). Hầu hết các cộng

đồng tộc ít người sống ở các vùng núi và cao nguyên miền Trung - Nam Bộ cho đến nay vẫn lưu giữ tục lệ này. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện tự nhiên - xã hội của mỗi tộc mà tục lệ này được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau. Nhưng cho dù tục lệ đó được diễn ra dưới những hình thức nào thì nó cũng có chung mục đích là tẩy uế và mời những người đã khuất về vui Tết cùng con cháu. Có lẽ, (như đã nói trên), do không có sự thờ cúng tổ tiên trong gia đình tức tổ tiên huyết thống nên các tộc ít người nói trên đã có tục lệ này (?). (Phải nói đây là một tục lệ rất đẹp, cần được duy trì và phát huy).

Ở các tộc ít người vùng cao phía Bắc, tục lệ này tuy có nhạt màu hơn, song không phải là không có dấu vết. Trước khi bước vào các công việc để chuẩn bị đón Tết năm mới các cộng đồng tộc Thái, H'mông, Tày... bao giờ cũng tổ chức một buổi dọn vệ sinh làng, bản (nhưng không có lễ cúng trước đó) và việc dọn vệ sinh được coi như một quy ước của bản làng. Có lẽ với những cộng đồng tộc ít người phía Bắc thì không khí nào nức Tết năm mới thực sự được bắt đầu từ những phiên chợ Tết.

Với các cộng đồng tộc ít người nói chung, chợ Tết không đơn giản chỉ là nơi trao đổi hàng hoá, thoả mãn sự mua sắm các nhu yếu phẩm vật chất, mà

quan trọng và chủ yếu hơn, đó là nơi trao đổi thông tin và tình cảm. Bởi, như đã biết các cộng đồng tộc ít người vốn thường định cư rải rác ở những vùng núi hẻo lánh, giao thông đi lại khó khăn, nên sự giao lưu giữa các cộng đồng rất hạn chế. Ngay trong cùng một cộng đồng, do việc định cư của các gia đình không tập trung như ở các làng người Việt, việc thoả mãn các nhu cầu thông tin cũng như tình cảm giữa các thành viên trong cùng cộng đồng không phải lúc nào cũng có thể thực hiện được. Mặc dù ngày nay, đồng bào các tộc ít người đã có sự định cư tập trung hơn, nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, các nhu cầu thông tin cũng như tình cảm của họ vẫn chưa được thoả mãn đầy đủ và thường xuyên. Do vậy, chợ Tết của họ vẫn giữ nguyên giá trị là nơi để thoả mãn những nhu cầu này: sự mua sắm chỉ được coi như là một nhu cầu phụ (thứ yếu).

Đối với phụ nữ của các tộc ít người, chợ Tết được coi như là "một sân khấu thời trang" để họ trình diễn những sản phẩm lao động tinh xảo, khéo léo của mình qua các bộ váy, áo, khăn... đa dạng về màu sắc, cầu kỳ về đường thêu, sinh động về kiểu cách. Phụ nữ H'mông đến chợ để trình diễn những bộ váy áo có đính những mảnh vải hoa hoặc vải thêu nhỏ ở lưng và vai như những cánh bướm sặc

sở. Đặc biệt hai mảnh tạp để ở trước và sau váy, được làm từ ba loại vải màu khác nhau, cứ dung đưa theo nhịp bước đi càng làm cho bộ trang phục vốn rực rỡ càng thêm rực rỡ hơn. Chị em Lô Lô đến chợ để trình diễn những hoạ tiết hoa văn cầu kỳ, với đủ sắc màu: xanh, đỏ, tím, vàng của núi rừng nơi họ sống, thêu trên thân áo, gấu áo, tay áo của họ cùng chiếc thắt lưng có đính những chùm cườm ngũ sắc và chiếc khăn đội đầu cầu kì như một tác phẩm nghệ thuật. (Chỉ riêng chiếc khăn đội đầu của họ cũng đủ để mọi người phải trầm trồ thán phục: nổi bật trên nền vải đen là những chùm chỉ màu sắc sặc sỡ hình quả trám, hình tam giác,... to khoảng 3-4cm, chạy dài theo mép khăn, rủ xuống vai, xuống cổ, nơi có những chiếc vòng bạc lấp lánh, càng tăng thêm vẻ long lẫy của khăn và người đội khăn). Chị em Pà Thẻn đến chợ để trình diễn những bộ y phục đồ rực rỡ và duyên dáng với dải thắt lưng vắt chéo xuống gối có đính những dải tua sắc sỡ...

Với thanh niên nam - nữ tộc ít người, chợ Tết là nơi để họ gặp gỡ, trao đổi tình cảm với nhau. Biết bao đôi lứa đã xe duyên, nên vợ nên chồng nhờ có những dịp này. Các cô gái, chàng trai người Tày đi chợ không để mua sắm gì cho mình (có chàng chỉ là những chiếc vòng, những cái gương, lược...), mà họ đi chợ Tết để tham gia vào những cuộc hát lượn

tỏ tình. Các cô gái, chàng trai người Nùng thì đến chợ Tết để thể hiện những điệu Si nổi tiếng của dân tộc mình.

Với trẻ em thì chợ Tết là nơi để chúng có thể tự do tham gia vào các trò chơi dân dã của tộc mình. Với những người già và những người đã có gia đình, chợ tết là nơi để họ có thể giải trí tùy theo nhu cầu riêng của mỗi người.

Trên đây là một số đặc điểm của Tết năm mới của các tộc ít người. Những biểu hiện cụ thể của chúng sẽ được trình bày ở các bài sau.

Tết năm mới cổ truyền của người Chăm (lễ hội Rija Nugar)

*Ngô Văn Doanh**

Lâu nay, khi nói đến Tết năm mới của người Chăm, người ta thường nói đến Bông Katê. Tuy nhiên, Bông Katê chỉ là một lễ hội tạ ơn lớn được tổ chức tại các đền, tháp của người Chăm theo đạo Bà la môn; Nó hầu như chẳng có liên quan gì với những người Chăm theo đạo Hồi. Ngay trong ý nghĩa các lễ thức của Bông Katê cũng chẳng có biểu hiện nào gắn với sự chuyển mùa của thời tiết. Vậy nên, Bông Katê tuy là một trong những công lễ lớn nhưng chưa thể được coi như là Tết năm mới cổ truyền chung đối với các cộng đồng tộc Chăm.

Gần đây, qua phân tích lịch pháp, lịch cây trồng cũng như tính chất của lễ hội trong bức tranh lễ hội chung của các dân tộc Việt Nam và Đông Nam Á, nhóm cán bộ nghiên cứu của Viện Nghiên

* PGS. TS. Tổng biên tập Tạp chí Đông Nam Á

cứu Đông Nam Á nhận thấy: Rija Nugar - một trong những lễ hội truyền thống của người Chăm - được tổ chức vào đầu năm (theo lịch Chăm), có nhiều biểu hiện gắn với sự chuyển mùa của thời tiết và mang tính khu vực toàn vùng (Cả Chăm Bà la môn, Chăm Bà Ni, Chăm Islam). Lễ hội Rija Nugar vừa mang đậm màu sắc văn hóa bản địa của tộc Chăm nói chung, lại vừa có sự pha trộn các màu sắc Balamôn, Hồi giáo của Ấn Độ và Mã Lai. Đặc biệt, hệ thống lễ thức của nó thể hiện được rất rõ nét tính chất chuyển đổi từ mùa khô nóng sang mùa mưa của người Chăm. Mặc dù người Chăm không gọi Rija Nugar là năm mới, là Tết năm mới, nhưng bản thân nó lại mang tính chất của một lễ hội đầu năm, lễ hội tổng ôn chung cho tất cả các cộng đồng tộc Chăm. Nó đánh dấu sự chuyển mùa của một chu kỳ thời gian (năm) của một vòng sản xuất của người Chăm (thường sau lễ Rija Nugar thời tiết bắt đầu chuyển đổi: có sấm và lác đác có những trận mưa nhỏ). Do vậy, Rija Nugar có thể được coi như là Tết năm mới cổ truyền chung cho tất cả các cộng đồng tộc Chăm ở Việt Nam.

Cũng như Tết năm mới của các dân tộc Việt Nam và của cả vùng Đông Nam Á, Rija Nugar của người Chăm không phải chỉ là lễ hội đầu năm

thông thường, mà là lễ hội đầu năm theo nông lịch gắn với quá trình sản xuất nông nghiệp. Với những tộc người sống ở vùng khí hậu chỉ có hai mùa mưa và mùa khô như các cộng đồng tộc Chăm thì việc tống tiễn mùa khô nóng đi, đón mừng mùa mưa tới, để bước vào một năm làm ăn mới, một vụ lúa mới. Nếu như người Lào, người Thái, người Myanma khao khát mong đợi cơn mưa bằng lễ hội té nước trong những ngày đầu năm mới, thì người Chăm lại có kiểu đón mưa bằng nghi thức mà các nhà khoa học gọi là hình thức ma thuật "ruồng bỏ" (tức làm một điều ngược lại với cái mình mong đợi). Thay vì phải té nước vào nhau để cầu mưa, người Chăm lại làm lễ tống tiễn mọi sự không tốt lành của năm cũ bằng cách đập lửa, đập tắt cái nóng khô của năm cũ để dọn đường cho những cơn mưa tới. Cũng là đón cơn mưa để làm ăn như bao tộc người Việt Nam và Đông Nam á, nhưng người Chăm đón theo kiểu khá riêng biệt và ít nhiều hơi lạ. Do vậy, lễ hội Rija Nugar vừa có những yếu tố rất chung cho Tết năm mới của nhiều dân tộc Việt Nam, lại vừa có những sắc thái rất riêng của người Chăm.

Lễ hội Rija Nugar thường chỉ kéo dài có hai ngày (thường là ngày thứ năm và thứ sáu của tuần đầu tháng Giêng - lịch Chăm). Nhưng, cũng như mọi Tết năm mới của các dân tộc khác, không khí của

lễ hội đầu năm Rija Nugar không phải chỉ có trong hai ngày hành lễ. Ngay từ khi bắt đầu rãy cỏ ở các nghĩa trang, sửa sang mộ và quét dọn vệ sinh lối xóm (lễ tẩy uế các nơi thờ cúng) để làm lễ mở cửa các đền, tháp, miếu..., thì không khí vừa trang nghiêm vừa nhộn nhịp của ngày lễ đầu năm Rija Nugar đã tràn ngập khắp các làng người Chăm. Và dư âm của nó thì phải sau lễ Palaw Rija Sah thì mới thực sự chấm dứt.¹²

Như mọi người dân Việt Nam, Tết năm mới bao giờ cũng là dịp để mọi người nhớ về tổ tiên, cội nguồn của mình, người dân Chăm coi lễ hội đầu năm Rija Nugar là dịp để tưởng nhớ tới các vị tổ tiên, những anh hùng đã có công xây dựng, tạo lập cộng đồng, những người mà tên tuổi của họ được gắn với những huyền thoại của cộng đồng tộc Chăm như: Pô Riya, Pô Klong Cản, Pô Pil Thor, Pô Inur Nư Kâr, Pônư rap, Pô Klong Kiray, Pô Klong Sât, Pô Sah,... và đặc biệt là nữ thần Pô Inur Nưkar, vị nữ thần huyền thoại được coi là mẹ xứ sở. Do vậy, trước khi tiến hành lễ Rija Nugar 1 ngày, hoặc vào buổi sáng trước khi tiến hành lễ Rija Nugar, người Chăm thường tổ chức một nghi lễ dành cho những vị thần làng ngay tại miếu thờ

¹² Lễ Palaw Rija sah tương tự như Tết Rằm tháng Giêng của người Kinh

của vị thần đó, với mục đích mời họ (các vị thần) về dự lễ hội Rija Nugar cùng dân làng. Hành động chủ yếu ở nghi lễ này là tắm tượng thần và mặc y phục cho tượng thần. Nhưng nét sôi động của nghi lễ này thì lại là lễ rước y trang của thần làng ra miếu. Như những vị thần được thờ trên các tháp, các vị thần làng cũng có y trang và đồ thờ tự riêng. (Những đồ thờ tự này được một gia đình nào đó trong làng giữ). Y trang và đồ thờ cúng của thần linh được giữ trong ba chiếc "chiết" (đồ đựng bằng tre) là chiết đựng áo, chiết đựng mũ và chiết đựng đồ để dâng cúng. Để lấy ba chiếc chiết ra, phải làm một khay lễ cúng gồm năm miếng trầu, năm miếng cau, ba quả trứng gà và rượu (đây chỉ là lễ cúng để xin phép rước y đi, chứ lễ cúng thần làng ở miếu thì lớn hơn và thường phải có cả thịt gà và thịt dê).

Khi dân làng tới miếu thì ông thấy cả, ông từ và bà bóng làm lễ mở cửa miếu. Sau đấy, lúc mọi người đã vào miếu và mọi đồ dâng cúng đã lấy ra, mấy ông thấy cả, thấy cô ke và bà bóng làm lễ tắm tượng thần rồi lễ mặc y phục cho tượng thần. Khi những nghi thức cần thiết đã xong, ông thấy cô ke (ông thấy kéo nhị) vừa kéo nhị vừa đọc kinh mời thần về hưởng lễ và phụ hộ độ trì cho dân làng.

Mọi nghi thức và lễ cúng trên chỉ diễn ra trong vòng một hoặc hai tiếng. Sau nghi thức này, mọi người mới an tâm bắt tay vào lễ hội chính - lễ hội Rija Nugar.

Nghi lễ đầu tiên của lễ hội Rija Nugar là lễ cúng thần¹³. Vào lễ, hai ông *Mur tón* (ông thầy võ) và ông *Kaing* (ông thầy bóng) đốt trầm, rót rượu lần lượt mời các thần linh đến dự lễ. Đồ tế lễ cho các thần gồm ba con gà, cơm, canh, xôi, các loại hoa quả, trứng gà, rượu, trầu cau... Đặc biệt, đồ cúng trong ngày đầu này bao giờ cúng phải có gà. Không phải không có lý do khi người Chăm thường nói về lễ hội nói chung và các nghi lễ Rica nói riêng của mình bằng câu thành ngữ: "vào gà ra dê" ("*Tamur muruk Tabiăk pabe*"). Vừa mời thần linh về, hai thầy vừa vái cầu các thần ban cho dân làng sự bình yên mưa thuận gió hoà... Chỉ sau khi cúng mời các thần xong, ông thầy võ mới vỗ trống *paramang* để các nghệ nhân đánh trống kinang và thổi kèn saranai cùng hoà vào. Khi tiếng trống, tiếng kèn nổi lên là bắt đầu nghi thức quan trọng nhất và tiêu biểu nhất của ngày đầu lễ hội Rica Nugar - lễ múa. Ngoài điệu múa mà các thầy múa (ông bóng) gọi là múa thường dành cho hầu hết các thần, trong lễ Rija Nugar có hai điệu múa rất

¹³ Ở những tộc ít người thì thần cũng chính là tổ tiên.

đặc biệt là *múa đập lửa* và *múa chèo dò* hay *múa mía*, và bao giờ điệu múa đập lửa cũng được múa trước rồi mới đến điệu múa chèo dò. Hai vũ điệu với hai hình tượng tương phản nhau là lửa và nước với hai ước nguyện cũng đối lập nhau là đập tắt và cầu mong, nhưng theo suy nghĩ và phân tích của chúng tôi, lại hợp lại với nhau thành một logic, một biện chứng: cái này đi cái kia đến và cái đi và cái đến thường là hai sự vật hay hiện tượng tương phản nhau kiểu như tử - sinh, tan - hợp... Còn trong trường hợp của lễ Rica Nukar thì lửa - nước, là đập tắt lửa đi để đón nước tới. Biện chứng của hai điệu múa đập lửa và chèo dò của lễ hội Rica Nukar chính là biện chứng của thời kỳ chuyển mùa ở một xứ sở chỉ có hai mùa khô và mưa mà lại rất nóng khô và mưa rất ít (như vùng người Chăm Phan Rang.) Và cũng chính biện chứng này là mục đích chính của lễ hội Rica Nukar đầu năm của người Chăm.

Điệu múa đập lửa được thực hiện trong tiếng trống, tiếng kèn, lời ca rộn rập và sự cổ vũ cuồng nhiệt của toàn thể dân làng ngồi quanh đống lửa. Và trong không khí "bốc đồng" như vậy, ông thầy bóng (sau khi đã uống rất nhiều rượu) thất lại áo mũ, cầm roi và... "nhập" vào vị thần Pô Hanimpơr - vị thần tài ba và mạnh mẽ nhất trong thần điện của người Chăm, cầm roi, múa tiến ra đống lửa

lớn đang bùng cháy. Ông múa lượn qua lượn lại vòng quanh đồng lửa như muốn báo cho đồng lửa biết cái giờ phút mà ta sắp phải dập tắt đi sắp tới rồi. Và, đột nhiên, ông bỗng hét lên và nhảy thẳng vào đồng lửa. Tiếng nhạc, tiếng hò reo mạnh mẽ hơn, gấp gấp hơn, và nhịp nhảy của ông bỗng cũng nhanh hơn, khoẻ hơn. Cuối cùng thì cả đồng lửa bị dập tắt tan tành, và ông bỗng từ từ múa và chuyển động vào rap lế. Lúc này tiếng nhạc chậm hẳn và nhẹ hẳn đi để ông bỗng còn vừa múa vừa chuốc rượu mời các ông thầy đánh trống, thầy võ... Sau khi dập tắt đồng lửa, ông bỗng nhập đồng và thay lời thần phán báo cho dân chúng những điều mà vị thần muốn nhắn nhủ cho mọi người.

Hình ảnh ông bỗng mặc áo đỏ, cầm roi nhảy vào dùng chân dập tắt đồng lửa đang bùng rực cháy là một biểu tượng mang tính ma thuật: cầu mong cho cái nóng, cái khô hạn ghê gớm của mùa khô hãy nhanh chóng qua đi để mùa mưa đến cho trời đất mát mẻ, cho cây cối tốt tươi và cho mọi người bước vào một năm mới làm ăn thuận lợi. Và, như nhiều lễ hội dân gian khác, tại lễ hội Rija Nukar, sau khi bày tỏ ước muốn tống tiễn năm cũ (chính xác hơn là cái khô nóng của năm cũ), thậm chí làm cả động tác ma thuật nữa là tống tiễn và tiễn đưa. Ở lễ hội Rija Nukar hành động đó là vũ điệu

chèo dò hay điệu múa múa như mọi người thường gọi.

Bài tụng ca mà ông thầy võ sẽ hát lên để ông múa bóng múa theo là bài tụng ca *Pô Tăng Ahok*, một người đi biển tài ba lỗi lạc. (Đối với người Chăm hiện nay, nói tới *Pô Tăng Ahok* tức là nói tới việc đi biển).

Trong tiếng nhạc bổng bênh như sóng biển của trống *paranung* và trống *kinăng* và lời tụng ca tha thiết của ông thầy võ, ông bóng cầm mái chèo hay cây múa (những nơi không còn có nghề đi sông biển) làm đạo cụ rồi vừa múa chèo thuyền vừa chậm rãi di chuyển vòng quanh rạp lễ lúc ra, lúc vào, lúc xoay phải, lúc xoay trái. Rõ ràng, toàn bộ điệu múa chèo thuyền mà ông bóng múa trong ngày đầu của lễ hội Rija Nukar là nghi lễ tiễn đưa mùa khô nóng của năm cũ. Nghi thức tiễn đưa được thể hiện bằng múa chèo thuyền là một hình thức rất phổ biến của người Việt, của các dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á.

Sau điệu múa chèo thuyền tiễn đưa mùa khô nóng là đến ngay vũ điệu dâng hoa cho nữ thần Pô Nai, một điệu múa đặc biệt thứ ba và cũng là điệu múa đặc biệt cuối cùng của lễ Rija Nukar.

Toàn bộ các điệu múa trên được diễn ra vào ngày đầu tiên trong lễ hội Rija Nugar và được diễn ra trong một không gian linh thiêng của rạp lễ. Rạp lễ (*kacang* đọc là *kajang*) của lễ hội Rica là rạp lễ lớn, dài chừng 6-7 mét, rộng chừng 4-5 mét, cao khoảng gần 3 mét, được làm bằng hai cây cột chính, 6 cây cột phụ, 3 cây đòn dài để tạo thành một cái khung một túp lều 2 mái rồi lợp tranh lên mái và che hai vách và đầu hồi sau (hiện nay người ta thường thay cỏ tranh bằng vải bạt). Rạp lễ có hai đầu tức là hai đầu hồi hướng theo trục chính Đông - Tây. Ở đầu phía Tây, người ta treo phía trong rạp một tấm trướng (*paning* đọc là *panin*) bằng vải bông có vẽ hình sinh hoạt hội lễ của người Chăm. Ngay phía trên của *paning*, một tấm vải trắng gọi là *lām mulin* được căng lên như một tấm trần nhỏ che khu vực tế lễ. Dựng đứng vào giữa tấm *paning* là một tấm vải (*khăn*) dùng để bao (*tata*) một cán rìu (*kār cong*) ở giữa và hai đoạn tre (*krum*) dài chừng một mét ở hai bên. Theo lời các ông thầy chức sắc Balamôn, ba vật tượng trưng bó trong tấm vải và dựng đứng ở giữa tấm *paning* là hình ảnh của ba vị ôn thần của người Chăm là *Pô Klong Kirai*, *Pô Ramé* và *Pô Riva*. Bên cạnh ba vật đó là một cây mía đỏ dài tựa vào tấm trướng. (Khi múa tới điệu chèo thuyền, ông bóng sẽ dùng cây mía này làm đạo cụ.)

Ngày thứ hai của lễ hội Rija Nugar là ngày lễ tẩy uế (*Thaw pāk*) hay tổng trừ (*hamāk*) ôn dịch của người Chăm. Lễ "Tống ôn" này được thể hiện bằng nghi lễ *Palaw Salih*, tức nghi lễ thả (*palaw*) những hình nhân thế mạng (*salih*). Có thể nói, toàn bộ những nghi lễ (kể cả các bài múa) đều xoay quanh và đều phục vụ cho nghi lễ "*Palaw Salih*" này.

Khác với hôm vào được bắt đầu vào buổi chiều (khoảng 2 hoặc 3 giờ chiều), hôm ra hay hôm *Palaw Salih* được bắt đầu vào buổi sáng. Ngay từ sáng, ngoài phải làm các đồ lễ chính bằng thịt dê, mọi người phải chuẩn bị một số vật liệu, đồ dùng cho lễ *Palaw Salih*. Vật liệu đầu tiên và cũng chính yếu để phục vụ cho lễ *Palaw Salih* là bột gạo. Vật liệu quan trọng thứ hai là nước (yá) để nhào bột cho dẻo. Vật liệu thứ ba và là cuối cùng để làm các hình nhân là bông vải, tức là bông lấy từ cây bông (tiếng Chăm là *muhley kapah*). Ngoài ra, để phục vụ cho lễ *Palaw Salih*, còn phải làm một chiếc mâm chân cao (*salaw klong*) dùng để đặt các hình nhân và lá chuối lót bên dưới các hình nhân (*hala patei thaw ala*).

Khi mọi thứ đã chuẩn bị xong, kể cả các đồ cúng (chỉ có hoa quả, bánh dức, xôi và trứng), nghi lễ đầu tiên của *Palaw Salih* - làm các hình nhân (ngẩ

rup salih - nghĩa là làm ra thân mình cho các hình nhân). Ông thấy võ và ông bóng ngồi vào vị trí hành lễ như ngày đầu - ngày vào lễ -; chỉ khác là lúc này trước mặt ông bóng, ngoài các lễ vật ra còn có bột gạo. Khi thấy ông võ võ trống *paranung* và hát mời các thần về chúng giám việc làm các hình nhân thì buổi lễ bắt đầu. Ông bóng làm lễ xông bột (*chôm*) chèn khói trầm từ bát lửa (*munhim apiui*) bốc lên thơm lòng rồi bốc từng cục bột đưa ra cho mấy ông thấy ngồi hai bên nặn các *salih* hay các hình nhân. Thông thường các hình nhân được nặn gồm có: hai cặp đàn ông và hai cặp đàn bà (có nơi chúng tôi thấy có ba hình người gồm: chồng, vợ và con gái); trâu hai con, một đực một cái; ngựa hai con, một đực một cái; lợn hai con, một đực một cái; dê hai con, một đực một cái; gà hai con, một trống một mái; chuột hai con, một đực một cái; nghĩa là cứ một loại một đôi đực và cái. Người ta còn nặn thêm một chiếc chày và một chiếc cối - cũng là hình ảnh một cặp đực cái. Những hình nhân này sau khi đã được nặn xong, được đặt lên chiếc vỉ đan bằng tre lót bằng lá chuối ở dưới và một lớp bông ở trên. Khi các hình nhân đã định vị xong trên chiếc vỉ tre, ông bóng phải làm lễ tra hay gieo hồn (tra swan - nghĩa là gieo hồn) cho các hình nhân bằng cách vốc một nắm gạo lên mồm thổi rồi vãi lên các tượng hình nhân. Các hình nhân được tra hồn trở thành đại

diện thế mạng cho con người và những sinh linh sống đi làm một nhiệm vụ đặc biệt: đem mọi ô uế và tội lỗi của trần thế đến một thế giới khác để cho thế giới này của con người và những sinh linh sống trong sạch khi bước vào năm mới. Để cho những *salih* vững tâm và có sức để lên đường làm nhiệm vụ, ông thầy bóng bẻ bánh đúc, hoa quả,... ném vào các *salih* cho chúng ăn.

Sau khi đã làm lễ "tra hôn" và "căn dặn" các *salih*, hai ông thầy võ và thầy bóng bắt đầu dâng lễ mời các thần về. Tất cả các thần linh (*apih pō*) của người Chăm đều được mời về. Và lễ vật dâng các thần lúc này hoàn toàn là những đồ chay gồm: xôi (*diêu* - đọc là *diep*) 9 đĩa, bánh đúc (*pey poh* - đọc là *pei poh*) 9 đĩa, bỏng gạo (*kamang* - nghĩa là gạo nổ) và các loại hoa quả như chuối (*patey*), dứa (*liu*), mía (*tapôw*) và trầu cau (*hala panung*). Lúc này, chiếc vĩ tre có mang hình các *salih* được đặt ở chính giữa trong rạp lễ và ông thầy võ, có sự phụ họa của trống *kinăng* và kèn *saranai*, vừa võ trống *paranung* vừa hát tiền (*atoh palaw*) các *salih*. Trong lúc ông thầy võ hát tiền thì ông bóng múa tiền (*mya palaw*) các *salih*. Chỉ khi những nghi thức đưa tiền (hát tiền đưa, múa tiền đưa) đã làm xong tại rạp lễ (*kacang*) - lễ tẩy uế rạp lễ mới bắt đầu. Công việc này được thực hiện bằng những

động tác mang tính ma thuật của ông thấy bóng: ông cầm roi vừa múa, vừa hét xua, đuổi, rồi gom tất cả mọi ô ướ vào tấm trần bằng vải trắng (*Poh pucha lam mufin*) được treo trong rạp lễ ngay phía trên khu vực làm bàn thờ. Đến lúc cảm thấy tất cả mọi ướ tạp đã được dồn vào tấm vải, ông bóng vội cuốn ngay tấm vải đó lại rồi ném tấm vải ra tít ngoài bãi xa trong tiếng reo xua đuổi của mọi người.

Sau lễ tẩy ướ mới thực sự đến đỉnh điểm của lễ hội Rija Nukar ở ngày thứ hai và cũng là ngày cuối cùng - thả các *salih* ra biển cả, sông sâu như người Chăm thường nói (*Palaw tamur tathi Prong Calan Rak Prong*). Và việc thả các *salih* cũng là nghi thức cuối cùng của lễ hội Rija Nukar. Khác với tất cả các nghi lễ trước đó được diễn ra trong rạp lễ, nghi lễ *Palaw Salih* được tiến hành ngoài trời. Khi tấm vải trần rạp lễ màu trắng đã cuốn hết mọi ô ướ vào và đã được ông bóng ném đi thì người ta bẻ tấm đan đựng các *salih* ra khỏi rạp lễ để đem thả các *salih* đó xuống nguồn nước gần làng nhất (hoặc biển, hoặc sông, hoặc mương...). Các *salih* được bẻ đi trước, ông thấy bóng múa tiến phía sau. Tới nơi đã định bên bờ sông (hoặc biển, hoặc mương, hoặc suối...), ông thấy vỗ và ông bóng thả các hình nhân *salih* xuống nước. Đến đây lễ hội

Rija Nukar coi như kết thúc. Mọi người trở về rạp lễ để tháo dỡ rạp, rồi ra về. Các gia đình ăn tết.

Xuân Tết với người Dao Đeo Tiền (Hoà Bình)

*Nguyễn Hữu Thúc**

Xuân về, người Dao Đeo Tiền xã Cao Sơn và Tu Lý huyện Đà Bắc (Hoà Bình) sống ở lưng núi cũng nhộn nhịp bắt tay vào làm Tết. Càng gần cuối năm không khí càng khẩn trương, sôi nổi. Sớm mai bên mỏ nước đầu bản các cô gái Dao bận bịu giặt quần, phơi áo, sau đó theo lối mòn ngược dốc, các cô dùng đưa áo chàm vắt ống nước về nhà khi làn sương mỏng manh bay lên đỉnh non cao, thung lũng thoáng một màu của nắng, các bà, các cô lại kéo nhau ra bãi cỏ trước bản đun nước chàm nhuộm vải, hay cắm cúi phết sáp ong lên mặt vải theo những mẫu hoa văn truyền thống gấp khúc, lượn sóng in sẵn.

* Bộ Văn hóa Thông tin

Ngày tết bắt đầu rộn lên vào tờ mờ sáng hôm 30 tháng chạp mà sinh hoạt văn hoá mang bản sắc dân tộc độc đáo của người Dao là làm tết nhảy. Tiếng Dao là *Nhiang chám dao*. Mỗi bản có tới chục nhà làm tết. Trong tiếng trống đập dồn, tiếng chiêng trầm bổng, tiếng thanh la lanh lảnh, tiếng chuông ngựa reo vui là tiếng chân người rầm rộ làm bản mừng sôi động hẳn lên, ta cảm tưởng như cả bản Dao đang bóng bệh trôi trong mây vậy.

Ngày tết không phải bất cứ nhà nào cũng làm tết nhảy. Theo quan niệm của người Dao làm tết nhảy để cầu may hay tạ phúc đất nhà, nghĩa là trong gia đình năm đó chẳng may làm ăn thất bát, nương rẫy bị mất, người hay đau ốm, nuôi gia súc, gia cầm gặp dịch bệnh thì làm tết cầu may, còn năm nào gia đình làm ăn phát đạt, người trong nhà khoẻ mạnh, con cái đi lại may mắn thì làm tết tạ ơn đất nhà phù trợ.

Thời gian làm tết nhảy từ ngày 30 đến hết ngày mồng 2 âm lịch. Trong những ngày đó, mọi người trong bản đến nhà làm tết nhảy tham dự những đợt múa tập thể. Khi đã vào múa phải múa hết mình, mấy chục người mãi mê cùng múa, cùng hát.

Khi mùa, họ thường hát hai bài lấy từ trong sách cũng là bài *công đồ* và bài *năm tháng*. Bài *công đồ* hát ngày làm tết khác với bài *công đồ* hát trong lễ *lập tính* (đặt tên cho con). Nội dung bài *công đồ* kể về lịch sử người Dao. Tương truyền từ thời nhà Lý (thế kỷ 13), người Dao Đeo Tiên chèo thuyền vượt biển Đông đến Việt Nam. Cuộc thiên di vô cùng gian nan, vất vả. Họ phải lênh đênh bao ngày trên biển cả mênh mông, phải chống chọi với mưa to và gió bão. Đã có biết bao chiến thuyền đầy áp người vĩnh viễn nằm lại dưới đáy biển sâu trên con đường thiên di ấy. Bài *năm tháng*, như một quyển lịch tóm tắt công việc làm ăn, lễ tiết của người Dao, kể rõ mùa nào phải làm gì, kiêng kỵ gì. Qua đó, truyền giảng kinh nghiệm, nhắc nhở mọi người chú ý vào công việc sản xuất. Nhìn chung, các bài hát trong khi chèo còn nhiều chủ đề khác, mục đích khác để cầu lành, cầu mát cho gia đình. Ví như:

Đánh trống lên

Đánh liên tay

Mấy anh em ta chèo

Chèo đuổi ma

Chèo cho nhà ta khoẻ mạnh

Chèo cho nhà chủ

Năm nay, năm sau khoẻ mạnh

Chèo cho nhà chủ

Nghìn năm, vạn năm được nhiều lúa kho.

Ngày tết, con trai Dao thường mặc áo dài đến gối, màu chàm thẫm, có dải buộc ở eo lưng, đầu chít khăn trắng thêu hoa. Con gái mặc áo tương tự như con trai, váy ngắn trên đầu gối, màu chàm thẫm, nổi hoa văn xoáy chôn ốc và hoa văn gầy khúc màu trắng. Khăn là một sải vải màu chàm dài, hai đầu đính tua chỉ ngũ sắc được cuốn quanh đầu, gấp lại phía sau gáy. Điểm đáng lưu ý là áo chàng trai và cô gái Dao Đeo Tiễn ở phía sau lưng bao giờ cũng có bảy hay chín đồng tiền. Họ cho rằng: đeo thế để chống tà ma nhập vào áo lấy mất hơi người, làm hại cơ thể. Dựa vào đặc điểm dân tộc học ấy mà người ta đặt tên gọi Dao Đeo Tiễn để phân biệt với các ngành Dao khác.

Hiện nay ở Đà Bắc chủ yếu có hai ngành Dao: Dao Đeo Tiễn và Dao Quán Chet. Để giải thích cách ăn mặc của hai ngành Dao trên, người Dao Đeo Tiễn có truyền thuyết sau:

"Thủa ấy bố mẹ Dao dùng thuyền để thiên di. Một số thuyền theo mẹ và một số thuyền theo cha. Trên đường vượt biển Đông tìm vùng đất mới, do mẹ giục các con nhanh tay chèo nên đoàn thuyền của mẹ xa dần đoàn thuyền của bố. Lúc ấy, cha con vẫn dènh dàng rượu chè. Lúc thuyền mẹ cập bờ thì biển động. Mưa to, gió lớn, sóng biển dữ dội, người mẹ phải đưa các con lánh vào rừng. Còn bố, đến lúc biển động mới sực tỉnh rượu, giục gấp các con chèo đưa thuyền vào bờ, nhưng đã chậm, non nửa thuyền bố bị sóng biển nhấn chìm, số còn lại đến chân núi Tam Đảo thì thoát nạn. Từ đó, bố mẹ Dao lạc nhau. Con cái theo bố vắng mẹ, không ai dạy cất may quần áo liền theo quần áo bố để mặc.

Sau này hai người gặp nhau. Vợ trách chồng, chồng mắng vợ. Hai người giận nhau thế không quan hệ với nhau nữa. Họ lại xa nhau từ đấy. Những người con theo bố mặc quần chẹt ống như bố nên gọi là Dao Quần Chẹt, có nơi gọi là Dao Tam Đảo, cũng vì họ sống nhiều ở vùng núi Tam Đảo. Tiếng nói của người Dao Quần Chẹt nặng hơn tiếng nói của người Dao Đeo Tiến là do lúc thuyền chìm, họ uống phải nước biển mặn nên lạc

giọng như vậy. Người Dao Quần Chẹt ít hơn người Dao Đeo Tiễn bởi lẽ biến cả đã cướp đi non phần số người trong lần thiên di gặp động biến.

Người mẹ đưa con vào rừng dẫn cây làm nương rẫy, ma rừng quấy nhiễu, bắt đi nhiều người, mẹ phải bày cách cho các con đeo tiễn đằng sau áo để ma áo giữ hơi người không cho quỷ bắt họ”.

Con gái Dao cho hoa là thứ nhất thời, không ổn định, nên họ rất kiêng thêu lên quần áo những bông hoa của thiên nhiên và kiêng đội khăn màu trắng có thêu hoa. Đội khăn màu trắng thêu hoa chỉ có ý nghĩa thẩm mỹ với anh con trai. Thường thì con gái ưa màu xanh thắm, theo họ, đó là màu của sự sống, sự bất biến, vĩnh hằng như tấm lòng họ vậy.

Người múa mặc quần áo đẹp, một tay cầm guom, hoặc dao găm, hoặc roi tre và tay kia cầm chuông. Mở đầu múa hát theo điệu lên ngựa. Múa có lúc từng đôi một có lúc cả một tập thể vừa đi vừa xoay tròn múa. Động tác múa khoẻ, nhộn, có động tác như kéo dây cương, có động tác như thả dây ra, kết thúc mỗi công đoạn múa là tiếng vỗ ơ dứt khoát, lời hát cất cao sôi động, mỗi người như đốc

hết tất cả nguồn sinh lực của bản thân ra hát và múa.

Múa hát qua đêm 30 đến sớm mông một, những người tham gia múa nhảy theo hai người cầm cờ giấy và gươm đi vòng quanh nhà để xông đất.

Ông Bàn Văn Bình, bản Tày Mãng, xã Tu Lý cho chúng tôi biết về cơ sở hình thành điệu múa chèo ngày tết như sau: Từ hồi xa lắm, ngày ấy, người Dao còn làm ruộng nước; lúc đó có các bộ tộc khác từ phương bắc kéo quân đến diệt người Dao. Chống giặc cướp không nổi, ông trưởng tộc kéo dân chúng vào rừng. Giáp tết năm đó mọi người đã mở nhiều trận đánh lớn để về quê hương, nhưng giặc mạnh, họ buộc lòng lánh tạm vào rừng. Hôm 30, những người Dao ngồi quây quần quanh đống lửa dưới một cây sấu rừng, mắt đau đau nhìn về xứ sở. Để làm dịu bớt lòng thương nhớ cứ bùng lên trong lòng mỗi người, lúc ấy, ông trưởng tộc lệnh cho mọi người mở hội luyện quân đón giao thừa. Toàn quân chia thành từng nhóm, mỗi nhóm mười hai người, hai người đánh trống áp tải quân, hai người cầm cờ, một đỏ, một trắng đi trước, bốn người tay cầm gươm hoặc dao múa võ, cuối cùng là bốn người cưỡi ngựa. Điệu múa

luyện quân đón giao thừa đêm đó thể hiện ý chí quyết tâm đánh giặc cướp của người Dao. Về sau, cứ đến ngày tết, bà con tổ chức diễn lại điệu múa có đội hình như trên, riêng ngựa thay bằng chuông đồng đeo tay người múa, tượng trưng cho nhạc ngựa. Truyền qua nhiều đời, ý nghĩa ban đầu của một điệu múa mờ nhạt, nó mang thêm mục đích khác - múa chèo để trừ ma tiêu quỷ, để cầu lành, cầu mát... Ngày nay, dự tết của người Dao đeo tiền, ta sẽ thấy ở gian giữa bàn thờ, Bàn Vương, có để mấy cây mía, tương truyền thay cho cây sấu, người Dao dùng bột gạo nặn những quả sấu tròn gắn vào các nhánh lá, và còn cắt giấy hay nặn bột hình các con vật như khỉ, gấu... trang trí lên cây mía. Họ cho rằng, loài vật thấy người múa vui sà đến xem. Gia đình làm ăn xui xẻo, cuối ngày tết nhảy diễn lễ chặt đứt cây mía để trừ tà, còn các quả sấu bằng bột đem chia cho mọi nhà trong bản.

Như vậy, múa chèo là *linh hồn* trong ngày tết, của người Dao đeo tiền. Vì lẽ đó mà họ đã đồng nhất tên gọi tết nhảy với tết đón mừng năm mới. Cách gọi này đâu sao cũng không chuẩn xác lắm, vì ngày tết ngoài múa chèo còn nhiều hình thức sinh hoạt khác. Hơn nữa một số lễ nghi khác của người

Dao cũng lấy múa chèo làm lễ chính như lễ *lập tịch* (lễ đặt tên cho con) không tổ chức vào dịp tết.

Ngày tết, gia chủ dọn mâm cho khách xa gần đến ăn. Người múa cứ múa. Người hát cứ hát... Ai trong nhà đói thì vào ngồi mâm. Không phân biệt trẻ già, trai gái, cứ đủ người là vừa ăn vừa trò chuyện vui vẻ. Đặc điểm đó thể hiện không khí ấm cúng của một gia đình lớn, tính bình đẳng, dân chủ của các công dân trong cộng đồng làng bản.

Mâm cơm tết là hàng bàn gỗ, bốn chân kê liền nhau, hai bên bàn xếp ghế mây - một vật dụng quen thuộc mang sắc thái độc đáo trong mỗi gia đình người Dao. Những chiếc ghế đan bằng mây đường kính mặt 30 - 35 cm, hình nón cụt, chân cao khoảng 20 - 30 cm được thiết buộc chắc chắn. Nhà người Dao đeo tiền nào cũng có hàng chục chiếc ghế mây đủ để các thành viên gia đình ngồi và dư dôi để đón khách. Mỗi khi khách quý đến nhà, gia chủ bao giờ cũng mời ngồi ghế mây, khách đặc biệt thì được ngồi ghế mây mới đan, đó là phép tắc biểu hiện sự quý trọng của chủ nhân với khách. Thường đi thăm nhà nhau, hay đi hội họp, người Dao đeo tiền có thói quen mang theo ghế mây để ngồi. Người Dao còn có tục, khi đưa trẻ ra

đời, bà đỡ cắt rốn trẻ sơ sinh, quần tã lót đặt đứa bé nằm trên chiếc ghế mây rồi mới chuyển tay đưa bé sang bên giường mẹ. Lại có tục, cô gái Dao chuẩn bị theo đám rước dâu về nhà chồng, ông thầy cúng bao giờ cũng mời cô dâu ra hành lang nhà, ngồi vào một chiếc ghế mây to để ông làm phép, đọc khấn chú, xua đuổi tà ma, cầu cho cô gái theo về nhà chồng gặp nhiều điều tốt đẹp. Ghế mây ngồi êm, tư thế thoải mái, chắc chắn rất tiện dụng trong gia đình người Dao. Mâm cơm tết không thể thiếu món thịt muối chua ăn với lá lốt. Có thể nói, đây là *món ăn đặc sản* của dân tộc Dao đeo tiền. Gia đình người Dao nào trong nhà cũng có hàng chục cân thịt muối chua, có những chum thịt muối để tới chục năm. Người nhà ốm đau hay cần thức ăn đi nương rẫy ra, hoặc khách khứa tới nhà thì lúc nào trong nhà người Dao cũng có thức ăn dự trữ. *Thịt chua là sản phẩm của nền nông nghiệp làm nương rẫy*. Để có thịt chua ăn tết, người Dao phải làm khá công phu. Đầu tiên con vật (lợn, bò, dê...) mổ ra, gia chủ để thịt ráo nước, sau đó mới dùng dao nửa khứa thành múi, bóp muối thật kĩ, để một tháng cho thịt ngấm muối, sau đây gia chủ thổi một nồi cơm thật to, lúc cơm vừa chín tới, mang miếng thịt ra vớt muối đi, xới

cơm nóng áp vào miếng thịt rồi nén đế vào chum sành. Cơm nóng áp thịt nén chum nóng tới vài ngày mới nguội, đảm bảo cho miếng thịt chín như luộc. Thịt cho vào chum một vài tháng ,sau đấy, gia chủ gỡ thịt ra, vuốt hết cơm và áp thính ngô đã được rang giã thơm vào thịt, lại nén chặt thịt vào chum và lật úp miếng xuống tro. Thịt còn ít nước nào sẽ được thính khô hút hết. Cách làm như vậy, thịt để hàng chục năm không sao. Hàng năm gia chủ chỉ cần làm thính mới thay thính cũ là đủ.

Ngày tết, thịt ướp chua được gia chủ dùng dao nửa cửa thành miếng đặt lên mâm. Miếng thịt trông vẫn còn tươi nguyên, ngon mắt. Khách có ăn mới cảm nhận hết vị ngon của thịt chua, nó vừa có vị béo của mỡ, vị đậm ngậy của thịt nạc, vị thơm của thính, vị chua của cơm, quả là cao lương mỹ vị khó có món nào sánh bằng.

Trong bữa cơm, vì người phụ nữ có công vất vả nuôi nấng con vật cho nên bao giờ họ cũng được mời ăn miếng thịt trắng (*nghĩa là miếng thịt mỡ*), còn anh con trai ít vất vả hơn chỉ được ăn miếng thịt đen (*nghĩa là miếng nạc*). Ăn thịt muối chua uống với rượu hoẵng mới hợp khẩu vị. Rượu hoẵng cũng là một trong những sản phẩm văn hoá

đặc sắc của người Dao. Lễ, tết, hội hè của người Dao thường không dùng rượu cất, họ dùng rượu ủ men, không cất, gọi là rượu hoẵng. Loại rượu này uống vào thấy thơm và hơi chua, càng uống càng ngọt giọng, uống vài ba bát say phải biết. Người Dao làm rượu hoẵng cầu kĩ và công phu không kém gì làm thịt chua. Từ những bó nếp cẩm mang ở nương rẫy về, các cô gái làm thành gạo, gạo thành cơm ủ với men rượu chế ra từ các lá rừng. Xôi nếp cẩm ủ ngâm men rồi thì cho vào chum. Người có kĩ thuật tốt, rượu để chum hàng năm vẫn không bị quá chua, quá đắng... Sắp đến ngày giáp tết, gia chủ bê hũ rượu hoẵng ra để cạnh bếp, lấy vỏ cây sồi, loại vỏ cây cứng và thơm, đốt để cời than hồng quây quanh hũ. Ủ lửa than sồi, khi nào rượu trong chum sôi lên thì bắc ra, để nguội, lọc cặn bỏ đi. Ngày tết, các cô gái Dao trẻ trung, sồi nổi, diện bộ áo quần màu chàm đẹp nhất, có đính chỉ ngũ sắc đi lại tươi cười rót rượu từ ống nửa ra bàn mời khách. Người Dao uống rượu không ép ai bao giờ. Khách muốn uống cứ để bát ra, rượu với khác sẽ có người rót đầy, khi không uống nữa thì úp bát xuống.

Mùa xuân là mùa của các chàng trai và cô gái gần với lời ca và câu hát tiếng hát giao duyên nghìn đời nay đã sống với họ vào dịp xuân tết, khiến lòng họ náo nức yêu thương.

Như đã thành lệ, các ngày xuân, gái trai Dao thường kéo đến làng bản của nhau để thi hát, nhờ cuộc hát mà bộc bạch tâm tình và thổ lộ tình yêu. Hát giao duyên, tiếng Dao là *páodung*. Khởi đầu cuộc hát bao giờ cũng dành quyền cho chủ nhà. Nếu cánh con trai của bản khác đang ở chơi một nhà nào đó của bản mình thì con gái bản chẳng hề rụt rè gì mà kéo ngay đến sân hát vọng vào, mời các chàng trai ra hát, các chàng cũng chỉ đợi thế là chạy ngay ra bậu cửa hát đáp lời. Người Dao đeo tiến kiêng hát ở trong nhà, chỉ khi nào hát cho người ở bên mà họ mới vào nhà để hát.

Trai gái thuận nhau hát sẽ rủ nhau ra bãi cỏ rộng, họ tụ nhau ngồi quanh các đống lửa để hát. Trời xuân se lạnh, gió mang lời họ qua lại, họ ướm lòng nhau.

Nữ:

Em gửi trao anh cái dải buộc áo
Cái dải xấu không xứng duyên anh
Ngày mấy lần anh xem anh định bỏ
Ngày mấy lần em tủi em than

Nam:

Đừng nói vậy dải áo em đẹp lắm
Đêm hôn lẩn anh dậy thắp đèn xem
Ước được thấy mặt người nơi xa cách
Ước lấy em về ta chung lối lên nương.

Có lúc họ bộc lộ tâm tình với nhau, người ngoài
nghe ai chả nao lòng:

Trời rạng sáng cứ còn cào nỗi nhớ
Gật tóa mình anh, nước mắt cứ chảy ra
Nghĩ đến em ngẩng đầu anh tìm chẳng thấy
Lòng khát khao muốn em chung một nhà

Cuối cuộc hát giao duyên thường là chàng hát đưa tiễn nhau, lúc này bên trai cũng như bên gái bao giờ cũng cầm theo một đoạn mía có bảy giống năm dốt. Anh con trai hát tiễn cất lời:

Tay cầm mía bảy giống năm dốt

Đưa em tới đầu đường ta bẻ chia nhau

Em hãy cầm đoạn gấp, bốn giống

Để tỏ lòng anh trước sau

Bên nữ trả lời:

Tối bụng đưa em xa xa

Quá nửa đường mới mới bẻ mía

Tay cầm bảy dốt, năm dốt

Có lòng tối hết đường mới bẻ chia nhau

Lời hát cứ bốn câu chọi nhau qua đi gửi lại, niềm thương nỗi nhớ càng về cuối càng lưu luyến thâm tình, duộm nghĩa, làm cho bạn tình bịn rịn chẳng dễ rời chân đi nổi:

Em đánh rơi vàng em còn nói được

Sao mắt anh, nước mắt em cứ rơi hoài.

Tiếng hát giao duyên ngày xuân của các chàng trai, cô gái Dao mang bao khát vọng của tình yêu lứa đôi, nó biểu hiện những tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người, giữa nơi mà trước kia vẫn được coi là rừng sâu nước độc.

Có thể nói, trước đây do hoàn cảnh sống và do cả kì thị dân tộc nên văn hoá người Dao tương đối bị khép kín. Vì vậy, ngày tết của họ vẫn còn giữ được những nét riêng khá độc đáo của nền nông nghiệp nương rẫy. Ngày tết là dịp người Dao gửi gắm ước vọng bày tỏ niềm vui trước những thành quả lao động họ giành được trong năm, cũng là dịp con người gần gũi nhau sau những tháng sống lẻ loi ở nương rẫy, nhờ đó mà họ có điều kiện củng cố niềm tin, thắt chặt tình cảm làng bản để cùng nhau bước sang năm mới xây dựng cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn.

Tết cổ truyền của người H'mông tỉnh Hòa Bình

Nguyễn Hữu Thúc

Xã Hang Kia và Pà Cò là hai xã có người H'mông thuộc huyện Mai Châu của tỉnh Hòa Bình.

Vùng đất ấy, trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thuộc tổng Bao La do Chánh tổng người Thái cai quản.

Các già làng người H'mông kể rằng họ tới đất Hang Kia, Pà Cò đến nay đã 7 đời (nếu đời họ cách đời kia 20 năm thì 7 đời là 140 năm), sau một lần chạy nạn giặc Ngô. Băng qua những cánh rừng già chưa một dấu chân người, băng qua những đỉnh núi đá tai mèo sắc tựa thanh nứa vát, họ tới đất này với hai bàn tay trắng, ngay cả chữ

viết của dân tộc mình cũng tuột mất trên con đường gian nan cực nhọc ấy.

Không có chữ viết nên chẳng có sách! Mọi tri thức văn hóa của dân tộc đều lưu giữ trong đầu mỗi người và thông qua cửa miệng mà truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Đến đất Hòa Bình có hai ngành H'mông: ngành H'mông đen chủ yếu ở xã Pà Cò và ngành H'mông lải chủ yếu tụ cư ở xã Hang Kia. Phong tục tập quán cơ bản giống nhau. Muốn nhận diện hai ngành ấy ta nhìn vào y phục của phụ nữ là rõ nhất.

1- Vài nét về trang phục tết của người H'mông xã Hang Kia, Pà Cò.

Như chúng ta đã biết, phục trang biểu hiện trình độ thẩm mỹ của từng dân tộc. Sự khác biệt giữa dân tộc này với dân tộc kia một phần thể hiện qua trang phục truyền thống của người phụ nữ.

Do sống ở vùng núi cao chót vót của huyện Mai Châu, ít tiếp xúc với đô thị, kinh tế chủ yếu tự cung, tự cấp, từng gia đình lại sống biệt lập, du cư

theo mùa làm nương rẫy, chỉ khi thu hoạch xong mới kéo về bản vui chơi vào tháng Tết, nên phụ nữ H'mông Hang Kia, Pà Cò vẫn giữ nguyên cách mặc truyền thống.

Dù cộng cư bên nhau nhưng trang phục của người H'mông đen và H'mông lải tỉnh Hòa Bình lại có xu hướng đối lập nhau như để bảo lưu sắc thái của từng tộc người, trong khi đó một số sinh hoạt truyền thống khác lại có xu hướng hòa đồng vào nhau (cưới xin, ma chay, hội hè...).

Ví như, cùng là thứ vải đã nhuộm chàm sẫm, khi đội lên đầu, thì người H'mông đen sử dụng vuông vải dài nhiều sải, khéo léo quấn lại thành ống khăn hình trụ, dưới nhỏ trên hơi loe, cao tới 50 - 60cm, đội ngất nghiêng trên đầu, buộc cổ gái phải ý tứ, giữ gìn sao cho bước đi uyển chuyển để khăn đội đầu được cân đối, tôn thêm vẻ đẹp dưới con mắt các chàng trai. Ngược lại, phụ nữ H'mông lải lại đơn giản hơn, khăn đội đầu của họ chỉ là vuông vải phủ đầu, hoặc đủ quấn quanh vòng đầu mà thôi.

Hoặc: cũng từ một thứ vải đen hay chàm sẫm, khi cắt may, thân áo người phụ nữ H'mông đen dài gần mắt cá chân, tựa như chiếc áo dài, xẻ tà từ eo xuống, hai vạt trước khi cần buộc chéo trước ngực, vạt sau thành tấm che xỏ thẳng xuống gót, vạt trước ngực cắt chéo, khuy bao giờ cũng cài bên phải. Để cho áo mặc thêm đẹp, phụ nữ H'mông đen đính nổi hai dải vải màu trắng to (ngang 3cm) chạy song song ở cuối vạt, làm nổi bật trên nền vải đen. Cũng vậy phần tay áo từ vai đến cổ tay, đính nổi nhiều vòng vải xanh, trắng, vàng tạo nên hình văn sọc dưa.

Ngược hẳn lại, chiếc áo ngoài của phụ nữ H'mông lài phần thân ngắn hơn, vạt chỉ chấm đến khoeo chân không xẻ tà nên thân áo khép kín quanh người, không đính hai dải vải trắng dưới vạt, vạt áo trước ngực cắt vát và khuy cài phía bên trái chứ không ở bên phải như H'mông đen, tay áo ngắn hơn, thon dần về phía cổ tay, nơi ấy có đính nổi nhiều vòng vải xanh, vàng, đỏ.

Nhìn chung, hoa văn áo váy của hai ngành được thêu bằng chỉ màu, chủ yếu tập trung ở quanh cổ,

đường viền nhỏ quanh eo áo và phần cuối của tay áo. Xen lẫn hoa văn hình học là hoa văn dây leo, hoa văn hình các con vật. Phụ nữ H'mông đặc biệt chú ý tạo ra nhiều hình thêu chữ thập chạy vòng quanh cổ tay, vòng quanh cổ, eo lưng. Dấu hiệu này có nghĩa là "khỏe mạnh, sống lâu (tsáu-a) gắn với tục: vào những ngày Tết người H'mông thường làm "cái dấu chữ thập bằng gỗ đặt trên mặt đường, nơi có nhiều người qua lại một cánh hướng về nhà, còn ba cánh chỉ đi ba phương trời để cầu mong cho sự may mắn theo dấu đó mà về" ¹

Riêng chiếc váy của hai ngành H'mông đen, lại gần giống nhau. Sự "sang trọng" của một cô gái H'mông được đặt nhiều vào chiếc váy. Theo phong tục, mỗi năm cô gái H'mông phải mặc một bộ váy áo mới vào ngày đầu năm. Để hoàn chỉnh chiếc váy đó một phụ nữ H'mông phải dày công làm ròng rã vài tháng. Thông thường hoa văn thể hiện trên chiều ngang chiếc váy chia làm bốn phần. Phần cuối chừng 25cm là hoa văn hình học gấp

¹ Xem: *Vài nét về trang phục của phụ nữ Mèo*, Hà Sơn đang trong "Nghề đẹp quê hương". Ty Văn hóa - thông tin Hà Sơn Bình - 1977.

khúc, màu trắng với hình tam giác lớn, hình ô trám, hình sóng nước, hình hoa lá. Trên đó chùng 15cm là dải hoa văn đen đậm nằm giữa hai giải hoa văn đồng tiền màu trắng nối nhau chạy quanh váy. Phần trên nữa khoảng 30cm lại thể hiện hoa văn hình học kẻ mờ trên nền xanh sẫm. Cuối cùng là phần eo. Qua bàn tay tài tình cô gái H'mông đã dùng kim khâu rút sợi thành mũi, tạo ra nếp gấp, ở eo, trên phần gấp ấy đính rất nhiều miếng vải hình khối nổi nhỏ bằng đầu ngón tay nối nhau quanh váy. Phụ nữ H'mông đen thích phối lên váy các miếng vải xanh, đỏ, trắng, hoa. Còn phụ nữ H'mông lải tránh dùng vải hoa đính lên váy. Thật thú vị nếu đó lại là một cố gắng để tìm sắc thái riêng cho chiếc váy của tộc mình.

Chiếc váy của phụ nữ H'mông xếp gấp ôm tròn lấy eo, sau đó bung lên như chiếc đuôi công xòe. Ngay cả cách bố cục, hoa văn trên chiếc váy của họ cũng thoáng làm ta liên tưởng tới cách bố cục hoa văn trên đuôi công.

Để tạo ra hoa văn trên mặt vải váy, người H'mông phải tiến hành nhiều bước. Sải vải váy màu trắng

dài 3-4 mét, rộng 75-80cm được căng từng phần trên khung, phụ nữ H'mông cầm cùi dùng bút chấm sáp ong lỏng vẽ lên hình đã phác thảo sẵn trên mặt vải. Họ mang tấm vải nhuộm nước lá tạo màu chàm (phần sáp ong phết lên vải, làm nước nhuộm không thấm vào vải). Sau nhiều lần nhuộm vải đạt độ đen bóng rồi họ đem tấm vải đó nhúng nước nóng, sáp ong đã dần, lộ ra các họa tiết hoa văn màu trắng theo hình mẫu, gấu váy các cô gái trẻ còn được thêu nổi hình cây, hình con vật bằng chỉ nhiều màu.

Trang phục đầy đủ của phụ nữ H'mông phải thêm bộ xà cạp điểm hoa văn hình học quần quanh bụng dưới của bắp chân, và ba bốn cái vòng bạc đeo ở cổ, cùng vài chiếc khác đeo ở cổ tay. Những chiếc vòng bạc sáng ánh lên tôn áo váy thêm rực rỡ sắc màu. Vào dịp Tết của người H'mông (trước Tết người Việt khoảng một tháng), các cô gái H'mông đeo đội khăn đầu cao, mặc váy lông xòe, chân quần xà cạp, đuôi áo phất phơ tung tăng đánh cầu lông hay ném còn như bầy chim công đang vui trên sân cỏ vậy.

Qua cách phục trang của phụ nữ, một đặc điểm dễ nhận: họ chuộng dùng màu đỏ. Màu này giữ vị trí xâu chuỗi các nếp gấp quanh eo váy, nổi bật lên một cách chói rục trên thân thể người phụ nữ H'mông, phần nào phản ánh nếp sống H'mông: trong sự thâm trầm còn hàm chứa trong đó bao cái hào hùng, không kém phần dữ dội của một tộc người từng neo chân trên những đỉnh núi cao chót vót của đất miền tây bắc Tổ quốc Việt Nam.

Quay trở lại cách ăn vận của hai ngành phụ nữ H'mông Hòa Bình, quá trình diễn đã ở Hang Kia, Pà Cò, chúng tôi được biết: trước Cách mạng Tháng Tám, người H'mông đen có số dân đông hơn so với người H'mông lải, giữ vị trí chính về mặt kinh tế cũng như xã hội trên vùng đất hai ngành cùng cộng cư. Do vậy, có sự phân biệt đối xử giữa hai ngành H'mông. Người H'mông đen tự coi mình như dân ở *chiếng*, còn người H'mông lải tựa như dân ở *thìn* trong xã hội Thái và Mường thời Lang - tao. Vì thế, con gái H'mông đen rất hãn hữu lấy con trai H'mông lải. Theo chúng tôi: việc chia tách thành từng ngành H'mông là do lịch

sử để lại, không bàn đến ở đây, còn sự hiện diện của hai cách phục trang có chút ít nào đó "đối lập" trong thể hiện của hai ngành H'mông ở Hang Kia, Pà Cò đã phản ánh ý thức của từng tộc người H'mông *không chịu đánh mất mình* để bảo tồn sắc thái của riêng mình. Chính vì lẽ đó mà bước sang giai đoạn lịch sử mới, khi các tộc người đều bình đẳng thì việc bảo lưu cách phục trang riêng độc đáo của hai ngành H'mông là điều phải tôn trọng, nhất là trong ngày tết của dân tộc H'mông.

2- Sinh hoạt tết.

Xưa kia con đường lên bản người H'mông xa lắm. Từ phố Văng của huyện lỵ Mai Châu theo đường bộ cứ ngược núi, có chỗ dốc đứng 90 độ tới Pà Cò lớn cũng mất tới gần hai ngày đi đường. Họ sống biệt lập trên núi cao ít khi tiếp xúc với các dân tộc sống quanh vùng. Tháng 3 mùa đốt rẫy, tháng 4 mùa nghe sấm tra hạt, cả bản vắng ngắt chỉ có các ông già, bà lão, "*chân tay hết đi rừng nổi*", ngồi như tạc trong căn nhà ghép ván bung tối om bên bếp sưởi đang lụi dần củi lửa. Mỗi khi có khách

tới, quanh bản từng bầy chó sói sủa gât gông rồi chạy tán loạn về phía rừng hoang và khe suối cạn.

Mùa làm rẫy vợ chồng dắt con cái đi đồ án thức uống và công cụ sản xuất đi xa bản hàng chục km để ngà cây, đốt nương, trồng ngô, tra lúa. Vợ chồng quán quýt lấy nhau, giữ lửa đêm mưa, đánh thú dữ khi chúng đến nhà, đuổi chim muông khi chúng sà vào ăn hạt. Lều rẫy nhà này cách lều rẫy nhà kia nửa ngày đường. Ở miết trên đó tháng này ngâm qua tháng khác đến kỳ thu nương rẫy xong mới khăn gói rục rịch về nhà.

Bây giờ, Nhà nước đã mở đường quốc lộ chạy qua hai xã nên việc giao thông được thuận tiện hơn. Những năm gần đây người H'mông Hang Kia, Pà Cò phát triển trang trại, kinh tế vườn nên ít phải đi nương rẫy xa.

Sau tháng 10 (âm lịch) ngô đã thu xong, lúa đã gặt về, về mặt ai nấy tươi màu no ấm, ai cũng rảnh rỗi thời gian dồn cả vào chuẩn bị làm tết.

Tháng này đang độ hanh khô. Từ Pà Cò con sang Pà Cò lớn, từ bản Xà Linh qua bản Hang Kia, ngược thung Mài hay về thung Mạn ở bản nào người H'mông cũng sôi nổi. Từng tốp cô gái lạng thăm, kiên nhẫn ngồi trong nắng hanh theo những bộ váy áo ánh lên nhiều màu sắc. Sự bền bỉ trong công việc theo đuổi của cô gái H'mông quả là hiếm thấy: để có cái váy phụ nữ H'mông mặc tết, các bà, các cô phải dồn công sức cả một năm. Năm nào cũng vậy, mỗi độ tết đến, xuân sang nhất nhất mỗi phụ nữ H'mông phải có một bộ quần áo mới do chính tay mình làm ra.

Ngoài chỗ các cô gái theo đuổi là nơi các chàng trai đang tập bắn tên, luyện kỹ thuật đánh quay, say sưa tập thổi các bài khèn mới. Đặc biệt có tốp tập cưỡi ngựa rượt đuổi nhau dọc theo thung lũng. Có những chú bé chừng 10 tuổi cưỡi những chú ngựa con, người cứ nhảy chồm chồm trên lưng ngựa, còn chú ngựa sải sải vung vó trước vó sau đuổi theo những con ngựa già.

Thung lũng vàng trong nắng. Thung lũng cứ tươi lên đến cuối ngày bởi sự vui nhộn của con người.

Người H'mông Hang Kia, Pà Cò bao giờ cũng ăn tết trước người Việt một tháng. Thời kỳ này đất trời đã sáng nắng xuân. Hoa đào gió ấm rung hồng các sườn đồi. Hoa đào ở đây nở sớm, đó là cái lý để người H'mông có tết trước người Việt.

Ngày tết diễn ra trong 4 ngày: 1 ngày cuối năm và 3 ngày đầu năm theo lịch H'mông.

Ngày cuối năm, buổi sáng các nhà đua nhau mổ lợn chế biến các món ăn. Bánh dày không thể thiếu đối với các gia đình. Cách làm bánh như sau: xôi nường vài yến đã đồ thơm nức cho vào cối để một hai chàng trai khỏe mạnh đâm tới khi xôi quánh chặt vào chày mới thôi. Giã xong xấn xôi ra ép thành bánh có đường kính 30cm - 40cm để lên bàn thờ gian giữa cúng gia tiên.

Vào thời điểm này, nhà nào trong bản cũng giã bánh dày. Công việc bận rộn nhưng vui thu hút sự quan tâm của mọi thành viên trong gia đình, đồng thời bánh dày là hương vị không thể thiếu, một biểu tượng trên bàn thờ tổ tiên trong ngày tết của

người H'mông. Càng về khuya tiếng chày giã bánh dày ở bản càng đậm ấm gợi nhớ cội nguồn.

Người H'mông Hang Kia, Pà Cò ai cũng thuộc truyền thuyết sự tích bánh dày của dân tộc mình như sau:

"Xưa kia trên các đỉnh núi cao người H'mông ở bây giờ là những bãi chơi của con cái nhà Trời.

Đến một năm nọ người H'mông kéo nhau lên đó ở. Thấy vậy con cái nhà Trời về mách cha là vua Trời. Vua Trời sai thần Mưa gây mưa rồ đất đuổi người H'mông đi. Người H'mông không đi. Trời sai thần Sấm Sét ngày đêm bấm vằm đá núi. Người H'mông vẫn không đi. Trời lại sai thần Nước không mang nước đến cho người H'mông nữa. Người H'mông vẫn không chịu đi. Trời sai thần Gió mang cái lạnh đến bủa vây người H'mông nhưng người H'mông vẫn không đi. Cuối cùng Trời không còn cách nào khác là tìm cách bắt giam ông tổ của người H'mông.

Một hôm cụ tổ lên nương bắt châu chấu. Tự nhiên sấm chớp nổi lên mây đen kéo đến. Sau một tiếng

nổ lớn, đất chân cụ tụt xuống. Cụ bị giam ở dưới đó không có lối nào lên.

Một ngày, hai ngày, rồi nhiều ngày nữa qua đi, bụng cụ đói lắm, mắt cụ mờ đi, chân tay cụ run rẩy. Cụ dấn mắt xuống đất tìm xem có thức gì ăn được không. Lúc ấy, cụ thấy một đám trẻ, bé tí, bé tẹo bằng ngón tay. Một đứa đang hí húi thổi một vỏ trứng cơm. Đói quá cụ nhặt vỏ trứng lên ăn cơm và ném vỏ đi. Lúc sau cụ thấy ngửa ngửa ở chân mới cúi xuống lắng nghe. Người tí hon hét lên:

- Sao lại bóp nôi của tôi. Lấy cơm phải trả lại nôi cho tôi chứ.

Cụ tổ gật gật đầu tìm vỏ trứng trả lại cậu bé. Ngồi một tý cụ thấy bọn họ hò hét ầm ĩ, hóa ra chúng chặt cây có rất nhiều hạt vàng ánh ở ngọn. Cụ bảo chúng mang cơm cho cụ ăn cụ chặt giúp cây bó lại thành bó cho.

Nghe vậy, chúng khênh cơm, khênh trứng, khênh cả mặt ong, rượu đến đưa cụ. Cụ ăn no, uống say, rồi cụ nhổ cây bó thành từng bó nhỏ. Dọn cây

xong chúng đánh những con trâu to bằng ngón cái, những con bò bằng ngón út ra cày xới. Sau đó chúng lấy những hạt lúa vàng ra gieo vãi. Biết đây là một giống lúa lạ cụ tía ít hạt cho vào túi. Thấy bọn người tí hon làm việc chăm chỉ lại đổi dãi từ tế với cụ, cụ giúp chúng bắt những con chuột từ rừng mò đến phá lúa. Nhưng chúng không cho cụ bắt những con chuột đó. Một lần chúng dùng cành cây gõ vào chân cụ nói rằng:

- Người khổng lồ kia ơi đừng lấy chuột của chúng tôi, ngoài lúa ra chúng tôi còn phải ăn thịt nữa chứ.

Nghe vậy, lần sau cụ tổ bắt được chuột, cụ ăn phần thịt, còn cái đuôi cắm xuống đất và gọi bọn người tí hon.

- Này, các cậu em bé nhỏ, ta không lấy thịt của các cậu đâu nhé, ta đuổi chuột ăn lúa, nó sợ ta, nó chạy xuống đất đấy, đây nè ta đã tóm được cái đuôi nó. Các cậu hãy tóm vào đây kéo nó lên, nhanh tay lên kéo nó chạy mất bây giờ.

Bọn người tí hon hò nhau kéo. Cái đuôi từ từ của quạ rời tuột ra khỏi đất. Bọn chúng ngã bổ ngửa, hấp tấp chạy lại chỗ đất lở xem. Chúng bảo nhau:

- Chuột chạy xuống đất rồi ta chỉ còn được cái đuôi thôi. Thế là chúng vác cái đuôi đi. Từ đấy, chúng không nghi ngờ cụ tổ H'mông ăn chuột của chúng nữa.

Cụ bắt được rất nhiều chuột đến ăn lúa. Một phần cụ ăn, một phần cụ treo lên những cành cây cao phơi khô làm thức ăn dự trữ. Còn bao nhiêu ruột cụ mang đổ ra một góc.

Ngồi thấy mùi thịt thối, một con chim đại bàng sà xuống moi ăn. Cụ tổ đến gần chim khấn khoản:

- Đại bàng này, nếu mày mang tao lên khỏi hang để tao về gặp vợ con tao, tao sẽ cho mày ba sọt chuột khô.

Nhìn thấy ba sọt chuột khô chim nhận lời ngay.

Cụ tổ ngồi lên lưng chim. Chim vỗ cánh bay lên, bay mãi. Đến giữa chừng chim kêu mệt, dúi muốn

hạ cánh. Nhớ vợ, nhớ con, nhớ dân bản, cụ tổ không đành lòng cho chim hạ cánh. Cụ nói:

- Đại bàng mày cứ bay đi tao xẻo thịt bắp cho mày ăn đây.

Cụ tổ lấy dao xẻo thịt ở bắp về nhét vào miệng chim. Thấy vậy, chim lấy làm xúc động. Lén khỏi miệng hang chim dặn:

- Khi về đến nhà ông phải lấy dây da trâu trói tay vào cột hổng gọi người nhà nếu không ông Trời nghe thấy lại sai thần Lửa hất ông về vực.

Chim bay qua hai cánh rừng, chim bay qua ba ngọn núi thì về đến ngôi nhà cũ. Thấy lại căn nhà, thấy lại vợ con mình sau bao ngày xa cách lòng cụ tổ mừng vui như hoa đào gặp gió. Cụ quên cả vết đau, máu chảy dòng dòng ở bắp vế, quên cả lời đại bàng dặn, cụ vội rút gọi vợ và con. Vừa dứt lời, Trời ùng ùng nổi gió, một cơn gió nóng như lửa ào đến thổi cụ tổ bay về phía cửa hang. Nhanh như cắt, đại bàng lao xuống xòe đôi cánh rộng chắn miệng hang. Cơn gió mạnh qua rồi, đại bàng lại công cụ tổ về nhà. Lần này cụ tổ lấy da trâu

làm thùng bảo đại bằng dùng mỏ cật chặt hai tay mình vào cật. Sau đó, cụ cất tiếng gọi vợ con. Trời nghe tiếng gọi, biết cụ tổ lại lên khỏi hang liền sai thần Gió xuống đẩy cụ đi giam nữa. Thần Gió lấy hết sức thổi không đẩy nổi cụ. Thần Gió thổi đến nổi người nóng bừng lên, áo cụ tổ bị xém đen lại mà vẫn không dứt nổi cụ ra khỏi cật.

Thần Gió mãi hết sức khí về tâu Trời. Biết không đuổi nổi người H'mông đi khỏi những ngọn núi con cái mình ở, Trời đành chịu thua không hành tội người H'mông nữa. Từ đấy, mỗi lần gió có qua những đỉnh núi người H'mông ở thường xấu hổ chạy vội chạy vàng. Và cũng từ đó, tay áo của người H'mông thường có vòng vắn đen, trắng ghi lại dấu tích sợi thùng da trâu buộc tay cụ tổ mình vào cật để thoát khỏi địa ngục Trời giam về sống với con cháu.

Cụ tổ mang về cho dân bản số hạt giống của những người tí hon. Số giống đó gieo lên trên nương mọc rất nhanh cho quả rất nhiều. Người H'mông trồng cây lúa đỏ đến mùa thu hoạch mang về xay giã làm thành bánh hình tròn gọi là bánh

dày. Ngày tết mỗi gia đình người H'mông có tục làm một vài chiếc bánh dày rất to đặt lên cỗ thờ để tưởng nhớ tổ tiên và tạ ơn con chim đã cứu giúp tổ tiên mình thoát nạn xưa kia".

Buổi chiều ngày cuối năm, các em bé bẻ lá tre về làm chổi quét vách và quét nhà, dùng cước nạo vết rãnh giọt gianh, dần những cành đào đẹp, hoa nở đều về cắm trong và ngoài nhà.

Buổi tối, các bà mẹ cùng con gái gọi nhau đi gội đầu bằng nước lá chua và sửa lại tóc. Sau đấy sẽ thay bộ váy áo cũ bằng bộ váy áo mới nhất đã làm trong năm. Cái váy ôm gọn eo lưng bóng lên như đuôi công. Vòng bạc to nhỏ xếp tầng đeo cổ, đeo tay tạo nên vẻ đẹp khỏe mạnh, đầy sức sống của các bà, các cô vùng cao.

Ngày mồng 1, tiếng gà gáy đầu tiên cất lên trong bản là tín hiệu linh thiêng báo năm mới tới, thúc giục các chàng trai H'mông - những người chủ của gia đình bước nhanh ra khỏi nhà nổ súng kíp tiễn năm cũ đi qua.

Cuộc đời mỗi chàng trai H'mông gắn liền với cây súng. Để ra cất tiếng chào đời, dân bản đón em bằng tiếng súng, lớn lên trai tráng "cướp" được cô gái theo chàng về làm vợ, bạn chàng mừng chàng bằng tiếng súng; lúc nhắm mắt xuôi tay từ già cuộc đời dân bản tiễn chàng bằng tiếng súng. Ngày tết chàng trai H'mông hãnh diện cầm cây súng nổ những phát vang nhất, to nhất như muốn nói điều gì với trời đất quê hương chàng khi nghe dạt dào tiếng mùa xuân tới.

Vì vậy, lên với người H'mông, ngày tết ta thường gặp những chàng trai H'mông mang theo mình một cây khèn, một cây súng cổ và đầu quần khăn mặt tổ ong màu trắng. Đó là tất cả gia tài quý giá nhất cậu mang theo và cũng là biểu hiện của tình yêu, của niềm say mê khát vọng muốn vươn tới cái đẹp, cái giỏi, cái tài và cái thiện.

Xong việc bắn súng chủ nhà nhanh chóng đốt hương, điệu gùi gỗ đi ra *mó* nước đầu bản lấy nước mới về. Tại đó người ta tranh nhau mong lấy được nước sớm nhất. Ai được nước sớm nhất họ quan

niệm năm đó may lớn, sẽ có nhiều vàng bạc về nhà. Trước khi mức nước họ khẩn nguyện:

Lay đất lay trời

Ra nhiều nước nữa

Cho ngô đều hạt

Cho lúa đều bông

Cho tôi có nước

Về làm cơm canh

Có nước vàng, nước bạc ông chủ xắn tay vào làm bữa để cúng gia tiên. Thường ngày các gia đình người H'mông ăn cơm ngô xay nhưng ngày tết nhất nhất phải ăn cơm đỏ. Ông chủ làm bữa xong đợi vợ con dậy cùng ăn. Mấy ngày tết các bà vợ và con cái muốn ngủ đến bao giờ dậy cũng được, chồng cố ý tránh gọi. Mọi thứ trong ngày tết người chồng phải lo.

Người vợ cùng các con ngủ dậy lấy nước rửa mặt, bao giờ họ cũng cho bạc hoặc vàng vào thau đựng nước có ý nghĩa: năm hết tết đến rửa nước vàng nước bạc cho sáng sủa thịt da, mong trong năm làm ăn gặp nhiều may mắn.

Xem thế, có thể nghĩ tục thờ nước là một tín ngưỡng dân gian có từ rất cổ trong sinh hoạt văn hóa của người H'mông. Phải chăng người H'mông sống trên đỉnh núi cao, nước là một nhu cầu thiết yếu đảm bảo đời sống cho họ. Chưa ở đâu trên đất Hòa Bình người dân quý nước như ở nơi đây. Nước là sữa của đất trời: là vàng, là bạc ông trời ông đất ban cho. Có thấu những đêm đông buốt giá mọi người cầm bó đuốc ra *mó* này từng tảng nước đã đóng băng trên máng dẫn cho vào gùi đem về hơ cạnh bếp lửa để sáng ra có nước dùng mới hiểu sự quý trọng giọt nước trên đỉnh núi nơi người H'mông đang ở đến nhường nào.

Cúng tổ tiên xong trời cũng vừa sáng. Gia đình mang mọi thứ vải vóc, cơm, gạo, cỗ cúng ngoài thịt lợn bao giờ cũng phải có con gà trống bày trước bàn thờ tổ tiên. Trọn ngày mồng một gia đình người H'mông quây quần ăn tết tưởng nhớ tổ tiên, tình tâm, giao cảm ông bà, vợ chồng, con cháu. Các nhà có tục cắm cành lá xanh ở các cửa ra vào hàm ý tránh mọi điều xui xẻo vào nhà trong ngày tết thiêng liêng của gia tộc.

Từ ngày mồng hai tết, người H'mông tổ chức thành đoàn gồm đại diện các gia đình đi chúc tết, lần lượt từ nhà trưởng bản đến các nhà lân cận. Người trưởng đoàn phải giỏi ăn nói, am hiểu phong tục tập quán của dân tộc mình. Đoàn người dừng trước một nhà nọ, ông gõ cửa gọi vọng vào:

- Ông chủ có nhà không?

Im lặng.

- Ông chủ nhà đi đâu rồi?

Im lặng. Hỏi đến lần thứ ba:

- Ông chủ có nhà chứ?

Chủ nhà thưa: - Có tôi đây. Ông ở đâu mà ngày tết lại đến thăm nhà chúng tôi muộn thế?

Khách: - Tôi là người ở trên trời xuống, vì đi đường xa nên chậm. Tôi đến đây tay phải mang vàng, tay trái mang bạc vào mừng nhà cửa ông.

Cửa hé ông trưởng đoàn vút bạc vào nhà, nói:

- Đã mở chưa đấy?

- Mở rồi - Chủ đáp.

Nghe đến đây, những chàng trai H'mông ở ngoài liền hướng mũi súng lên trời nổ súng. Một người vào nhà cầm lên bàn thờ một cành đào đẹp - quả mừng đầu xuân năm mới.

Hoa đào đã trở thành biểu tượng của cái đẹp, tân trang vẻ thơ mộng của bản làng người H'mông mỗi mùa xuân về. Đào tươi tốt trồng quanh nhà. Đào trên các lối đi. Đào thành rừng ở trên nương. Xuân về đào bung lên màu hồng hoa liền kết với nhau tạo thành áo hoa đào trùm lên làng bản mờ trong sương khói mùa xuân.

Mọi người đi chúc tết một lượt quanh bản, sau đó trở lại nhà chúc đầu tiên ăn cỗ tết.

Ngày tết mọi người H'mông và khách phải kiêng kỵ những điều tối thiểu sau:

- Không được thổi vào bếp lửa. Nếu thổi họ cho rằng năm ấy làm nương rẫy sẽ gặp gió to.

- Phải ăn bánh dày trắng không được nướng lửa. Nếu nướng họ sợ nướng rầy năm ấy sẽ bị hạn.

- Bếp lửa phải xếp củi để cháy liên tục. Nếu tắt họ sợ đốt nương sẽ không cháy.

- Không được đổ nước vào bếp lửa sợ năm đó mùa làm ăn gặp mưa to gió lớn.

- Không được ăn rau, e mùa màng thất bát sẽ đói.

- Không được quét nhà, lo của cải trong nhà bị mất.

Rõ là ngày tết người Mông còn dung nạp nhiều tục kiêng có liên quan đến tín ngưỡng thời cổ đại. Xem thế cũng đủ biết ngoài cái sự quý trọng nước là sự quý trọng lửa. Ngọn lửa thấp sáng cho linh hồn ngôi nhà, chứng kiến mọi cuộc vui buồn của con người, thiết thực mang lại nguồn sinh khí ấm áp mỗi khi mùa đông tháng giá tới.

Tết kéo dài 3 ngày (mông một, mông hai, mông ba theo lịch H'mông). Mọi người lần lượt ăn tết từ nhà này sang đến nhà kia. Đi chúc tết nếu gặp nhà

nào có cấm cành lá xanh ở cửa, có ý nhà đang có việc kiêng, khách không nên vào.

Ngày tết trai gái vui chơi cả ngày lẫn đêm. Ngoài bãi quả còn như quả mặt trời phát ra tia lửa bay từ tay chàng trai này tới tay cô gái kia. Con trai tụ tập nhau ôm khèn nhảy cò, đôi chân nhún nhảy say đắm, thổi cho chúng bạn nghe những bài khèn hay nhất với tiếng khèn vang âm, trầm lắng như cất lên từ lòng đất bay ngang vai các núi, các đồi làm hồng lên rừng đào, dạt dào trắng rừng mơ rừng mận. Đó đây cạnh bàn bọn trẻ tụ nhau mê mải chơi *tu lu* (đánh quay) hoặc hò nhau ra bãi thi đua ngựa.

Cơm tết, trai gái H'mông đều giỏi uống rượu. Mỗi nhà đã chuẩn bị sẵn hàng trăm lít rượu ngô. Rượu ngô uống lạt vậy mà say lâu. Vào cuộc rượu uống đến kỳ sáng mới thôi. Con trai mời rượu đã tài, con gái còn mời rượu tài hơn, khéo hơn. Các cô xúng xính váy áo mới, đôi mắt lúng liếng, vòng cổ, vòng tay va nhau lóc sáng, vẻ mặt tươi tắn mời rượu khách. Khách không nhận lời ư? Cô nhún vai tỏ vẻ không đồng ý. Bất giác cô cầm lấy chén rượu

đó uống cạn trước mặt khách, ý muốn bày tỏ, rượu này thật ngon đó không phải rượu độc rượu hại đâu, tôi mời anh thì tôi đã uống trước rồi đây, sau đó đưa chai và cốc để khách tự liệu. Trước mặt cô gái H'mông, một là khách uống trả ơn người mời rượu, nếu không chỉ còn cách chạy khỏi cuộc vui mà thôi.

Đêm, sương như bông ép xuống thúng, trai gái vào nhà chơi đánh cầu lông gà. Những quả cầu cầm lông gà bay qua bay lại xà ngang ngôi nhà ghép ván gỗ. Rồi họ tụ tập nhau vui khèn. Các cô hát dân ca. Những bài dân ca H'mông giai điệu kéo dài nghe như buồn đấy mà tình tứ biết bao, ca ngợi vẻ đẹp nơi núi rừng người H'mông ở, ca ngợi tình yêu bất diệt của con người.

Sau ba ngày tết, ngày chủ nhật đầu tiên là phiên chợ đầu năm mới họp ở phố huyện Mai Châu. Dù là bận mấy, vợ chồng người H'mông cũng nô nức rủ nhau đi chợ tết. Đi chợ tết không phải là để sắm tết mà đó là tục đi chơi chợ tết. Vợ mặc quần áo đẹp, tay cầm ô, còn chồng cưỡi ngựa đeo khèn cạnh người. Xuống chợ tết, bạn bè gặp nhau hàn

huyền đi hết hàng này sang hàng khác ngắm nhìn người, nhìn cảnh. Cuối buổi chợ vợ chồng cùng bè bạn rủ nhau quây quần trên bãi cỏ cạnh hàng rượu. Ngày xuân vui uống rượu, uống hết mình với nhau. Rượu say thì nằm trên bãi cỏ ngủ ngon lành. Cô gái H'mông cảm ô che nắng cho chồng, đợi khi chồng tỉnh rượu thì vực chồng lên mình ngựa và dắt ngựa công chồng về nhà. Người vợ quan niệm đã đưa chồng đi chơi chợ phải để cho chồng vui và làm vợ phải phục vụ chồng như thế mới hết tình, hết nghĩa với nhau.

Mùa xuân là cảm hứng sáng tạo, là niềm vui tràn đầy đón nhận hạnh phúc và khát khao vươn tới đỉnh cao của lòng nhân ái đã diễn ra hàng năm trong các sinh hoạt văn hóa của người H'mông xã Hang Kia, Pà Cò ở huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Một số tập tục trong Tết năm mới của người H'mông

Lương Hồng Chí

Phong tục tập quán của mỗi dân tộc là sản phẩm văn hóa tinh thần được đúc kết trong suốt chặng đường dài của lịch sử. Nó chứa đựng những nét riêng làm nên bản sắc văn hóa truyền thống, khẳng định sự trường tồn của mỗi dân tộc.

Phong tục tập quán của người H'mông thể hiện qua nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu đề cập đến một số tập tục lễ hội truyền thống của người H'mông. Giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc H'mông hội tụ khá đậm nét ở các lễ hội. Lễ hội (Lễ và hội) vừa là một hình thái sinh hoạt tinh thần vừa nói lên tín ngưỡng của người H'mông. Lễ hội của đồng bào H'mông thường được tổ chức sau những ngày lao động vất

¹ Viện Khoa học Giáo dục

và hoặc là để ngưỡng mộ tổ tiên, cầu xin thần linh, hoặc để gửi gắm khát vọng thắm kín của mình mà cuộc sống thực tại chưa giải quyết được, nó chứa đựng quan niệm sống của dân tộc với lịch sử thăng trầm của họ, thể hiện niềm tin và những ước mơ, những lý tưởng thắm mỹ và đạo lý dân tộc. Lễ hội của đồng bào dân tộc H'mông còn thể hiện hình thức sinh hoạt cộng đồng lành mạnh và giàu tình thân ái.

Có tính chất đại trà, cộng đồng lớn, phải kể đến ngày Tết Nguyên Đán. Đây đồng thời là lễ hội lớn nhất của đồng bào dân tộc H'mông. Người H'mông ở Việt Nam phần lớn thiên di từ phương Bắc xuống ở các thời điểm khác nhau, định cư rải rác ở các tỉnh biên giới phía Bắc và phía Tây. Do vậy, tập tục ở hai miền cũng có đôi chút khác biệt. Đồng bào H'mông ở các tỉnh phía Đông Bắc (Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên...) thường được ăn tết vào dịp tháng giêng như đồng bào Kinh và đồng bào nhiều dân tộc khác trong vùng. Đồng bào H'mông ở các tỉnh phía Tây (Lai Châu, Sơn La, Hoà Bình, Thanh Hoá, Nghệ An) thường ăn tết trước tháng giêng âm lịch một tháng. Đồng bào chuẩn bị cho ngày tết rất cẩn thận và chu đáo, đặc biệt là ngày 30 tết. Đây không những là dịp được nghỉ ngơi sau một năm lao động vất vả, là dịp ăn uống, vui chơi thoải

thích mà còn là dịp cho gia đình gặp gỡ những người đi xa trở về, bạn bè xa gần, con cháu nội ngoại gặp gỡ vui chơi, trao đổi tâm tình. Đồng bào cho rằng, dịp Tết là những ngày âm dương giao hoà, người sống người chết gặp nhau, con cháu làm lễ cúng viếng tổ tiên, cầu khấn thần linh với mong muốn được mưa thuận, gió hoà, cái xấu bỏ đi, cái tốt trở về, mọi sự bình an, tốt đẹp. Nhìn chung, đối với người H'mông, ngày Tết là ngày quan trọng và thiêng liêng, ngày mà họ có thể làm tròn nghĩa vụ với đồng tộc, với cha mẹ đôi bên nội ngoại, với thành viên gia đình, với tổ tiên và các vị thần linh được vọng thờ.

Có điều cần nói thêm là ngày Tết chính được quy định không hoàn toàn giống nhau hoặc cố định, mà tùy từng gia đình, từng dòng họ mỗi nơi chọn ngày *chủ* để ăn Tết (trước, sau hoặc chính 30 Tết). Cá biệt có gia đình định ngày *chủ* để ăn Tết trước, sau ngày 30 Tết đến năm, bảy ngày. Tuy nhiên, đây chỉ là quy định của riêng gia đình, dòng họ, người trong gia đình vẫn tham gia vui chung cái Tết của cộng đồng. Để có cái Tết thật đầy đủ, nhiều gia đình phải chuẩn bị từ trước hàng tháng. Những ngày giáp Tết, mọi người nô nức chuẩn bị giấy xanh, đỏ, giấy bản; gà trống, trứng gà, ngô, rượu, nước, củi, thậm chí mổ lợn, bò, dê... để làm cỗ cúng Tết. Về việc chuẩn bị sửa sang nhà cửa,

chuẩn bị bàn thờ cúng Tết của các gia đình người H'mông thường đơn giản, không cầu kỳ như đối với người Kinh và nhiều dân tộc khác. Bàn thờ của các gia đình H'mông thường là một mảnh gỗ, một tấm đan gắn vào tường, vách nhà. Bàn thờ bài trí đơn giản bằng các vật liệu dễ kiếm. Bình nhang chỉ là ống tre, ống nứa bọc giấy màu. Gắn đây, cũng có gia đình thường dùng bình hương bằng sứ như người Kinh. Vị trí để bàn thờ thường để ở gian giữa. Có gia đình để bàn thờ tổ tiên chung với bàn thờ thần. Trên bàn thờ có ba ống hương, ống giữa thờ tổ tiên, ống bên phải thờ thần quản gia, trông coi việc gia đình, ống bên trái thờ thần thuốc, trông coi việc sức khoẻ của mọi người trong gia đình. Có gia đình để riêng thành ba bàn thờ. Cá biệt cũng có một số gia đình không lập bàn thờ, chỉ dùng giấy bản, giấy màu hay lông gà dính lên tường cũng có nghĩa như lập bàn thờ. Trước ngày 30 Tết, các gia đình đều sửa hoặc thay bàn thờ, thay ống nhang và hoá chân nhang, dùng giấy màu cắt hoa văn viền trang trí quanh bàn thờ mặt giữa bàn thờ. Mặt tường giữa bàn thờ có dán một tờ giấy bản có khi cắt hoa văn hoặc vẽ hình như một biểu tượng của tổ tiên hoặc thần linh, quanh tờ giấy có dính một số lông gà, khi cắt tiết gà cúng 30 Tết người ta nhổ mấy lông cổ gà nhúng vào tiết gà vừa mới cắt, gắn vào quanh tờ giấy bản trên bàn thờ. Có nơi vấy cả một số tiết gà

lên bàn thờ. Người ta cho rằng, gân lông gà có những tiết gà như một việc làm tượng trưng cho việc hiến tế lễ vật cho tổ tiên và thần linh, nơi đó là linh thiêng, ai nấy phải cung kính. Có gia đình và dòng họ còn dán những tờ giấy bản để trắng, cắt hoặc vẽ một số hình rất lạ mắt lên vách nhà quanh bàn thờ trong dịp Tết. Người H'mông rất kỵ ai đó tự tiện tháo bỏ những tờ giấy và lông gà dính trên vách nhà, nhất là trong dịp Tết. Họ cho đó là việc làm phỉ báng tổ tiên và thần linh mà họ vọng thờ.

Ngày Tết, người H'mông cũng theo dòng họ. Có họ 30 Tết không cúng, chỉ đốt vàng hương và cúng vào sáng mồng một. Có họ cúng vào 30 Tết, còn mồng một không cúng. Ngày mồng ba Tết, ngày rằm tháng giêng thì họ nào cũng cúng (đó là cúng tổ tiên).

Ngày Tết chính (30 hoặc mồng một Tết) theo quy định của dòng họ, là ngày cúng tổ tiên. Tuy nhiên, dòng họ nào cũng cúng giao thừa vào đêm 30. Sáng ngày mồng một, hoặc mồng hai, theo từng dòng họ lại cúng cơm mới, thịt mới. Có điều đáng lưu ý là, cơm thịt đã cúng tổ tiên đều không ăn mà để đến ngày mồng hai hoặc mồng ba đem nhét vào các cây ăn quả quanh nhà để lấy phước cho cây. Người H'mông không cúng thổ công trên bàn

thờ, mà thường đem xôi cơm, chén rượu cúng ở ngoài sân, rồi tưới rượu lên đất ở đó. Ở một số nơi nhân dịp Tết, người H'mông còn có tục đi lấy nước giếng như tục đi rước nước của người Kinh và một số dân tộc khác trong ngày hội. Đây là một việc làm tượng trưng có tính chất thờ cúng thủy thần. Chỉ có người đàn ông trong gia đình mới được đi lấy nước. Họ cầm ba thẻ hương, ba tờ giấy bản, cắm đốt ở đầu nguồn nước, khẩn xin được lấy nước. Nước lấy về phải qua cửa chính (hai lần ra, ba lần vào) rồi đổ vào các chén trên bàn thờ làm nước cúng. Họ cho rằng sáng mồng một, khởi đầu dương thịnh thì nước đó rất tinh khiết, ai uống vào sẽ trị được ma quỷ, trị được bách bệnh. Trong dịp Tết, người H'mông còn có tục lễ Tết bố, mẹ vợ. Các chàng trai người H'mông mới lấy vợ, trong ba năm đầu phải sang lễ Tết bên nhà vợ. Có nơi quy định lễ vật rất cụ thể: Năm đầu, một gà sống, một chai rượu, một bánh dày to; năm thứ hai: hai gà sống, hai chai rượu, hai bánh dày to; năm thứ ba: ba gà sống, ba chai rượu, ba bánh dày to. Có nơi quy định nhiều hơn. Gia đình nào có điều kiện có thể gộp lễ vật ba năm làm một lễ Tết một lần. Đây là một việc làm để tỏ lòng của con rể tạ ơn bố mẹ vợ đã có công sinh thành, nuôi dưỡng người vợ của mình. Nhân đây cũng nói thêm, Tết của người H'mông không cúng bánh chưng như người Kinh mà họ làm những bánh dày to không nhân để cúng

trên bàn thờ. Loại bánh này có thể để được nhiều ngày, sau Tết có thể nướng lại để ăn vẫn ngon.

- Cũng nhân ngày xuân, ngày Tết, cũng như số đông các dân tộc phương Đông khác, đồng bào H'mông tổ chức hội du xuân. Hội du xuân có nghĩa là đi chơi xuân gọi là hội *Gấu tào*, có nơi gọi là hội *Sai sán*. Địa bàn cư trú của người H'mông thường là ở vùng núi cao, đất đai cằn cỗi, điều kiện canh tác rất khó khăn. Sau một năm lao động cực nhọc, có lẽ những ngày dự hội *Gấu tào* là những ngày thư giãn thoải mái, những ngày ăn uống, vui chơi thoải thích nhất của cộng đồng người H'mông. Lễ hội thường được tổ chức trên một vùng đất rộng, thoải mái dưới chân núi hoặc trong thung lũng. Giữa rẻo đất, người ta dựng một cây mai tươi, vút ngọn làm cây nêu. Trên ngọn cây được treo một dải vải đỏ và một quả bầu. Dưới gốc cây, người ta bày la liệt đồ ăn uống trong những chiếc nia, trên những tàu lá chuối... Trước khi vào lễ hội, những người cao niên thấp hương làm lễ dưới gốc cây nêu, cầu cho con cháu mạnh khoẻ, làng bản yên vui, mưa thuận gió hoà và mùa màng tươi tốt, chăn nuôi phát đạt. Theo truyền thống, trong hội xuân người H'mông có những hoạt động vui chơi rất phong phú: bắn nỏ, đánh quay, ném vòng, đánh yến, hát ống, ném pao, hát giao duyên, múa khèn, có nơi còn tổ chức chơi đu,

đua ngựa. Tham gia các cuộc vui thường là các chàng trai, cô gái và một số người trung tuổi. Những người không tham gia thường chia thành từng đám theo dõi, cổ vũ các cuộc vui cho tới tàn cuộc. Những người cao tuổi thì ngồi quây quần bên mâm rượu vừa chúc tụng nhau, vừa bàn về phong tục xưa, về những quy ước mới. Tối đến, những người có tuổi, rượu ngà ngà lắc lư tản về các bản. Tiệc rượu đêm lại bắt đầu, họ chúc tụng nhau có khi đến sáng vẫn chưa tàn cuộc. Các chàng trai, cô gái rủ nhau từng đôi, từng nhóm tiếp tục cuộc vui, thổi khèn, hát đối hoặc chuyện trò tâm sự cho đến sáng. Vì chỉ có ngày Tết, họ mới có thời gian vui chơi thoải thích đến thế. Qua giao lưu của ngày hội du xuân, cũng có những đôi trai gái nên vợ nên chồng.

Ngày Tết của những người H'mông thường kéo dài dăm, ba ngày rồi lại chờ đến tết 15 tháng giêng. Cũng có nơi tết kéo dài từ 30 tháng chạp đến rằm tháng giêng.

Trong năm, đồng bào H'mông còn ăn Tết rằm tháng giêng (15/1), Tết thanh minh (3/3), Tết Đoan ngọ (5/5), rằm tháng bảy (15/7), Tết trùng cửu (9/9)... như mọi dân tộc khác, song nhìn chung hết sức đơn giản và gọn nhẹ, chỉ có Tết Nguyên đán là được chuẩn bị chu đáo và vui hơn

cả. Thực ra đồng bào H'mông quanh năm bận rộn với nương rẫy và trăm công ngàn việc trong cuộc sống tự cung, tự cấp khép kín. Họ chẳng mấy có thời gian và điều kiện để ăn Tết và nghỉ ngơi nhiều lần trong năm, tất cả chỉ tập trung vào một Tết lớn.

Ngày nay, nhiều vùng H'mông cũng ăn Tết như người Kinh và các dân tộc khác trong vùng, với những hình thức sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao hiện đại. Tuy nhiên, đồng bào vẫn không quên những quy ước, lễ nghi, những sinh hoạt văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc.

Lễ hội của đồng bào H'mông thể hiện sâu sắc tình yêu làng bản và giá trị lao động, nêu cao truyền thống coi trọng quá khứ, uống nước nhớ nguồn, là bài ca về tình thương yêu cộng đồng, là tinh thần bao dung hoà đồng dân tộc, là tinh thần thương võ trong sinh hoạt cộng đồng và đấu tranh xây dựng, bảo vệ bản làng.

Phụ lục

Một số hình thức vui chơi giải trí và sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người H'mông thường tổ chức vào dịp Tết Nguyên đán

Đánh Yén

Trò chơi "Đánh yến" của người H'mông gần như trò chơi đánh cầu của người Kinh.

1. Cách làm yến

Có hai loại yến. Một loại để đá hay đánh bằng tay không, một loại để đánh bằng vợt gỗ.

a. Loại yến tay:

** Vật liệu*

- Bẹ ngô, sợi dây mảnh, dai (có thể là sợi chỉ hoặc sợi lanh)

- Bốn đến sáu chiếc lông trên một cánh của con gà.

** Cách làm*

- Tước bẹ ngô thành từng mảnh rộng hai đốt ngón tay, giữ nguyên chiều dài của bẹ ngô.

- Lấy bốn mảnh, gấp đôi từng mảnh theo chiều dài rồi đan bốn mảnh vào nhau, ta được một hình giống chiếc chong chong, ở giữa vuông, bốn cánh xòe ra bốn phía.

- Dùng dùi bôn cánh cho vuông góc với mặt đáy rồi lấy các mảnh bẹ khác bao bên ngoài.

- Dùng dây bó chặt các cánh lại. Chỗ buộc dây cách đáy một đốt ngón tay.

- Cắt bỏ phần cánh trên dây buộc

- Cắm lông gà vào vết cắt. Cắm sao cho chiều cong hướng ra ngoài.

* Yến có đáy vuông, quay tròn khi rơi là được.

b. Loại yến đánh bằng vợt

* Vật liệu

- Mẫu ống trúc to bằng ngón tay út, dài hai đốt ngón tay, một đầu có mấu.

- Ba chiếc lông gà.

* Cách làm

- Cắm lông gà vào ống trúc (nút chặt cho khỏi rơi lông gà), cắm sao cho chiều cong của lông gà hướng ra phía ngoài.

* Yến quay tròn khi rơi là được.

2. Cách chơi:

a. Đá yến.

Có thể chơi từ hai người trở lên. Những người chơi đứng thành vòng tròn, người nọ cách người kia một sải tay. Một người tung yến, yến rơi về phía người nào thì người đó dùng chân đá về phía người khác. Người nào không đỡ được thì bị phạt.

b. Đánh yến bằng tay.

Cách chơi như đá yến nhưng người chơi đánh bằng tay. Những người chơi đứng đối diện nhau thành từng cặp, mỗi cặp dùng một yến. Nhiều cặp đứng thành vòng tròn. Khi chơi, yến tay trông rất đẹp.

c. Đánh yến bằng vợt gỗ.

Vợt làm bằng một miếng gỗ phẳng hình chữ nhật hoặc hình bầu dục, rộng bằng quyển vở học sinh. Người chơi cầm vợt gỗ đánh vào yến.

Cách chơi như đánh yến bằng tay, chơi theo từng cặp.

* Hình thức phạt có thể là búng trán, hát một bài, nhảy lò cò quanh sân.

Đối với thanh niên nam nữ chưa vợ chưa chồng thì đây là cơ hội tìm hiểu nhau. Bên thua phải trao kỷ vật làm tin, hoặc hát. Nội dung bài hát có thể là lời tỏ tình, lời trách cứ hoặc là lời giới thiệu hoàn cảnh của mình.

Hát ống

Ngày Tết, những làng H'mông mở hội chơi xuân. Nếu thời tiết tốt (tiết trời se lạnh và khô ráo), người ta hay tổ chức hát ống.

Ống nói và ống nghe làm bằng ống nứa rỗng, hai đầu dài độ trên dưới mười phân, một đầu căng bằng da ếch hoặc loại giấy dài và mỏng. Hai ống nối với hai đầu một sợi chỉ dài khoảng dăm chục mét. Mặt bệt giấy hoặc da ếch cố định một lỗ nhỏ; hai đầu sợi chỉ luồn vào lỗ dùi trên mặt ống.

đầu có buộc một mẫu tằm để đầu dây khỏi tụt và có thể kéo căng dây khi nói và hát.

Khi hát hoặc nói chuyện, một người hát hoặc nói vào ống, người kia áp tai vào một đầu ống nghe. Hai người ở hai đầu có thể nói chuyện với nhau sao cho người khác không nghe thấy! Nếu hát, có nhiều cách. Nếu hát theo yêu cầu thì phải biết chắc một người nào đó thuộc nhiều bài hát hay. Người ta thường chọn người được yêu cầu hát là một nghệ nhân có tiếng trong làng, trong vùng. Tùy đối tượng yêu cầu, người hát sẽ có những bài phù hợp.

Ví dụ: người yêu cầu hát là một thanh niên tốt, chăm chỉ làm lung thì sẽ được nghe những bài lý lối, những bài ca có cốt truyện, những bài ca nói về lao động sản xuất, về việc học hành, về khát vọng cuộc sống tốt đẹp. Nếu người yêu cầu là những người hay nghịch ngợm, nói năng những lời khó nghe, không chăm chỉ làm ăn... thì người nghệ nhân sẽ hát những bài ca có nội dung khuyên răn, hoặc kể những câu chuyện làm gương. Nếu hát đối đáp thì những người tham gia phải biết ứng tác giống như hát đối đáp quan họ ở Bắc Ninh hoặc hát phường vải ở Nghệ An. Hoặc có thể hát tỷ nhau, hát gheo, hát châm biếm. Trong những cuộc hát, thanh niên nam nữ có thể hát giao duyên, hát để tìm hiểu nhau. Nếu có thanh niên nam nữ ở làng khác, vùng khác đến góp vui thì cuộc hát được chia thành hai phe. Trong cùng một phe, người này không đối được phải trao đổi nhanh về nội dung bài hát của đầu ống bên kia, ai đối được thì có thể hát thay. Nếu người hát gọi đúng tên, nêu đúng hoàn cảnh của người nghe bên kia, người đó phải vào vị trí hát.

Đây là một trò chơi đơn giản, phương tiện thô sơ nhưng rất vui và thu hút được nhiều người tham gia, kể cả người trung tuổi. Trẻ em và thanh niên tham gia trò này nhiều hơn cả.

Cũng có người tham gia trò này và nên đổi nên lứa. Có thể nói, đây là trò chơi dân dã nhưng có ý nghĩa giáo dục và nhân văn sâu sắc.

Ném pao

Đây là trò chơi có những nét gần giống với trò chơi ném còn của người Tày, người Thái.

Quả pao được khâu chập bằng nhiều miếng vải màu. Khi nhồi căng thì tròn, to gần bằng quả bưởi. Bên trong độn bằng nhiều giẻ, hoặc nhồi tro, cát. Người ta thường trang trí cho quả pao có dây tua ngắn, nhiều màu sắc sỡ.

Sân chơi ném pao là nơi tương đối bằng phẳng, sườn dốc thoải hoặc trên những mảnh ruộng bậc thang. Chơi ném pao bao giờ cũng có đôi. Trò chơi chỉ đơn giản là hai người ném bắt. Nếu ai bắt trượt là thua. Người thua thường phải hát một bài ca, hoặc thổi một bài kèn, bài sáo... tùy quy ước của hai người, hoặc quy ước chung của hội ném pao. Đối với thanh niên nam, nữ đây là dịp tốt để họ tìm hiểu nhau. Nếu có tình ý có thể tặng cho nhau những kỷ vật làm tin. Kỷ vật có thể được trả hoặc trao đổi nếu người thắng lại thua. Nếu người nào đó thua liên tiếp có thể phải hát đèn khi người thắng "rụng quả tim, nát lá gan" mới chuộc lại được các kỷ vật.

Đua ngựa

Đua ngựa là dịp biểu hiện tinh thần phóng khoáng, dũng cảm, mãnh liệt và tự tin. Người ta có thể đua ngựa theo tôi, theo nhóm để tỏ tài cao thấp. Nhưng cuộc đua thường phải được cả làng, cả bản và người già chứng kiến thì mới vui, thắng cũng được hãnh diện và hả dạ, mà thua cũng vui lòng.

Khi người già khởi xướng tổ chức đua ngựa, thì bao giờ cũng được cả làng, cả vùng hưởng ứng nhiệt thành. Nhà nhà, người người người tâu tít chuẩn bị cho cuộc đua. Ai nấy đều chuẩn bị đóng góp: rượu, thịt, rau, ngô, gạo... để cả làng, cả bản ăn mừng. Những chàng trai từ 13, 14 tuổi trở lên bập tay, bập chân đã sần, tóc tết đuôi sam đã dài chấm vai, chấm lưng, hất ra đằng trước đã dài chấm cằm, có người đã dài đến thắt lưng. Ai cũng lạng lẽ chuẩn bị vào cuộc thi tài. Họ vỗ về, tắm rửa, kì cọ cho con ngựa đẹp nhất, khoẻ nhất. Có cho ngựa là loại cỏ ngon, tươi, có phun thêm một chút nước. Ngựa được ăn thêm cám, ngô hạt, đôi khi họ còn cho ngựa uống chút muối hoặc uống các loại thuốc nam tăng lực cổ truyền nào đó.

Đến ngày giờ đua ngựa, chẳng ai nhắc ai, mọi người đều tụ họp tại điểm đã định. Phát súng làng nổ, các tốp đua phi như tên bắn về phía trước. Chẳng mấy chốc, những con ngựa đua chỉ còn là những chấm đen, chấm trắng, chấm đỏ xa tít bên sườn núi. Người và ngựa trở về nơi xuất phát nguyên vẹn và nhanh nhất là người thắng cuộc. Gian lận là nhục nhã. Ai chơi gian lận thì dù chết vẫn còn hổ thẹn, nên mọi người đều tự giác thực hiện những qui ước của cuộc đua và coi đó là sự cao thượng.

Súng lệnh cho cuộc đua là súng kíp, người ta chỉ nhồi thuốc, không có đầu đạn.

Theo truyền thống, tiếng phát lệnh bao giờ cũng là một tiếng súng nổ, không thể có gì để thay thế được.

Bãi đua ngựa và đường đua là nơi sườn núi tương đối thoải, không quá gập ghềnh, hiểm trở. Giám khảo cuộc đua là những người cao tuổi, vốn sống một đời chính trực, có uy tín, lời nói ra được mọi người kính nể. Ai chót một lần nghiện, nhỡ tay đánh người, ngựa tay trộm vật, tán tỉnh vợ người khác... đều không được chỉ định làm giám khảo, thậm chí cả công việc phục vụ cuộc đua cũng không được tham gia.

Số người, số ngựa và khả năng thực tế mà qui ước các trò để thi thố khả năng, như vừa đua ngựa vừa bắn cung, bắn nỏ mà mục tiêu cố định, mục tiêu di động, nhào lộn trên ngựa, soài mình xuống với lấy một vật gì đó ở dưới đất...

Những người thắng cuộc hầu như không được nhận phần thưởng gì ngoài những lời khen, sự kính nể của mọi người. Phần thưởng như thế là đáng giá nhất!

Tết của người Khơ-me

*Nguyễn Ngọc Thanh và Mai Văn Tùng**

Theo cuộc Tổng điều tra dân số năm 1989, người Khơ-me có 895.299 người, chiếm tỷ lệ 4 % dân số Nam Bộ. Riêng đồng bằng sông Cửu Long, người Khơ-me tập trung đông nhất với dân số là 876. 040 người, chiếm tỷ lệ 6, 25% dân số trong vùng. Tại đây, người Khơ-me chủ yếu cư trú trong 23 huyện thuộc 8 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là: An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long. Ngoài ra còn có khoảng 16000 người ở miền đông Nam Bộ, cư trú rải rác, xen kẽ hoà lẫn với người Chăm, Hoa, Việt.

Người Khơ-me cư trú thành các xóm, làng (*phum, sóc*) trên những vùng đất nhiễm mặn và phèn, ở đó, làng xóm của họ thường phân bố ven

* Cán bộ nghiên cứu Viện Dân tộc học

theo kênh và các con rạch nhỏ, dọc theo trục lộ giao thông, ...v.v...

Cũng như nhiều cư dân nông nghiệp, ngoài lễ *Chólchanamthmây* (lễ đón năm mới) vào giữa tháng 4, mỗi năm người Khơ - me có nhiều lễ hội lớn như:

- *Meakaban chta* (lễ đức Phật) tổ chức vào đầu tháng 2 dương lịch. Lễ này được tổ chức để nhắc nhở các tín đồ nhớ ngày ban hành giáo lý của Đức Phật.

- *Visakaban- chia* (lễ Phật đản) vào đầu tháng 5. Lễ được tổ chức trong một ngày và một đêm, vào ngày này các tín đồ đạo Phật dâng cơm cho các nhà sư và làm lễ tụng kinh Đức Phật ra đời

- *Chôlính vưcôsa* (sư sãi nhập hạ) vào đầu tháng 7. Lễ nhập hạ kéo dài trong 3 tháng, đây là thời gian người nông dân Khơ - me bắt đầu vào mùa gieo trồng, nên các nhà sư phải ở trong chùa suốt 3 tháng để khỏi làm ảnh hưởng đến sản xuất của đồng bào.

- *Phchumben*, còn gọi là *Đôn ta* (xá tội vong nhân) vào giữa tháng 9.

- *Cháng vô sa* (sư sãi ra hạ), vào đầu tháng 10. Đây là lễ chấm dứt 3 tháng nhập hạ của sư sãi. Sau lễ này các nhà sư lại có quyền rời chùa đi các xóm ấp để khát thực hay thăm viếng gia đình

- *Okangbok* (cúng trăng) vào cuối tháng 10. Lễ này nhằm tưởng nhớ đến công ơn của mặt trăng đã điều tiết mùa màng, giúp cho con người làm ăn được khấm khá

- *Ka thanh* (dâng cà sa cho sư sãi) đầu tháng 10 đến giữa tháng 11. Lễ bắt đầu sau ngày xuất hạ. Phật tử Khơ - me chọn lấy một ngày trong tháng để tổ chức lễ dâng áo cà sa cho các nhà sư trong chùa. Lễ này do Đức Phật lập ra vì có một vài môn đệ của Ngài, sau ngày xuất hạ, khi khát thực trên những con đường lầy lội, áo cà sa bị lấm bẩn nên Đức Phật cho họ nhận quần áo sạch do tín đồ mang lại.

Lễ đón năm mới của người Khơ - me còn gọi là "lễ chịu tuổi" tổ chức trong 3 ngày. Ngày đầu tiên của năm mới bắt đầu tính từ ngày 13 tháng 4 dương lịch nếu năm nào nhuận thì tính thêm một ngày vào ngày 14 của năm đó. Đây là thời điểm mùa khô kết thúc và mùa mưa sắp đến.

Đối với người Khơ - me mỗi một nghi lễ truyền thống đều gắn liền với một truyền thuyết hoặc một sự tích nói về nguồn gốc của nghi lễ đó.

Lễ đón năm mới, của người Khơ - me bắt nguồn từ sự tích *Chólchanamthmây*.

Sự tích kể rằng ngày xưa có một cậu bé tên là *Thôm ma bal* rất thông minh, lúc lên 7 tuổi đã biết đem sự hiểu biết của mình giảng giải cho mọi người, dân chúng hết sức thán phục đến nghe chàng thuyết giảng ngày càng đông, tiếng đồn về sự tài giỏi của *Thôm ma bal* lan đi khắp các vùng lên đến cả thượng giới, đến nỗi các vị thần trên trời cũng phải xuống hạ giới nghe *Thôm ma bal* giảng. Vì vậy, những buổi thuyết giảng của thần *Kabul ha prum* trên thượng giới ngày càng vắng vẻ. *Kabul ha prum* là vị thần rất có uy thế, thấy ở trần gian có người tài giỏi hơn mình thì lấy làm tức giận, liền cho gọi tất cả các vị thần về, đóng thời tìm cách hãm hại *Thôm ma bal*. Một hôm, trong lúc *Thôm ma bal* đang giảng bài cho dân chúng nghe thì thần *Kabul ha prum* xuất hiện và phán rằng: Nghe nói nhà ngươi rất thông minh, nhưng ta chưa tin, ta có 3 câu đố, nếu ngươi giải đáp được ta sẽ cắt đầu mình trước mọi người, nếu không giải đáp được, ngươi sẽ phải chết. Không thể từ chối, *Thôm ma bal* đành phải chấp nhận.

thần *Kabul ha prum* liền hỏi: Buổi sáng duyên của con người ở đâu? Buổi trưa duyên của con người ở đâu? Buổi tối duyên của con người ở đâu? Hỏi xong, thần hẹn 7 ngày sau sẽ quay lại để nghe *Thôm ma bal* giải đáp.

Thôm ma bal suy nghĩ mãi mà không sao giải đáp nổi, đến ngày thứ 6 chàng rời khỏi nhà đi lang thang. Quá mệt mỏi và thất vọng, chàng bèn ngồi nghỉ dưới gốc cây thốt nốt. Thật tình cờ, chàng nghe được câu chuyện của hai con chim đại bàng đậu trên ngọn cây hỏi chuyện nhau. Chim mái hỏi chim trống: Ngày mai ta đi ăn ở đâu? Chim trống nói: Ngày mai ta sẽ ăn thịt *Thôm ma bal*. Chim mái hỏi tiếp tại sao lại ăn thịt *Thôm ma bal*. Chim trống thuật lại truyện đã xảy ra, chim mái hỏi: vậy có ai giải đáp được không? Chim trống tự đắc đáp:

- Duyên của con người buổi sáng ở trên mặt, nên người ta ngủ dậy phải rửa mặt cho tươi tỉnh.
- Buổi trưa, duyên của con người ở trên ngực, nên người ta phải tắm cho mát.
- Buổi tối duyên của con người ở dưới chân, nên người ta rửa chân cho sạch trước khi đi ngủ.

Thôm ma bal ngồi ở dưới gốc cây nghe được câu chuyện của đôi chim, mừng rỡ, trở về nhà. Đúng

ngày hẹn, thần *Ka bul ma ha prum* tay cầm gương vàng xuống gặp *Thôm ma bal*, để nghe lời giải đáp, *Thôm ma bal* đã trả lời đúng như câu chuyện của chim. Thần *Ka bul ma ha prum* thua cuộc liền quay về trời gọi 7 người con gái yêu và nói, cha đã thua trí của *Thôm ma bal*, theo lời hứa cha phải chết, các con hãy cắt giữ đầu của cha trên tháp trên đỉnh núi *Pres Sôme*. Các con hãy cẩn thận, nếu để đầu cha rơi xuống biển, biển sẽ cạn nước, nếu tung đầu lên sẽ không có mưa, nếu để đầu cha rơi xuống đất, mặt đất sẽ khô cằn, cỏ cây không mọc được. Dặn xong thần lấy kiếm tự cắt đầu trao cho người con gái cả, còn phần thân biến thành một luồng ánh sáng bay vút lên không. Người con gái đặt đầu cha lên chiếc mâm vàng rồi mang lên đặt trong tháp trên đỉnh núi *Pres Sôme*. Từ đó, vào ngày 13 tháng 4 dương lịch hàng năm, đúng ngày thần *Ka bul ma ha prum* tự sát, 7 cô gái đến đỉnh núi luân phiên nhau vào tháp, mang đầu của cha mình đi quanh núi 3 lần. Ngày đó chính là ngày lễ năm mới *Chólchanamthmây*. Theo tục truyền, thần *Ka bul ma ha prum* là vị thần giáo chủ Bà la môn, đây là vị thần 4 mặt. Hiện nay, trong mỗi ngôi chùa của đông bào Khơ - me đều có tượng của vị thần này.

Người Khơ - me theo đạo Phật tiểu thừa vì vậy mỗi phum, sóc đều có một ngôi chùa. Đây là nơi

thờ đức Phật, là nơi học chữ của mọi người, là chỗ họp dân để bàn việc công ích, nơi tiếp các vị khách quý của phum, sóc. Ngôi chùa còn là nơi diễn ra mọi nghi lễ truyền thống. Theo truyền thống lễ đón năm mới *Chólchanamthmây* được tổ chức trong 3 ngày.

Trước tết vài ngày mọi nhà đều chuẩn bị gom góp tiền, gạo thóc, gà vịt, bánh trái, hoa quả, sắm quần áo mới, trang hoàng nhà cửa thật đẹp, xưa kia có nhiều gia đình vào ngày tết chuyển cả gia đình đến sống ở trong chùa. Đêm giao thừa (đêm 30 tháng chạp theo lịch Khơ-me), già trẻ, gái trai, mặc những bộ quần áo đẹp nhất tập nập kéo đến chùa dự lễ tắm tượng Phật. Còn ở mỗi gia đình, nhà nào cũng thắp đèn cây (nến) và thắp hương làm lễ tiễn đưa *Tê rê da cũ* và rước *Tê rê da mới* (đây là vị thần bảo hộ gia đình, nhà cửa đất đai). Người Khơ-me tin rằng *Tê rê da* là vị tiên ở trên trời xuống chăm sóc cho dân chúng trong một năm, hết năm cũ, bước sang năm mới lại có vị khác xuống thay thế. Vì vậy, mỗi khi có việc lành hoặc dữ người Khơ-me lại kêu: *Tê rê da ơi!*

Đúng giao thừa, nhà sư trụ trì ngôi chùa đứng ra làm lễ, tụng kinh cầu an và chúc mừng năm mới, lấy nước có ngâm các loại hoa thơm tắm cho tượng Phật. Các gia đình hứng nước đó mang về

tắm rửa, xúc tóc, gội đầu rửa sạch những cái không tốt của năm cũ, tiếp đón những cái may mắn của năm mới

Theo tục lệ, vào những ngày tết, mọi gia đình trong phum, sóc phải dâng cơm cho các ông lục⁽¹⁾ vào bữa sáng và bữa trưa.

Ngày mừng một tết được gọi là ngày *Chaul sang kran thmeil* (ngày thay năm cũ vào năm mới). Khoảng 5 giờ chiều, mọi gia đình mang hương, đèn, lễ vật đến chùa để làm lễ rước *Ma ha sang kran*, đây là một quyển đại lịch do các vị đại đức⁽²⁾ thông thạo thiên văn soạn dung cho một năm. Trong buổi lễ theo sự hướng dẫn của *Achar*⁽³⁾ mọi người đứng xếp theo hàng tư hoặc nhiều hơn, rồi đi vòng quanh chính điện 3 lần để làm lễ chào mừng năm mới (điều này bắt nguồn từ sự tích 7 cô gái con mang đầu của cha đi vòng quanh núi Pras sô me).

Sau lễ rước lịch *Ma ha sang kran* mọi người cùng tụng kinh niệm Phật cầu phúc năm mới. Tụng kinh niệm Phật xong, bày cỗ xuống chiếu, hai hàng dài từ trong chùa ra ngoài sân, sư sãi ngồi chỗ danh dự cùng với dân chúng ăn tiệc liên hoan năm mới, có điều là không uống rượu (một trong năm điều cấm kỵ “ngũ giới” của nhà Phật), đêm

hôm đó mọi người ở lại chùa nghe các nhà sư thuyết pháp, nói về cuộc đời đức Phật, các sự tích giải thích về nguồn gốc các lễ hội truyền thống. Theo tục lệ, sư sãi trong chùa tụng kinh suốt 3 ngày đêm liên, buổi chiều chỉ uống sữa hoặc uống nước đường, kiêng ăn cơm cháo. Kinh tụng trong ngày tết gồm kinh cầu an chúc năm mới, kinh cầu siêu cho người chết.v.v...

Ngày mừng 2 tết còn gọi là *Von tăt*, từ sáng sớm mọi gia đình trong phum, sóc lại dâng cơm cho các ông lục và các nhà sư ở trong chùa, theo tục lệ, trước khi ăn và sau khi ăn xong các nhà sư phải tụng kinh, làm lễ tạ ơn, tụng kinh cầu phúc cho các thí chủ. Buổi chiều cùng ngày, già trẻ, gái trai trong phum, sóc cùng nhau đi đắp núi cát gọi là (*Pun phnôm khsach*), đây là nghi lễ quan trọng nhất trong lễ đón tết của người Khơ - me. Dưới sự hướng dẫn của Achar mọi người đi lấy cát sạch về đắp thành 9 quả núi nhỏ 8 quả xung quanh, 1 quả ở giữa ở ngoài sân chùa, cũng có khi người ta đổ thóc gạo thay cho cát. Người Khơ - me cho rằng 8 quả núi này tượng trưng cho 8 hướng của vũ trụ, quả ở giữa tượng trưng cho điểm trung tâm của trái đất. Nghi lễ đắp núi cát là tục lệ không thể thiếu được mỗi khi tết đến. Tục lệ này bắt nguồn từ sự tích mang tư tưởng Phật giáo. Sự tích kể rằng: Xưa kia, có một người thợ săn giết rất nhiều

thú vật và chim chóc, để chuộc lại tội lỗi ông ta tìm đến ngôi chùa gần nhà và được một nhà sư hướng dẫn tích phước bằng cách đắp một số núi cát thật to trước chính điện⁽⁴⁾. Khi về già ông bị ốm đau luôn và lúc nào cũng bị ám ảnh muông thú đến đòi nợ oan nghiệt. Do lúc trước đã từng đắp núi cát lấy phước, bởi vậy, ông nói với bảy muông thú cứ đếm hết những hạt cát ở những núi cát đó, rồi hãy đến đòi nợ. Bảy muông thú đồng ý nhưng không tài nào đếm hết, chán nản chúng kéo đi và ông thợ khỏi bệnh. Từ đó, ông cố gắng làm nhiều việc thiện cho đến khi chết, cuối cùng ông được lên niết bàn.

Sau này, hàng năm mỗi dịp đón năm mới, người Khơ - me lại tổ chức nghi lễ đắp núi cát để lấy phước, cầu mong mọi điều may mắn đến, xua đuổi những điều xúi quẩy, giải thoát những tội lỗi ở trần gian để được sống bình an cùng với đức Phật.

Ngày mừng 3 tết gọi là *Lăng sak*, các gia đình dâng cơm cho các vị sư trong chùa, đồng thời mang nước có ngâm các loại hoa thơm để tiếp tục làm lễ tắm tượng Phật, và tắm cho các vị sư sãi với hàm ý tẩy rửa những điều không tốt lành của năm cũ mong muốn một năm mới làm ăn phát đạt. Sau đó, các gia đình mời các vị sư sãi đến các ngôi tháp dựng hải cốt ở sân chùa để làm lễ *Băng skânt*

(cầu siêu) cho linh hồn người đã khuất. Vào dịp tết, người Khơ me, không tổ chức lễ cúng tổ tiên ở bàn thờ của gia đình mà tổ chức cúng tại chùa, vì ở người Khơ - me những người không may qua đời đều hoá thiêu, sau khi thiêu tro được cất chung trong những ngôi tháp xây quanh chính điện chùa.

Sau lễ cầu siêu, ai về nhà nấy làm lễ tắm tượng Phật ở tại nhà mình, tiếp đó con cháu trong nhà đến gặp cha mẹ, ông bà để tạ tội, xin tha thứ cho những sai lầm trong năm cũ. Theo tục lệ, con cái đều có quần áo mới, bánh trái, hoa quả biếu cha mẹ, ông bà. Đây là tục lệ hay, thể hiện truyền thống đạo đức, trách nhiệm của thế hệ sau đối với thế hệ trước. Vì vậy hàng năm, ngoài lễ tết, người Khơ - me còn có tục biếu quà cho ông bà, cha mẹ trong các dịp lễ hội khác của dân tộc mình.

Cũng trong ngày tết, các gia đình có con trai từ 12 tuổi trở lên còn tổ chức lễ đi tu cho con cái của mình. Vào ngày ấy, gia đình nào muốn đưa con vào chùa tu sẽ làm một lễ gọi là *Bon bām hous* để người đi tu từ giã họ hàng, bạn bè và được mọi người cầu chúc sức khoẻ. Người đi tu sẽ được cạo đầu, quần xà rông, vắt khăn vải trắng trên vai để chứng tỏ anh ta đã từ bỏ thế gian. Từ đó người ta gọi anh ta là *neak*. Buổi tối đó, gia đình mời sư sãi

đến tụng kinh, cúng tam bảo và thọ giới theo đạo Phật đồng thời làm lễ nhuộm răng cho người đi tu rồi đưa người con trai lên chùa, có bạn bè và người thân đi theo.

Giống như người Việt, vào những ngày tết mọi người kiêng không nặng lời với nhau, không nói tục, chửi bậy .v.v...

Trong 3 ngày tết, người Khơ - me cũng có tục lệ đi mừng tuổi, chúc nhau sức khỏe, đông con nhiều cháu, làm ăn phát đạt. Trẻ em bày ra những trò chơi đánh đáo, đánh quay, thả diều, chơi ú tím, đốt pháo, giành tiên xu của những người lớn ném cho. Người lớn uống rượu đánh cờ, xem biểu diễn võ thuật. Xưa kia còn có đốt pháo thanh thiên, đốt ống lỏi, đánh quay lửa, trò thả đèn gió. Các cụ già kể cho con cháu nghe truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích và tiểu lâm của dân tộc Khơ - me. Gái trai tham gia những cuộc hát đối đáp ứng khẩu rất hào hứng gọi là hát *a dáy*, những ông già, bà cả cũng dự vào cuộc hát có thể kéo dài suốt đêm ngày. Đồng bào cũng rất ưa thích nghệ thuật sân khấu của mình, đó là *lơ băm* (tương tự như hát tuồng ở miền Bắc) và *du kê* (giống như hát cải lương Nam Bộ).

Ngày tết, sinh hoạt múa diễn ra phong phú và sôi nổi, ngoài múa trống, múa đèn, múa hoa sen, múa đám cưới, đồng bào thích múa *năm thonb* (tương tự như lăm vông của dân tộc Lào anh em), điệu múa này rất bình dân thu hút đông đảo người tham gia. Lớn nhỏ, già trẻ, gái trai đều vừa là người xem vừa là diễn viên, đang đứng xem, nếu có người đang múa đèn chấp tay chào mời ra cùng múa thì dù biết múa hay không cũng không được từ chối.⁽⁵⁾ Lễ tết truyền thống của người Khơ - me còn là dịp để mọi người tổ chức những trò chơi dân gian. Những trò chơi này được bắt nguồn từ những câu truyện kể, phần lớn những câu chuyện này được ghi chép trong những lá buông thành từng tập được bảo lưu cẩn thận trong kinh thư của chùa và được sao chép làm nhiều lần qua từng thời gian của các thế hệ tu hành. Người Khơ - me luôn xem đó là nguồn sống tinh thần gắn liền với cuộc đời của họ, một số truyện kể, ngoài tính phổ cập trong nhân dân từ đời này sang đời kia còn được chuyển thể thành những kịch bản sân khấu và được trình diễn vào các dịp lễ hội của dân tộc mình. Những trò chơi giản dị thường diễn ra rất vui nhộn trong những đêm khuya và được hầu hết thanh thiếu niên tham gia, trong số những trò chơi đó tiêu biểu là trò chơi vào rừng kiếm thuốc nhuộm răng (*Rôk kho - nhe*), trò chơi săn voi (*Tak dam - rây*).

Trong trò chơi săn voi, người ta chọn một người đàn ông khoẻ mạnh hoá trang thành con voi với cái vòi và hai chiếc ngà dài, con voi này được đưa vào rừng, sau đó dưới sự chỉ huy của người đứng đầu, một tốp nam nữ được cử vào rừng để bắt voi. Muốn bắt được voi những người này phải vượt qua một số chướng ngại vật như bị ong đốt, bị lạc nhau ở trong rừng nhưng cuối cùng vẫn bắt được voi mang về. Kết thúc cuộc chơi mọi người cùng uống rượu chúc tụng nhau vui vẻ, cầu mong cho nhau một năm mới làm ăn phát đạt.

Ngày tết Khơ - me, rộn ràng tiếng trống, tiếng đàn gô, tiếng công chiêng.... Nói lên tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu văn nghệ dân tộc trong truyền thống.

Chú thích

1. Ở người Khơ - me, con trai bước vào tuổi 12 phải xuống tóc đi tu, thời gian ít nhất 3 tháng và được gọi là ông lục
2. Đại đức là người giữ chức lục cả, không phá giới, đứng đầu một chùa

3. Achar là người lớn tuổi đã từng giữ chức lục cả, là người am hiểu các nghi lễ nhà chùa, được dân cử đảm nhiệm việc hướng dẫn mọi người trong phum, sóc thực hiện các nghi lễ đó.
4. Chính điện được xây trong khuôn viên của chùa, là nơi thờ đức Phật Thích ca mu-ni đồng thời là nơi đồng bào hành lễ.
5. Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hào, Dương Tài Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1976, trang 143 - 145.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Khắc Cảnh, *Phum, sóc Khor - me ở đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.
2. Sơn Phước Hoan, Sơn Nam Sang: *Truyện kể Khor - me, tập 4*, Nxb giáo dục, Hà Nội, 1996.
3. Phan Quang, *Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1998.

4. Viện Văn hoá: *Tìm hiểu Văn hoá Khơ - me Nam Bộ*, Nxb Tổng hợp Hậu Giang, 1988.
5. Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía nam), Nxb KHXH, Hà Nội, 1984.
6. Trần Quốc Vương, Lê Văn Hào, Dương Tấn Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1976.

Tết Nguyên Đán của người Khơ Mú

*Hà Lâm Kỳ**

Người Khơ Mú đón Tết Nguyên Đán (*lôi pi mạt cheng pi mi*) không cầu kỳ như nhiều dân tộc thiểu số khác mà vẫn giữ được những nét riêng.

Cộng đồng người Khơ Mú dựng bản làng lưng chừng những quả núi thấp, họ không “kén” chỗ làm nhà như người Tày, người Mường. Do việc ở lưng chừng sườn núi nên diện tích mặt bằng ít, thường chỉ 100 - 150 m² đủ dựng ba gian nhà sàn. hiếm có những mảnh sân, vườn rộng rãi bằng phẳng, nhà nọ cách nhà kia chỉ vài phút đi bộ. Vì chật chội như vậy, tập quán thả rông lợn gà, trâu bò hoặc nhốt dưới gầm sàn nhà vẫn là một thói quen khó thay đổi. Do ở trên cao, nước rất hiếm, cả bản đi gánh nước khe về ăn và sinh hoạt hàng

* Phó giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Yên Bái.

ngày. Không có vườn, ruộng, tất cả trông nhờ vào nương rẫy. Ở nhà, đồng bào coi trọng tục thờ cúng tổ tiên, thờ cúng ma nhà và các con vật như trâu bò, lợn gà. Ở nương rẫy thì coi trọng ma rừng, ma lúa và các cây ăn quả như bí đỏ, khoai sọ, khoai lang, củ từ...

Sau khi thu hoạch lúa nương (*duòng ngo hme*), khoảng tháng 10 âm lịch, người Khơ Mú nhốt một con lợn chừng ba mươi đến năm, sáu mươi cân, cho lợn ăn lúa mới và ăn nhiều bữa trong ngày sao cho mau lớn. Tuần trăng tháng chạp, đồng bào tổ chức lễ cúng *Mẹ lúa* (teng mạ ngo), cúng *Mẹ lúa* với mục đích là gọi các “hồn” lúa (lúa nếp nương) còn ở đâu, trong hang, ngoài rừng hãy về nhà ở trong bồ trong bịch với mẹ. Sau lễ cúng là cuộc vui múa xoè, múa sạp, ca hát. Nếu lễ *teng mạ ngo* được tốt đẹp, mọi người hỷ hả thì năm đó gia đình chủ nhà sẽ tổ chức Tết Nguyên đán (*lôi pi mặ chéng pi mị*) rất vui; nếu *teng mạ ngo* thất bại (lễ cúng gặp trắc trở, con cháu không ủng hộ...) thì Tết năm đó tâm lý gia đình không thể nào vui vẻ vì sợ ma nhà, ma nương rẫy làm “phản”. Tuy khác nhau về nội dung, về thời điểm nhưng lễ cúng *Mẹ Lúa* tháng chạp có tác động rất lớn đến việc tổ chức Tết Nguyên đán của mỗi gia đình Khơ Mú.

Những ngày cuối cùng của tháng chạp, gia đình nào cũng gấp rút chuẩn bị cho tết: quét dọn nhà ở, đường đi lối lại. Ngày 22 tháng chạp không diễn ra tục "ông Táo lên trời" như dân tộc Kinh. Mọi người đi chợ, nhất là chợ vùng người Thái để mua sắm trong đó có sắm vải, quần áo, khăn *piêu* và các trang sức Thái như *mắc pém* (khung bạc), *xài éo* (dây thắt lưng), *xà tích* (dây bạc gài theo *xài éo*). Do người Khơ Mú không có tập quán trồng bông dệt vải nên mọi trang sức trên thường thấy gần giống như của người Thái. Cổ nhiên, toàn bộ trang phục vẫn có những nét riêng độc đáo của người Khơ Mú.

Ngày ba mươi tết, các gia đình mổ lợn, nhà nào lợn to thì mổ từ hôm trước nhưng để đến chiều ba mươi mới cúng, gọi là cúng ngày sang tết (*mơ xghi mơ lại*). Tục cúng ngày tết của đồng bào Khơ Mú kéo dài từ chiều ba mươi đến hết mồng ba. Chủ yếu cúng sang tết (*mơ xghi mơ lại*), cúng bố mẹ đã khuất (*hroi gang*), cúng tổ tiên (*ta dạ*). Có điều, ngày cúng giờ cúng phải là ngày tốt giờ tốt, nếu ngày đó rất xấu thì họ bỏ qua tục cúng trong ngày. Đồng bào quan niệm, tưởng nhớ tổ tiên, cầu xin tổ tiên, muốn tổ tiên ban cho những điều tốt lành thì con cháu phải chọn ngày giờ tốt lành mà mang lễ. Thủ tục cúng đơn giản, chỉ cần một thứ ẩm thực là thịt lợn, tối kỵ cúng thịt gà trong những

ngày tết, vì gà là con vật đẻ té ma nhà, ma nương rẫy, ma dao cuốc trong những ngày làm lễ đón mẹ lúa (*Đường ngoi hme*) dịp tháng 10 âm lịch. Thế nghĩa là ma nhà, ma rẫy, ma trời, ma dụng cụ lao động, không thể “ngồi” cùng với tổ tiên của họ.

Khi chuẩn bị mâm cúng cần chú ý để chiếc vòng bạc vào miệng thú lợn. Con lợn thể hiện cho sự dư thừa giàu sang, để vòng bạc và đầu lợn hướng ra cửa sổ như là sự trình báo với tổ tiên. Trong mâm cúng có hai đĩa lòng, hai đĩa thịt, hai nắm cơm, hai quả bánh, hai nén hương, hai bát, hai đôi đũa, hai chén rượu và chiếc đèn dầu. Sở dĩ đều con số hai vì người Khơ Mú cho rằng tổ tiên luôn có hai người: *dong* (bố) và *ma* (mẹ), ứng với trời - đất, lửa - nước, gậy chọc - lỗ (gậy chọc xuống đất thành lỗ để tra lửa nướng). Văn hóa âm dương phổn thực này là đặc trưng rất quan trọng trong tâm linh của người Khơ Mú.

Nơi đặt mâm cúng là chân vách ngăn nhà sàn gắn với bếp cúng. Nhà sàn Khơ Mú có ba chiếc bếp, nếu nhà có ba gian thì bếp nấu nướng thường để ở gian thứ hai, bếp cúng ở sát cây cột cái đầu gian thứ ba, cuối gian thứ ba là bếp chuyên để xới cơm cho việc cúng lễ. Như vậy, bếp cúng chỉ để đặt mâm cúng trong các lễ, tết, không được đem nấu gì.

Mâm cúng (chỉ một mâm) đặt rồi, chủ nhà vào châm hương và khấn. Lời khấn như sau: *Dông ơi, mạ ơi, mơ xghì mơ lại, mông pốt pi cau, au pi mơ, ăn tất xư ăn mưa ăn ma, mạ đập khườn đặc cư đệ, xưong, năm, sừn đức, klắc klơ mui, tất xư ăn bưư ăn mà dông ơi mạ ơi, ma dư phươn đơ cư đệ, gọi ma kem ma nhâm, giông ơi, mạ ơi, ước cần tạ, ma san goóc, ơm dông mạ ơm ma kem ma nhâm, hê bi, hê kinh, phốt sa cun cuôm ụ con châm pro, ăn lăm bư, ơ dất ơm dông ơi, mạ ơi, phốt sa cum cuôm ăn ô lăm bư, lợ dặt ơm dông mạ ơm, dăm pằng ợ ta dạ, ợ riêng ợ rệ, kê phai, lợ chã vút que, ma thằng sau ba bư, lợ chã, mưa rung ma, hắc ca bưt, rung mạ hắc ca bưt, tặc sư, seo ba bư, dăm pi âm, dạ têng chu ti dạ têng chu dương, chu ti chu dương, ăng rẻ ka rắng xăng ca vài dông ơi mạ ơi.*

Dịch nghĩa: *Hôm nay là giờ hay giờ đẹp của ngày tết; bố ơi, mẹ ơi, con giai con dâu có lợn to lợn béo mổ cúng cho bố mẹ, cho ông bà ăn ngày tết. Nhớ ơm bố mẹ, con giai con dâu quỳ lạy cầu bố cầu mẹ cho con giai con dâu, cho các cháu các chất sức khoẻ, nuôi lợn nuôi gà được nhiều được tốt để đến tết tháng sau lại cúng cho bố mẹ ăn, bố ơi mẹ ơi.*

Mâm cúng khi tàn tuần hương vẫn cứ để nguyên như thế, đến ngày hôm sau thay đĩa thịt, rượu, cơm mới, và lại khăn bải khăn như đã nói trên.

Về văn hóa ẩm thực: Ngày tết người Khơ Mú chủ yếu làm lúa nương, có loại lúa nếp, lúa tẻ và các loại hoa màu khác, nên ngày tết có cơm xôi, cơm tẻ, rượu, gạo, bánh chưng (gắn giống như bánh chưng tròn của người Tày) và thịt lợn, không có thịt gà, cá, các bánh trái hoa quả khác trong ngày tết. Riêng thịt lợn, chủ yếu là luộc và xào, ít chế biến gia giảm. Tuy vậy, các ngày tết có khách đến chơi, gia đình vẫn dọn mâm mời khách rất thật lòng và nhiệt tình.

Ngày mồng một tết, nếu đến chúc tết nhà hàng xóm thì người bước lên nhà trước (xông nhà) nhất thiết phải là nam giới, con cháu đến chúc ông bà không phải phục lễ trước bàn thờ như người Tày. Đồng bào kiêng quét nhà ba ngày kể từ lúc giao thừa. Ngày mồng ba mọi người đi thăm nhau và gọi bạn vui hát tại nhà sàn nào đó. Hát dân ca, kéo nhị, múa xoè, múa sạp... là những loại hình văn nghệ dân gian mà đồng bào Khơ Mú ưa thích nhất. Với những người già và tuổi trung niên, họ có thể cùng vui chơi suốt đêm đến sáng. Ngày mồng năm hoặc mồng sáu (chọn ngày tốt), các món ăn ngày tết gần như không còn, thì cũng là

lúc người già trong gia đình cầm cái *eng* (tựa như cái gùi nhưng miệng loe, có quai, quai địu qua trán người) và con dao hoặc cái cuốc, giao cho con cháu với hàm ý hôm nay là ngày năm mới, xuất hành lên nương rẫy, mở đầu một năm làm ăn tốt lành, phát đạt. Tất nhiên, không con cháu nào dám từ chối người già, họ địu *eng* bước xuống cầu thang nhà sàn với nét mặt tươi vui, hy vọng năm mới làm ăn sẽ gặp nhiều may mắn.

Tết đón mừng năm mới của người Mường (tỉnh Hoà Bình)

Nguyễn Hữu Thúc

Lại một mùa xuân về với vùng cư trú của người Mường. Một năm đi qua khép lại chu trình xuân, hạ, thu, đông; đất trời mở ra một chu trình mới, người Mường lại hào hứng làm tết đón xuân.

Cùng với người Việt tục ăn tết đón xuân của người Mường đã có từ lâu. Việt - Mường tuy là hai dân tộc khác nhau nhưng rất gần gũi nhau về tiếng nói, phong tục tập quán, lễ lối làm ăn..., bởi lẽ, hai dân tộc vốn là người Việt cổ. Theo các nhà nghiên cứu, người Việt cổ chia tách thành hai ngành khác nhau xảy ra cách nay trên nghìn năm, vào khoảng thế kỉ thứ VII - VIII sau Công nguyên. Do vậy, tìm hiểu tục ăn tết đón xuân của người Mường sẽ giúp mỗi chúng ta nhận rõ mối quan hệ qua lại

của người Việt và người Mường, từ đó, ta thấy rõ thêm nếp sống của người Mường ở chân núi Trường Sơn.

- ✓ Trước hết, cần nói thêm chút ít về thời gian tổ chức tết. Về cơ bản người Mường ăn tết theo lịch trăng nhưng khác người Việt ở chỗ gọi là ngày và tháng, trừ một số nơi ở huyện Lương Sơn, Lạc Thủy, Kim Bôi... tiếp giáp với người Việt, còn cư dân ở các trung tâm lớn vùng Mường (Hoà Bình) như: Bì, Vang, Thàng, Động đều tính ngày lùi lại một ngày so với người Việt. Nếu người Việt gọi ngày giữa tháng là ngày rằm thì người Mường gọi là 4 *lõng* (ngày 14 âm). Một tháng 30 ngày họ chia làm ba tuần. Mười ngày đầu người Mường gọi theo thứ tự từ 1 *cây*, đến 10 *cây*. 10 ngày giữa tháng, gọi theo thứ tự từ 1 *lõng* đến 10 *lõng*. Còn 10 ngày cuối tháng thì gọi từ 1 *cồi* đến *cồi*. Các tháng của người Mường trùng với tháng của người Việt, riêng người Mường ở Mường Bì, huyện Tân Lạc, bao giờ gọi tên tháng cũng trước người Việt ba tháng. Tháng Tết (tháng Giêng) họ gọi là tháng tư. Tục ngữ ở Mường Bì có câu khái quát đặc điểm phong tục trên như sau: "Cơm dô, nhà gác, nước vác, lợn thui, ngày lùi, tháng tiến".

Tuy cách gọi ngày có khác nhau song hai dân tộc đều chung thời điểm đón giao thừa.

Tết người Mường được tính từ ngày 27 pi (nghĩa là 28 âm), gọi là ngày *Kháp ản* - ngày ra nêu (trồng cây nêu). Ngày ấy nhà nào cũng tất bật dựng nêu. Cây nêu chính là cây cầu hoặc tre to cao, cắt tia để ngọn và hai tầng lá ở thân trồng ở chính giữa thân trước cửa vóng nhà sàn. Ngoài nêu chính còn nhiều nêu con cắm ở bếp, ở vườn, ở chuồng trâu, chuồng lợn, chuồng gà, đụn thóc... Khác người Việt, người Mường trồng cây nêu không treo khánh nhà Phật mà treo lên nhiều công cụ sản xuất như cày, bừa, cuốc... đan bằng tre, nứa. Trong tư duy của người Mường, trồng cây nêu đồng nghĩa với trồng cây vũ trụ để khẳng định sự tồn tại của chủ ngôi nhà và hàm ý gửi gắm ước vọng: mong sao chủ nhà làm ăn có sức dẻo dai như cây tre cây vầu... nghĩa là có những phẩm chất như loài tre, vầu - một loài cây rất thân thuộc với đất Mường.

Tục trồng cây trong các tiết nghi lễ của cộng đồng có ở nhiều dân tộc. Người Thái - Mai Châu (Hoà Bình) cùng sống bên người Mường cũng trồng những cái cột trong lễ *Tọc nạc Mường* (trồng cột

Mường), cứ 12 năm lại tổ chức một lần vào mùa thu. Trồng cột Mường của người Thái Mai Châu không phải là cây xanh ngọn mà là đoạn gốc của cây gỗ chắc ở rừng, được đẽo gọt bằng rìu, hình dạng tựa *lin ga*. Trong tư duy của họ, trồng cột Mường là khẳng định sự tồn tại của cộng đồng toàn Mường, thể hiện sức sống mãnh liệt của cộng đồng gắn với tín ngưỡng phồn thực. Ở người Việt, đó đây, có trồng những cột đá có búp ở ngọn hoặc ở một số chùa quán, trước cửa nhà Phật cũng có trồng cột đá nở hoa sen. Phải chăng đạo Phật vào Việt Nam đã gặp tín ngưỡng thờ sinh thực khí bằng đá ở bản địa nên các cột đá mang hình sinh thực khí giống đực thuở xa xưa đã biến dạng thành một bông hoa sen mang biểu tượng của cõi vĩnh hằng, sức mạnh vô biên của nhà Phật.

Tục thờ cây tre, cây vầu ở các vùng cư trú của người Việt cổ sau này cũng đã bị Phật hoá nên cây nêu của người Việt được giải thích bằng một truyền dân gian nhuộm màu sắc Phật.

Người Mường ở chân núi Trường Sơn có bị ảnh hưởng của đạo Phật nhưng ảnh hưởng đó không sâu sắc. Nó bị phai lạt trong ý thức người Mường. Do vậy, tục cắm cây nêu ở người Mường đã phần

nào trả lại cho ta bóng dáng ban đầu của tục thờ cây, tín ngưỡng xa xưa của người Việt cổ.

Tuy nhiên, việc trồng cây nêu trong dân gian còn tồn tại cách giải thích khác nhau. Theo Qui-di-ni-ê ghi chép trong người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học thì "Mặc dù có sự thờ ơ với hình thức cổ truyền, người dân Mường Bì rất quan tâm đến những cây "piêu" (cây nêu). Họ kể lại rằng một người chết lúc còn trẻ tuổi, khi anh ta bị đưa ra xét xử trước mặt Ngọc Hoàng, anh ta phàn nàn với Ngọc Hoàng về cái chết non của mình; Ngọc Hoàng trả lời anh ta rằng: *"Không phải là trăm muốn làm cho người chết; mà đó là do những tà ma làm việc cho quỷ; trăm làm thế nào bảo vệ được cho nhà người, trong lúc nhà người không chịu đóng cửa sổ vào lúc mặt trời lặn; nhất là nhà người không trồng cây nêu vào dịp tết."*¹⁴

Bên cạnh việc trồng nêu, ngày 27 theo lịch Mường Bì, các gia đình còn làm nhiều những *ta leo* (*wa leo*) bằng nan tre hay nửa đan hình mắt cáo gài ở cửa vóng nhà sàn. Phải chăng đó là hình ảnh thu

¹⁴ Jean Cuisinier - Người Mường - địa lý nhân văn và xã hội học
- Nxb Lao động - Hà Nội, 1995, tr. 739-740.

nhỏ của những hàng rào che chắn ngôi nhà chồng thú dữ nay lại gánh sứ mệnh canh giữ cửa vóng ngăn những điều rủi ro lọt vào ngôi nhà.

Ngày ấy, cửa chính vào nhà, người Mường còn tìm hai ngọn cây lau gài ở cửa. Tục này đã có từ lâu và được giải thích bằng một truyện dân gian khá lí thú và lưu truyền ở Mường Bi như sau:

Ngày xưa ngày xưa, ngày ấy xa lắm rồi, lúc ấy người Mường bắt được con thú trên rừng, con cá dưới suối đều phải ăn tươi nuốt sống. Người Mường đâu đã biết chữ để viết, chưa biết tính năm, tính tháng. Ông trời thấy vậy thương người Mường lắm, liền sai một vị thần chuyên coi giữ bộ chữ trên trời xuống dạy dân cách xem sao làm lịch, cách chế giấy ghi chữ. Khi xuống dạy người Mường, ông trời căn dặn vị thần đó chỉ dạy một phần thôi, chờ dạy hết, người Mường chịu khó học, khôn hơn trời, có ngày kéo nhau lên đánh trời.

Thần chữ gánh bộ chữ xuống, Người Mường vui mừng lắm. Thần đến đâu cũng được người dân mường nghênh đón chu đáo. Dân chúng nơi nơi kéo tới xin học. Thấy dân Mường ham học, lại tới

bụng. Thần mãi mê dạy chữ quên tháng, quên ngày. Có hai bồ chữ mang theo thần dạy gần hết. Con cú vọ bay đây, bay đó hay tin liền tâu lên trời. Trời giận lắm cho tay chân xuống trị thần chữ. Lính nhà trời lùng vào các làng Mường thu hết sách vở và tìm giết thần. Ai cũng lo cho tính mạng của thần, nhiều người giục thần mang sách vở lánh tạm vào rừng. Dân gửi cho thần đôi gà và một túi gạo. Lính nhà trời đuổi theo thần chữ. Thần chữ chạy mãi gặp một rừng lau liên rễ cây lau bé ngọn gặp xuống để xóa dấu. Không tìm thấy dấu vết của thần chữ, bọn lính nhà trời liền tung lửa đốt rừng. Rừng lau bốc cháy rừng rực, vị thần đó hoá vào ngọn lửa bùng sáng đỏ. Lửa cháy lông gà, đôi gà phá lông bay lên cao, cuối cùng thoát nạn. Chiều hôm đó, khi mặt trời giấu mặt vào núi đồi, đôi gà tìm về chốn cũ. Chúng bới gạo cháy ăn, bới luôn cả đồng sách âm i cháy gần hết.

Từ đây, người Mường không còn thần chữ để dạy học, sách chữ cũng thành than cả, chỉ có con gà bới đồng chữ ra còn kịp lấy lại được ít chữ vào chân. Do vậy, người Mường muốn biết điều hay điều dở phải xem chân gà. Trời cũng không có chữ để học nên trời mới ngu tối làm điều tác oai tác

quái. Cũng từ đó, vào dịp xuân tết người Mường có tục lấy ngọn lau về gài cửa ngăn điều dữ. Lúc làm ma cho người quá cố cũng phải có hai ngọn lau ngăn đường gọi là làm sập cửa.

Câu chuyện huyền thoại trên giải thích một số hiện tượng diễn ra trong sinh hoạt văn hóa của người Mường, thể hiện trí tưởng tượng phong phú của họ.

Bước sang ngày 28 lịch pi. Ngày này mọi nhà chuẩn bị đủ gạo nếp, rượu, củi, nước, bánh trái, cọ rửa xoong nồi, quét dọn nhà cửa, làm quang quẻ vườn tược, đem quần áo phơi lấy nắng. Thứ bánh người Mường dùng trong dịp lễ tết là bánh chưng và bánh uôi.

Ngày 9 côi, người Mường gọi là ngày 29 lụn ứng với ngày 30 tết của người Việt. Mọi sự chuẩn bị cơ bản đã xong. Mọi vật nuôi như trâu, bò, gà, lợn ở trại đều đem về nhốt chuồng nhà. Xẩm tối hôm đó có tục, các con trẻ cầm mô đi quanh *quét* làng, gọi vĩa trâu bò ở xa, ở gần về cho đầy chuồng. Người phụ nữ Mường gọi vĩa gà, vĩa lợn về đầy chỗ ngủ. Trên nhà ông bố gọi vĩa lúa về đầy gác. Đó là niềm hân hoan lớn lao, nỗi khát khao cháy bỏng

về cuộc sống no đủ của người nông dân lao động. Sau giây phút gọi vía thiêng liêng ấy, chủ nhà xuống sân, nhìn lên ngọn cây nêu để quan sát trời đất đoán định thời tiết.

Người Mường quan niệm rằng: Hôm 29 *lùn* nếu thấy tối ở trên trời mà sáng ở dưới đất, năm ấy trời sẽ nghiêng về nắng nóng, sẽ được mùa bông, lúa nương khó trồng, ôn dịch nhiều, chăn nuôi gặp khó khăn, con người dễ mắc bệnh. Ngược lại, nếu thấy sáng ở trên trời màมืด mù tối ở dưới đất thì năm ấy sẽ mát mẻ, mưa nhiều. Mưa thì lúa tốt, ít dịch bệnh, người sẽ khoẻ mạnh.

Sắp tới lúc giao thừa, chuẩn bị năm cũ bước sang năm mới, các cụ già thường tắm gội bằng nước lá đun nóng.

- ✕ Mờ sáng ngày 30 lịch Mường, nghĩa là ngày mừng 1 tết, nhà nhà trong *quét*, trong mừng, trai niên tráng kiện, đàn bà con gái kéo nhau ra cá mỏ nước ở gần nhà để gội đầu tắm rửa, gọi là *tục tắm rúi* để trút bỏ tất cả những gì xui xẻo của năm cũ, cầu mong một năm mới làm ăn tốt đẹp sẽ tới với mỗi nhà. Sau tắm rúi, mọi người lấy dây ống nước mới vác về nhà. Một số gia đình có tục cân nước, bằng

cách để thăng bằng hai bát, múc một gáo nước cũ đổ vào bát bên này và lấy một gáo nước mới cho vào bát bên kia. Họ quan niệm: nếu nước mới nặng thì năm ấy trời sẽ mưa nhiều, làm ăn tốt; nếu nước mới nhẹ, năm ấy sẽ ít nước, nắng nhiều, làm ăn khó.

Chưa có cơ sở khoa học để lý giải cặn kẽ tục cân nước nói trên. Song, qua tục cân nước và xem trời sáng tối đoán định thời tiết, mới rõ, ngày tết của người Mường không chỉ thuần túy đón xuân mà rất chú trọng đến công việc sản xuất, gắn liền với nền nông nghiệp trồng lúa nước.

Ngày 30 tết Mường là ngày tết của riêng mỗi gia đình. Vợ chồng con cái xum họp bên mâm cơm, canh rượu cần hay ngồi quanh bếp lửa hồng nói với nhau những lời tốt đẹp. Trưa 30 tết, những món ăn ngon nhất, những bộ quần áo, những vải đẹp nhất làm được trong năm, gia chủ đem ra bày hết lên bàn thờ ông bà. Gia chủ trình trọng thành kính lễ tổ tiên. Ngày này ống nước luôn luôn đầy. Ngọn lửa không để tắt, phải cháy sáng suốt cả ngày lẫn đêm. Gia đình ăn cơm nếp nướng, kiêng động đất như chắt cùi, giã gạo. Các đầu chày tay đều để vào lòng cối gỗ. Gia đình làm

bánh chèo khéo buộc lên cái cây, cái cuốc, cái bừa, cái hái,... Một mâm cỗ cúng có thịt, có xôi, có cá, có bánh dành cho con trâu - con vật quý nhất của nhà nông cùng một vài bó lúa để trâu ăn. Lợn gà đều có phần bánh tết. Mọi thứ cảm tưởng như đủ đầy thịnh vượng. Con gái, con trai trong nhà lấy những nắm xôi véo thành từng quả nhỏ gắn vào các tai viêng (nổi chuyên dùng đồ xôi). Con trai bóc xôi ở tai viêng, phía ngoài ăn để lấy may năm ấy bắn được nhiều thú rừng, còn con gái bóc xôi ở tai trong ăn lấy may năm ấy đi rừng hái được nhiều măng mu - một loại măng đắng mọc sớm, ăn rất ngon. Tục ngữ Mường có câu:

Tai ngoài may moong

Tai trong may mu

là thế.

- Qua 30 sang ngày mùng 1 lịch Mường (tức ngày mùng 2 âm lịch), ấy là ngày tết của cả cộng đồng. Lúc ấy toàn mường rộn lên tiếng cồng. Tiếng cồng thanh cao như chim hót, trầm lắng như sấm đầu mùa, rộn rã như nước thác. Ở Mường Bi, ngày tết có tục tụ cồng ở một nhà nào đó của mường để

dua tiếng công. Ở Mường Vang, vùng mường Lạc Thủy, tiếng công thương, tiếng công nhớ, nhịp theo tay các cô gái đi từ *quê* này *quê* khác cùng với lời hát chúc của *thầy thường* ca ngợi cảnh sắc đất mường, chúc sự làm ăn thịnh vượng của gia đình.

Phường bùa gặp nhau, ở một nơi, trước là đi xéc bùa trong làng, sau sang các làng bên cạnh. Dẫn đầu phường bùa là *thầy thường* - một người giỏi hát đối đáp, đưa phường vào một gia đình nào đó, đứng dưới sân chỉ đạo đàn công đánh một bài công chúc mừng để báo hiệu chủ nhà biết có phường bùa tới thăm. Khi chủ nhà ra cửa vóng, *thầy thường* hát vọng lên, mở đầu là *phắc rắc* tạ ơn, rồi hát kể lại chặng đường đi của phường bùa, đồng thời khen ngợi cảnh quan nhà chủ: "*Trước nhà có rặng cây cau, đằng sau có rặng cây mít*", tiếp: hát chúc gia chủ sang năm mới làm mùa gặp may mắn.

Chủ nhà nghe lời hát của *thầy thường*, nếu thoả mãn thì tự nguyện cho người nhà mang lúa gạo đổ vào thúng do hai người khênh. Phường bùa đánh công và hát đáp lễ rồi rút sang nhà khác. Có khi

chủ nhà là người biết hát thường đang sẽ trực tiếp hát đối đáp với *thầy thường*, nếu chủ thua, thì mang lúa ra đáp lễ, còn nếu *thầy thường* thua sẽ bị chủ nhà giam chân *thầy thường* và phường bùa đến khi nào họ đồng ý cho đi mới được đi. Cũng có khi, nhà chủ muốn giữ phường bùa ở nhà mình để làm vui thì cho người mời phường bùa lên nhà và mở cuộc hát đối đáp trong nhà, sau chủ nhà sẽ có trọng thưởng. *Thầy thường* phải chiều ý nhà chủ và hát xin lên nhà. Trong không khí đầm ấm của ngày xuân tốt, cuộc thường đang trong nhà chuyển dần từ hát chúc sang hát giao duyên. *Thầy thường* lúc này giữ vai trò quan trọng, phải là người có tiếng hát hay, thuộc nhiều câu hát, ứng đối tài mới thích nghi với mọi hoàn cảnh. Không phải vô lý khi dân chúng tôn kính gọi ông bằng *thầy thường*.

Số thóc gạo do các gia đình mừng trong những ngày đi xéc bùa một phần để chi phí sinh hoạt, phần nữa trợ giúp ai đó trong phường gặp khó khăn, còn lại dành cho người nào muốn mua sắm một chiếc công tốt hơn, có âm thanh hay hơn cái mình đang dùng để làng mừng có nhiều công quý.

Như vậy, *xéc bùa* là một sinh hoạt văn hóa dân gian độc đáo của người Mường trong dịp xuân tết. Với sinh hoạt này, nghệ thuật công chiêng của người Mường đã được nuôi dưỡng và không ngừng phát triển để đạt đến trình độ cao về nghệ thuật hoà âm của cả một dàn công, để ngày càng nhuần nhuyễn phong cách biểu diễn (đánh công) tạo ra nhiều bài công chiêng hay rung cảm lòng người, hướng con người vươn tới cái đẹp của nghệ thuật.

Xéc bùa cũng là nơi diễn xướng một số loại hình ca hát truyền thống của dân tộc Mường nhất là *thường dăng*. Qua những lời hát chúc gắn liền với làm mùa, qua lời mở đầu cuộc hát là "phát rác", nhiều nghệ nhân nói là xin mở nước và qua hình ảnh các cô gái đánh công như đánh động sấm dậy, gây mưa thuận gió hoà để cây cối ra hoa kết trái, gọi ta nghĩ đến trước đây xéc bùa, có thể là một nghi lễ liên quan đến nông nghiệp trồng lúa nước (như cầu mưa, cầu mùa) ở thời cổ đại, nay lễ nghi này đã biến dạng thành tục chơi công là một sinh hoạt văn nghệ lý thú của người Mường nhất là vào dịp xuân tết.

Kể từ ngày mừng 1 Mường, nhiều nơi ở các vùng cư trú của người Mường có tục ăn dụng. Ở một

quê hay một *mường*, đại diện các nhà đi thành đoàn cùng đến ăn tết nhà nhau, lần lượt từ nhà này sang nhà khác. Gia chủ ngày đó làm tết to hơn ngày thường để đón dân. Một không khí sôi động làm cho làng Mường phấn chấn suốt từ ngày đó cho đến ngày mùng 7 hạ nêu. Tục cấm nêu diễn ra trong một tuần (10 ngày), từ 27 đến mùng 7 Mường biểu hiện sự tràn đầy, dư dật, thịnh vượng đến viên mãn của ngày tết.

Khi đi ăn dụng hay vào chúc tết một gia đình người Mường thì cả gia đình cùng đứng dậy hướng ra phía cửa đón chào khách. Chủ nhà hồ hởi trải chiếu hoa đẹp ở gian *vóng trên* trân trọng mời khách ngồi. Sau một lần mời nước, thăm hỏi sức khoẻ, chúc tụng, chủ nhà bê ra *cánh rượu cần* mời khách uống. Uống rượu cần đã trở thành phong tục ở nhiều làng Mường ở tỉnh Hoà Bình, nhất là ở bốn vùng Mường lớn: *Nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Đông*. Những vùng nhiều *mường* không còn giữ thói quen uống rượu cần thì ngày tết chủ nhà mời khách uống rượu *thiếu* (rượu cất chứa trong chai). Uống rượu lấy vui là chính, người Mường có khiếu mời rượu, khách khó lòng từ

chối. Uống rượu chủ và khách phải say mới là chí tình, chí nghĩa với nhau.

Cộng đồng làng xóm đi chúc nhau, con cháu trong nhà đi mừng tuổi ông bà. Cũng như người Việt, những ngày đầu năm mới, chàng rể phải mang lễ đến thăm nhà bố mẹ vợ (bên mợ). Ngoài lễ cúng ông bà như lợn, gạo, rượu, rể phải đi cơm non (sắm một chón cơm khoảng mười đầu gạo nếp và một số *ớt cá*). *Ớt cá* - món ăn đậm đà sắc thái dân tộc Mường, gồm cá đã ướp chua, có ớt, gừng, của kiệu bọc vào lá chuối, cho vào *quốp* (chỗ gỗ) đồ chín. Tục này biểu hiện tấm lòng thành kính của chàng rể đối với bố mẹ vợ - người đã sinh ra người vợ tháng ngày gần gũi, chia sẻ bao nỗi buồn vui trong cuộc đời. Cũng vậy, cô dâu đã có sự chuẩn bị trước, họ cố tìm sao cho được một gói măng *mu* - một loại măng mọc sớm ở rừng, ăn hơi đắng, nhưng thơm, giòn sau khi đã đồ cho chín bằng hơi nước để biếu bố mẹ chồng. Một số nơi đầu xuân năm mới, cô dâu thế nào cũng phải có ít quà nhỏ bằng vải như gối, đệm, mặt phà, khăn rửa kính dâng bố mẹ. Và, mong ba Tết có tục đi thăm hỏi, biếu quà các ông bà lang đã bốc thuốc chữa khỏi bệnh cho dân trong mường; thăm các bà mối

mai cho trai gái nên vợ thành chồng, thầy *trương* thực hành những nghi lễ cho người lúc đau ốm, hoạn nạn. Xưa kia, dân trong Mường còn phải chịu tục mang bánh chưng, gạo nếp, rượu, thịt đến chúc tết các quan lang cai quản dân trong vùng.

Cùng với việc đi tết chúc mừng nhau, cộng đồng toàn Mường mở lễ hội đầu xuân. Trước hết phải kể đến các hội mùa. Như hội rước bông cốm trái lúa và rước dải lụa trắng tượng trưng rước nước ở Mường Vó huyện Lạc Sơn. Hội rước thánh Tản - người anh hùng trị thủy ở xã Phong Phú huyện Tân Lạc. Hội sửa mường Lò mang tính chất làm thủy lợi ở xã Địch Giáo huyện Tân Lạc. Những ngày hội cấy lúa đầu xuân, có trồng cây nêu ở ruộng, cộng đồng làng Mường mời một cụ già nhất đến làm lễ cấy trước một bó mạ. Tiếp đó, các cô gái lấy mạ treo ở cây nêu đem về ruộng nhà mình cấy tượng trưng một ít, diễn ra ở các xã vùng phía bắc huyện Lương Sơn. Rồi ngày hội toàn Mường đi săn lấy may gọi là ngày *đọc moong* (săn thú). Tiêu biểu là hội *đọc moong* của người Mường xóm Lý, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc.

Đọc nghĩa đen là đâm, mở rộng nghĩa là săn. Ngôn ngữ Tày - Thái cổ có một âm tương tự là

tooc nghĩa là đóng, mở rộng nghĩa là trống. *Moong* còn gọi là Muông, là từ chỉ các loài thú bốn chân. *Hội đọc moong* là hội đi săn các loài thú rừng.

Hội *Đọc moong* diễn ra như sau:

Buổi sáng đó, người trong *Mường* hay *Quét* (đơn vị cư trú) ở Mường Lồ (xã Phong Phú) không phân biệt trẻ già trai gái, ai có thể trèo đồi, leo núi được cùng kéo nhau đi. Một người săn giỏi (trùm săn) của Mường cùng các cụ già có kinh nghiệm bàn định hướng xuất phát làm ăn và chọn điểm săn. Sau đó, mọi người tung búng gieo hò cùng ông trùm săn theo hướng đã định đến một quả đồi hay một khu rừng. Mọi người toả ra vây quanh khu rừng đó. Những thợ săn giỏi có súng kíp hoặc nỏ cứng, nhanh chân tìm chỗ đón lông ở các khe, các lối mòn thú hay đi. Những người khác khép kín dân vòng vây, hò reo, hú đuổi thú, tay cầm cây lao hoặc cầm một cây gậy nhọn. Nhiều người cầm công (chiềng) loại công nhỏ (chiềng *boong beeng*) đánh theo điệu đi săn. Những chú chó săn của Mường theo hiệu lệnh của công săn vượt lên sục sạo các bụi rậm đánh hơi thú.

Tiếng công săn đập dồn, tiếng hò reo vang dội, tiếng chó sủa chói tai cuốn hút bước chân người, tất cả tạo thành một âm hưởng sôi động của cuộc sống cộng đồng bước vào mùa làm ăn mới.

Thú rừng bị vòng vây khép kín dần dần vào một nơi. Trước là bị chó tấn công, sau là người ủa đến dùng gậy nhọn, cây lao chặn đánh. Cũng có khi không đợi đến lúc bị dồn vào một chỗ, những con thú ranh mãnh phóng ngược lại hướng tiến của con người. Lúc ấy, mọi người không bỏ vây mà chỉ số ít người tách ra đuổi theo con thú. Thường chỗ con thú thoát được lại là chỗ đã có người nấp đón chỉ đợi thú chạy vào tầm ngắm là trở cò súng tiêu diệt.

Hội *đọc moong* rất vui, thu hút nhiều người tham gia. Nếu buổi săn hôm đó được thú, làng Mường vui mừng đánh cồng, gõ phách. Họ khiêng con thú đến một miếng lớn bằng gỗ, dựng ở xóm Lý, thờ Đức thánh Tản Viên. Hạng cũng có tượng người (thánh Tản Viên) bằng đá. Mọi người mổ con thú săn được dâng lễ tế thánh Tản. Ông mo thay mặt dân xã, mặc áo thụng, đội mũ tai én làm lễ khấn thánh Tản phù trợ mùa mang tươi tốt. Nhờ không được thú gì, dân Mường tò ý buồn cho việc xuất

hành đầu năm mới không may. Dân làng đành phải chọn một con bò thay thú rừng tế thánh Tản. Ở miếu thờ thánh Tản có tục không giết trâu để tế thần. Có điều khi chọn nơi săn, các cụ đã tấu trình kĩ lưỡng, một khi đã kéo dân chúng đi *đọc moong* thì thế nào cũng phải săn bắt được thú. Thế nên, khu rừng được chọn thường là nơi cấm săn bắt trong năm để nhiều thú về ở. Sau lễ tế thánh Tản, mọi người đều mang cơm và rượu cần đến vui mừng suốt ngày đến tận đêm khuya. Ngoài con thú bắt được dâng lễ thánh Tản, hễ phường săn có bắt thêm được con thú nào khác, làng có lệ chia phần như sau: Người nào giết chết con thú sẽ được hưởng một đùi sau cùng đầu con vật, vị trí cắt lấy đầu tính bằng cách tóm cái tai con vật vít xuống phía cổ đầu nhọn, tai đến đâu thì cắt phần cổ đến đó.

Sau đấy, họ mổ con vật ra lấy thịt chia đều cho tổng số người và chó. Mọi người quan niệm phần của một đầu người tương đương với phần của một đầu chó. Riêng cô lòng và bộ xương mình con vật dành cho nhà người giết được thú, nấu cháo đãi cả làng.

Cũng có khi trong cuộc săn một con thú như lợn rừng, hoẵng, cheo cheo... chạy ra liền bị mấy người đuổi đánh và đâm chết. Khi con vật chết hẳn, một người hô to không đâm nữa, mọi người tình nguyện giơ cây lao của mình ra phía trước, căn cứ vào dấu nhọn cây lao nào có máu thì coi anh ta đã tham gia giết con vật nên dấu con thú và đuôi sau chia đều cho những người đó. Nếu ai đó, dù rằng anh đánh con vật ngã quỵ xuống, hiềm vì ngọn lao của anh không có máu thì vẫn coi anh không trực tiếp giết con vật đó. Lệ Mường qui định thế nên nhiều người chạy tới sau, tiếc công sức đuổi thú, cho dù con thú đã bị đâm chết anh ta cũng cố lao tới chắm dấu nhọn của mình cho có máu con vật để hưởng vinh quang và phần thịt chia. Lệ này giúp chúng ta hiểu thêm cơ sở ra đời câu phương ngôn của người đi săn là "rây máu ăn phần".

Người giết được con thú cốt yếu là nhận về sự vinh quang, cảm phục của người trong Mường chứ lợi lộc chẳng là mấy, bởi lẽ khi nhận phần đem về nhà người giết được thú phải tốn kém nhiều rượu thịt để khoản đãi dân Mường đến chúc mừng anh ta. Có điều: sống ở làng sang ở nước, dù là tốn kém nhưng người giết được thú lấy làm vui mừng

lắm, cho gia đình có phúc lớn, tin trong năm làm ăn gặp nhiều may mắn.

Cuộc săn chấm dứt bằng hiệu lệnh công. Đã thành thói quen, hễ nghe hiệu công đó thì người và chó bỏ vị trí trở về Mường càng gần làng mường họ càng hò reo, chào đón thắng lợi đã giành được.

Hội *đọc moong* ngày đầu năm mới không thuần túy chỉ là ngày hội đi săn mà mở rộng ý nghĩa thành ngày hội văn hoá, chứa đựng nhiều yếu tố sinh hoạt cộng đồng hấp dẫn như đánh chiêng, leo núi, vui hò, vui uống rượu cần, thi tài bắn nỏ, bắn súng, đâm lao... giúp con người Mường hiểu biết lẫn nhau và sống gần bó hơn trong một cộng đồng làng xóm chan chứa nghĩa tình. Vào ngày 6 *cây* tháng giêng, người Mường xóm Muộn, xã Kim Sơn, huyện Kim Bôi làm lễ khai ngô và làm lễ mở cửa rừng để lấy may. Một số nơi, dân trong mường tổ chức ngày hội đánh bắt cá như ở xóm Trù, xã Mỹ Hoà, huyện Tân Lạc, dân cả xóm mang vợt ra đánh bắt cá ở bãi Bưởi, lấy cá về làm tết chung cho toàn mường cùng hưởng (ngày 7 *cây*) trai gái ăn mặc đẹp về dự hội rất vui.

Hội đình Đập xã An Bình (Lạc Thủy), mở vào ngày sáu tháng giêng thờ Đức Quốc Mẫu (Mẹ Âu Cơ) làng mổ trâu tế thần, các trai đình vui ăn uống ở đình. Vì trước năm 1945 ít người sống đến tuổi sáu mươi nên làng qui định ai 50 tuổi trở lên thì gọi là cụ và ưu tiên hai cụ ngồi ăn một mâm, còn cụ nào cao tuổi nhất, làng dành đặc ân một mình một mâm, phản ánh tinh thần *kính lão* của người dân Mường Đập.

Ngoài ra, ở xã Hương Thi (Lạc Thủy) còn tổ chức hội dân vào ngày 7 tháng giêng ở miếu thờ Tứ vị đại vương (?), cai xã chuyên lo về an ninh xóm làng dọc hương ước để dân các giáp nghe, trong đó có điều khoản qui định: hễ nhà chức trách nổi một hồi trống liên tục báo trong làng có cướp thì tất cả trai đình phải chạy đến tụ tập ở nhà chức trách. Người đi săn bắt cướp nếu bị cướp giết dân phải lo mai táng làm ma 3 ngày 3 đêm cho người chết. Vợ con dân nuôi suốt đời. Trong nhà dân lúc nào cũng phải có 1 nỏ treo ở cột cùng 3 dây nỏ, 100 tên, 1 bao gạo đủ ăn ba ngày. Điều này, phản ánh hội là nơi gắn bó các thành viên của cộng đồng không những về văn hoá mà còn ở nhiều lợi ích xã hội khác.

Người Mường xã Thịnh Lang (thị xã Hoà Bình) "ngày tháng làm ăn trong năm mới được đánh dấu bằng "lễ động thổ" tổ chức vào mồng 7 tháng giêng. Hôm đó từng gia đình mang cỗ (xôi, bánh) ra đình. Chủ tế đãi cỗ và đem bày lên bàn thờ thần thánh. Trong ngày hôm đó thường tổ chức chơi ném còn, vật, hát ví. Đêm đến chủ tế, các giáp trưởng ở lại đình. Đến 12 giờ đêm, sau khi xin phép thần, chủ tế đánh 9 tiếng trống, sau đó một giáp trưởng đỡ dùi gõ tiếp 3 hồi trống dài, đồng thời chủ tế bắn một quả pháo lệnh tự chế. Nghe tiếng pháo, các gia đình dậy khua máng, quay cối xay, gõ vào phen vách... báo hiệu một năm mới làm ăn đã đến"¹⁵.

Cùng với sinh hoạt văn hoá trong tuần ra nêu, xưa kia cộng đồng làng Mường còn tổ chức các hội thi tài. Tục thi cỗ ở đình làng xuất hiện ở nhiều nơi. Mỗi nhà sửa một mâm cỗ đem tới đình làm sao cho mâm cỗ phong phú các món ăn, bày biện đẹp, ăn thì ngon miệng. Thi cỗ là dịp để dân trong

¹⁵ "Nghĩ lễ ruộng đồng - cổ truyền" của người Mường xã Thịnh Lang - Lâm Bá Nam in trong Văn nghệ Hà Sơn Bình số 2/1991 - Sở Văn hoá thông tin Hà Sơn Bình.

mường học hỏi nhau cách nấu nướng, chế biến thực ăn.

Cuộc thi cơm ở Mường Muôn diễn ra vào ngày mồng 6 Tết trước cửa đình. "Mỗi nhà bung đến một mâm cỗ đầy, bày thịt, cá, xôi, rượu. Tính từ cửa đình ra ngoài qui định là bên trên và bên dưới có trái chiếu mới, đẹp. Ai nhanh chân bung cỗ đến trước được đặt mâm ở hàng trên. Những mâm bung đến sau, cứ theo thứ tự ấy mà đặt... cỗ nhất, nhì là xôi trắng dẻo, hạt xôi không gãy, bày ra trước gió trong như khô bóng, nhưng nắm vào tay thì riu lại như bánh dày, không dính tay mà nhai như dính răng, hương thơm đậm ấm. Thịt tươi thái đủ miếng trong một con lợn từ lòng, mũi, tai, chân, xương... bày vòng tròn giữa mâm. Cá trôi, cá mương đánh ở suối hoặc ao đem nướng vàng đều, đã thơm rồi đồ hoặc rán, bày thật đẹp bên cạnh cơm thịt. Cỗ đặt một chai rượu ngon"¹⁶.

Vào ngày 3 tết người Mường ở xã Tu Lý (Đà Bắc) tổ chức hội múa Long Công. Hộ dân của làng góp một nén cơm và ít cá khô cất cử người làng Mu

¹⁶ Lễ hội Mường Muôn - Bùi Chí in trong Văn hoá Hoà Bình - Sở Văn hoá thông tin - Hội Văn hoá các dân tộc Hoà Bình số 2/1994.

Công cán đều theo số hộ đặt lên bàn thờ Thành Hoàng ở đình. Ngoài ra các gia đình còn mang mâm cơm của nhà bày ra. Họ đi xem cô người và tự chấm cỗ nhà mình. Họ thi giấu thông qua số lượng các món ăn, thi khéo tay (làm trứng trâu năm cách, măng lấy cả tai xòe ra, cách giữ tim, gan lợn hãy còn tươi nguyên...).

Nhiều nơi tổ chức bắn súng vào đĩa, bắn nỏ vào quả, thi người đánh cồng giỏi. Và đặc biệt là thi hát *thường đang*. Hát thường đang tổ chức trong nhà bày thành từng mâm bát. Đây là lối hát giao duyên nam nữ, lời qua tiếng lại đối nhau từng chặng. Người hát, tiếng đã hay, còn phải thanh nhã về lời, sâu xa về ý tứ, ứng đáp nhanh, trả lời trúng, đặt ra những câu đố hiểm mới thắng đối phương. Những cuộc hát thường đang như thế cuốn hút đông đảo dân Mường tới nghe. Tiếng hát thường đang từ lâu đã từng làm say đắm bao lứa tuổi, bao thế hệ người Mường, gọi cho mỗi người thêm yêu vùng đất ven chân núi, thêm lưu luyến những con người Mường đẹp người, đẹp nết, giàu lòng nhân ái có bề dày, bề sâu về văn hoá.

Như vậy, có thể xem sau những ngày ăn tết tại gia đình thực hiện các tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên,

đến ngày hạ nêu, mồng 6 tết Mường (ứng với mồng 7 tháng giêng âm lịch) người Mường đã ý thức việc tổ chức những sinh hoạt có tính cộng đồng cả làng cùng ăn chung, nhân đó làm những việc liên quan đến mọi nhà trong Mường, diễn lại các nghi lễ tưởng nhớ người có công với làng, mở hội xuống đồng, mở cửa rừng... Tập tục này như một dấu chấm hết của tuần vui tết để bước vào mùa làm ăn của năm mới. Tiến sĩ Qui-di-ni-e đã gọi nghi lễ trên là "thết làng" (tết làng) "Trong suốt tuần lễ, người ta ăn uống tại nhà người này, người khác, và ở tại nhà mình, cùng với khách đến thăm liên tục, rồi ngày thứ bảy, lễ "thết" được kết thúc bằng một bữa cơm cuối cùng ăn chung, chấm hết cả chuỗi ngày ăn mừng. Ngày cuối cùng này là "ngày vui của làng" (thết làng), và tương ứng với ngày "kết thúc vui chơi" (khai hạ) của người An Nam"¹⁷.

Như trên đã phân tích: Tết của người Mường bao hàm nhiều yếu tố; vừa để đón mừng xuân mới; vừa để chúc sức khỏe, mừng nhau thêm tuổi; trả ân nghĩa; vừa là dịp tổ chức các nghi lễ nông

¹⁷ Jean Cuisinier - Người Mường - Địa lí nhân văn và xã hội học
Nhà xuất bản Lao động - Hà Nội, 1995, tr. 750 - 751

nghiệp, ăn mừng sản phẩm, bàn việc làm ăn; vừa là những ngày mở đầu công việc sản xuất trong một năm.

Đây mới chỉ là tư liệu khảo sát bước đầu về tết của người Mường vốn rất phong phú và đa dạng, giúp bạn đọc hiểu thêm về người Mường - một dân tộc có nền văn hoá lâu đời, có địa bàn cư trú tập trung ở tỉnh Hoà Bình.

Tết cổ truyền mừng Một tháng Bảy của người Nùng

Hàng năm, cứ đến hạ tuần tháng sáu (âm lịch), bà con người Nùng lại nô nức phấn khởi chuẩn bị chào đón và tổ chức lễ tết mừng một tháng bảy

"Tuy ngày nay đồng bào Nùng ở Mường Khương cũng đón tết năm mới giống người Kinh; nhưng vào ngày mừng Một tháng Bảy, khắp thôn bản của họ vẫn rộn lên một không khí nhộn nhịp, náo nhiệt và linh thiêng giống như không khí đón chào năm mới của các dân tộc Việt Nam. Qua nghiên cứu lịch pháp, lịch cây trồng, cũng như đặc điểm, tính chất của tết mừng Một tháng Bảy trong bối cảnh tết năm mới chung của các dân tộc Việt Nam, chúng tôi nhận thấy tết cổ truyền mừng Một tháng Bảy của người Nùng có nhiều biểu hiện của lễ tết năm mới. Vì vậy, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu một số tư liệu về tết mừng Một tháng Bảy với tư cách là những tư liệu về tết năm mới cổ truyền của người Nùng trích trong "Lễ tết cổ truyền mừng Một tháng Bảy người Nùng" đã in trong tập "Lễ hội cổ truyền Lào Cai", Trần Hữu Sơn chủ biên. Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc, H. 1999.

(tiếng Nùng gọi là *chinw chinhw chetx*). Khắp các gia đình, làng bản từ già đến trẻ, kẻ mừng người lo bàn tán xôn xao, náo nức đưa nhau chuẩn bị cỗ tết. Các bà mẹ, chị em nội trợ nào lo sắm gạo nếp làm xôi bảy màu, may mặc quần áo mới, làm túi đựng cồng gà cho trẻ em; nào lo gà, thịt và những thứ thực phẩm cần thiết. Các ông bố, anh em trai thì lo chuẩn bị gọt dưa mới, rượu chè; mời khách ngoại tộc, ngoài bản, hoa quả bánh trái. Dưa mới được gọt bằng vầu già, gọt một nửa đoạn hình chữ nhật, một nửa đoạn tròn và gọt trước từ ba đến bốn ngày, phơi khô để khi nhuộm đỏ mới đẹp và không bị mốc. Rượu thường tự nấu bằng ngô nếp vì rượu ngô nếp uống ngọt hơn. Do đó khi trông ngô nhà nào cũng phải trông một ít ngô nếp. Khách nhà nào cũng mời các anh em họ hàng, bạn bè thân thiết phương xa ngoài người Nùng và mời trước hàng tuần để anh em có thời gian thu xếp công việc, sắm quà cáp tới mừng và cảm tạ. Các nam nữ thanh thiếu niên thì rủ nhau lấy củi khô, đốt công giã gạo, cắt cỏ trâu ngựa, lấy rau lợn dự trữ để dành thời gian vui chơi trong những ngày tết.

Đến giáp tết, ngày 30 tháng 6 âm lịch, người nào kẻ nấy trong mỗi gia đình, ai cũng tập nập đua nhau làm các công việc của mình: Phụ nữ cắt rửa lá xôi, lá chuối, lá dong để nhuộm dưa đỏ, làm xôi

bảy màu, lột xôi màu thờ gia tiên, gói xôi làm quà cho khách; xay đậu phụ làm thức ăn sẵn cho những ngày tết; nam giới thì ngà lợn con (loại từ 20 - 25 kg) làm thịt quay chuẩn bị thức ăn sẵn. Nhà khá giả và mời nhiều khách thì mổ hẳn một con, không thì vài ba nhà chung nhau một con. Các ông bà già, con trẻ cũng mỗi người một việc: Rửa bàn ghế, ẩm chén, bàn thờ, chạn bát. Các em thiếu niên thì cắt cỏ ngựa, lấy rau lợn đủ ba ngày tết. Mặc dù mỗi nhà có sự chuẩn bị cho tết khác nhau nhưng đến cuối chiều chấp tối hầu như nhà nào cũng phải nhuộm xong dưa đỏ - công việc chuẩn bị chính thức đầu tiên cho lễ tết.

Dưa đỏ được nhuộm bằng lá xôi dứa (tiếng Nùng gọi là *chămj thuj*). Loại lá xôi này chỉ dùng để nhuộm dưa đỏ và xôi đỏ. Kỹ thuật nhuộm đỏ rất đơn giản: cho lá xôi một lượng vừa phải với số lượng dưa và nước đun. Nếu dưa ít, lá xôi nhiều thì khi luộc sẽ bị ngả màu thâm, dưa không đỏ tươi. Ngược lại, dưa nhiều mà lá xôi ít thì thiếu độ, và dưa đỏ nhạt cũng không đẹp. Bởi vậy, nhiều người phải nhờ những người có kinh nghiệm nhuộm giúp.

Công việc cuối cùng trong ngày chuẩn bị tết là cả nhà ai nấy đều tắm giặt, thay quần áo sạch sẽ; nhà nào phải làm cỗ cúng trời thì chuẩn bị mâm cỗ

cúng. Mâm cỗ cúng trời được đặt ở trên sàn góc sân để đảm bảo sạch sẽ. Do đó những nhà phải cúng trời làm một cái sàn góc sân nhà để cúng vào dịp tết tháng bảy, sau đó dùng phơi thóc, ngô, ngồi khâu vá và làm chỗ vui chơi cho trẻ em nhảy múa trong những đêm rằm trăng sáng. Song có điều cấm kỵ là người mang thai không được làm, phải nhờ người khác làm giúp. Mâm cúng trời tiếng Nùng gọi là "*Pai chan - cung phax*". Một cái bàn đặt quay hướng mặt trời mọc và một cây cầu trời bằng vầu cao hơn đầu người được căng một tấm vải đen và quây xung quanh mâm cỗ; mâm được lót bằng lá chuối, đặt năm cái bát, năm cái chén làm bằng dóng cây sậy, một bát nước phép; năm lư hương bằng thân chuối; có hàng giấy ngựa treo năm con màu đỏ (có dòng họ ba con); chén rượu giữa cũng đôi dáy một chén khác gọi là *ta chanj* như cúng rừng; một bát nước lá xối nhuộm đỏ; một lọ giã ớt bằng vầu, có cả chày nhuộm đỏ. Bên cạnh mâm có bày cả bã lá xối nhuộm dứa. Vật cúng chỉ có một con gà sống gầy to, đẹp, lông đỏ; năm bát xôi màu tím và một miếng thịt lợn nhỏ.

Gần như thành một qui luật tự nhiên, tết tháng bảy nào cũng vật, cùng với việc chuẩn bị tập nập, nhộn nhịp thì ngày 30 tháng sáu hoặc chỉ ít cũng là buổi chiều trời thường mưa tuôn tầm tã, như trút nước.

Đồng bào gọi cơn mưa đó là *pfānw srā chan* - tức là mưa dội sần¹⁸. Mặc dù mưa vậy nhưng đồng bào vẫn thích vì nó rửa sạch tất cả mọi ô uế rác rưởi, khí trời tối tăm nóng nực để hôm tết trời quang mây tạnh, không khí trong lành, chơi tết được thoải mái. Nếu hôm đó trời không mưa thì bà con sợ tết sẽ mất vui và cầu mong cho trời đổ cơn giông. Vì vậy mà bà con chuẩn bị tết rất chu đáo.

Sáng mồng một tháng bảy là lễ tết chính của đồng bào sau đó là vui chơi ăn uống linh đình, hội hè tấp nập.

Sau một ngày trời đổ mưa giông, bầu trời trở lại quang đãng trong xanh, bầu không khí trở nên trong lành như đã cuốn hết mọi rác rưởi môi trường, trời như phù hộ độ trì cho đồng bào Nùng ăn tết. Khi mới gà gáy canh ba, các gia đình làm sần cúng trời đã thức dậy nhóm bếp thổi xôi, mổ gà cúng trời trước khi trời sáng. Thấy cúng mặc quần áo dài, vải đen, đầu đội khăn xếp, chân đi giày long trọng khăn lay bốn phương tám hướng trời đất, núi rừng, cây chuối làm lễ cúng tạ ơn trời đất, núi non... đã phù hộ độ trì cho người Nùng chiến thắng giặc ngoại xâm, bảo tồn nòi giống dân tộc và mời thần trời, núi non, rừng chuối xuống dự

¹⁸ Đây là tín hiệu chuyển mùa, chính vì thế, chúng tôi mới cho rằng đây là tết năm mới (NBT)

tết chiến thắng cổ truyền dân tộc mà người Nùng không bao giờ quên. Nội dung bài cũng có đoạn:

Hỡi thần trời thánh đất

Hỡi ông thần trái đất

Hỡi mặt trời trên cao

Và rừng chuối nơi thấp

Hôm nay ngày một tháng bảy

Ăn tết với người Nùng

Nô tỳ này họ Vương cháu gia

Con đời cháu thế hệ đời cháu người Nùng

*Nô tỳ này đem miếng thịt lợn nhỏ, con gà
sống gáy to lên kính*

Đem đĩa xôi tím, ngum rượu ngọt về mời

Mời đến thần trời thánh đất dự cỗ

*Mời đến thần trái đất, mặt trời trên cao ngồi
mâm*

Cùng tổ tiên tộc Nùng chơi vui bữa cỗ

*Cùng thế hệ cháu, thế hệ cháu người Nùng ăn
tết tháng bảy*

Ăn cỗ xong xin phù hộ độ trì người Nùng

Ban phước tộc Nùng thịnh trị bình an...¹⁹

Sau một bài cúng, thầy cúng mổ gà nộp lễ. Con gà được làm lông tại chỗ. Con gà không luộc chín mà bày thịt sống, cả lông rác gà cũng được bày nguyên tại chỗ trên lá chuối đặt cạnh mâm và cúng cùng một lúc với mâm cỗ. Sau khi làm sạch gà xong, gia đình bung cả chỗ xôi màu tím xuống bày cúng cùng con gà, thịt lợn. Một điều đáng chú ý là làm sớm, làm nhanh sao cho cúng xong, thu dọn trước khi trời sáng. Sau ba hồi thờ cúng với ba hồi ngang tắt mới hoá vàng thu về nhà. Sau khi thu về nhà, bã lá xôi và lông gà vẫn để nguyên trên sàn qua ba ngày mới được dọn. Đồng thời sàn cũng cấm bang ăn tết ba ngày sau mới được sử dụng làm sân phơi hoặc chơi bời.

Sau khi bày sàn thờ cúng xong lại tiếp tục mổ gà thờ cúng gia tiên. Gà thờ cúng gia tiên không nhất thiết phải là gà trống gáy mà gà mái cũng được. Mâm cỗ thờ cúng gia tiên chỉ có gà và các thức ăn phụ khác nhưng nhất thiết phải làm bát tiết canh gà. Thịt gà không bày cả con mà chặt từng miếng xếp gọn trong đĩa. Số lượng món ăn không qui định nhưng phải có từ bảy món trở lên. Bài cúng trong mâm cỗ lễ gia tiên nội dung chủ yếu là kính

¹⁹ Lời cúng ở một số thôn bản có đôi chỗ khác nhau song nội dung đều như nhau.

mời gia tiên xuống dự lễ tết cổ truyền mừng một tháng bảy cùng với thần trời thánh đất... cầu các ông tổ bà tiên tiếp tục phù hộ độ trì cho con cháu trong gia đình có cuộc sống an khang thịnh vượng.

Cùng lúc với các ông làm lễ cúng gia tiên thì các bà, các chị cũng làm xôi bảy màu, đó là màu đỏ tươi (đỏ cò), màu đỏ thắm, màu vàng, màu xanh lá gừng, màu nâu, màu xanh nước biển, màu tím. Nguyên liệu làm xôi bảy màu này cũng từ hai loại lá xôi là xôi dứa và xôi hoa (tiếng Nùng gọi là *chămj thú* - *chămj lai*) và một loại hoa rừng thường nở vào tháng 2 tháng 3 âm lịch (tiếng Nùng gọi là *đọc panj*). Loại hoa này có mùi thơm lừng, khi nở rộ hái đem về phơi khô cái dùng lúc nào cũng được. Loại hoa này nhuộm xôi vàng: Đem hoa khô luộc với một lượng muối vừa phải, nếu nhiều muối quá sẽ bị vàng nhạt. Luộc xong lọc lấy nước để nguội rồi ngâm gạo nếp. Gạo nếp phải được vo sạch, ngâm nước từ tối hôm trước đến độ trương vừa phải, nếu quá thì xôi sẽ bị nhão. Thời gian ngâm nước màu chỉ độ một tiếng, khi xôi lên, xôi sẽ ngả màu vàng rất đẹp và thơm.

Xôi đỏ thì dùng lá xôi dứa luộc kỹ, lọc lấy nước để nguội, cho vào ngâm gạo nếp như xôi vàng, khi xôi lên sẽ ra màu đỏ tươi (đỏ cò).

Xôi tím cũng dùng lá xôi dừa nhưng đem giã với gio bếp. Trước khi giã đem đốt qua lửa cho héo. Lượng gio cũng cho vừa phải nhưng phải là gio than củi, còn gio cỏ rác, rơm rạ thì không được vì nó không có độ mặn, chất màu không ngấm sâu, xôi sẽ bị bạc màu.

Xôi màu xanh nước biển thì dùng lá xôi hoa (*chămj lai*) giã với gio bếp rồi lọc ngâm gạo nếp, khi xôi lên sẽ ra màu xanh nước biển. Nhưng lượng gio và thời gian ngâm cũng vừa phải, làm sao khi vớt gạo ra có màu xanh lơ đến khi xôi lên thì vừa đẹp, nếu khi vớt gạo mà đã có màu xanh nước biển thì xôi lên sẽ ngả màu quá đậm, chuyển sang màu chàm.

Xôi màu xanh là gừng tiếng Nùng gọi là *khau looc baw tsinhw*, khi làm phức tạp hơn. Phải dùng gạo nếp đã ngâm ra màu vàng rồi mới lại đem ngâm nước xôi hoa loại màu xanh nước biển với lượng vừa phải. Nếu thiếu nước gio lá xôi hoa thì sẽ ra màu xanh nõn chuối hoặc nếu nước xôi hoa quá nhiều thì cũng tạo ra màu xanh đậm, không đẹp.

Xôi màu nâu cũng phức tạp như xôi màu xanh lá gừng. Trước hết phải ngâm gạo nếp màu đỏ chờ sau

đó lại đem ngâm nước lá xôi dứa già gio (nước lá xôi màu tím), một giờ sau vớt ra sẽ ra màu nâu.

Cuối cùng là xôi màu đỏ xẫm. Xôi này khó làm nhất nên rất ít người làm, chỉ người có kinh nghiệm mới làm. Loại xôi này phải dùng gạo nếp đã nhuộm đỏ sau đó ngâm với lá xôi hoa với một tỷ lệ rất ít, nhạt. Thông thường ngâm nước lá xôi hoa lần thứ hai (tức là sau khi đã ngâm lại màu xanh nước biển để hút hết độ màu chuẩn còn lại lượng màu đỏ rất nhạt). Khi ngâm gạo nếp màu đỏ sẽ làm giảm màu cờ tạo thành màu đỏ thẫm, không phải màu nâu cũng không phải màu tím mà mang sắc màu máu đông. Các loại gạo nếp sau khi nhuộm xong phải đãi sạch rồi để ráo nước mới đem xôi. Việc làm xôi bảy màu rất hấp dẫn, nhưng không kém phần phức tạp, không khác gì người họa sĩ pha màu tài ba giàu kinh nghiệm. Trong những ngày lễ tết, khắp đầu làng cuối bản chị em phụ nữ chỉ bàn tán về việc làm xôi màu và tíu tít mời nhau về nhà mình thưởng thức xôi màu - chiêm ngưỡng tài nghệ của mình.

Khi nhuộm xong gạo nếp đủ bảy màu thì cho vào chõ gỗ mỗi thứ một góc rồi đun sôi. Phải bỏ chõ trong chảo đun nước nóng vừa bốc hơi rồi mới cho xôi vào để khỏi bị đọng nước lâu, tránh bết ở đáy chõ.

Cúng gia tiên xong, xôi bảy màu cũng vừa chín tới, khói bốc hương toả nghi ngút khắp gia đình làng bản. Anh em họ mạc, bạn hữu thân thiết, ngoại tộc, ngoài bản cũng tập nập đến mỗi gia đình dự lễ tết. Các gia đình ở cuối bản phải cử con cháu đến đầu bản đón khách, nếu không sẽ bị tranh mất khách vì trong ngày lễ tết ai cũng mong có khách đến chơi, kể cả khách chưa mời đến; khách đã vào nhà thì hầu như không ai cho ra khỏi nhà, bắt khách phải dự cỗ với gia đình để chia vui và ôn lại những năm tháng gian khổ.

Trong lúc cha mẹ, anh chị thờ cúng gia tiên, làm xôi bảy màu thì các em thiếu niên từ tờ mờ sáng đã gọi nhau ỷ ới, rủ nhau đi thả trâu để khi trâu no cỏ cũng là lúc bố mẹ ở nhà đã thờ cúng, làm xôi bảy màu xong; về đến nhà chỉ việc thay quần áo mới, ăn tết xum vầy.

Ngày tết, gia đình nào cũng đặc biệt chú ý đến "cồng gà" cho trẻ em; không chỉ trẻ con trong nhà mà cả con cháu anh em, khách khứa cũng phải biếu mỗi đứa cái cồng. Cồng gà cho cháu trong ngày tết phải to gấp đôi mọi khi, do đó gia đình nào cũng phải mua rất nhiều gà. Có những nhà phải mổ tới bảy, tám con gà để có mười mấy cái cồng cho trẻ. Bà con cho rằng trẻ em tuy nhỏ nhưng cũng vất vả, nhất là những đứa trẻ chăn

trầu. Các cháu đã cùng bố mẹ đãi nằng dăm mưà chân trầu, cắt cò, lấy rau lợn, lấy củi góp phần giúp gia đình làm nên cuộc sống ấm no. Nền ngày tết phải may quần áo mới, biếu còng gà to, mừng tiền ăn quà bánh bù đắp công sức các cháu.

Khách khứa, bạn bè thân hữu đến dự lễ tết cũng rất hồ hởi, trưng diện bộ quần áo mới, tay xách vai mang túi quà nặng. Quà tặng có thể là gói bánh kẹo, cân hoa quả rất giản dị để tặng ông bà và các cháu, góp phần thêm vui ngày tết mà thôi.

Đến bữa cỗ, cả gia đình từ già đến trẻ ai cũng mặc quần áo mới, chân đi giày dép, tóc tai chải sạch sẽ cùng các quý khách vui cỗ. Mâm cỗ thường làm tám món là thịt gà luộc, thịt lợn kho tàu, thịt lợn quay, đậu phụ bọc thịt lợn rán, miến xào, đậu phụ sống, bát tiết canh gà và bát canh xương hầm không phân biệt mâm người lớn, trẻ em. Khi ăn, thông thường là phát còng gà cho trẻ em trước rồi gia chủ gắp bát tiết canh gà đỏ chói màu cờ khai cỗ; thức ăn cứ dùng hết lại lấy thêm, cả gia đình và khách khứa cùng chúc rượu, ăn xôi bảy màu rất vui vẻ linh đình. Sau một hồi cỗ chúc tụng say sưa, cả khách và chủ đều thi nhau cất tiếng hát đối đáp chúc mừng bữa cỗ, trong đó có câu:

Đôi không xứng bạn thân

Đãi không cần bạn hữu

Bốn góc uốn sừng bò²⁰

Trên cổ toàn bát không.

Và khách đáp lại rằng:

Hồi bạn không thân hữu

Cổ say không biết chúc

Bốn góc uốn sừng trâu

Trên cổ bầy tám bát.

Có gia đình sau bữa cỗ thì làm hồi *leng hao*, chơi bài gỗ chúc rượu cả ngày. Các quý khách thân hữu đến dự vui lễ tết suốt ngày và ngủ qua đêm, sáng sau mới về. Song hào hứng nhất là lớp thanh thiếu niên nhi đồng. Ăn cỗ xong, các thanh niên nam nữ rủ nhau đi chơi trò đánh én, người ta chơi bất kể chỗ nào ở sân hoặc trong nhà. Khi chơi mệt có gia đình mời nước, mời ăn xôi bầy màu thậm chí còn mời uống rượu, vì đã góp phần vào không khí vui tươi trong gia đình. Các thanh niên chơi én thường chơi đôi, đôi nam với đôi nữ hoặc đôi nam nữ.

²⁰ Bốn góc cổ.

Nếu đôi nào có quan hệ trao duyên thì những con én càng bay lượn không ngớt. Chơi đôi, thường có cách chơi chéo nam nữ, nhưng phổ biến là chơi đôi nam nữ lồng chéo hai con én vào nhau con lượn lên con lượn xuống trông rất đẹp mắt. Các em thiếu niên nhi đồng cũng hào hứng không kém, ngoài đánh én chúng còn lấy còng gà đánh nhau, nếu còng gà ai gãy (bị thua) thì bị mất một nửa. Bởi vậy dù khó khăn, các ông bà cha mẹ cũng cố gắng mua lấy hai con gà sống to để xương cứng thịt dai đánh còng gà cho chắc. Buổi tối, các đôi nam nữ thanh niên còn tập trung tại một gia đình nào đó rộng rãi thuận lợi để hát đối giao duyên.

Lễ tết tháng bảy được thu xếp vui chơi ăn uống trong ba ngày: song qua ngày mồng một, sang ngày mồng hai là các khách thân bạn hữu xin phép ra về vì chơi hết tết sẽ không đẹp. Giữa gia đình và khách lưu luyến chia tay. Gia đình nào cũng gói xôi bảy màu cùng với còng gà làm quà cho gia đình thân khách, rồi lại mời hẹn gặp nhau trong dịp tết năm mới tới rất nồng nhiệt chan chứa tình người.

Tết Nguyên Đán của người Tày

Hà Lâm Kỳ

Cũng như các tộc người sống trên đất Việt Nam, dân tộc Tày có cách đón Tết Nguyên Đán theo nét văn hóa riêng của mình, nó trở thành phong tục cổ truyền chứa đựng những giá trị nhân văn và luôn mang ý nghĩa cộng đồng. Có thể ở nơi này nơi kia, mỗi nơi mỗi vùng, đồng bào Tày có thói quen, tập quán khác nhau. Do chịu ảnh hưởng của giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, sự tác động của điều kiện tự nhiên xã hội hoặc gia phong dòng tộc, dẫn đến những điểm khác ấy, song, về cơ bản, phong tục người Tày vẫn có sự đồng nhất mà Tết Nguyên đán là một trong những bản sắc văn hóa cổ truyền độc đáo, thi vị, hấp dẫn.

Người Tày (tiếng dân tộc là *Cán Tày*) thường sống tập trung thành từng bản quanh các chân đồi, nơi đó dễ nhìn ra đồng ruộng, tiện nước, dễ đi lại. Nhà sàn tựa lưng vào chân đồi, trông về hướng nam hoặc tây nam. Trước nhà có một mảnh ao hoặc

vườn nhỏ; vào cổng, lối đi đặt bên phải, khách bước đến cầu thang rửa chân dưới sàn nước máng (năm lần) trước khi bước lên thềm (sàn ngoài) vào cửa nhà.

Công việc chuẩn bị cho Tết

Sau rằm tháng Bảy, các gia đình có kinh tế khá giả bắt đầu sự chuẩn bị cho Tết. Trước nhất là thiên một vài con gà trống, sau một tháng gà thiên non lại sức và béo dần, rồi tách một chú lợn khoảng bốn năm mươi cân ra khỏi đàn, cho ăn đủ chất hơn gọi là vỗ béo. Mục đích của lợn vỗ béo là để có nhiều mỡ. Cuối tháng 10, sau khi thu hoạch lúa mùa, công việc cày cấy tạm ổn định thời tiết khô ráo, các nhà cùng nhau vào rừng lấy củi khô, lấy giang chẻ lát bánh, lấy lá dong, lá chuối, hạt dẻ, hạt dổi... Rồi vót dũa, chẻ các cặp ép dòn, xiên chả, xay xát gạo nếp, gạo tẻ, đồ xanh để gói các loại bánh. Nói chung, mọi công việc đều gấp rút chuẩn bị, nên khi ra đường hay đi làm, đi chợ, gặp nhau ai ai cũng câu hỏi quen thuộc : “Lo tết đến đâu rồi?”, “Lợn tết khoảng mấy chục cân?”. Có thể hỏi cũng để chỉ cho vui, biết thêm sự chuẩn bị của người làng, những ở nông thôn nó tạo thêm không khí ngày tết khá hấp dẫn. Trước tết nửa tháng, gia đình nào cũng lo rửa mâm bát, âm chén, quét dọn nhà ở nhất là trên gác bếp, nơi thờ cúng,

dưới gầm nhà sàn, sửa chữa lại chuồng trâu bò lợn gà, hàng rào quanh nhà, lối ra vào cổng trước, cổng sau. Sau đó đến các ngôi mộ nhân thân thập hương phát dọn, đắp thêm đất mới để nơi ở của người quá cố mát mẻ sạch sẽ trước khi con cháu họ hàng "đón" về ăn tết.

Dân tộc Tày không có tục cúng ông Táo ngày 23 tháng Chạp như dân tộc Kinh (trừ người Tày ở một số vùng Lạng Sơn, Cao Bằng). Ngày 23 tháng chạp, với người Tày diễn ra bình thường như các ngày giáp tết khác. Tâm lý chung ở họ những lúc này là chờ đợi con cháu đi công tác xa về ăn tết với bố mẹ gia đình, dù nhà có nghèo cũng phải chuẩn bị cho được vài cân gạo gói bánh, mổ một con lợn nhỏ, mỗi người có bộ quần áo mới để con cái khỏi tủi thân với làng xóm. Cho nên tết không chỉ là ngày vui xum họp đông viên của cả cộng đồng mà còn là dịp nhà nghèo tự mình gạt bỏ những gì buồn tủi để vượt lên.

Ngày 29 và 30 Tết:

Ngày hai mươi chín gần như các nhà Tày đều mổ lợn. Ngày mổ lợn và gói bánh rất vui, ai đi đường nghe tiếng lợn kêu không ngớt vọng ra từ nhà sàn quanh các chân đồi cũng thấy rộn rục, dù biết không khí tết ở làng bản mình năm nay như thế

nào. Trước khi mổ lợn, con cháu đến mời ông bà họ hàng thân thích, rằng: Ngày mai nhà cháu mổ lợn làm nhân bánh tết, bố mẹ cho cháu đến mời ông bà (hoặc chú, bác, cô, cậu...) mười giờ sáng mai (hoặc năm giờ chiều) sang chơi uống rượu. Người được mời nhận lời hoặc vì lý do nào đó không đến được thì có lời lẽ cảm ơn. Riêng ông bà, con cháu phải tới tận nhà đón; khi xong, con cháu lại đưa ông bà trở về. Bữa tiệc mổ lợn tết có thể nói là bữa cơm ngon nhất, vui nhất trong những ngày tết của gia đình người Tày, bởi lẽ họ làm lung vất vả cả năm, bây giờ mới có lý do, có điều kiện “ngà cổ tươi” bằng chính sản phẩm lao động của mình, cái câu “miếng thân mềm đợi cha, miếng gan thơm đợi mẹ” được con cháu nhắc đi nhắc lại trong ngày mổ lợn tết ấy!.

Khi lợn được mổ, chủ nhà thường phân định các món chính như sau: thịt luộc, thịt quay, thịt nướng chả, thịt làm nem thính, thịt cuốn lá chanh. Ba món để ăn lâu dài được chủ nhà chú ý đó là mỡ rán, thịt hém và thịt lap. Thịt hém, loại thịt lọc bì, xương, mỡ, lòng riêng biệt, đem ướp muối mặn, cho nước mắm, hạt tiêu, một ít giềng; sau đó xào thật chín, để nguội, bỏ vào cong rượu nếp đã ủ sẵn, đảo đều. Cứ hai cân thịt thì một cân rượu sao cho nước rượu phủ kín thịt, bịt chặt sau một tuần là ăn được. Thịt hém để vài ba tháng miếng thịt

vấn đồ và thơm, tháng ba, tháng tư công việc đông
áng nhiều, người ta lấy măng sặt, măng vầu về
hầm với nước xương nước thịt hém ăn rất ngon.

Ngoài làm hém, người Tày còn làm thịt lạp để ăn
lâu dài. Thịt lạp là thịt chỉ thái bằng ba ngón tay,
ướp mắm, muối, riềng, tiêu, tưới vài chén rượu cho
thơm, đảo đều rồi cho vào chum, vại, bịt kín, sau
bốn năm ngày đem sâu thành từng sọc treo trên
gác bếp tránh được ruồi nhặng. Khi ăn thái nhỏ,
chế biến theo ý mình, miếng thịt vẫn thơm vẫn đỏ.

Làm bánh, cũng diễn ra trong ngày 29 tết. Bánh
chung, đặc sản ngày tết, người Tày chỉ gói bánh
chung tròn; chuyện kể rằng: Có anh con rể cuối
năm đến thăm bố mẹ vợ, bố vợ bảo: Từ tết này trở
đi, ta không ăn cơm lam, nhưng để khỏi nhớ cơm
lam, con làm cho ta một loại bánh. Vợ chồng anh
con rể nghĩ ngợi mãi, rồi quyết định làm loại bánh
bằng gạo luộc có nhân, gói bằng lá dong, dùng lạt
buộc tròn lại. Khi bánh chín đem bóc ra trông như
hình tấm cơm lam, có màu xanh mơn, thơm và
dẻo, người ăn chỉ việc lấy từng khúc lạt cắt thật
mỏng, rất tiện lợi. Vì thế ngày tết không ai làm
cơm lam mà tất cả đều gói bánh chung tròn (pềng
Tày). Ngoài bánh chung, ngày tết không thể thiếu
bánh nằng. Bánh nằng (pềng đấng) gói bằng gạo
nếp không có nhân, trước tết một tháng, người ta

lấy lá chít về luộc chín rồi ép vào cột nhà cho róc nước, ngày hai mươi chín tết, lấy gạo đem ngâm vào nước gio cây vừng đã chuẩn bị sẵn (gọi là gio nằng), rửa lá chít, gói cuốn tròn lại đem luộc. Mỗi chiếc bánh nằng chỉ to bằng ngón tay cái, dài hơn một gang tay, khi bóc lá chiếc bánh vàng ươm, thơm, dẻo, chấm đường ăn rất ngon miệng. Bánh trưng tròn và bánh nằng đều để được qua tuần tết không bị hỏng. Những gia đình có điều kiện còn làm thêm bánh giậm, bánh gai, các loại bánh bột như *khẩu si*, *péng khinh* đặt lên bàn thờ. Văn hóa ẩm thực ngày tết của người Tày thật phong phú, độc đáo.

Sang ngày ba mươi, công việc gần như hoàn tất, tùy theo phong tục tập quán từng vùng mà người ta chuẩn bị những gì còn thiếu, ví dụ: Họ Hà của người Tày Văn Chấn (Yên Bái) có nhánh cúng chay, có nhánh cúng tạp. Cúng tạp thì đã có thịt cá; còn cúng chay là chỉ có các loại rau trong đó không thể thiếu món rau róm - một loại rau mọc ven suối đá. Tục này bắt đầu từ câu chuyện đau lòng: Họ Hà tổ chức một bữa họp mặt dòng họ, khi các mâm cỗ xới thịt dọn lên thì có người báo còn thiếu món mọc cá²¹, người của một nhánh họ

²¹ Cá làm sạch để cả con, đập bột gạo nếp, măng, miến, củ sắn, măng tươi với quần là đem với chín, tiếng Tày gọi là mọc pía

Hà kéo nhau ra suối, một lúc sau tất cả nhìn thấy những người đi bắt cá khiêng về một đồng rất nặng, ai cũng vui ra mặt vì vợ được con cá to. Khi người khiêng về đến cổng mới biết đó là một người đàn ông trong họ mái mề bắt cá bị đá sập chết. Từ mỗi hạn đó, nhánh họ Hà đi bắt cá kia thế không cúng thịt cá trong chiều ba mươi tết và ngày mồng một tết.

Công việc trang trọng nhất trong ngày cuối năm cũ là bày trí bàn thờ. Do là nông thôn, lại ở nhà sàn, người Tày không có thói quen lập bàn thờ tổ quốc hay mâm ngũ quả như người Kinh mà bày đặt tất cả đồ thờ lên bàn thờ gia tiên và bàn thờ thổ công.

Trang trí nơi này thờ cúng tổ tiên ngày tết thường có ba cấp, trên cùng là lư hương thờ Cao, Tàng tổ, cấp thứ hai thờ cụ, ông bà, cha mẹ của chủ nhà đã quá cố, cấp thứ ba dành để con cháu đặt lễ vật. Sàn dưới cùng trải chiếc chiếu rộng nơi chủ nhà đứng cúng và con cháu vào lễ. Sự sắp xếp đó lệ tùy theo ý của chủ nhà và tập tục mỗi nơi, ví dụ, người Tày Lục Yên thì mỗi mâm có năm bát, năm đôi dưa, năm chén rượu tượng trưng cho cha mẹ và những người bằng vai; nhưng người Tày Văn Chấn mỗi mâm chỉ đặt hai, tức là chỉ thờ cấp cụ ông cụ bà, ông bà, cha mẹ. Trên bàn thờ bao giờ

cũng có chùm hoa gió cắm vào một khoanh cây chuối bằng gang tay tượng trưng cho lòng thơm thảo của con cháu hai bên bàn thờ, người già nói đó là gậy để người xưa đi về. Gia đình nào phú quý sẽ treo hai câu đối bằng chữ nho hoặc bộ tranh Tây cổ. Sau đó chủ nhà ra vườn cắm cây nêu (co mạy) bằng tre hoặc nứa có ngọn vắt qua chuồng trâu chuồng dê với ý rằng những ngày tết trâu bò dê ngựa đã có bùa hộ mệnh.

Chiều ba mươi tết công việc hoàn tất, chủ nhà đặt mâm lên bàn thờ cúng tổ tiên rồi thư thái cùng gia đình quây quần bữa cơm tất niên.

Trước giờ thiêng liêng, chủ nhà đánh thức tất cả người nhà dậy sắp một hai cỗ cúng, cỗ cúng giao thừa đơn giản, chỉ có ván gà, hoa quả bánh trái, rồi thắp hương nơi bàn thờ tổ tiên, bàn thờ thổ công, cửa bếp, cửa ra vào, nơi máng nước, ngoài vườn, rồi đốt một bó dóm to (pó páy) đem ra cổng nhà phía sau đặt xuống để dóm tự cháy, ý là để có vị tiên tổ nào đi lạc lối thì cứ theo ánh lửa này mà về ăn tết với con cháu. Như vậy giờ phút giao thừa không chỉ thiêng liêng với người sống mà theo quan niệm của đồng bào Tây, còn có sự "trở về" quây quần bên nhau giữa người sống, tổ tiên và cả các vị thần linh có công có đức với con người.

Tín hiệu giao thừa với người dân Tày xưa kia hoặc ở nơi hẻo lánh chủ yếu dựa vào sự phỏng đoán qua canh gà gáy hoặc tiếng sấm, tiếng trống, chiêng phát ra từ nhà tù trưởng, sau này là trường bản, khi có tiền mua pháo đốt, rồi có đồng hồ, có đài nghe lời chúc tết của Bác Hồ thì độ thiêng liêng tăng lên gấp nhiều lần. Lúc này tất cả các cửa sổ nhà sàn đều được mở toang, chủ nhà hoặc vài ba người trong nhà ngồi bên bếp lửa đỏ hồng mở chai rượu cùng uống, nói chuyện gia đình vui vẻ. Sau giờ phút giao thừa ấy, chủ nhà ra sàn (*hạn khuống*) quan sát trời đất để đoán biết thiên thời trong năm mới này sẽ diễn ra theo hướng nào, chẳng hạn nếu sáng trời, làm ăn sẽ khó, để hạn hạn, có tiếng sấm thì thời tiết thuận hoà, hoa màu tươi tốt, nghe tiếng thú rừng (hươu, nai, hổ...) kêu thì năm đó có giặc dã, dịch bệnh...

Ngày mồng một:

Bốn giờ sáng chủ nhà đã gọi người nhà dậy sắp cỗ cúng. Cỗ cúng sáng mồng một phải làm thật trang trọng nghiêm túc, sắp từ năm đến chín mâm, nhà họ lớn có tới mười ba mười lăm mâm. Mâm cúng lót lá chuối, chỉ hai ba món ăn chừng một hai gấp dừa, có bát, đĩa, chén rượu, và cũng chỉ đặt nơi bàn thờ tổ tiên và bàn thờ thổ công. Khi có tiếng gà dao dòi ra chuồng (khoảng năm giờ sáng) chủ

nhà đứng trước bàn thờ gia tiên vái ba vái rồi khăn
bằng tiếng Tây : *Lục lan khăm nung nong ngái
kiêng lục lam búa tả vầy đại búa hai phải cháu,
những mi tham thíp ni thì thíp chay, pi toong rong
cà pi duốc phuốc mẩn ỏi cáy nọi tưng vì cuối rằm
rì ruối nhạc mi mịt keo cang, hang kéo của, phẩn
hả mác giác hả kin, kin xong cùng cuôm ma lúc ao
lai chấp hả đảy khảy hà thảng, đảy hua pi mi con
thiếu, puồn hà cả cả hà li.*

Dịch nghĩa, đại ý: Hôm nay là ngày mùng một tết,
năm mới trong lành, con cháu có thịt có bánh trái,
có cơm có rau mời thập tổ tiên. Tổ tiên về ăn uống
no say rồi phù hộ độ trì cho con cháu có sức khỏe,
làm của của ra, làm nhà nhà chắc, đi bán đi buôn
gặp nhiều may mắn...

Sau khi cúng tổ tiên và thổ công, chủ nhà thắp
hương thờ thần bếp, thần lửa, thần cầu thang, thần
máng nước, thần vườn cây... Người Tây ở Việt Bắc
còn có tục, sau giờ cúng tổ tiên mọi người ra suối
gánh nước về nhà thắp hương với ý nghĩa của cái
về như nước! Ngày mùng một được xem như ngày
kiêng tuyệt đối: không mắng chửi, không làm đồ
vỡ, không quét nhà, không đi nhà hàng xóm (trừ
việc con cháu đến lễ tết bố mẹ vào buổi chiều).
Nếu chẳng may ai đó “phạm” phải các điều kiêng
trên coi như người đó và nhà chủ đó gặp “rông” cả

năm. Không ai muốn để cái rui kia xảy ra nên mọi người ai cũng ra sức giữ gìn. Sau bữa cơm chiều ngày mồng một, làng xóm anh em họ hàng bắt đầu đi chúc tết nhà nhau, cứ thế kéo dài đến hết ngày mồng ba. Việc cúng lễ cũng chỉ làm một ngày một lần và kéo đến hết ngày mồng năm tết (gọi là tuần tết).

Cũng như nhiều dân tộc, người Tày rất mến khách, ngày tết, bất cứ có ai đến chủ nhà cũng dọn mâm mời khách. Mâm cỗ đơn giản, chỉ chai rượu, vài ba đĩa thức ăn, dăm sải bánh chưng, có thể khách không muốn ăn vẫn cứ phải ngồi mâm uống với chủ nhà chén rượu xuân và gắp một vài món ăn mà mình ưa thích như dưa hành, nem thính, chả cuốn lá chanh... Như thế cả chủ nhà và khách đều vừa lòng. Trước đây nông thôn nghèo ngày tết người Tày không có tục phát vốn mừng tuổi bằng tiền cho trẻ con, cho người già như bây giờ, có chăng chỉ là lời chúc kèm theo tấm bánh quả cam nhưng tình cảm thì thật là thân thiết.

Ngày mồng bốn, mồng năm bà con họ hàng ở xa mới đến thăm nhau, trẻ con đến thầy cô giáo, thanh niên thiếu nữ đi chơi hội. Hội chơi xuân thường do thanh niên làng hoặc xã tổ chức trong đó có các trò vui: thi leo đồi, bắn nỏ, quay đu giồng, kéo co, đánh yến, ném còn... Ngoài các

trò chơi dân gian là những cuộc vui hát Sli, lượn, khắp nôm, khắp then, hát giao duyên rất đậm sắc dân tộc. Các cụ già và tuổi trung niên trong bộ áo váy chàm có quần xà tích tụ tập kéo nhau đến một vài gia đình nào đấy từng nhóm, từng tốp khách hát đánh tiếng từ xa, chủ nhà hát mời vào cổng, hát mời rửa chân, hát mời lên nhà sàn, hát mời nói chuyện, hát quanh mâm rượu. Cứ thế nhóm chủ - khách (do họ tự tham gia) đối đáp hết nội dung này đến nội dung khác, suốt buổi, suốt ngày sáng tối. Vừa hát vừa múa xòe, xòe nhạc, xòe đậm, xòe khăn, có đàn tính, sáo tiêu làm nhạc đệm. Cuộc vui tới lúc nào đó, cả nhóm lại kéo tới nhà khác. Cứ như vậy...

Đây là bài Chúc tết (*châm chiêng*) mà người Tày Yên Bái thường hát.

Khâm nặm li pi mầu

Po piêng me dú hươu tượng cây theng

Dú hêng tượng cây thuôn

Khâm nặm li pi mầu

Po piêng me dấy thẩu dấy kẻ thêm

Đấy kẻ tượng bjoóc mần

Khâm lai ta quá lai mường

Mần pên mây ctrang kéo thủ lằm

*Mắn pên hìn phổng ta tàu nặm
Hệt cộc hầu lục lan tằm
Kheng pên khừ hầu lục lam kheo*

Dịch nghĩa:

*Năm mới
Chúc ông chúc bà có sức như con gà sống
Khỏe mạnh như gà rừng
Bước sang năm mới
Chúc ông bà tuổi già sống lâu thêm
Tóc trắng như hoa bống
Dầu bạc như hoa mạn
Có sức khỏe vượt nhiều khe qua nhiều làng
Ông bà vững như cây cổ thụ trước gió
Chắc như hòn đá tảng giữa sông
Như cột trụ vững bền cho con cháu bằm
Như sà nhà vững chắc để con cháu tựa²²*

Còn các thanh nam thanh nữ thì lại khác, có nhóm kéo đến nhà nhau vui hát nhưng là ban đêm, hát

²² Bài này do Đoàn Thanh (Lao Cai) sưu tầm và dịch.

thâu đêm, rất khuya nhóm bạn gái mới về nhà hoặc kéo nhau tới một nhà bạn gái nào đó ngủ đến sáng. Còn ban ngày các thanh nam thanh nữ thường hát đối đáp ở ngoài đường, nơi tổ chức vui chơi, chân đôi cây, tràn ruộng cạn. Hát rằng:

Bươm chiêng pay tức yến ná đơn

Pay tức côn nã lẹng

Lăng yến mũa tang ngãi

Lăng côn mũa tang pư

Tức yến tức cầu đơn

Tức côn tức cả tông

Puôm lai, chớ dặng noong pặc mừ

Than pì bầu ngoái ná

Bươm chiêng pay tọt côn

Mự chiêng pay tọt yến

Lăng côn lăng tao lăng mã

Lăng yến lăng tao lăng tao

Tức côn muốm lữm pư

Tức yến muốm lữm nôn

Tức côn khừn pui pui lè thời

Tức yến khừn pui pui lè dặng

Điếp căn hẹn pi lăng coi chấp

Dịch nghĩa:

Ngày tết ta đánh yến ruộng cao

Ngày xuân ta tung còn ruộng thấp

Đánh yến quên cả cơm

Tung còn quên cả bữa

Đánh yến vượt chín cánh đồng

Tung còn vượt mười bãi ruộng

Tan hội, ta vẫy tay mình vẫn quay đi

Ngày tết ta tung còn

Ngày xuân ta đánh yến

Còn chiếc đi chiếc lại

Yến chiếc tới chiếc lui

Tung còn vui quên ăn

Đánh yến vui quên ngủ

Tung còn qua ngọn với mới thôi

Đánh yến qua ngọn tre mới nghỉ

Yêu nhau ta hẹn gặp lại vào năm sau

Ngày xuân (Hìn xuân)²³

Cũng có những bài hát từ cuộc vui xuân trai gái
gặp gỡ giao duyên theo kiểu nửa đùa nửa thật:

Trai:

*Anh như chim én bay liệng mấy táng mây
Gặp nàng đây anh hỏi thăm nhà cửa
Nàng ơi, gốc chuối nàng chưa có gai đâu chứ
Gốc cau nàng đã có cành hay chưa ?
Nàng chưa có chồng thì nàng xin thưa
Nàng có nơi rồi nàng cho anh rõ
Có chôn, anh xin thôi
Chưa nơi, anh xin mời cùng anh vui hát.*

Gái:

*Gốc chuối, em chưa có gai chàng ơi
Gốc cau em chưa có nhánh
Phận gái, mẹ cha chưa đặt em ở đâu
Ngày nào chuối đặt giàn, bếp có sân
Trầu thiến biết để, em mới nên dâu nên vợ...*

²³ Đoàn Thanh sưu tầm và dịch

Lời hát ướm hỏi như thế nhưng làm nhiều đôi trai gái Tây phải lòng nhau để rồi ngay trong năm đó họ nên vợ nên chồng.

Ngày mồng sáu tết, kết thúc tuần tết, chủ làng (trưởng bản) chủ trì lễ hội lên nương xuống đồng (*lồng tồng*), không khí ngày tết, ngày vui hát lượn vãn rộn rục trẻ, già, trai thanh gái lịch, váy đen, áo chàm xanh, mỗi nhà một mâm lễ vật (chỉ là bánh trái hoa quả) kéo về nơi tổ chức lễ hội, có thể là cánh đồng làng.

Cách bày biện trang trí tùy theo quan niệm của Ban tổ chức nhưng không thể thiếu cây nêu lớn, các lễ vật như ván gà trống, bánh trái hoa quả được xếp đặt bên ban thờ vị Thần Nông. Đến giờ, vị chủ lễ hội (thường là người cao tuổi có uy tín ở làng) gióng lên hồi trống mời dân làng tề tựu quanh cây nêu, vị chủ lễ quay về phía ban thờ Thần Nông lạy ba lạy rồi khấn; lời khấn cầu mong ông Thần Nông phù hộ để năm nay mưa thuận gió hoà, cây cối hoa màu không gặp sâu bọ "cầu mùa hơn mùa cũ, cầu vụ hơn vụ xưa, mùa vụ này tươi tốt hơn mùa vụ trước". Đoạn, hai cô gái đẹp khiêng một bình cây non xanh mơn mơn đặt dưới chân cây nêu, vị chủ lễ lấy nước trong ống tre (*ống bưng*) tưới lên cây và té nước vào những cây cối mọc xung quanh thung lũng. Sau lễ cầu Thần

Nông, trưởng bản tuyên bố rằng, hôm nay tiếp tục vui chơi thoả thích, ngày mai nhà nào nhà nấy lên nương xuống ruộng tuỳ theo công việc của mỗi gia đình.

Người Tày Cao Bằng, Lạng Sơn có lễ hội Hằng Nga (Nàng Trăng) tổ chức vào cuối tháng ba âm lịch, lễ hội này cũng có nhiều nét giống nội dung của lễ hội Lồng tồng nhưng sâu rộng hơn, lời hát phong phú hơn.

Lễ hội Lồng tồng mồng sáu tháng giêng được xem như kết thúc “cái tết” đối với người Tày nhưng các sinh hoạt chơi xuân còn kéo dài qua rằm tháng giêng đến tết Đoan Ngọ (tết Nguyên Đán nhỏ) vào ngày 29 và 30 tháng giêng. Sau tết Đoan Ngọ, người người, nhà nhà mới thực sự bắt tay vào công việc mùa màng, để rồi mười tháng sau lại hào hứng chuẩn bị cho một cái tết mới.

Yên Bái, tháng 7/1999

Tết của người Thái ở Mai Châu (Hòa Bình)

Nguyễn Hữu Thức

I- Vài nét về người Thái huyện Mai Châu (Hòa Bình)

Mai Châu là huyện miền núi nằm ở phía Tây tỉnh Hòa Bình. Xưa kia Mai Châu có tên là Mường Mai, Mường Mùn.

Địa hình Mai Châu có nét riêng. Năm 1979, ký giả Hoàng Bình Chính viết sách *Hung Hóa phong thổ lục*, đoạn viết về Mai Châu như sau: "Đất Châu Mai địa thế dài như dải áo, hai bên núi đá dựng đứng, dân ở vào giữa, đất đai màu mỡ, nhân dân trù mật, ruộng cấy được cả vụ chiêm và vụ mùa".

Mai Châu diện tích tự nhiên rộng 611km², dân số gần 4 vạn người và là địa bàn cư trú của 6 dân tộc (Thái - Mường - Việt - H'mông - Dao - Hoa) nhưng người Thái là cư dân chính chiếm 70% dân số toàn huyện.

Người Thái ở Mai Châu mang sắc thái văn hóa riêng không giống như tộc người Thái đen, Thái trắng ở vùng Tây Bắc nước ta. Tổ tiên người Thái Mai Châu ở Mường Hước Phước Khả vùng Bắc Hà, thiên di đến đất Mai Châu theo đường sông, xuôi sông Hồng tới ngã ba Bạch Hạc thì ngược sông Đà đến suối Rút rẽ vào thung lũng Mường Mai, cách nay khoảng 6 thế kỷ. Trải qua nhiều đời khai hoang mở đất đến đầu thời Lê, Mường Mai được triều đình đặt tên là Châu Mai.

Tìm đến vùng đất mới để sinh tồn, tổ tiên người Thái Mai Châu đã diễn ra cuộc tiếp xúc liên tục với các dân tộc bản địa ở trong vùng, nhất là tiếp xúc với người Mường. Do vậy, văn hóa Thái Mai Châu chịu ảnh hưởng nhiều các yếu tố văn hóa của người Mường Bì (huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình) thể hiện khá rõ ở các sinh hoạt ăn, ở, mặc như nhà sàn kiểu Mường, ăn vận gần với người Mường Bì, tục uống rượu cần, xem ngày tốt xấu

theo lịch Đoi của người Mường Bì v.v... Chính vì lẽ đó, một số nhà nghiên cứu dân tộc học đã chủ trương xếp người Thái Mai Châu thuộc nhóm Thái ảnh hưởng của văn hóa Lào và văn hóa Mường ⁽¹⁾.

II- Khau mờ là tết của người Thái ở Mai Châu.

Trước năm 1945, người Thái ở Mai Châu không ăn tết Nguyên đán như người Việt ở dưới xuôi. Thường trong năm, một lễ nghi lớn các gia đình chú ý là lễ cơm mới.

Lễ cơm mới (*Khau mờ*) khép lại chu trình sản xuất của một năm, mở ra một chu trình làm ăn mới. *Khau mờ* khác *Khau hạc* (ăn mừng cơm mới). Ăn mừng cơm mới gia đình người Thái nào một năm cũng làm hai lần, khi gia chủ ăn bát cơm chiêm, cơm mùa đầu tiên thì họ làm mâm cỗ cúng tưởng nhớ tổ tiên và ăn mừng sản vật nông nghiệp vừa thu được.

Còn lễ *Khau mờ* mỗi năm làm có một lần trong khoảng thời gian từ tháng chạp đến tháng ba (tức

⁽¹⁾ Xem: Lai lịch người Thái và người Thái đất Mai Châu - GS Đặng Nghiêm Vạn in trong Tìm hiểu văn hóa cổ truyền của

là kết thúc vụ mùa đến mở đầu mùa làm rẫy). Thu mùa xong anh em cùng chung cha mẹ họp nhau lại cắt cử người đứng ra làm tết. Nếu nhà có ba anh em thì thay phiên nhau mỗi anh cứ ba năm phải làm một lần. Nhà con một năm nào cũng phải làm.

Khác người xuôi, ngày tổ chức lễ cơm mới không thống nhất chung cho các gia đình Thái mà tùy thuộc vào hoàn cảnh của người được cắt cử làm lễ. Sau khi chuẩn bị chu đáo mọi mặt gia chủ chọn ngày lành tháng tốt để làm.

Ngày Khau mừ là niềm vui của cả cộng đồng dòng họ sống trong bản, trong Mường nhưng trách nhiệm lớn lao, vinh hạnh hơn cả là cô dâu trong gia đình đang cai làm lễ.

Từ tờ mờ sáng chủ nhà đã cho gọi anh em họ hàng đến. Cô dâu mang bộ quần áo lụa hoa dài màu vàng đỏ đến trước bàn thờ tổ tiên thay. Nơi ấy trong suốt năm cô dâu không được tới. Việc làm này có ý để cô dâu trình tổ tiên, xin phép về dự lễ.

Mặc quần áo xong cô đeo vòng bạc vào cổ tay, đeo túi thổ cẩm đựng đồ trang sức đáy có gắn hai răng nanh lợn rừng. Cô lấy thang leo lên gác với những bó lúa nếp hạt mảy vàng suộm xuống, đặt lên chõng tre. Mọi người cùng cô khiêng từ sân xuống đất. Cô dâu cất giọng mời mọi người nâng di. Từ sân xuống đất người khiêng phải tỏ vẻ nặng nhọc và nghỉ năm lần ý muốn trình tỏ tiên thấy con cháu làm được nhiều lúa, nhiều gạo.

Ông mo bày lễ dưới sân nhà. Cô dâu mang lúa đi xay giã thành gạo. Sau đó mang gạo ngâm nước lá *cong cầm* vò nát để có màu đỏ, màu tím. Muốn gạo có màu vàng ngâm nước nghệ còn muốn màu đen lấy hạt nếp cẩm, muốn có màu trắng để nguyên nếp cái. Trộn đều các thứ đó gạo có màu đỏ, tím, trắng, vàng, đen trông rất đẹp mắt, cô dâu cho vào chõ gỗ đổ. Xôi chín rở ra cô vừa cời, vừa quạt cho nguội. Tiếp theo, cô vớt từ chum ra những khúc cá muối chua lấy lá chuối gói cá chua với bột gạo ngoài buộc lạt. Lạt buộc lấy số lẻ (1-3-5-7-9) ⁽¹⁾. Lạt buộc phản ánh sự phân biệt thứ bậc dòng họ trong xã hội Thái xưa kia. Họ quý tộc

⁽¹⁾ Người Thái coi số lẻ là thuộc về bên ma. Vì vậy để cúng cho ma phải dùng lạt số lẻ.

đúng đầu là họ Hà Công bước 9 lạt, họ Hà Văn bước 7 lạt, sau là các họ thường dân. Cá chua đó chín cùng xôi đặt vào mâm cỗ.

Điều cần lưu ý là trong lễ cơm mới các gia đình nhất nhất đều phải lấy cá để cúng, ngoài cá là thịt chim, thú rừng khô. Ngày Khau hach cũng vậy.

Tục này người Thái giải thích bằng câu chuyện truyền miệng như sau:

"Vào thời người và vật còn biết tiếng của nhau, có vợ chồng nhà kia sau mùa thu hoạch muốn làm mâm cơm cúng. Đêm đó, vợ chồng bàn nhau mai bắt con gà mái đang nuôi con làm vật cúng. Gà mẹ nằm dưới chuồng biết vậy đánh thức các con dậy dặn rằng:

- Ngày mai, người hóa kiếp cho mẹ rồi nên mẹ chỉ còn ở với các con đêm nay thôi. Mẹ đi, mẹ thương các con lắm. Mẹ mong các con no đói quăn quít lấy nhau, con nào ngắn lông nằm trong, con nào dài lông nằm ngoài, chớ vì vắng mẹ mà anh em chia lìa nhau.

Nghe gà mẹ nói vậy, các con nức nở khóc. Người vợ biết chuyện mới tỉ tê với chồng:

- Các con vật no đói cùng ta bao ngày nay đến mùa thu hoạch chúng vui mừng đón đợi hạt lúa mới cũng như ta, lẽ nào ta lại giết chúng đi.

Người chồng thuận theo lời vợ không giết gà nữa. Sớm mai, hai vợ chồng cầm vợt ra suối xúc cá lấy thức ăn cúng tổ tiên. Tục kiêng giết vật nuôi trong nhà cúng tổ tiên trong lễ Khau hạch cổ từ đó".

Cá là vật không thể thiếu trong lễ Khau mở. Để chuẩn bị làm lễ các gia đình phải lo kiếm cá từ mấy tháng trước. Món ăn ấy đã đi vào đời sống văn học Thái. Tục ngữ Thái có câu:

Pay kìn pa, má kìn khâu

Tàu nón xưa, xiêu hôm phá

Nghĩa là:

Đi ăn cá đến ăn cơm

Đem ngủ đắp chăn nằm đệm

Người **khuất** bóng về mừng ma, hôn trắng trời lại qua lời mo:

Báu nhằm kham

Cầm khâu ón, tón pa khao

Nghĩa là:

(Người **chết**) chẳng còn mong

Được ăn miếng cơm dẻo, miếng cá trắng nữa

Mâm cơm cúng bày biện xong, ông mo sẽ làm lễ cúng gọi vía người đi xa về vui với con cháu. Đối với người Thái không làm giỗ vào ngày của người đã **khuất**. Hàng năm tất thấy đều nhân ngày *Khau hach*, *Khau mờ*, ngày làm vía cũng như các ngày lễ khác để mời người **khuất** về chia vui.

Trong dịp lễ cơm mới, ông mo kể chuyện xa xưa cho cả cộng đồng dòng họ nghe. Chuyện trời đất sinh ra như thế nào? Và người Thái múa giáo lên Mừng Bón, Mừng Trời chặt rẽ cây si quần tác hòng Bón, hòng Trời ra sao? Mờ được hòng Trời rồi, Trời nổi sấm cho muôn loài nghe. Trời tuôn nước cho muôn loài thấy, cho nước lênh láng khắp

bản Mường. Người Thái phải cho người xuống mua sắt của người Kinh về rèn thành rìu, mang rìu lên rừng chặt gỗ về làm đập, làm phai chặn nước lại. Rồi ông mo lại kể chuyện người Thái làm mạ, đi cấy, chăm lúa. Tóm lại, phải vất vả lắm mới có hạt lúa đem về nhà làm tết. Cho nên con cháu phải biết ơn công sức của người làm ra hạt gạo nuôi sống mình.

Mo *Khau mờ* là kho tàng bảo lưu nhiều tri thức dân gian. Nghe mo ta dễ dàng tìm thấy những kinh nghiệm sản xuất, những bài ca nông lịch như:

Tháng một hoa gạo chum dùi trống

Tháng hai cây tòng xoè hoa

Tháng ba cho nước vào mạ

Tháng tư tháng năm phải làm ruộng rồi

Mo *Khau mờ* còn thể hiện khát vọng của người Thái mong công việc làm ăn gặp nhiều may mắn, mong đời sống gia đình ngày càng sung túc. Họ ước:

Cắm cái máng nước gạo mong cho lợn béo

Cắm cái chổi mong cho được vịt được gà

Làm gì cũng tốt, nhờ gì cũng nên

Làm lúa hạt chắc như trứng con cua

Rạ dài như đuôi ngựa

Người Thái thấy muốn lấy làm giống gieo ruộng

Người Xá thấy cũng muốn lấy làm giống gieo ruộng

Tước bỏ những đoạn nặng về nghi lễ tôn giáo, phân còn lại của mo *Khau mớ* là kể chuyện bằng văn vần, thông qua những hình tượng bay bổng, kỳ vĩ đã ca ngợi công cuộc đấu tranh liên tục của các thế hệ người Thái từ xưa đến nay nhằm biến đổi tự nhiên xây dựng cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn.

Lễ cơm mới là ngày vui chơi giải trí. Trẻ em tụ tập đánh lè, trò chơi rất phổ biến ở các em 9 đến 15 tuổi. Các em dùng mảnh gỗ hình bán nguyệt để cách xa 2,5 mét dùng chân đá hạt lè vào gỗ. Động tác nâng dần từ dễ đến khó, giúp các em nhanh

tay, nhanh mắt. Ngoài ra các em trai chơi đánh quay, đánh khăng v.v...

Chờ khi ông mo cúng tổ tiên xong, các em lại là người được ưu tiên phá cỗ trước mọi người. Vừa ăn các em vừa reo hò vui vẻ. Nhà nào làm *Khau mừ* không có nhiều trẻ em đến ăn cỗ làm vui coi như lễ năm ấy không tốt, năm sau phải tổ chức lại chu đáo hơn.

Còn ở đầu chái nhà sàn, các thiếu nữ Thái cảm chày theo nhịp của người cầm cái, các cô diễn lại động tác giã gạo. Cùng với tiếng kẻ mo đều đều là tiếng trầm bổng của chày đánh máng có lót rơm ở dưới và tiếng thập thịch của những bước chân cô gái nhún nhảy.

Suốt thời gian lễ mọi người nói với nhau những lời tốt đẹp. Tối đến các thành viên trong họ ngồi vào mâm cơm. Trước lúc ăn, cô dâu gói ít cá, ít cơm mang cho các vật nuôi trong nhà, đặc biệt mang cho con trâu, con vật vại và cùng người bao lâu để có hạt lúa. Mọi người ngồi ăn. Rượu nhắm với thịt thú rừng khô. Xôi nhuộm màu có mùi thơm cay của gừng. Chỉ cần mở gói lá ra ta cảm nhận ngay

hương vị vừa béo, vừa thơm, vừa bùi, vừa đậm ngọt của cá ướp chua đồ chín.

Cuộc rượu đang nồng, mâm hát được khơi lên. Các cây khắp nam, khắp nữ hát đối nhau cho đến tận sáng. Cô đầu quán chùng áo dài đi lại mời khách thể hiện tài giao tiếp của mình.

Lễ cơm mới đầu chỉ diễn ra có một ngày một đêm và bó hẹp trong sự quản tụ của một dòng họ nhưng ngày đó là niềm vui trọn vẹn nhất của mọi nhà trong họ, trong mừng sau một năm làm ăn vất vả để nghỉ ngơi vui chơi, để chế biến sản phẩm nông nghiệp, để tỏ lòng thành kính với tiên tổ. Ngày ấy là khoảnh khắc giao cảm của mùa cũ và mùa mới, giao cảm giữa trời và đất, giao cảm giữa cõi sống và cõi chết. Cái khoảnh khắc tạo ra sự linh thiêng gắn bó các thành viên trong cộng đồng vào với nhau để cùng hướng đến những điều tốt đẹp đặt ra trước cuộc đời của mỗi con người Thái.

III- Tết Nguyên đán của người Thái Mai Châu

Xưa kia người Thái Mai Châu không có tục ăn tết Nguyên đán như người Việt, người Mường ở cạnh. Nhưng cộng đồng Thái cũng đã chịu ảnh hưởng ít

nhiều. Vào dịp tết Nguyên đán, người Thái kiêng không đi làm trong 3 ngày 29 - 30 tháng chạp và mồng 1 tháng giêng.

- Ngày 29 tết, các gia đình người Thái có tục ăn cơm xong không rửa bát đĩa.

- Ngày 30 tết, các gia đình đều mổ gà làm mâm lễ cúng tổ tiên (*phi hươn*). Riêng các thầy *mo*, thầy *mùn* làm cỗ to hơn các nhà thường dân, và họ thức suốt tối 30 tết, cúng ông tổ truyền nghề làm *mo*, *mùn* để họ biết cách hành lễ trong các nghi thức tôn giáo của người Thái, gọi là cúng *phi táy* (cúng tổ nghề). Đợi đến thời khắc giao thừa, các *mo*, *mùn* làm lễ cúng tuần cuối và ra dấu hỏi nhà gọi dấu nước nóng lá sả và quả bồ kết, coi việc lễ *phi táy* là hành động biểu hiện tưởng nhớ đến tổ nghề và tâm niệm thực hành nghề tốt hơn, giữ cho được đạo đức nghề nghiệp bậc thầy mình truyền dạy. Sau đó, các *mo*, *mùn* đi lấy nước sớm về cúng tổ tiên.

- Ngày mồng 1 tết, làng bản Thái rộn ràng nhà nọ gọi nhà kia; ông bà, bố mẹ dẫn con trẻ đi ra bên nước và các mỏ nước gần bản để rửa mặt và tắm gội thân thể. Người Thái truyền với trẻ con rằng:

sáng sớm mồng 1 ông trời sẽ mọc ra cái mâm nước, nếu ai ra bến nước sớm sẽ được ăn mâm nước của trời (*cám phạ*) năm đó sẽ khoẻ mạnh, làm ăn gặp nhiều may mắn, của cải đầy nhà. Dân ca Thái có câu:

Dậy đi bè

Dậy đi nhanh ra bến

Ra bến được bạc nèn

Ra bến được bạc vàng

Ra bến được bạc trắng ...

Hiện nay, do ảnh hưởng của người Việt, người Thái ở Mai Châu đã hình thành tục ăn tết Nguyên đán, lễ cơm mới và lễ đón mừng năm mới đã nhập với nhau làm một. Ngày tết vừa mở đầu một năm mới, vừa mở đầu một mùa làm ăn mới. Ngày tết Nguyên đán nghỉ dài ngày hơn từ 29 tết đến mồng 4 tết. Vài ba hộ trong bản rủ nhau ăn đựng lợn. Mâm cúng gia tiên ngoài cá, thịt thú rừng có thêm các món ăn mới như thịt lợn, thịt gà, bánh trái. Thanh niên nam nữ có tục đi chơi chợ tết vào phiên cuối năm. Những ngày nghỉ tết bạn bè thân

hữu, họ hàng nội ngoại đến chơi thăm nhà nhau tổ chức ăn uống vui vẻ. Nhiều gia đình có tục trang trí bàn thờ gia tiên trong đó có sả đôi cây mía dựng bên bàn thờ ông bà. Ngày mồng 2 tết, các đôi vợ chồng trẻ đi thăm chúc tết bên bố mẹ vợ và họ ngoại (*lùng ta*). Mồng 3 tết một số gia đình gọi con cháu đi ra nghĩa địa thăm viếng và phát quang mộ tổ tiên. Như vậy, có thể thấy những yếu tố văn hóa thờ tổ tiên của người Việt, người Mường đã ảnh hưởng vào sinh hoạt tết Nguyên đán của người Thái Mai Châu.

Trong các buổi ăn tết ở nhà nhau, nhiều sinh hoạt văn hóa Thái được cộng đồng khích lệ tổ chức như:

- *Xoè vòng*: trai gái nắm tay nhau tạo thành vòng tròn nhảy trên sàn nhà hoặc dưới sân.
- *Xoè trống chiêng*: treo trống, treo chiêng dưới đầu nhà sàn, một hoặc hai chàng trai vừa đánh trống đánh chiêng vừa nhảy múa.
- *Keng lóng*: các cô gái Thái cầm chày gỗ đứng hai bên máng giã lúa họ gõ chày vào lòng và thành

máng theo nhịp điệu nhất định do người cầm chày cái điều khiển.

Con gái Thái khá bạo dạn khởi dụng các trò vui trên. Các cụ ông, cụ bà vui uống rượu trong nhà thì bày mâm hát đối đáp (*khắp tua*) cho tới tận đêm khuya mới về.

Quá trình tiếp xúc và biến đổi tự nhiên văn hóa giữa các tộc người đã và đang làm cho phong tục tết của người Thái ở Mai Châu phong phú và đa dạng hơn, nhằm đem đến cho họ niềm vui tươi, sáng khoái, vững tin vào năm mới có nhiều điều tốt đẹp cho mỗi cá nhân và cộng đồng.

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh, *Tìm hiểu phong tục Việt Nam*, Nxb Thanh niên, H. 1992.
2. Phan Kế Bính, *Việt nam phong tục*, Phong trào văn hóa xuất bản, Sài Gòn, 1972.
3. Đoàn Văn Chúc, *Văn hóa học*, Nxb Văn hóa Thông tin, H. 1997.
4. Ngô Văn Doanh, Vũ Quang Thiện, *Phong tục các dân tộc Đông Nam Á*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H. 1997.
5. Nguyễn Hữu Hiệp, *Dân ta ăn tết*, Nxb Tp Hồ Chí Minh.
6. Trần Cao Sơn, *Lễ hội cổ truyền Lào Cai*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H. 1999.
7. Đặng Nghiêm Vạn, *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, H. 1972.
8. Đinh Vũ, Nguyễn Thị Ngân Bình,... *Cách làm mứt, kẹo, ô mai*, Tạp chí Nội thương xuất bản, H. 1988.
9. Lê Trung Vũ (chủ biên), *Tết cổ truyền của người Việt*, Nxb Văn hóa Dân tộc, H. 1999.
10. Hữu Ngọc - Barbara Cohen, *Tet neues jahr in Vietnam*, Nxb Thế giới, H. 1997.